

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH ĐẠI HỌC KẾ TOÁN
(Theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Thanh Hóa, tháng 4 năm 2021

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KẾ TOÁN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1417/QĐ-ĐHHD ngày 21 tháng 9 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

TT	Họ và tên	Chức vụ, Đơn vị công tác	Chức danh Hội đồng	Chữ ký
1.	TS. Lê Hoàng Bá Huyền	Phó Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2.	ThS. Lê Thị Hạnh	TP. ĐBCL&KT	P. Chủ tịch TT	
3.	TS. Lê Quang Hiếu	Trưởng khoa KT-QTKD	Phó Chủ tịch	
4.	TS. Lê Huy Chính	Phó trưởng khoa KT-QTKD	Ủy viên trực	
5.	PGS.TS Đậu Bá Thìn	Trưởng phòng QL Đào tạo	Ủy viên	
6.	TS. Ngô Chí Thành	TP. QLKH&CN	Ủy viên	
7.	TS. Phạm Anh Giang	TP. KH- Tài chính	Ủy viên	
8.	ThS. Thiều Minh Tú	TP. Tổ chức - Cán bộ	Ủy viên	
9.	ThS. Nguyễn Đức Long	TP. QT, VT- TB	Ủy viên	
10.	TS. Lê Thanh Thủy	GD. TT TT- TV	Ủy viên	
11.	TS. Phạm Văn Hiền	TP. Công tác HSSV	Ủy viên	
12.	ThS. Phạm Chí Công	TP. HCTH	Ủy viên	
13.	ThS. Lê Thị Thắng	Kế toán trưởng	Ủy viên	
14.	TS. Lê Thị Minh Huệ	Trưởng BM Kế toán quản trị	Ủy viên	
15.	TS. Ngô Việt Hương	Trưởng bộ môn - TCNH	Ủy viên	
16.	TS. Nguyễn Thị Thu Phương	Trưởng bộ môn KTTC	Ủy viên	
17.	ThS. Nguyễn Thị Nhung	Phó Trưởng bộ môn KTQT	Ủy viên	
18.	ThS. Lê Thị Diệp	Giảng viên	Ủy viên	
19.	Nguyễn Thị Hoàng Anh	Sinh viên K21C ĐH Kế toán	Ủy viên	
20.	TS. Lê Thị Hồng	Phó Trưởng BM Kế toán TC	UV- Thư ký	
21.	KS. Lê Thị Hà	Chuyên viên P. ĐBCL&KT	UV- Thư ký	

(Ấn định danh sách gồm 21 thành viên)

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	vi
DANH MỤC BẢNG, BIỂU	xii
PHẦN I. KHÁI QUÁT	1
1.1 Đặt vấn đề.....	1
1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá.....	1
1.1.2 Phương pháp đánh giá	3
1.2. Tổng quan chung	4
1.2.1. Tổng quan chung về Trường Đại học Hồng Đức.....	4
1.2.2. Tổng quan về Khoa KT-QTKD.....	9
1.2.3. Tổng quan về ngành Kế toán.....	10
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	13
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT).....	13
<i>Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.</i>	13
<i>Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.....</i>	18
<i>Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.....</i>	21
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT	23
<i>Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật.....</i>	23
<i>Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.....</i>	27
<i>Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận</i>	30
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	32
<i>Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.....</i>	32
<i>Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.....</i>	35
<i>Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp</i>	38

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học	44
<i>Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến đến các bên liên quan</i>	44
<i>Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.....</i>	47
<i>Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.....</i>	50
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học.....	53
<i>Tiêu chí: 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.</i>	53
<i>Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học</i>	57
<i>Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.....</i>	59
<i>Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập</i>	62
<i>Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.....</i>	65
Tiêu chuẩn 6 : Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	67
<i>Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....</i>	67
<i>Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/ người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng.....</i>	71
<i>Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.....</i>	75
<i>Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và đánh giá.....</i>	77

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó80

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....82

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng....85

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên88

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng88

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.....91

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.....93

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó96

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....98

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học100

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật101

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.....103

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.105

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.....109

Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.113

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	115
<i>Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....</i>	<i>116</i>
<i>Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....</i>	<i>118</i>
<i>Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....</i>	<i>120</i>
<i>Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....</i>	<i>122</i>
<i>Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.....</i>	<i>124</i>
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	127
<i>Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình</i>	<i>128</i>
<i>Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.....</i>	130
<i>Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra</i>	132
<i>Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học</i>	<i>134</i>
<i>Tiêu chí 10.5 Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.....</i>	<i>138</i>
<i>Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên có liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.....</i>	<i>142</i>
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra.....	146
<i>Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....</i>	<i>147</i>
<i>Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i>	150
<i>Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i>	152

<i>Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i>	<i>156</i>
<i>Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên có liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh</i>	<i>159</i>
PHẦN III. KẾT LUẬN	163
PHẦN IV. PHỤ LỤC	184

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nghĩa đầy đủ
BM	Bộ môn
Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
BTL	Bài tập lớn
CĐR	Chuẩn đầu ra
CNTT	Công nghệ thông tin
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
CSVCh	Cơ sở vật chất
CVHT	Cổ vấn học tập
ĐCCT	Đề cương chi tiết
ĐT	Đào tạo
GDĐH	Giáo dục đại học
GV	Giáo viên
HP	Học phần
HSSV	Học sinh sinh viên
MC	Minh chứng
NCKH	Nghiên cứu khoa học
QLKH	Quản lý khoa học
QTKD	Quản trị kinh doanh
KLTN	Khoá luận tốt nghiệp
KT-QTKD	Kinh tế - Quản trị kinh doanh
SV	Sinh viên
TC	Tín chỉ
TL	Thảo luận

DANH MỤC BẢNG, BIỂU

Bảng 6.1. Thống kê đội ngũ giảng viên ngành Kế toán trong 5 năm	69
Bảng 6.2. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu ngành	70
Bảng 6.3. Số lượng giảng viên của ngành Kế toán.....	71
Bảng 6.4. Tỷ lệ người học/giảng viên của ngành	72
Bảng 6.5. Thống kê đội ngũ cán bộ - giảng viên khoa KT - QTKD	78
Bảng 6.6. Số lượng GV ngành Kế toán tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, dài hạn giai đoạn 2016 – 2020	81
Bảng 6.7. Kết quả đánh giá xếp loại giảng viên của CTĐT giai đoạn 2016 - 2021	84
Bảng 6.8. Kết quả thi đua, khen thưởng GV của CTĐT giai đoạn 2016 - 2021 ..	84
Bảng 6.9: Bảng thống kê các công trình nghiên cứu khoa học do CBGV khoa đảm nhận trong 5 năm gần đây (2016-2020).....	86
Bảng 6.10: Bảng thống kê các tài liệu phục vụ dạy học được xuất bản của giảng viên ngành Kế toán trong 5 năm gần đây (2016-2020)	86
Bảng 8.1. Tình hình tuyển sinh ngành ĐH Kế toán giai đoạn 2016-2020 (K19- K23)	102
Bảng 8.2: Kết quả học tập của SV ngành Kế toán giai đoạn 2016-2020	106
Bảng 8.3: Tỷ lệ xếp loại điểm rèn luyện Sinh viên ngành kế toán giai đoạn 2016-2020	106
Bảng 8.4: Tỷ lệ người học ngành Kế toán tốt nghiệp và thôi học 6 khóa (K15- K20)	107
Bảng 8.5: Thống kê tỉ lệ về việc làm của sinh viên tốt nghiệp theo thời gian ...	111
Bảng 8.6: Thống kê về việc làm và thu nhập của sinh viên tốt nghiệp theo đơn vị làm việc.....	111
Bảng 10.1: Bảng tổng hợp đề tài NCKH các cấp phục vụ cho việc dạy và học ngành Kế toán.....	136
Bảng 10.2: Thống kê tài liệu dạy học phục vụ trực tiếp ngành kế toán do giảng viên biên soạn	137
Bảng 10.3. Bảng tổng hợp kết quả lấy ý kiến người học về chất lượng QTĐT ngành Kế toán giai đoạn 2015-2020.....	144
Bảng 11.1. Tỷ lệ người học ngành ĐH Kế toán tốt nghiệp 6 khóa (K15-K20) và thôi học 6 khóa (K15-K20).....	147
Bảng 11.2 Tỷ lệ người học ngành ĐH Kế toán chưa tốt nghiệp 5 khóa (K15-K19)	148

Bảng 11.3. Đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình.....	149
Bảng 11.4. Thống kê số lượng sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, quá hạn; thời gian tốt nghiệp	149
Bảng 11.5. Tỷ lệ người học ngành ĐH Kế toán tốt nghiệp trong 6 khoá (K15-K20)	150
Bảng 11.6. Đối sánh tỷ lệ người học ngành ĐH Kế toán tốt nghiệp trong 6 khoá (K15-K20).....	151
Bảng 11.7: Thống kê về việc làm và thu nhập của sinh viên tốt nghiệp (SV).....	153
Bảng 11.8: Thống kê tỉ lệ về việc làm của sinh viên tốt nghiệp.....	154
Bảng 11.9: Đối sánh tỷ lệ SV có việc làm, tỷ lệ SV làm đúng ngành đào tạo sau 12 tháng	154
Bảng 11.10. Bảng tổng hợp nghiên cứu khoa học của người học ngành Kế toán trong 5 năm học (từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021)	156
Bảng 11.11: Bảng tổng hợp số lượng người học ngành Kế toán làm bài tập lớn, tham gia lớp khởi sự doanh nghiệp và bồi dưỡng doanh nhân, cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp trong 5 năm (từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021) .	157

DANH MỤC CÁC HÌNH

Sơ đồ 2.1. Hệ thống cơ cấu tổ chức của trường Đại học Hồng Đức	8
Sơ đồ 2.2 Cơ cấu tổ chức của Khoa Kinh tế Quản trị kinh doanh.....	10
Biểu đồ 10.1: Số đầu sách sử dụng của CTĐT ngành Kế toán	140
Biểu đồ 10.2: Số máy tính sử dụng của CTĐT ngành Kế toán	140

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1 Đặt vấn đề

1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành kế toán ở trình độ đại học của Trường Đại học Hồng Đức được xây dựng và tuyển sinh khóa đầu tiên vào năm 2002, trong thời kỳ đầu nhà trường áp dụng đào tạo theo niên chế, đến năm 2008 chuyển đổi sang đào tạo theo tín chỉ. Định kỳ, vào đầu mỗi năm học mới, CTĐT được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và cập nhật. Từ năm học 2016-2017 việc điều chỉnh, bổ sung và cập nhật được chú trọng theo hướng đáp ứng chuẩn năng lực kiến thức và kỹ năng của người học, phù hợp với định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học. Sau kiểm định chất lượng Nhà trường năm 2018 Khoa đã thực hiện các hoạt động nhằm cải tiến chất lượng CTĐT ngành kế toán, cụ thể như chỉnh sửa CTĐT gần đây nhất là năm 2019 CTĐT ngành Kế toán được cập nhật, điều chỉnh theo hướng tập trung kiến thức chuyên môn, tăng thời gian cho thực hành, thảo luận nhằm phát huy tối đa năng lực người học đáp ứng nhu cầu xã hội; đổi mới hệ thống phần mềm quản lý đào tạo đồng bộ nhằm quản lý và cung cấp thông tin về tình hình học tập SV, đầu tư cơ sở học liệu giáo trình tài liệu dạy học... CTĐT ngành Kế toán được xây dựng dựa trên sự kế thừa, vận dụng các CTĐT kế toán của các trường đại học lớn trong và ngoài nước như: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Học viện Tài chính, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh; Các CTĐT cử nhân kế toán của các trường đại học trên thế giới như trường Đại học Auburn, trường Đại học Western Sydney - Úc, trường Đại học Singapore Management, trường Đại học New England -Úc

Cấu trúc báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán bao gồm 4 phần:

+ **Phần I:** Khái quát, mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá nhằm giúp người đọc hiểu rõ nội dung của báo cáo tự đánh giá. Đồng thời, phần này cũng mô tả sự tham gia của các bên liên quan (khoa, phòng, ban, giảng viên, nhân viên, người học,...), cách thức tổ chức bộ phận này tham gia hoạt động tự đánh giá CTĐT.

+ **Phần II:** Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiêu mục là: (1) *Mô tả - phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể;* (2) *Nêu những điểm mạnh của CTĐT;* (3) *Điểm tồn tại;* (4) *Kế hoạch cải tiến chất lượng và* (5) *Tự đánh giá.*

+ **Phần III:** Kết luận về những điểm mạnh, điểm cần phát huy của đơn vị đào tạo, được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn, tóm tắt những tồn tại, cần cải tiến chất lượng, kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả tự đánh giá.

+ **Phần IV:** Phụ lục, bao gồm bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục & Đào tạo, cơ sở dữ liệu gồm kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định văn bản liên quan khác và danh mục minh chứng.

Nội dung chính của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán dựa theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành - phần tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí. CTĐT ngành Kế toán được đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, chuẩn đầu ra (CĐR), bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung chương trình dạy học (CTDH) và phương pháp tiếp cận trong dạy - học; tiêu chuẩn 5- đánh giá về kết quả học tập của người học; tiêu chuẩn 6, 7- hướng đến việc tự đánh giá về đội ngũ cán bộ giảng viên, nghiên cứu viên và đội ngũ nhân viên; tiêu chuẩn 8- tập trung đánh giá các yếu tố liên quan đến người học và hoạt động hỗ trợ người học; tiêu chuẩn 9- gắn với các vấn đề về cơ sở vật chất và trang thiết bị; tiêu chuẩn 10 đưa ra những nhận định chính xác trong nâng cao chất lượng CTĐT và NCKH; tiêu chuẩn 11 đưa ra các đánh giá về kết quả đầu ra của cả CTĐT ngành Kế toán.

Mục đích tự đánh giá:

Trên cơ sở bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT, Trường Đại học Hồng Đức, Khoa KT- QTKD và Bộ môn quản lý ngành Kế toán tự rà soát, đánh giá được thực trạng chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất, cũng như các vấn đề liên quan khác. Từ kết quả đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu trong công tác đào tạo, NCKH và tổng thể các hoạt động khác của CTĐT, Nhà trường, Khoa và ngành đào tạo tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện, đưa ra các giải pháp cụ thể nhằm từng bước cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo ngành Kế toán, đáp ứng tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục và nhu cầu xã hội ngày càng cao, góp phần xây dựng khoa KT-QTKD, Trường Đại học Hồng Đức trở thành đơn vị đào tạo, nghiên cứu và thực hành kế toán uy tín trong cả nước.

Hoạt động tự đánh giá còn thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của khoa trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường.

Bên cạnh đó, với việc phân tích, so sánh kết quả hoạt động theo các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng ngành đào tạo, ngành kế toán có thể xác định mức độ đạt

được đối với từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định. Từ đó, đăng kí kiểm định chất lượng ngành đào tạo với cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục.

Phạm vi tự đánh giá: Đánh giá tất cả các hoạt động trong việc thực hiện CTĐT ngành Kế toán thuộc khoa KT-QTKD của Trường Đại học Hồng Đức theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

Công cụ đánh giá:

- Hoạt động tự đánh giá được thực hiện theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT gồm 11 tiêu chuẩn (50 tiêu chí) theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT;

- Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.

Hội đồng tự đánh giá: Thành lập theo QĐ số 1417/QĐ-ĐHHD ngày 21/09/2020 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Trường đại học Hồng Đức năm học 2020-2021, Hội đồng gồm 21 thành viên.

Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá: Ban thư ký được thành lập theo Quyết định số 1418/QĐ-ĐHHD ngày 21/9/2020, Ban thư ký gồm 30 thành viên và chia thành 5 nhóm công tác.

1.1.2 Phương pháp đánh giá

Thực hiện đánh giá CTĐT ngành Kế toán được thực hiện theo phương pháp tổng hợp, so sánh, đối chiếu...Trên cơ sở thu thập thông tin, lấy ý kiến từ cựu sinh viên (SV), nhà tuyển dụng, giảng viên, các chuyên gia; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tiêu chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tổng hợp; Duyệt dự thảo báo cáo; Lưu giữ minh chứng... Các thành viên trong ban thư ký đã tổng hợp thông tin, xử lý thông tin và phân tích thông tin đã thu thập và hoàn thiện báo cáo.

Quy trình tự đánh giá:

Bước 1: Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá;

Bước 2: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, ban thư ký, các nhóm công tác;

Bước 3: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm

Bước 4: Thu thập thông tin và minh chứng (MC);

Bước 5: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;

Bước 6: Viết báo cáo tự đánh giá;

Bước 7: Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá tổng thể;

Bước 8: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Khoa và Trường để đọc và góp ý kiến;

Bước 9: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

Phương pháp mã hóa minh chứng

Mã thông tin và minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; có 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: **Hn.ab.cd.ef**

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng”
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

Ví dụ:

H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1

H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3

H10.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10

1.2. Tổng quan chung

1.2.1. Tổng quan chung về Trường Đại học Hồng Đức

1.2.1.1. Giới thiệu chung.

Ngày 24/9/1997 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 797/QĐ-TTG thành lập Trường Đại học Hồng Đức trên cơ sở 3 trường Cao đẳng đã có bề dày đào tạo hơn 40 năm gồm: Cao đẳng Sư phạm, Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật, Cao đẳng Y tế Thanh Hoá. Đại học Hồng Đức là trường đại học đầu tiên trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam được thành lập theo mô hình mới: Đại học công lập, đa ngành, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa và chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sự ra đời của Trường Đại học Hồng Đức là niềm tự hào của nhân dân các dân tộc trong Tỉnh. Đây là trường đại học đầu tiên trên quê hương xứ Thanh, mảnh đất giàu truyền thống lịch sử, văn hóa và cách mạng; có truyền thống hiếu học và khoa bảng hàng nghìn năm.

Hoạt động với các giá trị cốt lõi là Đổi mới- Sáng tạo- Hiệu quả- Hội nhập, tầm nhìn đến năm 2040, trường ĐHHĐ là cơ sở giáo dục đại học tin cậy, có uy tín về đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong nước, một số ngành/chuyên ngành đào tạo mũi nhọn có uy tín trong khu vực ASEAN.

Trường Đại học Hồng Đức có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực đa lĩnh vực, có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động; nghiên cứu khoa học,

chuyên giao công nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và cả nước. Trường Đại học Hồng Đức hoạt động với phương châm lấy người học, lợi ích của người sử dụng sản phẩm đào tạo và NCKH của trường làm trung tâm cho mọi hoạt động, đồng thời chất lượng, hiệu quả đào tạo là mục tiêu, nguyên tắc và là định hướng cho các hoạt động đào tạo, NCKH của Nhà trường. Đây là yếu tố then chốt quyết định đến sự mở rộng và phát triển của Trường Đại học Hồng Đức trong lĩnh vực đào tạo hợp tác quốc tế và Khoa học công nghệ. Tháng 7/2007, Nhà trường được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Thạc sĩ và tháng 9 năm 2014, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ. Bằng việc hoàn thiện các bậc đào tạo, Trường Đại học Hồng Đức đã đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong hoạt động đào tạo và phát triển của Nhà trường.

Điều kiện CSVC của Nhà trường phát triển mạnh, ngày càng đáp ứng tốt yêu cầu phát triển. Nhà trường hiện có 137 phòng học nhỏ với tổng 6850 chỗ ngồi và 19 phòng học lớn với tổng 1.582 chỗ ngồi; hệ thống phòng thực hành được xây dựng với đầy đủ máy móc thiết bị hiện đại có tổng giá trị lên tới hàng chục tỉ đồng, hiện có 42 phòng thí nghiệm và thực hành được bố trí hệ thống máy móc, trang thiết bị, phần mềm đầy đủ, có đủ ánh sáng, điện, nước, quạt thông gió, máy điều hành tại các phòng máy tính, góp phần đưa các hoạt động đào tạo của Nhà trường đi vào nền nếp; khu ký túc xá được xây dựng mới và cải tạo nâng cấp theo hướng hiện đại, đảm bảo an toàn; hệ thống sân chơi bãi tập được đầu tư xây dựng mới đáp ứng yêu cầu luyện tập và vui chơi, giải trí của người học; công tác quản lý chất lượng giáo dục được cải tiến, chất lượng giáo dục được nâng cao đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho tỉnh Thanh Hóa và xã hội.

Nhà trường đã và đang liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu đào tạo các ngành, chuyên ngành đại học và sau đại học. Năm 2015, liên kết với Trường Đại học Công nghệ Hoàng Gia Thanyaburi (Thái Lan) tuyển sinh đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh quốc tế theo hình thức 1+3; đào tạo trình độ thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA) với trường Đại học Soongsil, Hàn Quốc. Bên cạnh đó, trường cũng đã và đang đào tạo hơn 320 lưu học sinh (Trình độ Đại học và trình độ thạc sỹ) cho tỉnh Hủa Phăn, nước CHDCND Lào.

Quy mô đào tạo của Nhà trường từng bước được mở rộng hợp lý. Đến nay, Nhà trường chủ trương ổn định quy mô khoảng 9.000 đến 11.000 HSSV, đã và đang tập trung nâng cao chất lượng đào tạo, phấn đấu xây dựng thương hiệu một số ngành đào tạo chất lượng cao.

Thực hiện công tác đảm bảo chất lượng bằng việc xây dựng và ban hành chuẩn đầu ra của các ngành, chuyên ngành thuộc các bậc đào tạo; đổi mới phương pháp dạy

học theo hướng phát huy tính tích cực và phát huy năng lực người học, kết hợp với các cơ sở thực hành, thực tập, biến quá trình đào tạo thành tự đào tạo; đổi mới công tác kiểm tra đánh giá thông qua đánh giá thường xuyên và đánh giá quá trình học tập. Đề thi được ra theo hướng tổng hợp, vận dụng kiến thức thực tiễn, thực hành nhằm nâng cao chất lượng đào tạo hành nghề cho sinh viên.

Về nghiên cứu khoa học, chỉ trong 5 năm qua, cán bộ giảng viên nhà trường đã triển khai thực hiện 8 đề tài khoa học cấp Nhà nước (và tương đương) 30 đề tài cấp tỉnh và hơn 250 đề tài cấp cơ sở. Nhiều đề tài đã được áp dụng và góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ các mục tiêu kinh tế xã hội của tỉnh. Hằng năm, cán bộ giảng viên đã công bố hàng trăm công trình nghiên cứu khoa học trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế. Năm 2008, nhà trường được Bộ Văn hóa thông tin và truyền thông cho phép xuất bản Tạp chí khoa học có chỉ số quốc tế ISSN. Hiện Tạp chí khoa học của nhà trường xuất bản 6 số/năm trong đó có 1 số bằng Tiếng Anh, có 4 ngành được hội đồng giáo sư nhà nước tính điểm công trình.

Về hợp tác quốc tế, từ năm 1997 đến nay, trường đã thiết lập được mối quan hệ hợp tác quốc tế với hơn 40 trường đại học và các tổ chức quốc tế ở Mỹ, Canada, Úc và nhiều nước châu Âu, châu Á; cử 186 lượt cán bộ đi học tập, công tác ở nước ngoài, đón và làm việc với 464 lượt khách quốc tế, cử 76 cán bộ đi học các khóa đào tạo ngắn, dài hạn theo chương trình hợp tác với nước ngoài, tiếp nhận 23 giáo viên tình nguyện đến giảng dạy tiếng Anh tại trường, ... Thực hiện đề án liên kết đào tạo đại học và sau đại học với các trường đại học nước ngoài bằng nguồn ngân sách địa phương, nhà trường đã tổ chức đào tạo được 6 khoá tiếng Anh quốc tế cho 144 học viên, gửi được 117 học viên đi học tại 57 trường đại học trên thế giới (trong đó có 18 cán bộ đi đào tạo tiến sĩ, 78 cán bộ đi học thạc sĩ và 21 người học đại học).

1.2.1.2. Cơ cấu tổ chức

Ngay sau khi có Quyết định thành lập Trường, ngày 24/12/1997, Tỉnh ủy Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 377-QĐ/TU về việc thành lập Đảng bộ Trường Đại học Hồng Đức trực thuộc Đảng uỷ khối cơ quan cấp Tỉnh. Từ tháng 9 năm 2002, Đảng bộ Nhà trường trực thuộc Tỉnh uỷ; Từ tháng 5 năm 2018, Đảng bộ trường trực thuộc Đảng uỷ khối cơ quan cấp Tỉnh nay là Đảng uỷ khối Cơ quan và Doanh nghiệp Tỉnh. Các tổ chức chính trị, đoàn thể trong trường trực thuộc tổ chức đoàn thể cấp Tỉnh.

Khi mới thành lập, bộ máy tổ chức của Nhà trường gồm 24 đơn vị trực thuộc, trong đó có 10 khoa, 7 phòng, 1 ban và 3 trung tâm. Nhà trường có 771 cán bộ, giảng viên, trong đó có: 11 tiến sĩ; 80 thạc sĩ; tỷ lệ cán bộ, giảng viên đạt trình độ sau đại học là 18%. Trường có 3 cơ sở: Cơ sở 1 (Cao đẳng Sư phạm) tọa lạc tại phường Đông Sơn;

cơ sở 2 (Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật) đặt tại phường Trường Thi; cơ sở 3 (Cao đẳng Y tế) tại phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa.

Năm 2011, Ban Giám hiệu và các phòng ban chuyên văn phòng làm việc về cơ sở chính tại phường Đông Vệ. Ngoài ra, Nhà trường còn có Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh tại xã Quảng Thành, Thành phố Thanh Hoá.

Tính đến hết tháng 31/03/2021, Nhà trường có 12 khoa, 11 phòng, 3 ban, 7 trung tâm, 01 trạm Y tế, 01 trường Mầm non thực hành với 451 GV cơ hữu, trong đó: Phó giáo sư 25, tiến sĩ 166, thạc sĩ 260. Nhà trường đang tổ chức đào tạo 04 chuyên ngành tiến sĩ, 19 chuyên ngành thạc sĩ, 34 ngành đại học, 01 ngành cao đẳng hệ chính quy. Trong 5 năm qua, Nhà trường đã đào tạo được 14.648 người tốt nghiệp (1.186 thạc sĩ, 11.328 đại học, 1.397 cao đẳng và 557 trung cấp) góp phần nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trình độ cao cho Tỉnh và đất nước.

Trải qua quá trình hơn 24 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường đã vinh dự nhận được nhiều bằng khen và các danh hiệu cao quý do Nhà nước tặng: Huân chương Lao động hạng Ba (2002); Huân chương Lao Động hạng Nhì (2011), Huân chương Lao động hạng Nhất (2017) và nhiều phần thưởng cao quý khác.

Cơ cấu tổ chức trường Đại học Hồng Đức được thể hiện tại sơ đồ 2.1:

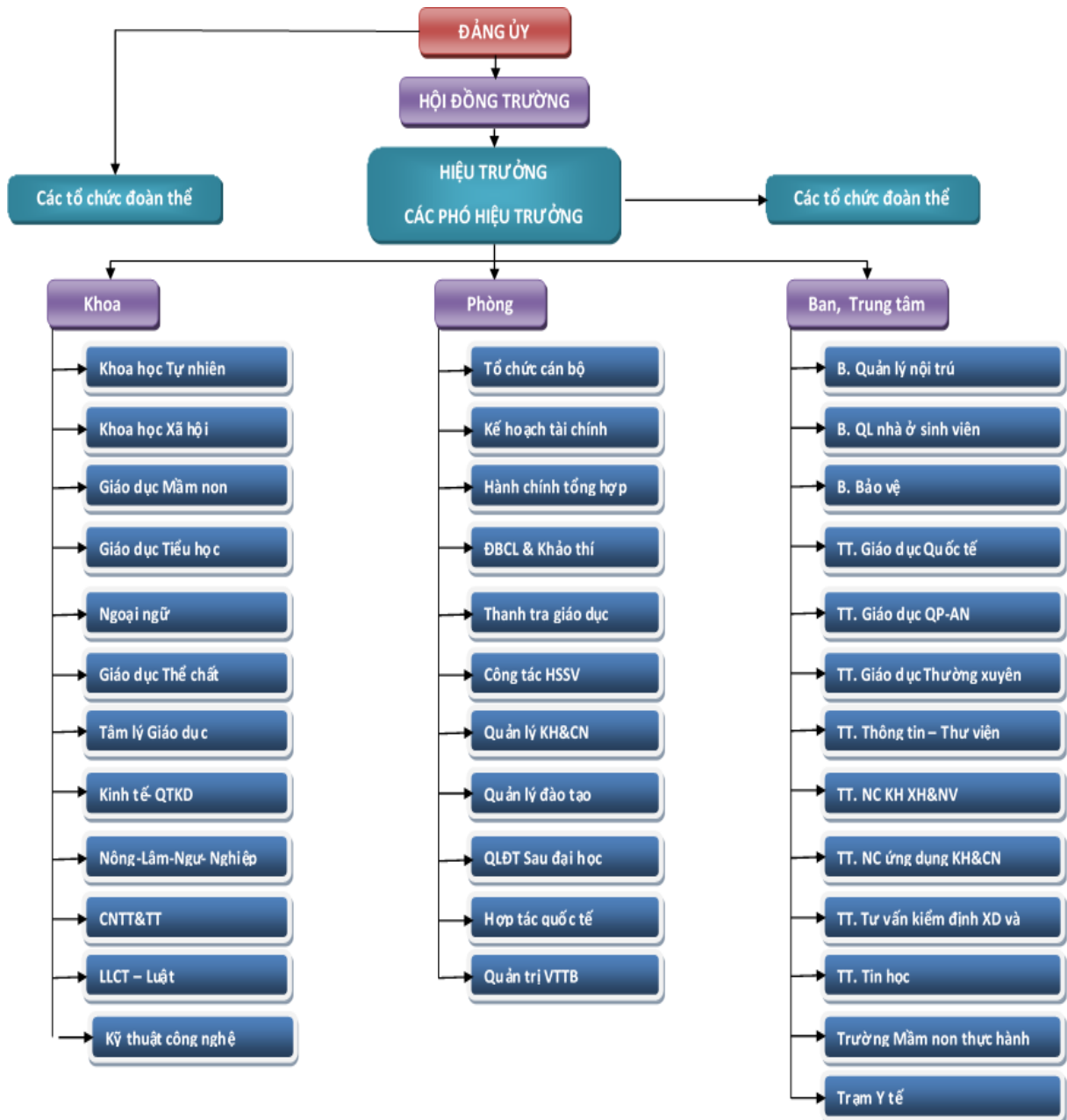
1.2.1.3. Mục tiêu chiến lược

Mục tiêu chiến lược là “xây dựng Trường Đại học Hồng Đức đến năm 2030 trở thành một trường cơ sở giáo dục đa ngành (giáo viên, cán bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ, kinh tế và nông lâm ngư nghiệp,...) theo định hướng ứng dụng đạt chuẩn quốc gia, có một số ngành đạt chuẩn quốc tế và là trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ có uy tín đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng, trình độ cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và đất nước; đến năm 2040 trở thành trường đại học trọng điểm về đào tạo giáo viên, kỹ thuật, công nghệ, nông nghiệp và kinh tế trong hệ thống giáo dục đại học tại Việt Nam. Hội nhập được với các trường đại học tiên tiến trong khối ASEAN về đào tạo và nghiên cứu khoa học”.

1.2.1.4. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi

Sứ mạng

Trường Đại học Hồng Đức có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực đa lĩnh vực có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và cả nước.



Sơ đồ 2.1. Hệ thống cơ cấu tổ chức của trường Đại học Hồng Đức

Tầm nhìn

Đến năm 2030, Trường ĐHHĐ là địa chỉ tin cậy, có uy tín về đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ ở một số chuyên ngành mũi nhọn thuộc các ngành khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, giáo dục, kỹ thuật công nghệ, nông - lâm - ngư nghiệp, kinh tế (mỗi lĩnh vực ngành chọn 1-2 chuyên ngành) đạt trình độ ngang tầm với các trường đại học lớn trong khu vực miền Trung.

Các giá trị cốt lõi

Chất lượng – Hiệu quả - Chuyên nghiệp – Hội nhập

Phương châm

- Chất lượng, hiệu quả đào tạo là mục tiêu, nguyên tắc và là định hướng cho các

hoạt động đào tạo, NCKH; là yếu tố quyết định cho sự mở rộng, hợp tác, phát triển và cạnh tranh của trường.

- Phục vụ các mục tiêu kinh tế-xã hội, phù hợp với nhu cầu chung của cả nước, khu vực và Thanh Hoá.

- Lấy người học làm trung tâm cho mọi hoạt động của nhà trường, lấy lợi ích của người sử dụng sản phẩm đào tạo và NCKH của trường là lợi ích của chính nhà trường.

1.2.2. Tổng quan về Khoa KT-QTKD

Khoa KT-QTKD là một trong 10 Khoa đầu tiên của Trường đại học Hồng Đức, được thành lập vào năm 1997 trên cơ sở sát nhập khoa Tài chính - Kế toán (trường trung cấp Tài chính tỉnh), Khoa Kinh tế (trường Trung cấp Kinh tế - Kế hoạch tỉnh) và trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thanh Hoá. Sau 23 năm thành lập (với bề dày truyền thống hơn 50 năm đào tạo cán bộ quản lý kinh tế kế hoạch) khoa đã không ngừng phát triển và có nhiều đóng góp trong việc cung ứng nguồn nhân lực KT-QTKD phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh và cả nước.

Khoa KT-QTKD bắt đầu được Bộ GD&ĐT cho phép tuyển sinh đào tạo bậc đại học từ năm học 2002-2003. Cùng với sự phát triển của Nhà trường, cho đến năm học 2020-2021, Khoa KT-QTKD đang được giao đảm nhận đào tạo 05 ngành bậc đại học (QTKD, Kế toán, TC-NH, Kinh tế, Kiểm toán) và 2 ngành bậc thạc sĩ gồm thạc sĩ QTKD (tuyển sinh từ năm 2015), thạc sĩ kế toán (tuyển sinh từ năm 2017).

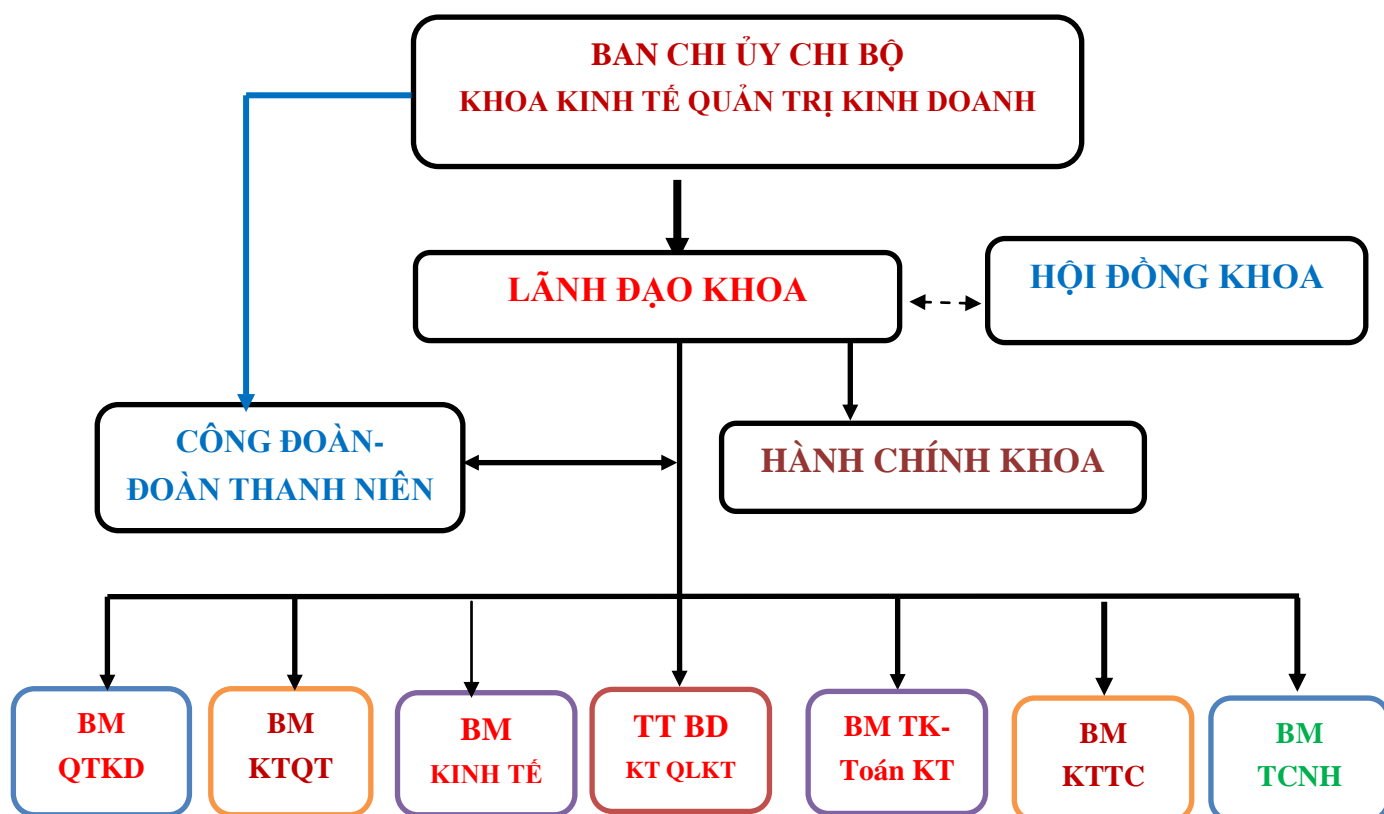
Từ những đầu mới thành lập, đội ngũ cán bộ giảng viên chỉ có 27 người, trong đó chủ yếu là giáo viên giảng dạy trung cấp chuyên nghiệp, số ít là giảng viên bậc đại học và cán bộ nghiên cứu, với quy mô đào tạo 482 học sinh, sinh viên (HSSV); trong đó bậc cao đẳng 386 SV và bậc trung cấp 96 học sinh. Tính đến 31/03/2021 tổng số cán bộ giảng viên của Khoa là 64 người, 100% có trình độ Sau đại học. Trong tổng số 58 Giảng viên, có 03 PGS.TS (chiếm 5%), 23 Tiến sĩ (tỷ lệ 39.7%) và 32 Thạc sĩ (tỷ lệ 55,2%); giảng viên đang đi học NCS là 16 người. Khoa có nhiều cán bộ giảng viên đã tốt nghiệp ở các trường Đại học danh tiếng của các nước như Vương quốc Anh, Cộng hòa Pháp, New Zealand,... Nhiều cán bộ, giảng viên có trình độ ngoại ngữ có thể làm việc trực tiếp với người nước ngoài; Quy mô đào tạo trên 2.000 người học, gồm các bậc thạc sĩ, đại học ở các hệ chính quy và hệ liên thông, vừa làm vừa học, văn bằng đại học thứ 2. Khoa đã được trang bị 01 phòng thực hành kế toán ảo; 01 phòng ngân hàng ảo, 02 phòng học kế toán máy, 01 mô hình siêu thị sinh viên đủ đáp ứng yêu cầu rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên đang theo học tại Khoa.

Cùng với hoạt động đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội của Khoa cũng được chú ý phát triển. Khoa đã tổ chức thành

công nhiều hội thảo khoa học; xuất bản hàng chục giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo; công bố hàng trăm bài báo trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Cán bộ giảng viên của khoa đã chủ trì và tham gia thực hiện 15 đề tài/ dự án cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Tỉnh và 30 đề tài cấp cơ sở.

Sau hơn 23 năm xây dựng và phát triển, hiện nay, khoa có 7 đơn vị trực thuộc: gồm 6 bộ môn (*Quản trị kinh doanh, Kinh tế, Kế toán tài chính, Kế Toán quản trị, Tài chính ngân hàng, Thống kê Toán kinh tế*) và 01 trung tâm (*Trung tâm bồi dưỡng kiến thức quản lý kinh tế*).

Sơ đồ 2.2 Cơ cấu tổ chức của Khoa Kinh tế Quản trị kinh doanh



1.2.3. Tổng quan về ngành Kế toán

Ngành Kế toán là một trong hai ngành đầu tiên của Khoa (trong tổng số 05 ngành đang tổ chức tuyển sinh và đào tạo), với bề dày truyền thống sau 18 năm đào tạo đại học và 3 năm đào tạo thạc sĩ, ngành đã đào tạo ra rất nhiều thế hệ lãnh đạo, nhà quản lý kinh tế, tài chính, kế toán trưởng các đơn vị... phục vụ cho sự phát triển kinh tế của Tỉnh và đất nước. Hiện nay CTĐT ngành kế toán được thiết kế 121 tín chỉ, gồm 47 học phần. Tính đến năm học 2020-2021, ngành Kế toán đã và đang tổ chức đào tạo 23 khóa Đại học chính quy, 17 khóa liên thông, vừa làm vừa học, 11 khóa Đại học văn bằng đại học thứ 2 và 4 khóa đào tạo thạc sĩ, cung cấp hơn 20.000 cán bộ có trình độ đại học và sau đại học cho các doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp không chỉ

cho tỉnh Thanh Hoá mà còn cho các địa phương khác trong nước. Sinh viên chuyên ngành kế toán của Nhà trường sau khi tốt nghiệp đã đáp ứng được nhu cầu của xã hội. Nhiều sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành kế toán đã trở thành cán bộ quản lý cấp cao trong các cơ quan, đơn vị nhà nước, các doanh nghiệp các tập đoàn kinh tế.

Số giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT ngành Kế toán hiện nay là 58 (PGS: 03; TS: 23; Th.S: 32), trong đó, số lượng giảng viên của ngành kế toán là 17, trong đó có 1 PGS, 9 TS, 7 NCS.

Với môi trường giáo dục, đào tạo có tương tác, kết hợp NCKH, người học đã được phát huy tối đa tính sáng tạo, hiểu biết và kỹ năng của mình trong quá trình đào tạo để đạt được những thành công sau tốt nghiệp. Nhiều giảng viên và SV của Ngành chủ nhiệm, tham gia nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, cấp tỉnh. Các đề tài NCKH, dự án khởi nghiệp của SV nhiều đề tài đạt chất lượng cao như giải 3 đề tài NCKH sinh viên cấp bộ, lọt vòng chung khảo giải thưởng NCKH cấp bộ Eureka lần thứ XX, đạt giải nhì, ba... các cuộc thi khởi nghiệp của đoàn viên, thanh niên do Tỉnh đoàn tổ chức... Bên cạnh đó, ngành kế toán kết hợp với Khoa thường xuyên trao đổi với các nhà tuyển dụng nhằm điều chỉnh các CTĐT phù hợp với thực tiễn xã hội. Ngay từ những ngày đầu tổ chức đào tạo, ngành kế toán đã chủ động kết nối và thiết lập mối quan hệ, xây dựng mạng lưới cơ sở thực hành, thực tập và tuyển dụng với hàng trăm tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài Tỉnh, cựu sinh viên để đồng hành với Ngành trong quá trình đào tạo, tuyển dụng sinh viên. Sau tốt nghiệp, sinh viên và học viên của Khoa có thể làm việc ở các vị trí như kế toán viên, kiểm toán viên, kế toán trưởng, giảng viên, nghiên cứu viên, chuyên gia tư vấn kế toán, kiểm toán, thuế... trong các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế, các trường đại học, cao đẳng, các tổ chức Nhà nước.

Với môi trường học tập năng động sáng tạo thích ứng cao với nhu cầu xã hội, lấy người học là trung tâm, lấy chuẩn đầu ra là thước đo, chất lượng đào tạo luôn là phương châm hành động của Ngành trong quá trình đào tạo. Trong quá trình đào tạo Ngành kế toán và Khoa KT-QTKD luôn coi trọng xây dựng môi trường học tập và rèn luyện cho sinh viên tạo điều kiện cho sinh viên có thể tiếp thu tối đa kiến thức trong quá trình đào tạo và tự đào tạo vì vậy các hoạt động ngoài giờ lên lớp cũng được Khoa và Ngành coi trọng thông qua hoạt động của Liên chi đoàn và các câu lạc bộ. Ngoài những câu lạc bộ mang tính học thuật như câu lạc bộ Nhà doanh nghiệp tương lai, câu lạc bộ sinh viên NCKH, câu lạc bộ tiếng anh kinh tế... Khoa còn có nhiều câu lạc bộ mang tính kết nối sinh viên đào tạo các bạn sinh viên ra trường đầy đủ kiến thức kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu thực tiễn công việc cũng như xã hội như câu lạc bộ nhiếp

ảnh, bóng đá, cầu lông, tình nguyện...Hoạt động các câu lạc bộ này luôn là môi trường tốt để sinh viên rèn luyện, giải trí và kết nối, phát triển.

Trong quá trình phát triển, Khoa KT - QTKD luôn xác định CTĐT là một trong những yếu tố then chốt quyết định chất lượng đào tạo. Vì vậy, việc đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kế toán là hết sức cần thiết, qua việc đánh giá CTĐT sẽ thấy rõ những điểm mạnh cũng như những hạn chế, từ đó đưa ra các giải pháp cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo phù hợp với nhu cầu ngày càng cao của các đơn vị sử dụng lao động nói riêng và xã hội nói chung.

Qua quá trình nghiên cứu bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành và các văn bản hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng, Hội đồng TĐG, Ban thư ký và các nhóm công tác đã phân tích các tiêu chí, thu thập và xử lý minh chứng, viết các phiếu đánh giá tiêu chí, dự thảo báo cáo TĐG, nghe ý kiến tư vấn của các chuyên gia, thảo luận và chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán. Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán đã mô tả rõ ràng và đầy đủ các hoạt động của CTĐT, trong đó đã chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại, đưa ra kế hoạch hành động để tiếp tục duy trì mặt mạnh và các giải pháp khắc phục các mặt còn tồn tại và tự đánh giá mức độ đạt yêu cầu của các tiêu chí. Kết quả tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí được trình bày trong phần II sau đây.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)

Mở đầu

Trường Đại học Hồng Đức là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực. Khoa Kinh tế-QtKD là một trong những cơ sở đào tạo hàng đầu về lĩnh vực Kế toán, kiểm toán trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá với đội ngũ cán bộ khoa học trình độ cao, đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo của Khoa và Nhà trường.

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Kế toán được xây dựng phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của trường Đại học Hồng Đức, được sự thẩm định của Hội đồng Khoa, Hội đồng Khoa học và đào tạo Trường ĐH Hồng Đức để đảm bảo chuẩn đầu ra phù hợp với yêu cầu của người học và của xã hội. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân ngành Kế toán bao gồm các chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm... liên quan đến chuyên ngành, nhóm ngành, khối ngành và theo lĩnh vực. Các chuẩn đầu ra được xây dựng phản ánh được rõ ràng sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của nhà trường.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả hiện trạng

Với sứ mạng của trường đại học Hồng Đức là đào tạo nguồn nhân lực đa lĩnh vực có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và cả nước [H1.01.01.01], từ năm 2002 đến nay, nhà trường đã và đang tổ chức thực hiện đào tạo ngành Kế toán với chất lượng đào tạo không ngừng được cải tiến [H1.01.01.02].

Căn cứ vào quy định và văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [H1.01.01.03], tầm nhìn và sứ mạng của trường ĐHHĐ trong từng giai đoạn [H1.01.01.01], và nhu cầu của thị trường [H1.01.01.04], mục tiêu chương trình đào tạo ngành Kế toán được xác định rõ ràng, được cập nhật và điều chỉnh thường xuyên. Trong giai đoạn 2016-2021, Trường ban hành và liên tục cập nhật, sửa đổi, hoàn chỉnh CTĐT ngành Kế toán vào các năm 2016 [H1.01.01.05a], năm 2017 [H1.01.01.05b] và bản mô tả chương trình đào tạo năm 2019 [H1.01.01.06a]. Trải qua nhiều lần điều chỉnh, sửa đổi, mục tiêu của chương trình đào tạo luôn được xác định rõ ràng, phù hợp, cụ thể trong từng Quyết định ban hành kèm theo CTĐT với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với sinh viên tốt nghiệp đại học ngành Kế toán. Mục tiêu của CTĐT được chi tiết, cụ thể hoá và được làm rõ hơn bằng bản mô tả

CTĐT [H1.01.01.06], đề cương chi tiết các học phần [H1.01.01.07] và ma trận kiến thức, kỹ năng trong CTĐT [H1.01.01.08]. Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành Kế toán từ năm 2016-2021 được xác định và điều chỉnh cụ thể như sau:

+ Mục tiêu đào tạo chung trong CTĐT năm 2016, 2017 là “*Đào tạo cử nhân Kế toán có phẩm chất đạo đức tốt, có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức cơ sở và chuyên môn hoàn chỉnh; có năng lực thực hành và vận dụng hiệu quả các vấn đề lý thuyết vào thực tiễn công tác chuyên môn; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, chủ động giải quyết được các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, chỉ đạo công việc Kế toán, nghiên cứu khoa học để cải tiến các phương thức và kỹ thuật trong công tác Kế toán, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của các đơn vị Kế toán; có trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh) bậc 3/6 và tin học đạt chuẩn đáp ứng nhu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực của người học và đơn vị tuyển dụng. Có khả năng học tập để nâng cao trình độ sau đại học*”. Đến năm 2019, mục tiêu chung được điều chỉnh trong đó chỉ rõ khả năng có thể đáp ứng của sinh viên sau khi ra trường là “*Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tổ chức, thực hiện công tác Kế toán tại các doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức kinh tế hoặc giảng dạy tại các Viện, trường, các cơ sở đào tạo*” và thay thế mục tiêu “*Có khả năng học tập để nâng cao trình độ sau đại học*” thành mục tiêu “*Sinh viên tốt nghiệp có đầy đủ năng lực để tiếp tục học tập, bồi dưỡng, hoàn thiện kỹ năng nghiệp vụ và chuyên môn ở trình độ cao hơn, đáp ứng với yêu cầu của xã hội*” [H1.01.01.06a]. Như vậy, có thể nói, mục tiêu đào tạo của ngành Kế toán sau các lần điều chỉnh đã có sự xác định mục tiêu cụ thể hơn, rõ ràng hơn.

+ Mục tiêu cụ thể của CTĐT năm 2016, 2017 được chia thành 4 nhóm mục tiêu: Kiến thức, Kỹ năng, Thái độ, Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm. Đến năm 2019, các mục tiêu cụ thể đã được mã hoá thành 7 mục tiêu từ M1-M7 như sau:

M1: Hiểu biết về kiến thức kinh tế, kiến thức quản lý; có kiến thức chuyên sâu về Kế toán, kiểm toán; tổ chức công tác Kế toán, tư vấn cho nhà quản trị trong việc ra quyết định; thực hiện công tác kiểm tra Kế toán, phân tích các hoạt động kinh doanh, xây dựng dự toán, định mức. Vận dụng kiến thức Kế toán, kiểm toán vào thực tiễn quản lý, nghiên cứu, giải quyết các vấn đề trong các đơn vị Kế toán và các tổ chức chính trị, xã hội.

M2: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về Triết học, Kinh tế chính trị Mác-Lê Nin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Tư tưởng HCM, hệ thống pháp luật Việt Nam; về quốc phòng-an ninh và thể dục thể thao vào quá trình học tập, nghiên cứu, tổ chức công tác Kế toán tại các đơn vị Kế toán và các tổ chức chính trị, xã hội.

M3: Hiểu biết sâu sắc về luật, chuẩn mực, chế độ Kế toán-kiểm toán và pháp

luật trong kinh doanh. Vận dụng kiến thức đó vào trong quá trình học tập, nghiên cứu, tổ chức công tác Kế toán tại các đơn vị Kế toán và các tổ chức chính trị, xã hội.

M4: Trình độ Tiếng Anh người học đạt được tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; trình độ tin học thành thạo, sử dụng công nghệ thông tin trong khai thác thông tin và truy cập Internet, các phần mềm Kế toán, phần mềm tin học cơ bản trong soạn thảo văn bản, hợp đồng kinh tế phục vụ công tác quản lý tài chính và các lĩnh vực chuyên môn, quản lý.

M5: Có khả năng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác; khả năng tự học tập suốt đời.

M6: Có kỹ năng giao tiếp, tư duy khoa học, hoạch định, làm việc nhóm; giải quyết vấn đề; ra quyết định; kỹ năng tự quản trị và các kỹ năng mềm khác để học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

M7: Có phẩm chất đạo đức tốt; tự chịu trách nhiệm trước những hành vi và quyết định của mình trong công việc; có trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, bảo vệ lợi ích cộng đồng”.

Việc mã hoá này một mặt là cơ sở cho việc xây dựng ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Kế toán, mặt khác cũng bổ sung một số các mục tiêu mới (mục tiêu M7: tự chịu trách nhiệm trước những hành vi và quyết định của mình trong công việc; có trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, bảo vệ lợi ích cộng đồng), khẳng định trách nhiệm đào tạo của ngành đối với xã hội. Việc mã hoá này một mặt là cơ sở cho việc xây dựng ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành kế toán, mặt khác cũng bổ sung một số các mục tiêu mới (mục tiêu M7: tự chịu trách nhiệm trước những hành vi và quyết định của mình trong công việc; có trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, bảo vệ lợi ích cộng đồng), khẳng định trách nhiệm đào tạo của ngành đối với xã hội. Được đối sánh chi tiết ở *Bảng 1.1 phần Phụ biểu*.

Mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của ngành Kế toán chú trọng đến việc đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất đạo đức, có tri thức, có kỹ năng nghề nghiệp, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo trong bối cảnh đổi mới toàn diện giáo dục ở Việt Nam và xu hướng hội nhập quốc tế; **phù hợp với sứ mạng** “*đào tạo nguồn nhân lực đa lĩnh vực có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và cả nước*” và **tâm nhìn của trường Đại học Hồng Đức** “*địa chỉ tin cậy, có uy tín về đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ ở một số chuyên ngành*

mũi nhọn thuộc các ngành khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, giáo dục, kỹ thuật công nghệ, nông - lâm - ngư nghiệp, kinh tế (mỗi lĩnh vực ngành chọn 1-2 chuyên ngành) đạt trình độ ngang tầm với các trường đại học lớn trong khu vực miền Trung [H1.01.01.01]. Ngoài ra, tầm nhìn và sứ mạng của Trường còn được cụ thể hoá thành mục tiêu, nhiệm vụ then chốt cho từng đơn vị, theo từng giai đoạn, trong đó mục tiêu của CTĐT là một trong những trọng tâm ưu tiên hướng tới.

Mục tiêu của CTĐT phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

Mục tiêu của GDĐH quy định tại luật GDĐH hiện hành cũng gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. Trong đó, (1) mục tiêu chung là : “a. Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; b. Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; c. Có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; d. Có sức khỏe, có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân”. (2) Mục tiêu cụ thể là: “Đào tạo trình độ ĐH để SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có khả năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành đào tạo.” [H1.01.01.09].

Mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán đảm bảo phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật Giáo dục đại học được chi tiết thể hiện ở *Bảng 1.2 phần Phụ biểu*.

Mỗi lần xây dựng mới hoặc chỉnh sửa, bổ sung CTĐT, mục tiêu CTĐT, CĐR, Nhà trường đều ban hành các quyết định thành lập các tổ soạn thảo [H1.01.01.10], ban hành các quy định hướng dẫn thực hiện [H1.01.01.11]. Các khoa trên cơ sở quyết định sẽ tiến hành xây dựng kế hoạch, thành lập ban soạn thảo gồm các giảng viên có trình độ, có kinh nghiệm của các bộ môn trong khoa [H1.01.01.12]. Quá trình rà soát, chỉnh sửa, xây dựng CTĐT, mục tiêu CTĐT được thực hiện trên cơ sở xin ý kiến góp ý của các chuyên gia, nhà nghiên cứu, nhà tuyển dụng [H1.01.01.13] trên cơ sở đó tiến hành luận giải để xây dựng, điều chỉnh, cập nhật CTĐT, mục tiêu CTĐT. Ngoài ra, trong quá trình xây dựng, tổ soạn thảo có tham khảo mục tiêu CTĐT của một số các cơ sở đào tạo trong cả nước. Cụ thể: Mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành Kế toán trường đại học Hồng Đức của nhiều điểm tương đồng với CTĐT ngành Kế toán của trường đại học Thương mại “Đào tạo cử nhân kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, quản trị kinh doanh; nắm vững kiến thức chuyên môn về kế toán, kiểm toán, phân tích kinh tế; có năng lực thực

hành nghề kế toán, kiểm toán và khả năng hoạch định chính sách kế toán, kiểm toán. Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tổ chức, thực hiện công tác kế toán tại các doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức kinh tế hoặc giảng dạy tại các Viện, trường, các cơ sở đào tạo”. Hoặc cũng tương đồng với CTĐT ngành Kế toán của trường đại học Kinh tế quốc dân “Đào tạo cử nhân Kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh, và chính trị - xã hội; nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kế toán, kiểm toán và phân tích; thiết kế và điều hành hệ thống kế toán trong các đơn vị kế toán (doanh nghiệp, đơn vị công, tổ chức tài chính trung gian); có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc”

CTĐT được thẩm định bởi Hội đồng các nhà khoa học có uy tín [H1.01.01.14], [H1.01.01.15]. Mục tiêu của CTĐT sau khi rà soát, chỉnh sửa, cập nhật được thông tin đầy đủ tới cán bộ, giảng viên và sinh viên [H1.01.01.16]. Mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán được phổ biến rộng rãi dưới nhiều hình thức khác nhau như sổ tay, niên lịch đào tạo [H1.01.01.17], tờ rơi tuyên truyền tuyển sinh, qua các phương tiện thông tin của Trường, của Khoa để cho người học, cựu người học, GV và các nhà tuyển dụng có thể nắm rõ.

2. Điểm mạnh

- Mục tiêu của CTĐT cử nhân ngành Kế toán đã được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và mục tiêu của Luật giáo dục đại học đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về nguồn nhân lực trong lĩnh vực Kế toán.

- CTĐT nói chung và mục tiêu của CTĐT nói riêng được xây dựng phù hợp với từng giai đoạn phát triển của giáo dục, của đơn vị đào tạo và nhu cầu xã hội thông qua việc khảo sát nhu cầu thị trường lao động và lấy ý kiến của các bên liên quan để điều chỉnh và cập nhật các nội dung mới của ngành Kế toán phù hợp với thực tế xã hội.

3. Điểm tồn tại

Sự thay đổi của mục tiêu chung CTĐT chưa được thể hiện một cách rõ nét qua mỗi lần điều chỉnh, cập nhật.

4. Kế hoạch hành động

- Tiếp tục phát huy các kết quả đã đạt được trong việc thiết kế, xây dựng CTĐT ngành kế toán nói chung và mục tiêu đào tạo cử nhân ngành kế toán nói riêng. Liên tục rà soát, điều chỉnh mục tiêu CTĐT cho phù hợp với yêu cầu của xã hội trong tình hình mới.

- Ban hành mục tiêu đào tạo chung mới có tính khái quát cao, mang đặc thù rõ nét của ngành đào tạo và mang tính định hướng về mục tiêu đào tạo ngành Kế toán trong giai đoạn tới.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 6/7 điểm

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT

1. Mô tả hiện trạng

Chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT ngành Kế toán được xác định rõ ràng, được mô tả bằng những động từ hành động như trình bày được, thể hiện được, sử dụng được, vận dụng được, xác định được,... thể hiện cam kết của trường ĐHHĐ với người học và xã hội về kiến thức, kỹ năng và thái độ/mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm cá nhân mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp. CĐR đã xác định rõ những yêu cầu chung và yêu cầu cụ thể đối với người tốt nghiệp. CĐR của CTĐT ngành Kế toán được tuyên bố lần đầu vào năm 2010 và liên tục được điều chỉnh vào các năm 2016, 2017 và sau đó được cập nhật, sửa đổi bổ sung vào năm 2019 [H1.01.02.01] đã phản ánh rõ sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường với thế mạnh đào tạo ngành Kế toán [H1.01.01.01].

CĐR thể hiện rõ yêu cầu người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp: kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm, trình độ tiếng Anh (đạt bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc) [H1.01.02.02], công nghệ thông tin (có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp); cơ hội đáp ứng nghề nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ... Các CĐR này được mã hoá chi tiết thành 18 nội dung từ C1-C18, là cơ sở để xây dựng ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra [H1.01.01.08], là cơ sở giúp cho người học và giảng viên dễ dàng xác định mục tiêu trong quá trình học tập và giảng dạy; được thiết kế qua 3 trụ cột mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp đó là kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Được thể hiện cụ thể ở *Bảng 1.3 phần Phụ biểu*. Ba trụ cột này được thiết kế theo hướng dẫn của thông tư 07/2015 và tương đồng với tất cả các chương trình đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học trong cả nước. Bên cạnh đó, chương trình đào tạo ngành Kế toán trường Đại học Hồng Đức có thiết kế các chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm thành các chuẩn đầu ra chi tiết. Cụ thể: Về mặt kiến thức chia thành kiến thức chung (từ C1-C3) là các kiến thức của khối ngành kinh tế; và kiến thức chuyên môn (C4-C6) là các kiến thức chuyên môn của ngành kế toán; Về mặt kỹ năng chia thành kỹ năng chung (C7-C9); và kỹ năng chuyên môn (C10-C15); Kỹ năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm được chi tiết thành các kỹ năng từ C16-C18. Việc chia nhỏ các chuẩn đầu ra này có sự khác biệt với các CTĐT ngành Kế toán của các cơ sở đào tạo khác. Cụ thể: CTĐT ngành Kế toán của trường đại học Kinh tế quốc dân, CTĐT ngành Kế toán của Đại học Kinh tế-ĐH Đà Nẵng.. không đề cập đến các chuẩn đầu ra

chung của khối ngành.

CĐR của ngành Kế toán phản ánh được mục tiêu đào tạo của ngành. Để xác định được mối quan hệ tương thích giữa mục tiêu đào tạo và CĐR, Trường đã lập ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và CĐR của chương trình đào tạo được cụ thể hóa ở *Bảng 1.4 phần Phụ biểu.*

Người học sau khi tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu mà một người làm công tác Kế toán cần có. Hiểu được các kiến thức về kinh tế, quản lý, kinh doanh và vận dụng kiến thức vào thực tiễn quản lý, nghiên cứu, giải quyết các vấn đề trong tổ chức, doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh; Hiểu được các kiến thức chuyên sâu về Kế toán và vận dụng kiến thức vào thực tiễn để giải quyết các vấn đề trong tổ chức, doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh; Hiểu biết sâu sắc về các kiến thức chuyên sâu như Kế toán các phần hành, lập và phân tích các báo cáo tài chính và vận dụng kiến thức vào thực tiễn quản lý, nghiên cứu, giải quyết các vấn đề trong tổ chức, doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh; Có các kỹ năng chuyên môn cần thiết như có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể sử dụng thành thạo phần mềm Kế toán, tin học Kế toán, tin học ngân hàng phục vụ công tác quản lý và kinh doanh; Có kỹ năng thực hiện các hoạt động thu thập, ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Kế toán theo hình thức ghi sổ Kế toán phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và nhu cầu sử dụng thông tin của các nhà quản lý doanh nghiệp và các bên liên quan; có kỹ năng tổ chức và thực hiện được các hoạt động luân chuyển, lưu trữ và kiểm tra chứng từ, sổ sách Kế toán tương ứng với từng phần hành Kế toán theo từng hình thức Kế toán; có kỹ năng thiết kế và lập được các báo cáo tài chính và báo cáo quản trị. Đảm bảo cho các số liệu được trình bày trên báo cáo là trung thực, hợp lý với tình hình thực tế tại doanh nghiệp, các thông tin được cung cấp phù hợp với nhu cầu của người sử dụng; có kỹ năng phân tích được các thông tin trên các báo cáo Kế toán và đưa ra được các ý kiến tư vấn, đánh giá phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động của doanh nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp ngành Kế toán có thái độ tuân thủ luật pháp, các nguyên tắc và chuẩn mực nghề nghiệp khi thực hiện các hoạt động quản lý kinh tế; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng các bí mật trong kinh doanh; Có năng lực tự lập, sáng tạo và dẫn dắt về chuyên môn, có khả năng chỉ đạo và tổ chức thực hiện các hoạt động chuyên môn; Có năng lực định hướng, phát huy được trí tuệ tập thể, năng lực ra quyết định và chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định của mình trong các hoạt động chuyên môn về công tác Kế toán... [H1.01.02.01].

CĐR ngành kế toán đã xác định rõ cơ hội việc làm của sinh viên tốt nghiệp, theo đó sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành kế toán hệ

chính quy của Trường ĐH Hồng Đức có thể làm việc phù hợp và tốt tại các bộ phận như. Bộ phận kế toán tài chính, Bộ phận kế toán quản trị, Bộ phận kiểm toán nội bộ, các bộ phận chuyên môn của kiểm toán Nhà nước, Bộ phận kế hoạch - tài chính, Bộ phận phân tích kinh tế tài chính. CĐR ngành kế toán cũng xác định cụ thể các loại hình và tổ chức doanh nghiệp mà sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra có khả năng và cơ hội làm việc phù hợp như: Các loại hình doanh nghiệp, tổ chức hành chính sự nghiệp; Các tổ chức tài chính ngân hàng và phi ngân hàng; Kiểm toán Nhà nước, các công ty kiểm toán độc lập; Các công ty đa quốc gia, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Các tổ chức khác.

CĐR của CTĐT có thể đo lường và đánh giá được: Để đảm bảo chuẩn đầu ra về kiến thức, sinh viên hệ chính quy tốt nghiệp phải hoàn thành 121 tín chỉ trong đó có 41 tín chỉ thuộc khối kiến thức chung và 80 TC thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp phải sử dụng thành thạo phần mềm tin học văn phòng và một số phần mềm chuyên dụng phục vụ công tác chuyên môn. Với năng lực ngoại ngữ, chuẩn đầu ra yêu cầu tiếng Anh trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/1/2014 của Bộ Giáo dục & Đào tạo (tương đương cấp B1 - CEFR: Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung của Châu Âu).

Bên cạnh đó, CĐR của CTĐT còn được cụ thể hoá thông qua các CĐR của từng học phần, mỗi học phần trong CTĐT đều xác định những mục tiêu cần đạt được, đây là căn cứ để xây dựng tổng thể CĐR của CTĐT từ đó làm tăng tính khả thi của các CĐR.

Việc tổ chức xây dựng CĐR của CTĐT được thực hiện theo đúng quy trình được hướng dẫn trong các văn bản của Bộ GD&ĐT [H1.01.02.03]. Để có cơ sở thực hiện việc rà soát, điều chỉnh CĐR ngành Kế toán, Nhà trường đã ban hành quy định về việc xây dựng, điều chỉnh CĐR cho các ngành đào tạo đại học trong trường Đại học Hồng Đức [H1.01.02.04] đảm bảo người học tích lũy đủ khối lượng kiến thức và yêu cầu về năng lực theo Thông tư 07/2015/TT- BGDDT ngày 16/04/2015 [H1.01.01.02a]. Từ năm 2015, Nhà trường đã thành lập các Tổ soạn thảo CTĐT, CĐR cho từng khối ngành, trên cơ sở đó các khoa thành lập nhóm soạn thảo CTĐT, CĐR theo từng ngành bao gồm các giảng viên có bề dày kinh nghiệm giảng dạy [H1.01.01.10], [H1.01.01.12]. Trước khi tham mưu ban hành CĐR, khoa đã tổ chức hội thảo và lấy ý kiến các bên liên quan đóng góp vào dự thảo CĐR đã được nhóm soạn thảo biên soạn [H1.01.01.13], [H1.01.02.05]. Trên cơ sở lấy các ý kiến đóng góp của các bên liên quan, Hội đồng Khoa tổ chức họp và hoàn thiện CĐR và trình Hiệu trưởng ký ban hành CĐR [H1.01.02.06], [H1.01.02.07].

2. Điểm mạnh

CĐR ngành của Kế toán được công bố công khai để các bên quan tâm dễ dàng tiếp cận và có cơ sở giám sát chất lượng đào tạo.

CĐR của CTĐT được thiết kế rõ ràng, nội dung CĐR hướng tới hình thành năng lực chủ động, sáng tạo của SV; đảm bảo khối lượng kiến thức, kỹ năng người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT và khuyến khích khả năng học tập suốt đời cho người học. CĐR phản ánh được mục tiêu giáo dục của Khoa, của Trường; chỉ rõ được triển vọng việc làm trong tương lai của sinh viên sau tốt nghiệp CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc xác định mối quan hệ tương thích giữa mục tiêu đào tạo và CĐR còn một số chỗ chưa thật sự khoa học

4. Kế hoạch hành động

- Tiếp tục phát huy các thế mạnh trong việc xây dựng và triển khai thực hiện CĐR ngành Kế toán.

- Rà soát, hoàn thiện chuẩn đầu ra cho khoa học, đáp ứng mục tiêu cung cấp nguồn nhân lực Kế toán chất lượng cao cho xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả hiện trạng

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Kế toán được xây dựng trên cơ sở điều tra, khảo sát yêu cầu nhân lực của thị trường lao động, có sự tham gia đóng góp ý kiến của nhà tuyển dụng lao động, giảng viên, người học, có sự điều chỉnh, bổ sung trong từng giai đoạn theo hướng ngày càng cụ thể, rõ ràng với các yêu cầu về kiến thức; kỹ năng; thái độ đạo đức nghề nghiệp; khả năng công tác sau khi tốt nghiệp, khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường [H1.01.01.13].

CĐR ngành Kế toán được xây dựng có sự tham khảo các CTĐT hiện hành của các trường đại học uy tín trong và ngoài nước như: Đại học Auburn, Trường đại học Western Sydney, Trường đại học Singapore Management, Trường Đại học New England [H1.01.02.01]; các CTĐT của các trường trong nước như: Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Học viện Tài chính, Trường Đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh và Trường Đại học Kinh tế - Đà Nẵng [H1.01.02.01].

Các buổi thẩm định xây dựng CĐR của CTĐT đã tiếp nhận ý kiến đóng góp, nhận xét của các chuyên gia trong và ngoài trường cùng với những ý kiến của các SV, cựu SV và các nhà sử dụng lao động trên cơ sở đó, Khoa đã tiếp thu ý kiến của các bên liên quan và kịp thời điều chỉnh CTĐT [H1.01.02.05]. CĐR đã mô tả rõ ràng các tiêu

chí về kiến thức, kỹ năng và thái độ đạt được sau quá trình đào tạo, đồng thời phản ánh được 90% yêu cầu của tất cả các đối tượng có liên quan thông qua danh mục các CĐR (về mặt kiến thức, kỹ năng, thái độ làm việc, khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học và cơ hội nghề nghiệp khi tốt nghiệp) [H1.01.02.01]. Cụ thể, CĐR ngành Kế toán đã thực hiện điều chỉnh theo góp ý của các bên liên quan như tăng khối lượng thực hành, thực tập; tăng cường rèn luyện các kỹ năng cơ bản về quản lý, chỉ đạo công việc Kế toán, nghiên cứu khoa học để cải tiến các phương thức và kỹ thuật trong công tác Kế toán, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của các đơn vị Kế toán; trong các tổ chức, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế - xã hội khác. Riêng đối với nhà tuyển dụng thì đề xuất tăng thêm các môn học về kỹ năng giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, ngoại ngữ, tin học [H1.01.02.01].

Trên cơ sở Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp, Khung trình độ quốc gia Việt Nam [H1.01.01.03], [H1.01.02.03] và các văn bản hướng dẫn xây dựng CĐR của Nhà trường [H1.01.02.04], CĐR của CTĐT 2010 được rà soát, chỉnh sửa theo quy định của Bộ GD&ĐT và đã được Hiệu trưởng ban hành theo quy định vào các năm 2016, 2017, 2019 [H1.01.02.01].

CĐR của CTĐT ngành Kế toán đã nêu rõ kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm đạt được sau quá trình đào tạo, đồng thời phản ánh được yêu cầu của tất cả các đối tượng có liên quan [H1.01.02.01].

Căn cứ vào biên bản nghiệm thu của Hội đồng chuyên môn cấp khoa, cấp trường, Hiệu trưởng đã phê chuẩn, ra quyết định ban hành CĐR [H1.01.02.01].

Việc rà soát, điều chỉnh CĐR và nâng cao chất lượng CTĐT luôn nằm trong kế hoạch và nhiệm vụ của Khoa KT - QTKD, Trường ĐHHĐ và được thực hiện 2 năm 1 lần. CĐR được công bố công khai trên website của Khoa và Nhà trường giúp cho người học, giảng viên và xã hội dễ dàng tiếp cận [H1.01.02.06].

2. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra của CTĐT được định kỳ rà soát và công bố công khai dưới nhiều hình thức để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Nội dung cụ thể của CĐR được phản ánh trong Bản mô tả chương trình và trong từng học phần cụ thể của chương trình đào tạo và được chỉnh sửa hàng năm; được công bố công khai cho sinh viên ngay từ năm thứ nhất, và được cụ thể trong từng năm học.

Việc rà soát, điều chỉnh CĐR của chương trình đào tạo được xuất phát từ thực tiễn nhu cầu lao động và việc làm, dựa trên cơ sở các tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp, gắn với vị trí làm việc của người lao động với sự tham gia của các doanh nghiệp.

Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Kế toán được xây dựng trên cơ sở các quy định hiện

hành, có sự tham gia của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Quá trình xây dựng chuẩn đầu ra chưa huy động được nhiều doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tham gia vào việc xây dựng CĐR và CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Khoa KT-QTKD đã đẩy mạnh hơn nữa việc ký kết các thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế, để tăng cường giao lưu hướng nghiệp, giúp sinh viên hoàn thiện các kỹ năng mềm cần thiết cũng như các kỹ năng xử lý tình huống thực tế tại doanh nghiệp. Cụ thể Khoa đã có kế hoạch thực hiện về các chương trình như lễ ký kết thỏa thuận hợp tác cùng các doanh nghiệp để tạo sự kết nối giữa Khoa KT-QTKD với các doanh nghiệp đối tác, nhằm mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên có thêm nhiều kinh nghiệm thực tiễn phục vụ giảng dạy cũng như mở rộng thêm quan hệ trọng mạng lưới nghề nghiệp, đồng thời tạo điều kiện để các bạn sinh viên có cơ hội giao lưu với các cựu sinh viên và các doanh nghiệp để từ đó các em sinh viên hiểu hơn về những yêu cầu, cơ hội thách thức của nghề nghiệp Kế toán trong bối cảnh công nghệ cách mạng 4.0.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Kết luận về tiêu chuẩn 1

CTĐT ngành Kế toán đã thể hiện mục tiêu rõ ràng, cấu trúc hợp lý, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng người học đạt được được khi tốt nghiệp. Mục tiêu và CĐR được xây dựng khoa học đã phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học đáp ứng được yêu cầu xã hội. CĐR của CTĐT ngành Kế toán được định kỳ rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung có sự tham gia của các bên liên quan, được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau tới người học và các bên liên quan.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kế toán tiêu chuẩn 1 đạt 3/3 tiêu chí và bình quân tiêu chí đạt 5,33/7 điểm.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT ngành Kế toán được xây dựng theo đúng quy định trong các văn bản pháp quy và dựa trên mục tiêu, CĐR, yêu cầu của thực tiễn trong nền kinh tế hội nhập, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Đây là tài liệu cung cấp thông tin về CTĐT của ngành Kế toán tới người học, nhà tuyển dụng. Trên cơ sở CTĐT, bản mô tả CTĐT ngành Kế toán, nhà trường đã tổ chức xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết các học phần đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin và cập nhật.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT ngành Kế toán đầy đủ thông tin và liên tục được cập nhật. Cấu trúc bản mô tả CTĐT rõ ràng, tuân thủ theo quy định của Trường ĐHHĐ [H1.01.01.11]. Bản mô tả CTĐT được cập nhật theo đúng hướng dẫn chung của nhà trường [H1.02.01.01], [H1.01.02.04b] và sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT trình độ đại học [H1.02.01.02]; [H1.02.01.03].

Bản mô tả CTĐT cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết về nội dung của CTĐT. Cụ thể: [H1.01.01.06]

- Tên gọi của văn bằng: Cử nhân
- Ngành đào tạo: Kế toán
- Hệ, bậc đào tạo: Đại học/Chính quy
- Mô tả chương trình đào tạo (*Giới thiệu về chương trình đào tạo, thông tin chung về chương trình, mục tiêu đào tạo của chương trình, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phương pháp dạy-học và phương pháp kiểm tra đánh giá*)
- Mô tả chương trình dạy học: *Cấu trúc chương trình dạy học, Danh sách và mô tả các học phần, trình tự nội dung chương trình dạy học, ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra.*

Chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên sự kế thừa, vận dụng các chương trình đào tạo Kế toán của các trường đại học lớn trong nước như Đại học Kinh tế Quốc dân, Học viện Tài chính, Đại học Thương Mại; Các chương trình đào tạo cử nhân Kế toán của các trường đại học trên thế giới như Vương quốc Anh, Australia.

Bản mô tả CTĐT được cập nhật thường xuyên, liên tục: Bản mô tả CTĐT được cập nhật đầy đủ những vấn đề, thông tin mới nhất theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới. Khối kiến thức chuyên ngành và ngành được thiết kế đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng, nhấn mạnh nội dung thực hành, kiến tập của các kiến thức được đào tạo và các văn bản quy định hiện hành, bản mô tả CTĐT được hoàn thiện và ban hành vào tháng 11/2019 [H1.01.01.06]. Cụ thể các nội dung cập nhật của bản mô tả CTĐT như sau:

Năm 2017, CTĐT được điều chỉnh theo hướng chuẩn năng lực kiến thức và kỹ năng. Bản mô tả CTĐT lần đầu tiên được ban hành vào năm này. Nội dung thông tin chung về CTĐT giới thiệu khá sơ sài. Mục tiêu đào tạo được chi tiết thành 2 mục tiêu là mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, trong đó: mục tiêu cụ thể được chi tiết thành các mục tiêu về kiến thức, về kỹ năng (bao gồm kỹ năng cứng và kỹ năng mềm), về thái độ, về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm. CĐR của ngành Kế toán được điều chỉnh về nội dung và hình thức. Các nội dung chuẩn đầu ra về kỹ năng mềm được chi

tiết, cụ thể hơn. Nội dung về ma trận hồ sơ năng lực lần đầu tiên được xây dựng bao gồm các nội dung: vị trí, vai trò của các học phần trong việc hình thành, phát triển năng lực của người học.

Năm 2019, Nhà trường không điều chỉnh CTĐT mà chỉ biên soạn lại Bản mô tả CTĐT theo hướng kế thừa các nội dung của Bản mô tả ban hành năm 2017. Nội dung giới thiệu về chương trình đào tạo bao gồm các tóm lược về các mốc ban hành CTĐT, các nội dung cơ bản của CTĐT được bổ sung so với bản năm 2017. Phần nội dung thông tin chung về chương trình được chi tiết hơn đặc biệt là các nội dung về điều kiện tốt nghiệp, vị trí việc làm. Về mục tiêu đào tạo của chương trình đã có sự thay đổi đánh kể so với bản mô tả năm 2017. Mục tiêu chung được điều chỉnh theo hướng chỉ rõ cơ hội nghề nghiệp cũng như khả năng tiếp tục học tập, nâng cao trình độ của sinh viên chuyên ngành Kế toán và nội dung mục tiêu cụ thể được mã hoá theo các mã M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7. Chuẩn đầu ra của CTĐT cũng được mã hoá thành các chuẩn từ C1 đến C18. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT lần đầu tiên được giới thiệu trong bản mô tả CTĐT năm 2019. Các nội dung còn lại của bản mô tả CTĐT năm 2019 về cơ bản giữ nguyên so với năm 2017.

Ngoài các thông tin chung về CTĐT, Bản mô tả của CTĐT hiện hành có đề cập đến chiến lược dạy và học của khoa cũng như của chương trình đào tạo, gồm có: triết lý giáo dục, phương pháp dạy và học được áp dụng trong chương trình, đặc biệt là phương pháp tình huống và các phương pháp giảng dạy tích cực nhằm giúp sinh viên tiếp cận gần hơn với thực tiễn doanh nghiệp và phát triển các kỹ năng bổ trợ, các hoạt động và phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với từng học phần trong chương trình. Những thông tin tổng hợp này giúp sinh viên hình dung được các hoạt động học tập của mình trong 4 năm đào tạo để lên kế hoạch học tập và có sự chuẩn bị cần thiết để việc học tập đạt hiệu quả cao nhất. Cụ thể: Triết lý của chương trình “đào tạo gắn liền với thực tiễn”. Triết lý đào tạo gắn liền với thực tiễn được thực hiện thông qua việc tăng cường các chương trình thực tập - thực tế giữa khóa, cuối khóa và các môn học thuộc chuyên ngành kế toán – kiểm toán bao gồm từ các học phần lý thuyết đến các học phần thực hành kế toán - kiểm toán trong khung CTĐT, phối kết hợp chặt chẽ với các công ty dịch vụ kế toán - kiểm toán trong đào tạo và nghiên cứu nhằm tăng cường kiến thức thực tế và kỹ năng thực hành nghề nghiệp kế toán - kiểm toán cho sinh viên, giúp sinh viên định hướng nghề nghiệp rõ ràng để ra trường có khả năng thâm nhập ngay vào công việc thực tế liên quan đến kế toán - kiểm toán.

Ngoài ra, Bản mô tả chương trình đào tạo cũng đề cập tới kế hoạch giảng dạy của toàn khóa, trong đó chỉ ra mỗi học kỳ (từ học kỳ I đến học kỳ VIII) sinh viên được dự kiến học tập những học phần nào. Khung chương trình cũng cho biết các học phần

tiên quyết của mỗi khối kiến thức. Tất cả những thông tin trên sẽ giúp người học hình dung khái quát về lộ trình học tập trong 4 năm nhằm xây dựng kế hoạch học tập để hoàn thành CTĐT.

Ma trận chỉ dẫn tích lũy kiến thức, kỹ năng của các học phần cũng được đề cập đến trong bản mô tả CTĐT, trong đó chỉ rõ mỗi học phần sẽ giúp sinh viên hình thành những năng lực cần thiết như đã tuyên bố trong CDR; tổng hợp ma trận CDR các nhóm học phần đóng góp vào việc hình thành CDR của CTĐT.

Bên cạnh đó, bản mô tả CTĐT cũng cung cấp thang điểm cho kết quả học phần và xếp loại tốt nghiệp của sinh viên, sinh viên có thể sử dụng kết quả đánh giá mức độ tích lũy kiến thức, kỹ năng của mình, từ đó xây dựng kế hoạch cho giai đoạn còn lại để tại thời điểm tốt nghiệp đạt được năng lực như kỳ vọng.

Trong suốt quá trình giảng dạy, để đảm bảo người học đạt được các yêu cầu về chuẩn kiến thức và kỹ năng, chương trình luôn có sự điều chỉnh cập nhật, bổ sung học phần mới, các học phần tự chọn... với các yêu cầu được chi tiết hóa trong đề cương học phần; đổi mới phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra - đánh giá,... để giúp sinh viên phát triển toàn diện hơn các kiến thức và kỹ năng như CDR đã tuyên bố, đồng thời đáp ứng tốt hơn các yêu cầu ngày càng cao của nhà tuyển dụng.

Việc xây dựng, điều chỉnh Bản mô tả CTĐT có sự tham gia của các bên liên quan đảm bảo đủ thông tin, cập nhật và được công bố kịp thời trên hệ thống website của Khoa và Nhà trường. Trước khi trình Hiệu trưởng ký ban hành, Khoa và bộ môn chuyên ngành đã tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia, CB, GV tham gia giảng dạy và người học đang theo học CTĐT ngành Kế toán để chỉnh sửa, hoàn thiện bản mô tả CTĐT, [H1.01.01.13].

Kết quả lấy ý kiến đội ngũ giảng viên trực tiếp giảng dạy CTĐT ngành Kế toán trong năm 2017, 2018, 2019 cho thấy trên 90% ý kiến đánh giá hài lòng về 3 nội dung thuộc bản mô tả CTĐT [H1.02.01.04]. Trên cơ sở bản mô tả CTĐT và CTĐT ngành Kế toán để đội ngũ giảng viên xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp cho từng học phần được phân công giảng dạy theo học kỳ; từ đó nhà quản lý xây dựng kế hoạch giám sát hoạt động dạy học của đội ngũ GV và hoạt động học tập của người học theo học CTĐT [H1.02.01.05].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT đã cung cấp đầy đủ lộ trình dự kiến toàn bộ khóa học từ: Mục tiêu đào tạo, Chuẩn đầu ra; mô tả rõ vị trí, vai trò của các học phần trong việc hình thành, phát triển năng lực của người học. Bản mô tả đã xây dựng được ma trận hồ sơ năng lực, phản ánh đúng cấu trúc CTĐT theo định hướng phát triển các năng lực nghề nghiệp - đích hướng tới của quá trình đào tạo và người học. Qua bản mô tả này, người

học và xã hội hiểu được lộ trình dự kiến toàn bộ khóa học cũng như phương pháp dạy - học và kiểm tra đánh giá nhằm đạt được CĐR của ngành.

3. Điểm tồn tại

Chưa thật sự đa dạng hoá các kênh thông tin, công khai về bản mô tả CTĐT (mới chỉ qua kênh website và giảng viên giảng dạy).

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Khoa và Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh hoạt động công khai, trong đó có công khai về CTĐT, bản mô tả CTĐT trên nhiều kênh khác nhau nhằm phục vụ tốt hơn cho quá trình tiếp cận, tìm hiểu thông tin, nghiên cứu, làm việc và học tập của sinh viên, giảng viên và các nhà quản lý.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Trên cơ sở CTĐT, bản mô tả CTĐT ngành Kế toán đã tổ chức xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết các học phần thuộc ngành quản lý theo quy trình được hướng dẫn tại các văn bản của Trường ĐHHĐ [H1.02.01.01], [H1.02.02.01, H1.02.02.02], cụ thể: Đề cương chi tiết học phần do giảng viên xây dựng, bộ môn góp ý và nghiệm thu, khoa phê duyệt và ban hành [H1.01.01.07], [H1.02.02.03,04,05]. Chương trình đào tạo ngành=Kế toán gồm 47 học phần (tương đương 121 tín chỉ), trong đó có 37 học phần bắt buộc (96 tín chỉ) và 10 học phần tự chọn (25 tín chỉ), được phân bổ trong 8 học kỳ (kỳ 1: gồm 06 học phần (15 tín chỉ); kỳ 2: gồm 06 học phần (16 tín chỉ); kỳ 3: gồm 06 học phần (17 tín chỉ); kỳ 4: gồm 07 học phần (16 tín chỉ); kỳ 5: gồm 07 học phần, (15 tín chỉ); kỳ 6: gồm 06 học phần (15 tín chỉ); kỳ 7: gồm 07 học phần (16 tín chỉ); kỳ 8: gồm 02 học phần thay thế/KLTN và thực tập TN (11 tín chỉ).

Việc biên soạn đề cương chi tiết các học phần tuân thủ theo các văn bản hướng dẫn của Nhà trường. Đề cương chi tiết môn học thuộc CTĐT ngành Kế toán thể hiện đầy đủ, rõ ràng các thông tin cần thiết: thông tin về giảng viên; CĐR của học phần; mục tiêu về kiến thức, kĩ năng, năng lực, mức độ tự chủ và trách nhiệm của cá nhân sinh viên để đạt được CĐR của học phần; hình thức tổ chức dạy học, chính sách đối với học phần; học liệu; phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; Cụ thể, đề cương học phần được thể hiện đầy đủ các thông tin, gồm:

- *Thông tin chung về học phần: tên học phần, mã học phần, ngành/chuyên ngành đào tạo, bậc đào tạo, khoa/bộ môn phụ trách học phần, loại học phần là bắt buộc hay tự chọn, yêu cầu của mỗi học phần, phân bổ giờ tín chỉ đối với lý thuyết, thảo luận, bài tập, thực hành, tự học.*

- *Mục tiêu học phần: kiến thức, kỹ năng, thái độ. Các mục tiêu này được xây dựng bám sát theo chuẩn đầu ra của CTĐT tương ứng với từng mục tiêu học phần cần đạt được.*

- *Chuẩn đầu ra của học phần.*
- *Nội dung chi tiết học phần.*
- *Thông tin về GV.*
- *Học liệu.*
- *Hình thức tổ chức và dạy học.*
- *Chính sách đối với học phần*
- *Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá KQHT học phần.*
- *Các yêu cầu khác.*

Đề cương đảm bảo thể hiện được sự tương hợp giữa ba yếu tố quan trọng: nội dung giảng dạy nhằm đạt được CDR của môn học, phương pháp giảng dạy/học tập để có thể đạt được các CDR đã nêu và phương pháp đánh giá để đánh giá hiệu quả giảng dạy.

Tất cả các học phần thuộc CTĐT ngành Kế toán đều có đề cương chi tiết kèm theo. Đề cương chi tiết học phần được Bộ môn, Khoa thẩm định, ký ban hành và Nhà trường thực hiện đánh giá [H1.01.01.06].

Hàng năm, Khoa xây dựng kế hoạch rà soát đề cương học phần về nội dung, điều chỉnh, bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo, phương pháp đánh giá. Đầu mỗi kỳ học (Chậm nhất trước 2 tuần) đề cương tiết học phần được các bộ môn rà soát điều chỉnh và cập nhật [H1.02.02.03]; [H1.02.02.04]; [H1.02.02.05]. Việc rà soát được thực hiện nghiêm túc theo quy định và có biên bản rà soát ĐCCTHP kèm theo [H1.02.02.06], [H1.02.02.07]. Cụ thể:

Hàng năm, theo yêu cầu của Trường về việc cập nhật nội dung chương trình cho phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật, với thực tế và sự tiến bộ của khoa học, công nghệ, các bộ môn chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức rà soát khối lượng, nội dung kiến thức các học phần theo các bước:

- Triển khai kế hoạch, nội dung rà soát với các giảng viên trong bộ môn;
- Tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan về nội dung, chất lượng của các học phần như các chuyên gia, giảng viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng....
- Rà soát khối lượng, nội dung kiến thức, thái độ, kỹ năng học phần. Xây dựng đề cương chi tiết học phần;
- Đóng góp ý kiến cho đề cương;
- Chỉnh sửa, hoàn thiện đề cương.

Các khoa tổ chức họp Hội đồng khoa học và đào tạo của Khoa để thẩm định kết quả rà soát của bộ môn theo các bước:

- Báo cáo kết quả rà soát cấp bộ môn;
- Các thành viên góp ý kiến cho kết quả rà soát của bộ môn;
- Nộp kết quả thẩm định về phòng Quản lý khoa học

Trên cơ sở kết quả thẩm định của các Khoa, Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường sẽ tổ chức nghiệm thu khối lượng, nội dung kiến thức/kỹ năng, đề cương chi tiết học phần theo các chương trình đào tạo đã ban hành, gồm các bước:

- Báo cáo kết quả rà soát khối lượng, nội dung kiến thức/kỹ năng của chương trình đào tạo (theo từng chương trình đào tạo);
- Hoàn thiện Đề cương chi tiết học phần;
- Phê duyệt và ban hành Đề cương chi tiết học phần và bổ sung vào chương trình đào tạo.

Đề cương học phần đều được các giảng viên cung cấp cho SV ngay khi bắt đầu học phần. Ngoài ra, mọi sinh viên đều có thể tham khảo đề cương học phần của CTĐT ngành Kế toán hệ chính quy trên trang thông tin điện tử của Khoa. Đề cương các học phần được chuẩn hóa trong toàn bộ CTĐT. Tất cả các Đề cương học phần được xây dựng theo mẫu của Trường ĐHHĐ. Mục tiêu chung của học phần thể hiện bao quát mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà học phần đóng góp vào Chuẩn đầu ra. Mục tiêu cụ thể của học phần chi tiết từng mục tiêu về kiến thức, kỹ năng thái độ cụ thể mà học phần đóng góp. Tài liệu tham khảo bao gồm Tài liệu bắt buộc và hướng dẫn gồm những tài liệu mà Thư viện của Trường có đầy đủ. Phân phân bổ thời gian giảng dạy chi tiết cho từng chương gồm (số giờ lý thuyết, thực hành), bài kiểm tra. Các đề cương học phần đều có phần Tiêu chí đánh giá về kiến thức, kỹ năng, thái độ thông qua điểm chuyên cần, bài tập, bài kiểm tra, bài thi cuối kỳ của học phần.

Các đề cương học phần đều được tham chiếu, so sánh, tiếp thu và cập nhật từ những đề cương học phần trong các CTĐT của các trường đại học có uy tín trên thế giới về ngành kế toán doanh nghiệp như Đại học Kinh tế Quốc Dân, Học viện Tài chính. Việc cập nhật đề cương năm 2016 là rà soát và cập nhật danh mục tài liệu tham khảo. Năm 2019 là rà soát mục tiêu học phần phù hợp với mục tiêu chuẩn đầu ra của chương trình, các chương của học phần gắn với mục tiêu học phần và chuẩn đầu ra học phần.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành đầy đủ các quy định về việc xây dựng, điều chỉnh, bổ sung đề cương chi tiết học phần đào tạo theo hệ thống tín chỉ; 100% đề cương chi tiết học phần được chuẩn hóa theo quy định của Nhà trường, được bộ môn chuyên môn

thẩm định, Khoa phê duyệt và công bố công khai cho người học và các đối tượng liên quan.

Đề cương chi tiết thuộc CTĐT ngành Kế toán bám sát mục tiêu, nội dung CTĐT và liên tục cập nhật. Trong quá trình biên soạn, cập nhật đề cương đã có sự tham gia của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Toàn bộ đề cương chi tiết học phần thuộc Bộ môn, Khoa quản lý được rà soát, cập nhật, điều chỉnh hàng năm nhưng chưa được làm rõ, cụ thể hóa những nội dung cập nhật, điều chỉnh bằng văn bản.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 - 2022, Khoa xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện đồng bộ việc rà soát, cập nhật, điều chỉnh ĐCCT HP gắn với những điều chỉnh, bổ sung CTĐT. Các nội dung cập nhật, điều chỉnh sẽ được cụ thể hóa trong biên bản các cuộc họp chuyên môn và công bố rộng rãi đến người học, giảng viên, và các bên liên quan khác.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT ngành Kế toán được thực hiện và ban hành lần đầu năm 2017, chỉnh sửa, bổ sung vào năm 2019, được thẩm định và ban hành kèm theo CTĐT [H1.01.01.06].

Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần thuộc CTĐT được nghiệm thu, thẩm định bởi hội đồng cấp Trường và cấp Khoa cho ý kiến [H1.01.01.13].

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần trong chương trình cử nhân Kế toán được ban hành và công khai trên website của Nhà trường, các bên liên quan dễ dàng tiếp cận và sinh viên chủ động lập kế hoạch học tập. Đồng thời, đề cương chi tiết các học phần được công bố cho người học thông qua giảng viên cung cấp trong tuần thứ nhất của lịch trình giảng dạy môn học theo quy định của Nhà trường, công khai trong các buổi tư vấn tuyển sinh; giới thiệu cho sinh viên khóa mới trong tuần giáo dục chính trị đầu khóa [H1.01.01.16]; báo cáo tổng kết công tác đào tạo [H1.02.03.01]; những điều chỉnh đều được cập nhật trên website của Nhà trường và của Khoa [H1.01.01.17]. Ngoài ra, qua việc công khai CTĐT và Đề cương các học phần giúp các bên liên quan nắm bắt được các thông tin về chương trình đào tạo và kiến thức truyền tải của các học phần trong chương trình đào tạo [H1.01.01.17].

Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần định kỳ được điều chỉnh dựa trên việc thu thập ý kiến của các bên có liên quan đặc biệt là đối với người học đang theo

học, qua việc đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy và chất lượng quá trình đào tạo cho thấy: người học đã biết đến CTĐT ngành Kế toán từ khi nghiên cứu đăng ký thi tuyển /đăng ký xét tuyển; biết đến đề cương chi tiết học phần trong tiết học đầu tiên do giảng viên bộ môn giảng dạy, trên website của Khoa [H1.02.03.02], [H1.02.01.04], [H1.02.02.05], [H1.02.03.02]. Các ý kiến đều thống nhất cho rằng, Khoa đã áp dụng nhiều hình thức công bố bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần. Theo ý kiến của người học, Đề cương học phần rõ ràng, dễ hiểu và dễ sử dụng, cách xây dựng khoa học, chi tiết, các mục cụ thể của từng chương đã nêu được cách thức đánh giá và mục tiêu đạt được. Tuy nhiên theo ý kiến của nhà tuyển dụng và các sinh viên đang học sẽ là tốt hơn nếu khoa có bản mô tả tóm tắt CTĐT ngành Kế toán bằng tiếng Anh và được công bố kịp thời trên hệ thống website của Khoa [H1.02.01.04], [H1.01.01.17].

Khoa, bộ môn xây dựng kế hoạch tổ chức khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan về sự thuận lợi dễ dàng tiếp cận Bản mô tả CTĐT, đề cương học phần [H1.02.03.02], [H1.02.03.03]

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần được cung cấp cho người học và các bên liên quan đầy đủ, giúp cho người học có kế hoạch học tập và phương pháp học tập phù hợp để đạt được kết quả mong đợi; giúp cho giảng viên phụ trách học phần trong CTĐT hiểu rõ kiến thức người học cần nắm được sau khi kết thúc học phần; giúp cho nhà tuyển dụng biết được các kỹ năng của người học khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Chưa thật sự đa dạng hoá các kênh thông tin, công khai về đề cương chi tiết môn học (mới chỉ qua kênh website và giảng viên giảng dạy).

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 - 2022 Khoa và Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh hoạt động công khai, trong đó có công khai về CTĐT, bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết môn học trên nhiều kênh khác nhau nhằm phục vụ tốt hơn cho quá trình tiếp cận, tìm hiểu thông tin, nghiên cứu, làm việc và học tập của sinh viên, giảng viên và các nhà quản lý.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 2

Khoa đã xác định bản mô tả CTĐT là yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, do vậy Khoa KT-QTKD đã chủ động xây dựng bản mô tả CTĐT ngành Kế toán một cách khoa học. CTĐT ngành Kế toán có mục tiêu rõ ràng, cung cấp đầy đủ kiến thức chuyên môn, tay nghề nghiệp vụ cơ bản cho người học, phần kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành có nhiều học phần tự

chọn dễ dàng điều chỉnh hoặc cập nhật, giúp người học lựa chọn phù hợp với sở thích và nhu cầu thị trường.

Nội dung bản mô tả CTĐT và đề cương học phần có đầy đủ thông tin được cập nhật và công bố công khai cho các bên liên quan nắm được và dễ dàng tiếp cận. Tuy nhiên đề cương chi tiết học phần chưa thường xuyên cập nhật trên Website của nhà trường, đồng thời việc xin ý kiến đóng góp của các bên liên quan đến việc điều chỉnh bản mô tả chưa được nhiều.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kế toán tiêu chuẩn 2 đạt 3/3 tiêu chí và bình quân tiêu chí đều đạt 5,0/7 điểm.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Chương trình dạy học ngành Kế toán được cấu trúc hợp lý và hệ thống, được thiết kế theo hướng tiên tiến hiện đại bám sát chuẩn đầu ra, đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Chủ đề và nội dung các học phần được cấu trúc logic, theo trình tự và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT, có sự đóng góp rõ ràng cho chuẩn đầu ra. Chương trình đào tạo ngành Kế toán được xây dựng theo hướng tích hợp kiến thức, kỹ năng và thái độ.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

CTĐT của ngành đại học Kế toán thể hiện được sự phù hợp với mục tiêu sứ mệnh đào tạo của trường ĐH Hồng Đức là theo định hướng ứng dụng, đa ngành, đa lĩnh vực, phục vụ quá trình phát triển thực tiễn của tỉnh Thanh Hóa, của đất nước, chủ động hội nhập với các trường đại học trong và ngoài khu vực. CTĐT ngành Kế toán được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm [H1.01.02.01], [H1.01.01.08], [H1.01.02.04]. Cụ thể, chương trình được xây dựng và điều chỉnh dựa trên các ý kiến đóng góp của giảng viên trong bộ môn, Hội đồng Khoa, phản hồi của các bên liên quan để đạt được mục tiêu đào tạo và CĐR [H1.01.01.13], [H1.01.02.05]; CTDH được xây dựng và thiết kế theo CĐR của CTĐT đã được công bố theo hướng dẫn của Nhà trường bao gồm các nội dung:

- Mục tiêu đào tạo
- CĐR của ngành và CĐR của mỗi học phần
- Nội dung đào tạo
- Phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá người học và thời lượng đào tạo của ngành và mỗi học phần.

Chương trình dạy học hàng năm được điều chỉnh phù hợp chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra CTĐT các năm 2016, 2017, 2019 [H1.01.01.13], [H1.01.01.05]; Việc

thiết kế CTDH hợp lý đáp ứng các CĐR về kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm thông qua kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực, trình tự và tiến độ trong CTDH [H1.01.02.03]: từ lịch trình giảng dạy các học phần theo hướng tiếp cận các khối kiến thức mang tính thống nhất [H1.01.01.05] [H1.01.01.06], [H1.03.01.01]; Việc xây dựng CTDH đáp ứng CĐR, ngoài việc thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo còn được thực hiện theo quy định của Nhà trường [H1.01.02.04] đảm bảo người học tích lũy đủ khối lượng kiến thức và yêu cầu năng lực, xây thiết kế các hoạt động của giảng viên và sinh viên theo yêu cầu của CĐR giúp người dạy và người học chủ động và trách nhiệm trong thực hiện vai trò của mình; đến phối hợp các nguồn lực của Nhà trường trong việc đạt được CĐR: các đơn vị như *Phòng QLĐT* phối hợp với khoa trong việc bố trí lịch học theo lịch trình; *Phòng ĐBCL&KT* giúp triển khai các phương pháp kiểm tra, đánh giá giúp đạt CĐR của từng học phần và CĐR của cả chương trình. Hằng năm, Nhà trường có bảng tổng hợp kết quả khảo sát chất lượng đào tạo tại các đơn vị sử dụng lao động có sinh viên tốt nghiệp của Nhà trường, kỹ năng của sinh viên tốt nghiệp [H1.01.01.04] để xây dựng các chương trình đào tạo theo hướng các kiến thức, kỹ năng phù hợp với nhu cầu thị trường lao động

Chương trình đào tạo Kế toán được thiết kế với các môn học đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành, bổ trợ nhằm cung cấp cho sinh viên có kiến thức để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, quản lý điều hành hoạt động chuyên môn, kiến thức bổ trợ để phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, giúp sinh viên giải quyết các vấn đề liên quan tại doanh nghiệp, khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, kỹ năng dẫn dắt khởi nghiệp, kỹ năng truyền đạt vấn đề, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ thuộc lĩnh vực chuyên môn kế toán, kỹ năng ngoại ngữ, sử dụng CNTT.

Các học phần trong chương trình được thiết kế và sắp xếp theo thứ tự lộ trình học tập của SV từ năm thứ 1 đến năm thứ 4 trải trên 8 học kỳ bắt đầu từ các môn học đại cương đến các môn học cơ sở ngành, chuyên ngành. Các môn học bổ trợ giúp sinh viên có thể phát triển sang các ngành khác thuộc khối ngành kinh tế. Chương trình đảm bảo sự gắn kết liên mạch giữa các môn tạo kiến thức lý thuyết nền tảng và chuyên sâu về chuyên môn kế toán với các môn học tạo kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, giải quyết vấn đề. Khóa luận tốt nghiệp giúp sinh viên tổng hợp, vận dụng các kiến thức và kỹ năng chuyên môn, kinh tế xã hội tạo thành một sản phẩm khoa học cuối khóa mang tính hệ thống, sáng tạo giúp sinh viên có khả năng tư duy, tổng hợp [H1.01.01.06]

Trong CTDH có kế hoạch phân bổ các học phần theo từng kỳ, có tiến trình đào tạo để thể hiện quá trình thực hiện giảng dạy [H1.03.01.01]. Trong mô tả học phần, đề

cương chi tiết học phần đều xác định điều kiện tiên quyết đối với học phần, với thông tin về mục tiêu và chuẩn năng lực; nội dung học phần; phương pháp và hình thức dạy học; học liệu; phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá nhằm giúp người học có kế hoạch học tập cụ thể [H1.01.01.07].

CTDH theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học đã tập trung vào việc mô tả chất lượng đầu ra, quy định những kết quả đầu ra mong muốn của quá trình đào tạo [H1.01.01.05], [H1.01.01.06], [H1.01.02.01]. Khoa và bộ môn Kế toán đã chú trọng tới tính logic của các học phần trong chương trình dạy học, nhằm đảm bảo cho sinh viên tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ khối lĩnh vực rộng đến kiến thức chuyên ngành hẹp. Ngoài ra, CTDH cũng đã chú trọng đến sự cân đối trong việc phân bố giữa số giờ tự học, tự nghiên cứu với số giờ trên lớp, giờ dạy lý thuyết tích hợp với các hoạt động thảo luận, thực hành, thực tế và các giờ bài tập [H1.01.01.07].

Chương trình đã được điều chỉnh theo hướng giảm số giờ lý thuyết, tăng cường thực hành nghiệp vụ, tăng kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, tăng cường tính chủ động, sáng tạo và các khả năng nghề nghiệp cho người học phù hợp với CĐR đã công bố [H1.01.01.08], [H1.01.02.01]. Các phương pháp dạy và học đa dạng từ lý thuyết, thực hành, thảo luận, bài tập nhằm giúp sinh viên đạt được kiến thức, kỹ năng theo CĐR đã công bố [H1.03.01.02]; Bên cạnh đó, CTDH thiết kế dựa trên CĐR còn được thể hiện rõ nét ở một số các học phần kế toán như học phần kế toán tài chính 1, kế toán tài chính 2, kế toán tài chính 3..., bố trí thời lượng nhất định cho việc thực hành tại phòng kế toán mô phỏng giúp sinh viên có được kiến thức thực tế từ việc lập chứng từ, tập hợp chứng từ, vào sổ kế toán, lên báo cáo kế toán phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu ở các học kỳ tiếp theo và quá trình làm việc sau khi ra trường [H1.03.01.03].

Việc đánh giá SV ngành Kế toán được thực hiện bằng nhiều phương pháp để đạt được CĐR của CTĐT. Các bài kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ, thi kết thúc học phần đánh giá mức độ tích lũy kiến thức của người học qua từng phần [H1.03.01.04]. Đồng thời, thông qua đánh giá các bài tập lớn đối với các sinh viên đủ điều kiện [H1.03.01.05], các giờ thảo luận, làm việc nhóm và thuyết trình khuyến khích người học phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, có tư duy phân biện và tăng khả năng thích ứng với hoạt động nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp, phù hợp với góp phần tạo cơ hội cho người học đạt được CĐR.

2. Điểm mạnh

CTDH của ngành Kế toán được thiết kế với các học phần có nội dung bao trùm các CĐR của CTĐT theo định hướng ứng dụng có thực hành tại phòng kế toán mô phỏng tại khoa KT - QTKD để bám sát thực tiễn các chuẩn đầu ra đã công bố.

3. Điểm tồn tại

Các kỹ năng mềm chưa được thể hiện thực sự rõ trong CTDH.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2021 - 2022, Nhà trường và bộ môn chuyên ngành tiếp tục điều chỉnh, rà soát và hoàn thiện chương trình dạy học theo hướng mô tả rõ nét, cụ thể các kỹ năng mềm cần đạt được sau các học phần để đảm bảo bám sát CDR đã công bố.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả hiện trạng

Tất cả các học phần trong CTĐT ngành Kế toán đều có đề cương chi tiết. Các đề cương này được xây dựng theo quy định của Nhà trường [H1.02.02.01], [H1.02.02.02] do các nhóm giảng viên, chuyên môn biên soạn theo yêu cầu về chuyên môn của từng học phần, phù hợp với CDR của CTĐT và phương thức đào tạo tín chỉ [H1.01.01.11]. Khoa KT-QTKD xây dựng CTĐT ngành Kế toán với các khối kiến thức theo trình tự cơ bản, cơ sở đến chuyên sâu, trong đó bao gồm hai khối kiến thức là giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp [H1.01.01.05], [H1.01.01.06], [H1.03.01.01c].

Đề cương chi tiết của mỗi học phần đều được ghi rõ số tín chỉ (Số tiết lý thuyết, số tiết thảo luận/bài tập, số tiết thực hành) và logic giữa từng học phần với các học phần tiên quyết. Tất cả các đề cương chi tiết đều có phần mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần, chuẩn đầu ra của học phần được xây dựng gắn với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã được công bố, chú trọng vào năng lực đạt được của người học sau khi kết thúc học phần [H1.01.01.07d]. Để đảm bảo tính logic, khi rà soát chỉnh sửa CDR và CTDH thì sẽ rà soát chỉnh sửa ĐCCT. Điều này thể hiện sự đóng góp của học phần trong việc đạt được CDR là rõ ràng, cụ thể những nội dung cần đạt được khi kết thúc học phần trên các mặt kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực đạt được của người học [H1.01.01.08]. Đây là những điểm có thể định lượng và đo lường được.

Một số học phần như Kế toán tài chính 1, Kế toán tài chính 2, Kế toán thương mại dịch vụ đã đạt được mục tiêu đào tạo cung cấp những kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết sâu rộng về kế toán để có thể vận dụng các kiến thức chuyên môn giả quyết các tình huống cụ thể trong công tác kế toán, ngoài ra, còn thiết kế nội dung thực hành tại phòng kế toán mô phỏng, qua đó giúp người học liên hệ lý thuyết và thực tế, đáp ứng mục tiêu nâng cao chất lượng dạy và học đối với sinh viên. Đồng thời nhằm giúp sinh viên có cơ hội tiếp cận với thực tế về ngành từ cách lập chứng từ kế toán, vào sổ kế toán, lập báo cáo tổng hợp, báo cáo tài chính. Từ đó, cơ hội nâng cao kiến

thức, kinh nghiệm thực tiễn, trải nghiệm thực tế về nghề nghiệp tương lai [H1.03.01.03].

Để hoàn thành CTĐT ngành Kế toán năm 2019, người học phải đăng ký học và tích lũy đủ 121 tín chỉ của 47 học phần được phân chia ở 8 học kỳ [H1.03.01.01]. Tất cả các học phần trong CTDH xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Các học phần đều thể hiện rõ tổ hợp các phương pháp giảng dạy được sử dụng đó là các phương pháp Thuyết trình (lecturing), phương pháp Xêmina, phương pháp Thảo luận nhóm, phương pháp Nghiên cứu tình huống, mức độ chuyên cần, bài thi giữa học phần, bài tập lớn, bài thi kết thúc học phần trong đó điểm thi kết thúc học phần có trọng số 50% [H1.01.01.07]; Các phương pháp DH và KTĐG đa dạng, linh hoạt, hỗ trợ nhau trong việc đáp ứng CĐR của CTDH trên cơ sở đánh giá việc sinh viên hiểu, vận dụng được kiến thức, đánh giá kỹ năng và thái độ học tập trong cả quá trình. Các phương pháp DH và KTĐG được xác định chi tiết đến từng nội dung cụ thể của môn học, yêu cầu người học cần có các mức độ kiến thức và kỹ năng cần thiết đáp ứng từng phần trong nội dung CĐR [H1.03.01.02], [H1.03.01.04]. Tất cả ĐCCTHP đều thể hiện việc áp dụng phương pháp giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên theo phương pháp tích cực nhằm đạt được chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm với thiết kế tỷ lệ phần trăm số tiết lý thuyết và số tiết thực hành thảo luận, tự học [H1.03.02.01].

Sinh viên được đánh giá kiến thức, kỹ năng, thái độ qua các bài tập cá nhân, giờ thảo luận, giờ học trên lớp. Qua việc thuyết trình, trao đổi và bài thảo luận của các nhóm sinh viên, giảng viên có thể đánh giá được kiến thức, kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập, việc đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân của từng sinh viên. Bài thi cuối kỳ được kết cấu với 3 câu phần: Lý thuyết, vận dụng lý thuyết, tình huống thực tế giúp giảng viên đánh giá được đầy đủ các nội dung liên quan đến Chuẩn đầu ra như kiến thức, kỹ năng làm bài, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng vận dụng lý thuyết vào thực tế. Các phương pháp dạy, học, kiểm tra, đánh giá được vận dụng khoa học thể hiện trong Đề cương học phần, phù hợp với Quy định về đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐH Hồng Đức. [H1.01.01.05], [H1.01.01.07]

Trong quá trình dạy học thực tiễn, giảng viên chú trọng cho sinh viên cách thức rèn luyện và tự học thông qua bài tập cá nhân, thảo luận nhóm để có thể tự tìm ra và nắm bắt kiến thức mới. Nội dung của phần tự học và thảo luận nhóm được thể hiện rõ ràng với thời lượng cụ thể trong ĐCCT học phần. Tuy nhiên, kiến thức mới vẫn được giáo viên kiểm định, đảm bảo chắc chắn đây là kiến thức chuẩn thông qua các giờ thảo luận nhóm có sự hướng dẫn của giáo viên và chữa bài, chấm điểm tập cá nhân để đánh

giá quá trình tự học.

Các chương trình thực hành, thực tập, khóa luận tốt nghiệp đều có kế hoạch và trong kế hoạch thể hiện rõ mục đích, yêu cầu cần đạt được sau khi thực hiện các chương trình đó. Mục tiêu của các chương trình thực tế này mô tả đảm bảo bám sát CĐR của chương trình đào tạo. Để triển khai thực hiện đạt được mục tiêu đề ra, các kế hoạch đều chỉ rõ những mốc thời gian, yêu cầu công việc, trách nhiệm cụ thể của giáo viên, sinh viên, phòng thực hành, thực tập và các bộ phận quản lý có liên quan cũng như các yêu cầu về báo cáo thực tập và đánh giá kết quả [H1.03.01.03], [H1.03.02.02], [H1.03.02.03].

Khi hoàn thành CTĐT, người học sẽ đáp ứng CĐR về khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở, khối kiến thức ngành, chuyên ngành và thực tập, thực tế, có phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống và sức khỏe tốt. Có đầy đủ kiến thức chuyên môn và kỹ năng cần thiết về kinh tế và kế toán; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, hiệu quả nhằm giải quyết những vấn đề trong kinh tế nói chung và kế toán nói riêng; có trình độ ngoại ngữ và tin học đạt chuẩn đáp ứng nhu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực của người học và đơn vị tuyển dụng [H1.01.02.01].

Sinh viên tốt nghiệp có đầy đủ năng lực để tiếp tục học tập, bồi dưỡng, hoàn thiện kỹ năng nghề nghiệp và chuyên môn ở trình độ cao hơn, đáp ứng với yêu cầu của xã hội. 100% các học phần trong CTĐT có sự tương thích về nội dung để đảm bảo CĐR; 100% các học phần trong CTĐT xác định phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp để đạt CĐR. Kết quả khảo sát thông phương pháp lấy ý kiến trực tiếp về sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng cũng được phản hồi khá tốt [H1.01.01.13].

2. Điểm mạnh

Nội dung chi tiết của từng học phần trong chương trình thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu, CĐR của từng học phần và có sự gắn kết với các học phần trong các khối kiến thức khác nhằm đảm bảo quá trình dạy – học và đánh giá đạt được CĐR của toàn CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là chưa đồng đều, có học phần đóng góp nhiều, còn có những học phần cùng thời lượng nhưng đóng góp hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 - 2022, Khoa KT-QTKD tiếp tục triển khai cụ thể việc lấy ý kiến đóng góp từ các chuyên gia ngoài Trường, nhà tuyển dụng, người học và cựu sinh viên; sẽ rà soát lại CĐR của từng học phần, và sự đóng góp của các học phần đáp ứng

CĐR của CTĐT; điều chỉnh nội dung bài tập/thực hành đáp ứng yêu cầu củng cố kiến thức lý thuyết và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho người học; Nghiên cứu áp dụng phương pháp lấy ý kiến đa dạng và phù hợp với từng đối tượng để đạt được hiệu quả cao nhất quá trình lấy ý kiến đóng góp, từ đó cập nhật, điều chỉnh các học phần phù hợp với tình hình thực tiễn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả hiện trạng

CTDH ngành Kế toán có cấu trúc trình tự logic, các học phần được cấu trúc bảo đảm sự gắn kết và liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và ngành, bảo đảm chương trình trở thành khối kiến thức thống nhất [H1.01.01.05], [H1.01.01.06], [H1.03.01.01].

CTDH được thiết kế dựa trên cơ sở CĐR của ngành với mục tiêu phát huy năng lực người học nên tăng thời lượng thực hành, giúp người học có kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cũng như các kỹ năng cần thiết đáp ứng yêu cầu nhà tuyển dụng. Bằng việc thiết kế các học phần bắt buộc và tự chọn trong CTDH giúp cho người học có kiến thức cơ bản, nền tảng bắt buộc của ngành học đồng thời có thể lựa chọn các học phần phù hợp với năng lực, sở trường của bản thân cụ thể tỷ lệ các học phần tự chọn khối kiến thức giáo dục đại cương là 2/15 học phần (tương đương 4/41 TC), khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp là: 11/20 học phần (tương đương 15/69 TC) [H1.01.01.05], [H1.01.01.06], [H1.03.01.01].

Để đảm bảo sự cân đối giữa khối kiến thức và kỹ năng đề hướng tới đạt CĐR, các học phần được sắp xếp logic, từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở, kiến thức ngành, chuyên ngành, thực hành, thực tế và được bố trí giảng dạy trong 4 năm [H1.03.01.01].

Các học phần được thiết kế trong CTDH theo trình tự hợp lý và khoa học, liên kết chặt chẽ với nhau, đi từ đơn giản đến phức tạp, từ lý thuyết đến thực hành, từ cơ bản đến chuyên sâu; Mỗi liên hệ giữa các học phần thuộc kiến thức đại cương, cơ sở ngành và kiến thức ngành trong nhóm học phần bắt buộc và nhóm học phần tự chọn được xây dựng một cách hợp lý.

Các học phần trong chương trình dạy học 100% được bố trí hợp lý (học phần điều kiện, tiên quyết; thời lượng cho mỗi học phần; thời điểm/học kỳ thực hiện...). Việc xác định học phần điều kiện, học phần tiên quyết, học phần học trước đóng vai trò hết sức quan trọng đối với các CTDH nói chung và đối với ngành Kế toán nói riêng. Học phần tiên quyết, học phần học trước vừa đảm bảo cung cấp kiến thức nền

tảng chung cho cả CTDH đồng thời vừa đảm bảo cung cấp kiến thức cho môn học tiếp theo (tính kế thừa giữa các môn học). Kiến thức chuyên sâu ngành chính luôn được bố trí học sau kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chung của ngành (ví dụ: Các học phần Kế toán trong các doanh nghiệp đặc thù như Kế toán thương mại dịch vụ, Kế toán thuế, Kế toán tài chính nhà nước... được bố trí học sau môn học Nguyên lý Kế toán, Kế toán tài chính 1,2). Việc bố trí các học phần trong CTDH đảm bảo điều kiện tiên quyết các học phần, điều kiện tiên quyết đóng vai trò hết sức quan trọng nhằm đảm bảo cung cấp kiến thức nền tảng chung cho cả CTDH, đồng thời vừa đảm bảo cung cấp kiến thức cho môn học tiếp theo (tính kế thừa giữa các môn học) giúp cho người học dễ dàng tiếp cận các kiến thức chuyên sâu chuyên ngành.

Trong thiết kế chương trình học bố trí thời gian hợp lý các môn học để người học có thời gian học tập trên giảng đường và thời gian thực tế, thực tập, tổng hợp, nghiên cứu. [H1.01.01.05], [H1.01.01.06], [H1.03.01.01].

Chương trình đào tạo ngành Kế toán đảm bảo sự gắn kết liền mạch giữa các học phần tạo kiến thức lý thuyết nền tảng và chuyên sâu về chuyên môn Kế toán với các môn học tạo kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, giải quyết vấn đề và Khóa luận tốt nghiệp giúp người học tổng hợp, vận dụng các kiến thức và kỹ năng chuyên môn, kinh tế xã hội tạo thành một sản phẩm khoa học cuối khóa mang tính hệ thống, sáng tạo giúp sinh viên có khả năng tư duy, tổng hợp. Cơ cấu kiến thức của CTDH 121 tin chỉ được cụ thể hóa ở *Bảng 3.1 phần Phụ biểu*.

Bên cạnh đó, nội dung các học phần tích hợp cả lý thuyết và thực hành nhằm giúp người học có điều kiện củng cố lý thuyết và hình thành kỹ năng thực hành, rèn luyện các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề thực tiễn. Đặc biệt ở các học phần thực hành như học phần thực hành Kế toán máy, sinh viên có cơ hội được áp dụng các kiến thức thực tế, lý thuyết về Kế toán, vận dụng các kiến thức chuyên môn để giải quyết các tình huống cụ thể trong công tác Kế toán [H1.03.01.03].

Học phần thực tập tốt nghiệp (8TC) và khóa luận tốt nghiệp (6TC). Sinh viên sẽ tham gia thực tập nghề nghiệp rồi viết khóa luận tốt nghiệp. Qua đó, sinh viên sẽ có cơ hội được học lý thuyết và triển khai nghiên cứu thực tế, được thực tập với nhiều nội dung khác nhau, tại các cơ sở như doanh nghiệp, công ty, xí nghiệp... [H1.03.02.03].

CTDH được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật. Các quy định, hướng dẫn việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học của Trường, Khoa được thường xuyên rà soát, đánh giá [H1.01.01.11]. Để rà soát và hoàn thiện CTDH theo chuẩn đầu ra, khoa KT - QTKD đã xây dựng kế hoạch cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo [H1.01.01.12], [H1.01.01.13]; Khoa cũng đã lấy thêm ý kiến đóng góp của giảng viên và chuyên gia, sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng.

[H1.01.01.13]; Nhìn chung kết quả cho thấy tất cả đều đánh giá chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của xã hội. Đó là sự phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Nhà trường. Đồng thời, sinh viên ngành kế toán được các nhà tuyển dụng đánh giá cao về chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp [H1.01.01.04].

Năm 2008: Theo chỉ đạo của Nhà trường, Khoa thực hiện chuyển đổi CTDH từ hình thức đào tạo theo Niên chế sang đào tạo theo Tín chỉ.

Năm 2016: Xây dựng CTDH theo hướng phát huy năng lực người học, chuyển đổi CTDH theo hướng tinh giản, giảm tải một số học phần nhằm đáp ứng hơn với thực tiễn. CTDH được giảm từ 130 tín chỉ xuống còn 126 tín chỉ [H1.01.01.05]; [H1.01.01.11].

Năm 2017: Hiệu trưởng Trường ĐHHĐ ban hành Khung chương trình theo khối ngành, nhóm ngành đào tạo Đại học định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học theo QĐ số 1270/QĐ-ĐHHĐ ngày 09/8/2017, theo đó, khối ngành đào tạo Kế toán có tổng số tín chỉ: 120 TC. Khoa, bộ môn đã kế thừa CTDH ban hành năm 2016 và tham khảo Dự thảo chuẩn chương trình đối với trình độ giáo dục đại học để điều chỉnh CTDH, nội dung học phần phù hợp, giảm số tín chỉ từ 126 tín chỉ xuống còn 120 tín chỉ [H1.01.01.05]; [H1.01.01.11].

Năm 2019: Thực hiện công văn số 3056/BGDĐT-GDDH ngày 19/7/2019 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn Lý luận chính trị, ĐHHĐ đã ban hành Quyết định số 1285/QĐ-ĐHHĐ ngày 16/08/2019 về việc điều chỉnh các học phần thuộc bộ chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy. Theo đó, chương trình được cập nhật tăng số tín chỉ học phần khối kiến thức LLCT dẫn đến CTDH tăng từ 120 TC lên 121 TC [H1.01.01.06]; [H1.01.01.11]; [H1.01.01.13].

Chương trình dạy học ngành Đại học Kế toán gồm 47 học phần (tương đương 121 tín chỉ), trong đó có 34 học phần bắt buộc (97 tín chỉ) và 13 học phần tự chọn (24 tín chỉ), được phân bổ trong 8 học kỳ (kỳ 1: gồm 06 học phần, 15 tín chỉ; kỳ 2: gồm 06 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 3: gồm 06 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 4: gồm 08 học phần, 17 tín chỉ; kỳ 5: gồm 07 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 6: gồm 07 học phần, 15 tín chỉ; kỳ 7: gồm 06 học phần, 15 tín chỉ; kỳ 8: gồm 02 học phần thay thế/KLTN và thực tập TN, 11 tín chỉ). Cụ thể lịch trình dạy học được cụ thể ở *Bảng 3.2 phần Phụ biểu*.

Trong quá trình thực hiện CTDH Khoa và Nhà trường đã tổ chức rà soát, đánh giá việc thiết kế và phát triển CTDH, điều chỉnh trên cơ sở ý kiến đánh giá của người học trong quá trình học và sau khi tốt nghiệp về chất lượng CTDH, ý kiến của cán bộ giảng dạy, chuyên gia, của Hội đồng Khoa KT-QTKD trong cuộc họp nghiệm thu

CTDH. Thông qua kết quả điều tra người sử dụng lao động, phỏng vấn chuyên gia và các bên liên quan có thể thấy rằng: Nội dung chương trình dạy học được xây dựng khá công phu và khoa học, các môn học chuyên ngành và các môn học kỹ năng bổ trợ được bố trí và phân bổ hợp lý. Từ ý kiến của các nhà khoa học và các đơn vị sử dụng lao động về sự cần thiết về ngoại ngữ và tin học đối với sinh viên tốt nghiệp ra trường đối với công việc thực tế, đồng thời sinh viên phải có kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức công nghệ và giải quyết vấn đề, CTDH ngành Kế toán đã xây dựng chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, đồng thời Nhà trường và Khoa cũng tăng cường sự liên kết với doanh nghiệp và các tổ chức nghề nghiệp trong quá trình đào tạo. Sau khi kết thúc thời gian giảng dạy, khoa tiến hành lấy phiếu đánh giá về các nội dung của từng học phần như nội dung kiến thức, kỹ năng giảng dạy của giảng viên, khả năng truyền đạt kiến thức đến người học cũng như những điểm cần lưu ý để hoàn thiện tốt hơn cho việc giảng dạy của từng giảng viên từ đó các giảng viên hoàn thiện hơn về chất lượng giảng dạy, khoa và nhà trường có cơ sở để đánh giá và hoàn thiện hơn nữa về chương trình đào tạo.

Theo kết quả khảo sát với doanh nghiệp và các tổ chức nghề nghiệp, giảng viên và các nhà quản lý giáo dục, các chuyên gia đều đánh giá tốt về CTDH ngành Kế toán. Đa số người học, cựu người học, chuyên gia, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục đều đồng ý với mức độ phù hợp của CDR với kiến thức, kỹ năng của CTDH, trách nhiệm và mức độ tự chủ, đồng ý với mức độ hợp lý của CTDH. Điều này cho thấy CTDH ngành kế toán đã đáp ứng được nhu cầu của người học và yêu cầu của thị trường lao động.

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã thực hiện công khai CTDH và bản mô tả các học phần trên trang thông tin điện tử của Khoa KT - QTKD và trang thông tin điện tử của Trường ĐHHĐ để sinh viên có thể dễ dàng tiếp cận và nắm được nội dung cũng như kế hoạch học tập của mình trong suốt quá trình học [H1.01.01.17].

CTDH ngành Kế toán có những điều chỉnh phù hợp, đảm bảo người học đạt được CDR về kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp, cụ thể CTDH 121 tín chỉ có học phần được chuyển từ học giáo dục chuyên nghiệp thành học phần thay thế tốt nghiệp như học phần Lập và phân tích báo cáo tài chính, thêm học phần như phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành, thay đổi học phần Kế toán doanh nghiệp xây lắp thành Thực hành Kế toán tài chính doanh nghiệp để phù hợp với định hướng phát huy năng lực người học, đồng thời đảm bảo tính liên thông giữa các ngành và trang bị kiến thức đầy đủ, cơ bản của khối ngành kinh tế cho người học [H1.01.01.13].

CTDH ngành Kế toán, trường Đại học Hồng Đức được xây dựng theo hướng phân bổ hợp lý tỉ lệ thời lượng giữa lí thuyết và thực hành, trải nghiệm. Tích hợp nhiều

nội dung kiến thức và kỹ năng học tập làm giảm số học phần và phát triển năng lực người học. CTDH của ngành Kế toán đã được xây dựng trên cơ sở tăng cường kỹ năng nghề nghiệp như tăng thời lượng thực hành, thực tập, học tập phục vụ cho phát triển kỹ năng nghề nghiệp [H1.01.01.06].

Chương trình dạy học được xây dựng dựa trên sự kế thừa, vận dụng các chương trình đào tạo Kế toán của các trường đại học lớn trong nước như Học viện Tài chính, Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh; Các chương trình đào tạo cử nhân Kế toán của các trường đại học trên thế giới như Mỹ, Australia, Singapore [H1.01.01.13d] cụ thể như sau:

Các trường trong nước:

- Học viện tài chính - Khoa Kế toán: 20% trong đó gồm các học phần thuộc khối kiến thức chung và kiến thức cơ sở ngành như Kế toán tài chính, Kiểm toán căn bản...

<https://www.hvtc.edu.vn/tabid/145/catid/38/id/20828/Chuong-trinh-dao-tao-he-dai-hoc-chinh-quy/Default.aspx>

- Trường Đại học kinh tế quốc dân/ khoa quản trị kinh doanh: 20% trong đó gồm: các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương như: Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác- Lênin, đường lối Đảng CSVN, tư tưởng HCM; pháp luật đại cương; lịch sử kinh tế quốc dân, lịch sử các học thuyết kinh tế; các HP thuộc kiến thức ngành đào tạo như kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, kinh tế môi trường,...

<https://daotao.neu.edu.vn/vi/ctdt-he-chinh-quy/tien-trinh-dao-tao-he-chinh-quy>

- Trường Đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh: 5% trong đó chủ yếu là các thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và kiến thức chung như Kinh tế lượng, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô...

Chương trình đào tạo ngành Kế toán doanh nghiệp:
<http://www.ueh.edu.vn/UserData/FileManagers/ToChucHanhChinh/ChuongTrinhDaoTao/DHCQ/ketoan/ketoandoanhnghiep.pdf>.

Chương trình đào tạo ngành Kế toán công:

<http://www.ueh.edu.vn/UserData/FileManagers/ToChucHanhChinh/ChuongTrinhDaoTao/DHCQ/ketoan/ketoancong.pdf>

Các trường nước ngoài:

- Đại học Auburn – Chương trình đại học ngành Kế toán:
http://bulletin.auburn.edu/undergraduate/collegeofbusiness/schoolofaccountancyacct/accountancy_major/

- Trường đại học Western Sydney – Úc, Chương trình đại học ngành Kế toán.
<http://handbook.westernsydney.edu.au/hbook/course.aspx?course=2783.3>

- Trường đại học Singapore Management – Chương trình đào tạo đại học ngành kế toán: <https://accountancy.smu.edu.sg/bachelor-accountancy/curriculum/course-structure>

- Trường Đại học New England – Úc, Chương trình đại học ngành Kế toán. <https://handbook.une.edu.au/courses/2021/BACC>

Tuy nhiên, việc tham khảo các CTDH mới chỉ tham khảo CTDH chung chưa phải là các CTDH tiên tiến và chương trình chất lượng cao các trường đại học trong và ngoài nước.

Tính liên thông thể hiện: SV học xong CTDH chuyên ngành Kế toán rất thuận lợi khi học tiếp lên những bậc học cao hơn tại trường Đại học Hồng Đức [H1.03.03.01].

2. Điểm mạnh

CTDH ngành Kế toán được thiết kế với cấu trúc hợp lý, logic giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành. CTDH được thiết kế theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp cao nhằm đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có khả năng đáp ứng được những yêu cầu của công việc. Các học phần trong chương trình luôn luôn được cập nhật, điều chỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm và xu hướng phát triển chung của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Trong quá trình xây dựng CTDH các nội dung cập nhật đổi mới có những nội dung chưa thực sự đáp ứng được với chương trình dạy học tiên tiến, chất lượng cao trong nước và quốc tế

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 - 2022, Trên cơ sở tiếp tục phát huy cập nhật và đổi mới CTDH đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm trong tình hình mới, Khoa, bộ môn tăng cường tham khảo đa dạng các CTDH tiên tiến, chất lượng cao để tiếp cận và kế thừa CTDH này vào CTDH ngành Kế toán cho các lần cập nhật CTDH tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Kết luận về tiêu chuẩn 3:

Chương trình dạy học ngành Kế toán được thiết kế dựa trên CĐR đã được ban hành, với các học phần có nội dung bao trùm các CĐR của Kế toán, trong đó thể hiện rõ sự đóng góp của các học phần trong thực hiện CĐR. Các học phần cơ sở, các học phần thuộc khối kiến thức nhóm ngành, ngành được thiết kế linh hoạt, tạo điều kiện cho người học. Nội dung của các học phần cơ sở và học phần chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau.

Chương trình dạy học được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống,

nội dung cập nhật, mang tính tích hợp. Chương trình dạy học thể hiện được năng lực của người học tốt nghiệp. Các ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kế toán tự đánh giá tiêu chuẩn 3 đạt 3/3 tiêu chí và đạt 5,0/7 điểm.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học

Mở đầu

Với phương châm luôn tích cực, chủ động sáng tạo trong việc đổi mới phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, trong thời gian qua Khoa KT - QTKD luôn chú trọng đến việc đổi mới, chuyển từ hình thức truyền thụ kiến thức một chiều mang tính hàn lâm, xa rời thực tiễn sang hướng giáo dục chủ động; chú trọng hình thành năng lực hành động, phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học. Để làm được điều này, CTĐT ngành Kế toán xác định rõ mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Cách tiếp cận này được cụ thể hóa ở việc thiết kế chương trình với các môn học kế tiếp nhau một cách logic, môn cơ sở là môn tiên quyết cho những môn học chuyên ngành, các hoạt động dạy và học đều phải cùng hướng đến chuẩn đầu ra. Thông điệp về cách tiếp cận, các hoạt động dạy học và chuẩn đầu ra của chương trình cần được mỗi giảng viên và SV hiểu rõ để thực hiện tốt vai trò nhiệm vụ của mình. Trong tiêu chuẩn này, chúng tôi xin tự đánh giá phương pháp tiếp cận trong dạy và học thông qua 3 tiêu chí sau:

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến đến các bên liên quan

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Hồng Đức phù hợp với nguyên lý, mục tiêu giáo dục đại học được cụ thể hoá trong Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 đó là [H1.01.01.09]:

- Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

- Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân.

- Đào tạo trình độ đại học để sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo.

Mục tiêu này đã được nhà trường thể hiện trong chính sách chất lượng của Nhà

trường và được Nhà trường truyền tải mục tiêu qua chiến lược phát triển trường Đại học Hồng Đức đến năm 2020, tầm nhìn 2030 đó là: “Trường Đại học Hồng Đức có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực đa lĩnh vực có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và cả nước”. Các giá trị cốt lõi của Nhà trường được xác định “Chất lượng - Hiệu quả - Chuyên nghiệp - Hội nhập” [H1.01.01.01].

Trên cơ sở *sứ mạng tầm nhìn*, các giá trị cốt lõi, mục tiêu giáo dục của Nhà trường và CĐR của ngành Kế toán, khoa đã xác định mục tiêu giáo dục của ngành Kế toán, mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành Kế toán từ năm 2016-2021 được xác định và điều chỉnh cụ thể như sau:

+ Mục tiêu đào tạo chung trong CTĐT năm 2016, 2017 là “*Đào tạo cử nhân kế toán có phẩm chất đạo đức tốt, có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức cơ sở và chuyên môn hoàn chỉnh; có năng lực thực hành và vận dụng hiệu quả các vấn đề lý thuyết vào thực tiễn công tác chuyên môn; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, chủ động giải quyết được các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, chỉ đạo công việc kế toán, nghiên cứu khoa học để cải tiến các phương thức và kỹ thuật trong công tác kế toán, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của các đơn vị kế toán; có trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh) bậc 3/6 và tin học đạt chuẩn đáp ứng nhu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực của người học và đơn vị tuyển dụng. Có khả năng học tập để nâng cao trình độ sau đại học*” [H1.01.01.05a, b]. Đến năm 2019, mục tiêu chung được điều chỉnh trong đó thay thế mục tiêu “*Có khả năng học tập để nâng cao trình độ sau đại học*” thành mục tiêu “*Sinh viên tốt nghiệp có đầy đủ năng lực để tiếp tục học tập, bồi dưỡng, hoàn thiện kỹ năng nghiệp vụ và chuyên môn ở trình độ cao hơn, đáp ứng với yêu cầu của xã hội*” [H1.01.01.06a].

+ Mục tiêu cụ thể của CTĐT năm 2016, 2017 được chia thành 4 nhóm mục tiêu: Kiến thức, Kỹ năng, Thái độ, Năng lực tự chủ và trách nhiệm [H1.01.01.05a, b]. Đến năm 2019, các mục tiêu cụ thể đã được mã hoá thành 7 mục tiêu từ M1-M7 (*đã nêu tại tiêu chí 1.1*) [H1.01.01.06b].

Nội dung về chủ trương, chiến lược giáo dục của Nhà trường được Khoa trao đổi trong các buổi họp Khoa [H1.04.01.01], tham luận trong các buổi hội thảo của Nhà trường [H1.04.01.02]. Bên cạnh đó, mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Kế toán được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết học phần [H1.01.01.07], được phổ biến đến cho toàn thể cán bộ, giảng viên, sinh viên, nhà tuyển dụng và toàn xã hội thông qua nhiều hình thức:

Đối với giảng viên, mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra được các giảng viên thâm nhàn trong quá trình xây dựng CTĐT [H1.01.01.05], [H1.01.01.06], xây dựng logic

những học phần bắt buộc và tự chọn, xây dựng đề cương chi tiết học phần [H1.01.01.07]. CTĐT thể hiện được nội dung cũng như cách thức dạy học nhằm đạt được mục tiêu đề ra. Mỗi giảng viên khi bắt đầu giảng dạy học phần của mình đều dành thời gian để giới thiệu vị trí của học phần trong CTĐT, mục tiêu, nội dung, phương pháp học tập, chuẩn đầu ra và tiêu chí đánh giá. Các giảng viên là cố vấn học tập sinh hoạt với SV định kỳ 1 tháng 1 lần, đồng thời bố trí thời gian trực tại văn phòng bộ môn để kịp thời giải đáp thắc mắc giúp SV hiểu rõ lịch trình và mục tiêu đào tạo của Khoa để các em có kế hoạch đăng ký môn học phù hợp.

Đối với sinh viên, ngay từ khi nhập trường mục tiêu giáo dục được phổ biến tới sinh viên trong đợt học chính trị đầu khóa đưa vào kế hoạch tuần sinh hoạt công dân [H1.04.01.03]; đưa vào niên lịch đào tạo [H1.01.01.16].

Đối với nhà tuyển dụng, nhiều chuyên gia kế toán làm việc tại các Doanh nghiệp được mời tham gia xây dựng, đánh giá CTĐT của Khoa [H1.01.01.13]

Đối với xã hội, mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được công khai trên Website của Nhà trường [H1.04.01.04].

Để truyền tải mục tiêu giáo dục này, toàn bộ các học phần hiện nay của CTĐT ngành Kế toán được xây dựng dựa trên nhu cầu xã hội, nằm trong chủ trương điều chỉnh của Nhà trường nhằm đảm bảo mục tiêu giáo dục đề ra, phù hợp với phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ thể hiện trong bố cục, nội dung của CTĐT. Cụ thể, CTĐT năm 2019 gồm 47 học phần (tương đương 121 tín chỉ), trong đó có 37 học phần bắt buộc (96 tín chỉ) và 10 học phần tự chọn (25 tín chỉ), được phân bổ trong 8 học kỳ trong đó: Khối kiến thức lý luận chính trị gồm 05 học phần (13 tín chỉ); Khối kiến thức khoa học xã hội gồm 04 học phần (08 tín chỉ); Khối kiến thức ngoại ngữ gồm 03 học phần (10 tín chỉ); Khối kiến thức Toán -Tin học-Khoa học tự nhiên-Công nghệ-Môi trường gồm 04 học phần (10 tín chỉ); Khối kiến thức cơ sở gồm 07 học phần (19 tín chỉ); Khối kiến thức ngành gồm 18 học phần (44 tín chỉ); Kiến thức bổ trợ tự do gồm 03 học phần (06 tín chỉ); Thực tập, Khoá luận tốt nghiệp (11 tín chỉ) [H1.03.01.01]. Kết cấu này đảm bảo đào tạo được những cử nhân kế toán có phẩm chất đạo đức tốt, có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức cơ sở và chuyên môn hoàn chỉnh; có năng lực thực hành và vận dụng hiệu quả các vấn đề lý thuyết vào thực tiễn công tác chuyên môn; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, chủ động giải quyết được các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, chỉ đạo công việc kế toán, nghiên cứu khoa học để cải tiến các phương thức và kỹ thuật trong công tác kế toán, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của các đơn vị kế toán; có trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh) bậc 3/6 và tin học đạt chuẩn đáp ứng nhu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực của người học và đơn vị tuyển dụng. Sinh viên tốt nghiệp có đầy đủ năng lực để tiếp tục học tập, bồi dưỡng, hoàn thiện kỹ năng

ngành nghiệp và chuyên môn ở trình độ cao hơn, đáp ứng với yêu cầu của xã hội. [H1.01.01.06]. Đề cương chi tiết các học phần thuộc CTĐT ngành Kế toán được nêu rõ nội dung, mục tiêu, năng lực đạt được của sinh viên sau khi học xong học phần; thiết kế rõ ràng giờ lý thuyết, thảo luận, bài tập, thực hành, tự học...; tiêu chí kiểm tra đánh giá đều được tuyên bố rõ ràng, cụ thể [H1.01.01.07]. Sinh viên có thể biết được mình cần phải học những nội dung gì trong từng học phần, mục tiêu của từng học phần, hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá từ đó có thể truyền tải mục tiêu giáo dục của Nhà trường vào trong các hoạt động học tập. Nhiều hoạt động dạy và học khác nhau được áp dụng nhằm giúp sinh viên không những có kiến thức nền tảng chuyên môn và kiến thức xã hội mà còn có khả năng sử dụng các kiến thức này để cộng tác với người khác và phát triển năng lực, điểm mạnh của cá nhân. Từ đó hình thành các kỹ năng cá nhân như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Các phương pháp học tập tích cực hiện đại như làm việc nhóm, thuyết trình, dạy học với tình huống được vận dụng tích cực trong các học phần chuyên ngành [H1.03.01.02], [H1.03.01.03], [H1.03.01.04].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu đào tạo của ngành được tuyên bố rõ ràng trên website của Trường và được phổ biến tới tất cả các bên liên quan. Mục tiêu này đã được các chuyên gia tại các cơ quan tuyển dụng góp ý, tham gia xây dựng.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù nhà trường đã tiến hành phổ biến đến người học nhưng hình thức phổ biến vẫn chưa đa dạng dẫn đến vẫn còn một bộ phận người học chưa hiểu rõ về mục tiêu giáo dục, sứ mạng tầm nhìn của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 - 2022, Nhà trường ngoài việc tiếp tục thực hiện hình thức phổ biến mục tiêu giáo dục theo các hình thức trước đây như công khai trên website, các buổi sinh hoạt chính trị đầu khoá thì sẽ xây dựng kế hoạch công bố và tuyên truyền cụ thể, đa dạng chi tiết và rõ ràng hơn để mục tiêu giáo dục, sứ mạng tầm nhìn Nhà trường đến người học và các bên liên quan đảm bảo tất cả người học hiểu rõ mục tiêu giáo dục của Nhà trường

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Các hoạt động dạy học của CTĐT được thiết kế để tương thích với các CĐR của CTĐT, được bổ sung, cập nhật khi chỉnh sửa CĐR và nội dung CTDH

[H1.03.01.02], [H1.03.01.04], H1.01.01.08].

Đối với hoạt động giảng dạy, các Bộ môn và GV chủ động thực hiện theo ĐCCT HP đã được phê duyệt, sử dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy cho phù hợp với không gian lớp học và đối tượng người học. Trong mỗi ĐCCT HP, mục tiêu của HP được xác định và đối chiếu với CĐR của CTĐT; CĐR HP được xác định, đối chiếu với mục tiêu HP và CĐR của CTĐT; nội dung HP được xác định và đối chiếu với CĐR HP; từ đó, các PPGD, nhiệm vụ của SV, việc hướng dẫn SV tự học và tài liệu học tập được xác định phù hợp, cùng nhau thực hiện CĐRHP, góp phần thực hiện CĐR của CTĐT [H1.01.01.05], [H1.01.01.06], [H1.01.01.07]. Các PPGD được thiết kế trong các ĐCCT HP của CTĐT ngành Kế toán rất đa dạng, được thể hiện trong ĐCCT HP [H1.01.01.07]. Theo đó, để thực hiện việc giảng dạy 1 HP bất kỳ của CTĐT, GV phải sử dụng phối hợp nhiều PPGD và kỹ thuật dạy học khác nhau nhằm phát huy mặt mạnh cũng như khắc phục mặt hạn chế của từng PPGD. Lời nói chuẩn mực, chính xác của GV luôn luôn cần thiết để giúp người học hiểu chính xác nội dung kiến thức và cách thức làm việc, được thể hiện trong PP diễn giảng (thuyết trình), diễn giảng nêu vấn đề, kỹ thuật hướng dẫn, kỹ thuật đặt câu hỏi. Ngoài ra, các PPGD và kỹ thuật dạy học khác nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, tự lực và sáng tạo của người học, gắn lý luận với thực tiễn, để phát triển phẩm chất và năng lực của người học cũng được sử dụng trong CTĐT, đó là: thảo luận, tình huống, khám phá, nêu vấn đề, trực quan, trải nghiệm thực tế tại các doanh nghiệp, dạy học tích hợp, vận dụng vào thực tiễn, SV báo cáo (cá nhân, nhóm), SV thuyết trình, ...

Bên cạnh vai trò chủ đạo của giảng viên trong việc thực hiện các PPGD và kỹ thuật dạy học nói trên, vai trò chủ động, tích cực và tự lực của người học trong QTDH được thể hiện ở mục “Hướng dẫn SV tự học” trong ĐCCT HP [H1.01.01.07]. Ở đó, người học được hướng dẫn để chuẩn bị cho giờ học của HP theo từng tuần học, biết được nhiệm vụ cụ thể của mình phải chuẩn bị những gì trước giờ lên lớp (ôn kiến thức cũ có liên quan, tìm thông tin, đọc tài liệu, trả lời câu hỏi lý thuyết, lấy ví dụ, liên hệ thực tiễn, chuẩn bị bài báo cáo...) và các tài liệu cần sử dụng. Trong buổi học đầu tiên của mỗi lớp HP, SV được GV giải thích rõ ràng và đầy đủ về mục tiêu HP, nội dung HP, PPGD và học tập HP, và cách thức ĐG HP. Ngoài ra, trong QTDH, tùy tình hình cụ thể của lớp học mà NH có thể được hướng dẫn cụ thể hơn cho việc chuẩn bị bài, nếu cần. Do đó, NH được tạo điều kiện để chủ động chuẩn bị bài cho giờ học, là cơ sở cho việc chủ động tiếp thu kiến thức và học tập có hiệu quả.

Vấn đề đổi mới nâng cao chất lượng dạy và học được chú trọng. Hàng kỳ các tổ bộ môn luôn có kế hoạch dự giờ đối với từng giảng viên, tổ chức góp ý gợi mở các phương pháp giảng dạy và đánh giá người học sát với thực tế hơn nhằm đạt được mục

tiêu của môn học [H01.04.02.01]

Đối với hoạt động học tập, việc đào tạo theo học chế tín chỉ tăng cường hoạt động tự học, thúc đẩy người học chủ động hơn. Trường đã thiết lập cổng thông tin đào tạo để người học dễ dàng theo dõi nắm bắt những thông tin học tập từ phía Trường và khoa để người học chủ động trong kế hoạch học tập [H01.04.02.02]

Khi thực hiện CTĐT, người học không những được chủ động thực hiện hoạt động học trong các HP lý thuyết mà còn được chủ động, tự lực thực hiện các HP thực hành chuyên môn, nghiệp vụ tại nhà thực hành [H1.03.01.03], thực hiện các đề tài nghiên cứu (bài báo khoa học, luận văn, tiểu luận) [H1.04.02.03], thực tập tại doanh nghiệp [H1.03.02.03].

Như vậy, các hoạt động học tập được thiết kế để thực hiện CTĐT rất phong phú và đa dạng, bao gồm: học cá nhân, học theo nhóm/ lớp; học lý thuyết, làm thực hành, NCKH; tự học, học trong giờ chính khóa; học tại trường, thực tế ngoài trường, thực tập nghề nghiệp ở các doanh nghiệp. Như vậy, hệ thống các PPGD và kỹ thuật dạy học cùng các hình thức tổ chức dạy học và các hoạt động học tập của CTĐT giúp cho người học lĩnh hội kiến thức một cách chủ động; hình thành và rèn luyện kỹ năng cứng, kỹ năng mềm; rèn luyện ý thức và tác phong nhanh nhẹn. Thông qua đó, người học đạt được CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ của CTĐT.

Nhà trường đã ban hành Quy định về tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên, xây dựng kế hoạch và tổ chức đánh giá hoạt động giảng dạy của GV được nhà trường tiến hành thường xuyên dưới nhiều hình thức: giám sát, kiểm tra hoạt động giảng dạy của GV, tổ chức lấy ý kiến đánh giá hoạt động giảng dạy của GV từ người học trong từng học kỳ để kịp thời điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng CĐR [H1.04.02.04], [H1.04.02.05].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt. CTDH có nhiều hoạt động thực tế, thực tập, thực hành, seminar. Các hoạt động dạy - học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng lớp, từng khóa, từng năm học nhằm đạt chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ và cởi mở.

3. Điểm tồn tại

Một số học phần chưa xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể hóa các nội dung thực hành thực tế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Nhà trường tiếp tục thực hiện đổi mới, tăng cường sử dụng phương tiện dạy học và công nghệ thông tin hợp lý hỗ trợ các hoạt động dạy và

học cho phù hợp hơn với các tiêu chuẩn, tiêu chí để đạt CĐR; triển khai cụ thể hóa các nội dung thực hành thực tế cụ thể trong ĐCCT HP.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả hiện trạng

Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động nghiên cứu khoa học SV, các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, thực tập thực tế đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm. Các hoạt động dạy học, phương pháp giảng dạy phong phú, linh hoạt đã làm tăng chất lượng đào tạo của chuyên ngành Hoạt động học tập đa dạng giúp SV có thể lựa chọn kế hoạch phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập cụ thể.

ĐCCT HP của CTDH đều có mục tiêu về kỹ năng, trong đó có cả kỹ năng cứng và kỹ năng mềm [H1.01.01.08]. Các PPGD, các nhiệm vụ của SV (thảo luận, báo cáo, thuyết trình, thực hành...), các hình thức và nội dung ĐG tương ứng với nhiệm vụ (điểm thảo luận, báo cáo, thuyết trình, thực hành...) cùng với các nhiệm vụ cụ thể trong phần “Hướng dẫn SV tự học” được mô tả trong các ĐCCT HP nói trên thể hiện việc rèn luyện các kỹ năng cứng liên quan đến nghề dạy học (xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học...).

Tất cả các đề cương học phần đều nhấn mạnh hoạt động tự học, tự nghiên cứu của người học. Theo đó, các ĐCHP đều thiết kế theo phân bố sau: Giờ lý thuyết trên lớp, giờ đọc tài liệu, giờ làm bài tập, giờ thực hiện dự án và giờ các hoạt động khác; và nội dung công việc của từng giờ được qui định cụ thể trong phần Hoạt động tự học [H1.01.01.07]. Với triết lý nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học, việc tự học, tự nghiên cứu của người học là một hoạt động bắt buộc nhằm đảm bảo sự cân đối hợp lý giữa tải trọng kiến thức và thời gian tiếp xúc trực tiếp giữa giảng viên và người học, được coi là một hình thức dạy học bằng chính các hoạt động học tập của người học [H1.01.01.07]. Hoạt động tự học tự nghiên cứu của người học bao hàm cả 2 công việc: chuẩn bị cho các giờ lên lớp (lý thuyết, seminar, làm việc nhóm, thực hành...) và tự học có hướng dẫn (nghiên cứu, đọc tài liệu, làm bài tập...). Mục tiêu chính của việc tổ chức hình thức dạy học này là rèn luyện cho SV khả năng tự nghiên cứu, học hỏi, khả năng độc lập với các nguồn tài liệu, kinh nghiệm và những kiến thức, kỹ năng được triển khai ở trên lớp; góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời và rất nhiều người học của ngành Kế toán sau khi ra trường có mong muốn nâng cao thêm kiến thức và trình độ nên đã tiếp tục học cao học [H1.04.03.01]. Ngoài ra, tự học giúp cho

người học thể hiện tinh thần cầu tiến, khát vọng, sáng tạo. Qui trình tổ chức dạy học thông qua tự học tự nghiên cứu có hướng dẫn của GV gồm có ba hình thức sau: định hướng - triển khai - tổng kết đánh giá.

- Định hướng (đọc tài liệu): GV xây dựng danh mục các vấn đề nghiên cứu mang tính thực tiễn cao, công bố các yêu cầu về sản phẩm, giải đáp những khúc mắc; theo đó SV chủ động đọc tài liệu tham khảo, lựa chọn vấn đề nghiên cứu, lập kế hoạch thực hiện. Các tài liệu học tập bắt buộc và tham khảo được giáo viên cung cấp cụ thể trong đề cương chi tiết học phần [H1.01.01.07]. Hệ thống tài liệu tham khảo phong phú trong các đề cương học phần được cung cấp ở Trung tâm Thông tin thư viện hoặc trên internet có địa chỉ cụ thể để SV tự nghiên cứu.

- Triển khai (làm bài tập, thực hiện dự án): đây là phần hoạt động chính của SV để đạt được mục tiêu đã đề ra. Trong công đoạn này GV vẫn phải duy trì hoạt động theo dõi, định hướng và trợ giúp cho người học. Người học có nhiệm vụ thực hiện: thực hiện nghiên cứu, báo cáo sơ cấp kết quả nghiên cứu, kết quả làm việc nhóm [H1.04.03.02].

- Tổng kết, đánh giá (hoạt động khác: báo cáo): Giảng viên sau khi tập hợp các kết quả, sản phẩm của SV phải tổ chức hoạt động tổng kết đánh giá. Công việc này có thể được lồng ghép triển khai dưới các hình thức lên lớp khác nhau (seminar thảo luận, giờ lý thuyết tổng kết...). Mục đích chính của công đoạn này là dạy SV cách phân tích quá trình thực hiện và các kết quả của sản phẩm nghiên cứu, đánh giá chất lượng sản phẩm của nhóm, cách bố trí sắp xếp hợp lý, khoa học trong triển khai công việc.

Bên cạnh đó, SV được khuyến khích tham gia vào nhiều hoạt động chuyên môn như hội thảo khoa học, tham gia NCKH. Hoạt động NCKH và thực tập thực tế đòi hỏi SV phải rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề cụ thể. Hoạt động này đã thu hút được rất nhiều sinh viên tham gia nhờ tính thực tiễn và hữu ích [H1.04.02.03]. Các đề tài thảo luận đa dạng, phong phú đòi hỏi nghiên cứu sâu lý luận hay tính thực tiễn cao dưới hình thức thuyết trình rèn cho SV mạnh dạn trong giao tiếp, có khả năng diễn đạt kiến thức của mình cho người khác. Từ đó, uơm mầm và khuyến khích người học có đam mê nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, nhiều hoạt động ngoại khóa do khoa tổ chức cũng góp phần rèn luyện các kỹ năng mềm như tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học, nghiên cứu và giao lưu khoa học.

GV thực hiện các phương pháp giảng dạy học (PPDH) phù hợp như đã công bố trong ĐCCT HP hoặc bổ sung thêm xu hướng dạy học mới như lớp học trực tuyến để tổ chức, hướng dẫn người học thực hiện các hoạt động học một cách chủ động, qua đó người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời [H1.04.03.03]. Các giáo viên trong và ngoài khoa sử dụng thành thạo phương pháp

giảng dạy hỗ trợ người học nâng cao khả năng học tập suốt đời. Điều này được thể hiện thông qua các sản phẩm mà người học đã tạo ra trong các lớp HP như bài thuyết trình, bài thu hoạch đi thực tế ngoài trường, luận văn, tiểu luận, bài báo khoa học; các kết quả thực tập của người học tại các doanh nghiệp [H1.04.03.02].

Định kỳ, nhà trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên để có những điều chỉnh kịp thời phương pháp dạy học cho phù hợp [H1.04.02.04]. Trong những năm gần đây hoạt động giảng dạy của giảng viên của Khoa đều được người học đánh giá tốt (đạt từ 90% trở lên) [H1.04.02.05].

2. Điểm mạnh

Người học được rèn luyện nhiều kỹ năng và khả năng học tập suốt đời thông qua các nhiệm vụ tự học phong phú và đa dạng, và sự gắn kết các nhiệm vụ tự học vào việc học trong giờ chính khóa.

3. Điểm tồn tại

Một số học phần thiết kế phần tự học còn nặng về nghiên cứu lý thuyết hoặc phần thực hành chưa được cập nhật, ảnh hưởng đến khả năng tự nghiên cứu, học tập nhằm tăng cường thêm kỹ năng học tập suốt đời, học tập chủ động của người học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Nhà trường, tiếp tục rà soát, chỉnh sửa các nội dung trong từng đề cương chi tiết học phần, chú trọng điều chỉnh các nội dung tự học chưa phù hợp, cải tiến các biện pháp phổ biến, hướng dẫn để giúp người học sử dụng phương pháp nghiên cứu, học tập hiệu quả nhằm tăng cường thêm kỹ năng học tập suốt đời, học tập chủ động.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Mục tiêu của các phương pháp trong dạy học của Khoa KT - QTKD đã xác định rõ ràng. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng cán bộ, giảng viên nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra.

Các hoạt động dạy học phong phú theo định hướng phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV tự học, hợp tác trong học tập, tìm hiểu thông tin. SV qua đó có điều kiện phát triển cả kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như nhân cách cá nhân.

Một số hạn chế phương pháp tiếp cận trong dạy học của Khoa KT-QTKD: phương pháp tiếp cận trong dạy học này mặc dù được phổ biến rộng rãi đến từng sinh viên, giảng viên khác khoa trong trường, nhưng quá trình thay đổi từ phương pháp dạy học cũ, thụ động sang phương pháp mới còn chậm; SV chưa chủ động tự học, tham gia

ngiên cứu khoa học, vẫn có những SV không tích cực trong quá trình tự học, tiếp thu kiến thức một cách thụ động, kém hiệu quả.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kế toán tiêu chuẩn 4 đạt 3/3 tiêu chí và bình quân tiêu chí đều đạt 5,0/7 điểm.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thực hiện thường xuyên trong suốt quá trình sinh viên theo học tại Trường Đại học Hồng Đức do Khoa KT-QTKD quản lý nhằm xác định mức độ kiến thức và năng lực người học đạt được so với mục tiêu học phần và khóa học. Phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng đảm bảo giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất của giáo dục đại học bởi điều này ảnh hưởng sâu sắc đến việc học tập và hoạch định kế hoạch nghề nghiệp của người học. Do đó, người học được thông tin một cách minh bạch về các quy định đánh giá, được phản hồi kịp thời kết quả học tập, tiếp cận dễ dàng với các quy trình khiếu nại để chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp. Hoạt động đánh giá kết quả học tập của sinh viên ngành kế toán tại khoa KT-QTKD, Trường Đại học Hồng Đức nhận được sự phản hồi tốt của các bên liên quan.

Tiêu chí: 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

1.Mô tả hiện trạng

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học tại Khoa KT-QTKD nói riêng và của Trường Đại học Hồng Đức nói chung được thiết kế dựa trên mục tiêu về chuẩn đầu ra của ngành đào tạo.

Ngành Kế toán đã có các quy trình/kế hoạch rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của người học để đạt được CDR và được công bố công khai, rộng rãi đến các bên liên quan.

Trường Đại học Hồng Đức dựa trên kết quả thi THPT Quốc gia do Bộ GD&ĐT tổ chức và quy định điểm sàn của Bộ để làm căn cứ tuyển sinh đầu vào. Tất cả các quy trình, kế hoạch, đề án tuyển sinh được công bố rộng rãi trên trang web tuyển sinh của Trường (<https://tuyensinh.hdu.edu.vn/>). Nhà trường có các quy định, quy trình rõ ràng, cụ thể về việc đánh giá kết quả học tập của NH và liên tục cập nhật, cải tiến để phù hợp với các quy định mới của Bộ GD&ĐT và quy định về hoạt động đào tạo của Nhà trường [H1.05.01.01-05]. Các quy định này được công bố công khai trên website của nhà trường để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Về cơ bản, các nội dung kiểm tra/đánh giá bao gồm: tuyển sinh đầu vào, đánh giá quá trình học tập, thi tốt nghiệp.

Dựa trên hướng dẫn và quy định của Bộ GD&ĐT, hằng năm, Nhà trường đều xây dựng đề án tuyển sinh. Việc tuyển sinh đầu vào đối với ngành Kế toán, nhà trường kết hợp kết quả của kỳ thi tốt nghiệp phổ thông quốc gia và cả hình thức xét tuyển học bạ với mức điểm tối thiểu từ 15,0 trở lên (<https://tuyensinh.hdu.edu.vn/>).

Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, quy định về việc ra đề thi [H1.05.01.01]. Việc đánh giá kết quả học tập các học phần ở Trường Đại học Hồng Đức được thực hiện cả hai loại hình là đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ, bao gồm: điểm thường xuyên, điểm thi giữa kỳ, điểm thi kết thúc học phần. Trong đó, đối với hệ thống đào tạo theo tín chỉ được quy định điểm thường xuyên chiếm trọng số là 30% trong tổng số điểm, điểm giữa kỳ chiếm 20%; điểm thi kết thúc học phần là 50% [H1.03.02.02]. Ngân hàng câu hỏi thi, đề thi của ngành Kế toán được xây dựng một cách khoa học, phù hợp với CDR học phần, trên cơ sở thiết kế ma trận câu hỏi thi, thiết kế hệ thống câu hỏi bám sát CDR của học phần, đảm bảo mỗi đề thi bao gồm các câu hỏi từ dễ đến khó (thông qua các mức độ hiểu, phân tích, tổng hợp, vận dụng). Với cách thức này, công tác thi, kiểm tra đánh giá được mức độ tích lũy về kiến thức chuyên môn cũng như kỹ năng thực hành, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề của người học [H1.05.01.02], Bộ môn đã thực hiện việc xây dựng tiêu chí đánh giá cho các học phần [H1.05.01.03], nội dung Thực hành, bám sát CDR của học phần đảm bảo độ tin cậy trong việc đánh giá về kỹ năng, thái độ [H1.01.01.07]. Hằng năm, Nhà trường đều ban hành các công văn hướng dẫn về việc điều chỉnh chỉnh sửa ngân hàng đề thi phù hợp với yêu cầu của CDR. Ngành Kế toán đã nhiều lần rà soát, chỉnh sửa bộ đề thi các học phần nhằm đảm bảo tính phù hợp, cập nhật với Chương trình đào tạo [H1.05.01.03].

Vào đầu mỗi học kỳ, nhà trường yêu cầu các Khoa, Bộ môn thực hiện việc đăng ký hình thức thi học phần cho các môn học thuộc học kỳ [H1.05.01.04]. Việc ra đề và nhất là xây dựng ngân hàng câu hỏi thi được khoa, bộ môn quản lý chặt chẽ về quy trình, tổ chức biên soạn, tổ chức hội đồng nghiệm thu và cho thực hiện [H1.05.01.05]. Quy trình tổ chức cho người học làm bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp và quy định chấm khóa luận tốt nghiệp cũng được quy định rõ ràng. Cụ thể, đối với sinh viên làm bài tập lớn: sau khi học được $\frac{1}{2}$ số tiết của HP, SV không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm KT thường xuyên trong quá trình đạt từ 8,0 điểm trở lên, SV được đăng ký làm BTL. SV đăng ký với GV dạy và BM, nếu đủ điều kiện sinh viên làm đơn, giảng viên giảng dạy đề nghị Trưởng BM duyệt, khoa tập hợp báo cáo hiệu trưởng phê duyệt. Mỗi GV hướng dẫn không quá 05 BTL/1 kỳ; mỗi SV được phép làm không quá 02 tiểu luận/BTL/1 kỳ. Mỗi TL/BTL được trình bày từ 10 đến 15 trang đánh máy trên giấy A4 [H1.05.01.06]. Đối với khóa luận tốt nghiệp: đầu HK 1 năm cuối khóa, SV

đủ điều kiện làm đồ án/KLTN được làm đơn đăng ký, nộp cho BM, khoa, các khoa/BM kiểm tra điều kiện, tập hợp DS SV làm đồ án/KLTN và dự kiến GV hướng dẫn gửi phòng QLĐT để trình Hiệu trưởng ra quyết định phê duyệt. Giảng viên được phân công hướng dẫn có nhiệm vụ HD SV làm đề cương, duyệt đề cương, HD SV thực hiện. Các BM có trách nhiệm thông qua Đề cương chi tiết đồ án/KLTN, giới thiệu GV chấm đề Hiệu trưởng ra quyết định. Việc chấm mỗi đồ án/KLTN phải do 2 GV có chuyên môn gần/trùng đảm nhiệm. Điểm của đồ án/KLTN là điểm TB cộng của người hướng dẫn, người chấm 1 và người chấm 2. Điểm của đồ án/KLTN được chấm theo thang điểm 10 và quy về điểm chữ. Kết quả chấm đồ án/KLTN được công bố chậm nhất là 3 tuần kể từ ngày nộp đồ án/KLTN Riêng khóa luận tốt nghiệp của SV, Nhà trường có hướng dẫn cụ thể về việc chấm, trong đó nêu rõ các yêu cầu về hình thức khóa luận, các yêu cầu về cách thức chấm. Các yêu cầu này đã được khoa cụ thể hóa trong *Phiếu đánh giá khóa luận tốt nghiệp* [H1.05.01.07]. Đối với học phần thực tập tốt nghiệp, sinh viên ngành Kế toán có thể tự liên hệ (nhà trường gửi giấy giới thiệu) hoặc được Nhà trường liên hệ giới thiệu đến thực tập. Kết thúc đợt thực tập tại các cơ sở thực tập sinh viên được cơ sở đánh giá vào phiếu nhận xét [H1.05.01.07]. Căn cứ để đánh giá kết quả thực tập của sinh viên gồm 3 phần sau: Phần 1: Hồ sơ (Bao gồm Kế hoạch thực tập, Báo cáo GD 1, đề cương Báo cáo GD 2, Nhật ký thực tập) được đánh giá với trọng số 20% do GVHD chấm. Phần 2: Căn cứ vào kết quả đánh giá của cơ sở thực tập (Trọng số 20%). Phần 3: Báo cáo TTTN (Trọng số 60%), chấm theo nguyên tắc chấm 2 vòng độc lập do khoa đề nghị (là điểm Trung bình cộng của 2 vòng). Điểm thực tập của sinh viên được đánh giá theo thang điểm 10. [H1.05.01.07].

Nhà trường có các quy trình/tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp/công cụ kiểm tra/đánh giá phù hợp với mục đích/mục tiêu cần đánh giá và tương ứng với mức độ đạt được CDR. Căn cứ các hướng dẫn của nhà trường, khoa và các bộ môn chỉ đạo thực hiện việc thiết kế các phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá, thể hiện trong ĐCHP [H1.01.01.07], trong việc đăng ký hình thức thi [H1.05.01.04], thiết kế đề thi [H1.05.01.02], thiết kế phiếu đánh giá [H1.05.01.08]. Đề cương các môn học trong Chương trình đào tạo đều nêu rất rõ mục tiêu, yêu cầu cần đạt về kiến thức, kỹ năng, thái độ, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm. GV luôn bám sát các yêu cầu về CDR của học phần để xây dựng nội dung, hình thức và tiêu chí kiểm tra đánh giá phù hợp với từng nội dung bài giảng [H1.01.01.07]. Mỗi học phần đều được các giảng viên chủ động thiết kế ma trận [H1.05.01.02] làm căn cứ để xây dựng đề thi, sao cho mỗi đề thi đều bao quát được các nội dung kiến thức của chương trình và bao gồm các mức độ đánh giá năng lực từ "nhớ" đến "hiểu, vận dụng" rồi "phân tích, tổng hợp, đánh giá", nghĩa là từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp [H1.05.01.02]. Tùy theo đặc thù

của từng học phần để có phương pháp đánh giá phù hợp như: thi viết, trắc nghiệm trên máy, thi vấn đáp, viết tiểu luận/bài tập lớn thay bài thi cuối kỳ, ví dụ như học phần Marketing căn bản, Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, Kế toán máy... thi theo hình thức trắc nghiệm trên máy, số học phần thi trắc nghiệm trên máy chiếm gần 30% tổng số các học phần trong CTĐT [H1.05.01.04]. Đến nay, tất cả các học phần chuyên ngành trong Chương trình đào tạo ngành kế toán đã sử dụng NHCHT cho việc tổ hợp đề thi phục vụ kỳ thi kết thúc học phần. Bên cạnh đó, tất cả các đề thi kết thúc học phần đều được nhà trường tổ chức đánh giá chất lượng [H1.05.01.08] để điều chỉnh hằng năm nhằm nâng cao hơn nữa mức độ phù hợp để đo lường, đánh giá CĐR.

Các hoạt động/phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CĐR. Tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học của từng học phần ngành Kế toán được thiết kế phù hợp, bao gồm các hình thức: tự luận, vấn đáp, thảo luận, thực hành, bài tập nhóm, thuyết trình trước nhóm, bài tập lớn... Ngoài ra, nhiều giảng viên còn sử dụng điểm chuyên cần trong học tập làm một con điểm thay thế bài kiểm tra thường xuyên, quan sát thái độ và quá trình học tập, kiểm tra hồ sơ học tập, chấm bài kiểm tra/bài tập, đánh giá kết quả seminar... [H1.01.01.07]. Các phương pháp và nội dung đề thi kiểm tra đánh giá kết quả học tập của từng học phần ngành Kế toán phản ánh được nội dung kiến thức cơ bản của học phần, đảm bảo tính khách quan, độ dễ, khó và phù hợp để đo lường mức độ đạt được CĐR của NH.

Đối với các sinh viên đủ tiêu chuẩn làm khóa luận tốt nghiệp, bộ môn tổ chức 1 buổi triển khai về nội dung, phương pháp, cách thức viết khóa luận cho người học. Trong quá trình thực hiện viết khóa luận tốt nghiệp nếu có khó khăn vướng mắc sẽ được giáo viên hướng dẫn hỗ trợ. [H1.05.01.07].

SV của nhà trường nói chung và sinh viên ngành Kế toán nói riêng được đánh giá cả hai mặt: Kết quả học tập [H1.05.01.09] và kết quả rèn luyện đạo đức, tư tưởng [H1.05.01.10]. CVHT sẽ tư vấn lại kế hoạch học tập thích hợp, tạo điều kiện cho SV có thể theo kịp CTĐT [H1.05.01.11].

Để đủ điều kiện tốt nghiệp cử nhân ngành Kế toán ngoài việc SV tích lũy đủ số học phần và số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo ngành Kế toán, đạt điểm TBC tích lũy của toàn khóa đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4); đạt CĐR Tiếng Anh bậc 3/6 (4,0/10) khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam [H1.01.02.02].

2. Điểm mạnh

Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, bám sát các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và thái độ đảm bảo tính xác thực, công bằng,

khách quan kết quả học tập của sinh viên. Nhờ đó có thể đo lường, phản ánh được năng lực của người học theo chuẩn đầu ra đã xác định và công bố công khai.

3. Điểm tồn tại

Quy định liên quan đến đánh giá chuẩn các kỹ năng mềm của sinh viên chưa thực sự rõ ràng.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2021-2022, Khoa và các bộ môn sẽ thống nhất cách đánh giá điểm chuyên cần cho người học, kết hợp triển khai các hoạt động hỗ trợ trong quá trình dạy/học để có thể đo được mức độ đạt được CDR về kỹ năng mềm cho sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Hồng Đức đã có các tài liệu hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi (tuyển sinh đầu vào, thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp; các hình thức phương pháp thi, kiểm tra, đánh giá rất cụ thể chi tiết).

Việc tuyển sinh và đánh giá đầu vào tại Trường Đại học Hồng Đức được dựa trên kết quả thi THPT Quốc gia do Bộ GD&ĐT tổ chức và tuân thủ đúng quy định điểm sàn của Bộ. Tất cả các quy định và thông tin có liên quan được công bố rộng rãi trên trang web tuyển sinh của Trường (<https://tuyensinh.htu.edu.vn/>). Kết quả thi THPT Quốc gia cũng là cơ sở để giáo viên đánh giá sơ lược năng lực đầu vào của sinh viên.

Việc đánh giá kết quả học tập của SV tại Trường Đại học Hồng Đức được áp dụng theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Quy chế 43/2007/QĐ-BGDĐT) và văn bản hợp nhất số 17/2014/VBHN-BGDĐT, ngày 15/5/2014 ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H1.05.02.01]. Trường Đại học Hồng Đức đã ban hành quy định đào tạo hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ [H1.03.02.02]. trong đó quy định rõ ràng về thời gian, phương pháp, tiêu chí đánh giá, thang điểm và trọng số của các điểm thành phần.

Hàng năm Nhà trường, khoa có lấy ý kiến đóng góp, phản hồi của các bên liên quan về các quy định kiểm tra, đánh giá: thể hiện trong các buổi họp bộ môn, họp khoa, buổi giao ban công tác đào tạo hàng năm của Nhà trường. Các quy định này đã được điều chỉnh, cập nhật và ban hành mới thể hiện trong việc điều chỉnh QĐ 883 ngày 23/9/2008 thay bằng QĐ 395 ngày 29/4/2020 [H1.05.01.01].

Quy định về đánh giá kết quả học tập của người học được thể hiện đầy đủ trong hướng dẫn xây dựng đề cương chi tiết học phần [H1.02.02.01-02] và đề cương chi tiết học phần được đánh giá kiểm tra để chỉnh sửa hoàn thiện trước khi sử dụng giảng dạy [H1.01.01.07]; [H1.02.02.03-07]. Trong đề cương chi tiết học phần đã quy định rõ thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số đánh giá điểm (tỷ lệ điểm kiểm tra thường xuyên (30%), giữa kỳ (20%) và điểm kết thúc học phần (50%)) và được quy định cụ thể số tiết lý thuyết, thực hành [H1.01.01.07]; Nhà trường ban hành quy định về đánh giá và quản lý kết quả học tập, quy định các khâu của quá trình đánh giá: đề thi, coi thi, chấm thi học phần một cách rõ ràng, chặt chẽ và phân công trách nhiệm đến từng bộ phận, giảng viên, cụ thể [H1.05.01.01].

Nhà trường có hệ thống phần mềm xây dựng lịch thi, quản lý điểm, đảm bảo quản lý kết quả học tập của người học chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao, hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu cũng như tra cứu kết quả học tập của người học dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi [H1.05.02.02].

Ngoài hình thức thi tự luận là phổ biến, tùy vào đặc thù và mục tiêu môn học, một số học phần (như học phần: Marketing căn bản, Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô...) thi theo hình thức trắc nghiệm trên máy, làm bài tập lớn, tiểu luận thay cho bài thi kết thúc học phần..., giúp người học tăng cường tính chủ động, phát triển năng lực tư duy sáng tạo, tự nghiên cứu trong học tập [H1.05.01.04], [H1.05.02.03].

Đầu năm học, Nhà trường ban hành Kế hoạch giảng dạy của các lớp cho giảng viên [H1.05.02.04], SV có từ 14-15 tuần học, sau khi kết thúc học kì, sinh viên được nghỉ học ôn thi cuối kì, thời gian nghỉ ôn thi và thi trong vòng 1 tháng. Lịch thi kết thúc học phần được nhà trường công bố cho sinh viên ít nhất 2 tuần trước khi kỳ thi bắt đầu được nhà trường công bố trên Website nhà trường.. Đa dạng hóa hình thức đánh giá kết quả học tập của người học như: thi viết (với yêu cầu tối thiểu 40% dành cho bài tập, vận dụng thực tế), thi trắc nghiệm trên máy... giúp người học tăng cường tính chủ động, phát triển năng lực tư duy sáng tạo, tự nghiên cứu trong học tập. Việc tổ chức kiểm tra đánh giá, chấm điểm đều được thống nhất ở tất cả học phần và tuân thủ văn bản quy định về phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá [H1.05.01.04].

Cơ chế phản hồi công khai tới người học được thông báo ngay từ buổi học đầu tiên, trong niên lịch đào tạo [H1.01.01.16], tuần giáo dục chính trị đầu khóa [H1.04.01.03]. Trước năm học 2019-2020, toàn bộ điểm thường xuyên, điểm giữa kỳ và điểm thi kết thúc học phần, giảng viên ghi vào phiếu tô điểm, chuyển phòng đào tạo quét điểm vào phần mềm quản lý điểm sau đó công bố cho sinh viên. Tuy nhiên từ năm học 2019-2020 công tác này đã được Nhà trường cải tiến, được quy định cụ thể trong quy định về tổ chức thi kết thúc học phần của Nhà trường. Giảng viên sau khi

chấm đã nhập điểm trực tiếp vào hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, người học ngay lập tức biết được kết quả học tập của mình trên cổng thông tin cá nhân. Các bài kiểm tra thường xuyên, bài giữa kỳ, sinh viên đều được giảng viên chữa bài chi tiết, giúp sinh viên biết được những hạn chế của mình để có phương pháp học tập phù hợp [H1.05.02.05]. Điểm Phòng Quản lý đào tạo thi kết thúc học phần được bộ môn gửi lại trợ lý giáo vụ khoa và chậm nhất 1 tuần sau khi kết thúc chấm [H1.05.02.06]. Có một số học phần thi trắc nghiệm trên máy sinh viên được biết điểm thi ngay sau khi kết thúc bài thi trên máy. Việc thông báo kết quả điểm thi, điểm học phần được công bố công khai cho người học tại khoa đào tạo và có thể tra cứu trên website của Nhà trường bằng tài khoản cá nhân [H1.05.02.07]. Trường hợp người học có yêu cầu khiếu nại kết quả học tập, bộ phận chức năng giải quyết kịp thời, thỏa đáng theo đúng quy trình, quy định chấm phúc tra [H1.05.02.08]. Khóa luận tốt nghiệp được quy định về cấu trúc, nội dung, quy định thời gian, trách nhiệm của sinh viên và giáo viên hướng dẫn, cách tính điểm khóa luận tốt nghiệp; Khoa đã thực hiện nghiêm túc các quy định trên và có triển khai chi tiết bảng tiêu chí đánh giá, thang điểm, mẫu phiếu chấm khóa luận tốt nghiệp, kết quả chấm khóa luận được Khoa tổng hợp, tô điểm gửi Phòng Quản lý đào tạo và thông báo cho SV kịp thời [H1.03.02.02]; [H1.05.01.07].

2. Điểm mạnh

Hệ thống các văn bản quy định về đánh giá kết quả học tập của người học là đầy đủ, rõ ràng và được công bố công khai đến người học bằng nhiều hình thức, được thể hiện một cách rõ ràng. Có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận có liên quan trong việc triển khai việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Phần mềm QLĐT sử dụng trước năm 2019 đôi khi truy nhập bị lỗi. Ở một số học phần các quy định về kiểm tra/đánh giá kết quả học tập đôi khi phổ biến đến người học còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2020 Nhà trường đã đưa vào sử dụng phần mềm mới, các giảng viên sẽ trực tiếp cập nhật điểm trên phần mềm. Bộ môn sẽ thường xuyên đôn đốc giảng viên chấm thi nghiêm túc, đảm bảo đúng tiến độ và nhập điểm lên hệ thống đúng thời hạn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 6/7 điểm.

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả hiện trạng

Phương pháp và quy trình đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng ngành Kế toán, Trường Đại học Hồng Đức được xác định

cụ thể tại Hướng dẫn xây dựng và thực hiện quy trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập phù hợp với phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ [H1.05.01.01-05]; Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H1.03.02.02]; Quy định về thực tập, quy định về viết khóa luận tốt nghiệp [H1.05.01.07].

Phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV đa dạng, đáp ứng mục tiêu môn học, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng, bao gồm thi viết, Trắc nghiệm trên máy, thực hành, làm bài tập lớn. [H1.05.01.04], [H1.05.01.06]. Hình thức thi của từng học phần được thống nhất của các giảng viên giảng dạy, bộ môn, khoa và được thể hiện cụ thể trong đề cương chi tiết học phần [H1.01.01.07].

Để đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy, hiện nay 100% các học phần ngành Kế toán đã xây dựng NHCHT. Quy trình biên soạn, quản lý và sử dụng NHCHT đều được quy định cụ thể. Việc thiết kế đề thi của từng học phần được thực hiện theo hướng dẫn biên soạn đề thi và ngân hàng câu hỏi thi của nhà trường ban hành; hình thức được thay đổi theo hướng sử dụng công nghệ hiện đại trong việc tổ hợp đề thi [H1.05.01.05]. Đầu năm học, Trưởng bộ môn rà soát NHCHT do bộ môn quản lý; lập kế hoạch xây dựng mới hoặc điều chỉnh, bổ sung NHCHT (nếu cần), báo cáo Hiệu trưởng (thông qua phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục); xây dựng kế hoạch và phân công giảng viên biên soạn; phản biện, duyệt và gửi lên phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục. Ngân hàng câu hỏi thi được xây dựng đánh giá kỹ năng thực hành, vận dụng và liên hệ thực tế chiếm tối thiểu 40%, nội dung tối thiểu trong cơ cấu đề thi là 2 nội dung. Đối với đề thi viết, chuyên viên phụ trách phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục tổ hợp ngẫu nhiên thành 2 đề thi, mã hóa và niêm phong, lãnh đạo phòng có trách nhiệm lựa chọn ngẫu nhiên 1 đề trong 2 đề đó để làm đề thi chính thức. Đối với đề thi trắc nghiệm, tổ hợp thành 04 mã đề thi từ ít nhất 30 câu hỏi. Đề thi tự luận hay trắc nghiệm đều phải đảm bảo kiểm tra được kiến thức cơ bản của học phần, cũng như kiểm tra được kỹ năng, thái độ của người học, đảm bảo sự công bằng giữa các đề thi [H1.05.01.01], [H1.05.01.02]. Việc đánh giá kết quả học tập nhằm đánh giá khả năng đạt chuẩn đầu ra của người học; mỗi bài thi kết thúc học phần (thi tự luận) đều do 2 giảng viên chấm độc lập và bảng điểm có chữ ký của 2 GV chấm thi, trưởng bộ môn và giáo vụ khoa [H1.05.03.01].

Sau khi kết thúc kì thi, tiến hành đánh giá chất lượng đề thi học phần với các tiêu chí: tính đồng đều giữa các đề thi về độ khó dễ, tỷ lệ vận dụng kiến thức trong đề thi, nội dung đề thi phù hợp với mục tiêu, nội dung đã công bố trong đề cương chi tiết học phần, việc đánh giá kiến thức và kỹ năng người học, phân bố điểm thi phân loại trình độ về độ chính xác, chi tiết, rõ ràng, thang điểm cụ thể cho từng câu, từng ý của đáp án đề thi... với các mức độ A, B, C [H1.05.01.08]. Trên cơ sở đó, triển khai kế

hoạch chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hệ thống ngân hàng câu hỏi thi, đề thi sử dụng cho các khóa tiếp theo, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo [H1.05.01.03].

Khoa KT-QTKD cũng đã tích cực trong việc đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng cho sinh viên. Mỗi giảng viên có hồ sơ về đánh giá điểm thường xuyên và điểm giữa kỳ của sinh viên và công bố công khai cho sinh viên ngay trên lớp hoặc thông qua website của Trường [H1.05.02.05]; [<http://sinhvien.hdu.edu.vn/>]. Trường hợp có sinh viên không đủ điều kiện dự thi, giảng viên nêu lí do và thông báo trước lớp.

Phương pháp đánh giá mỗi học phần đều được căn cứ trên tinh thần, thái độ học tập, kết quả học tập. Kết quả đánh giá cuối cùng của một học phần dựa trên điểm thường xuyên (chiếm trọng số 30%); điểm thi giữa kỳ (chiếm trọng số 20%) và điểm thi kết thúc học phần (chiếm trọng số 50%). Các nội dung này được thể hiện trong từng đề cương chi tiết học phần được xây dựng theo quy định [H1.01.01.07].

Các học phần trong Chương trình đào tạo ngành kế toán được đánh giá qua 03 cột điểm, trong đó điểm giữa kỳ chiếm trọng số 20%, quá trình chiếm trọng số 30% và điểm thi kết thúc học phần chiếm trọng số 50%. Đánh giá kết quả học tập của một học kỳ bao gồm điểm TBC của học kỳ và điểm TBC tích lũy. Điểm TBC học kỳ để xét học bổng, khen thưởng; điểm TBC tích lũy học kỳ để và cảnh báo kết quả học tập và xét thôi học. Đánh giá kết quả toàn khóa là điểm TBC tích lũy của tất cả các học phần của CTĐT [H1.03.02.02].

Nhằm nâng cao chất lượng ngành đào tạo, nhà trường có kế hoạch đổi mới phương pháp đánh giá với các nội dung như rà soát chỉnh sửa, bổ sung các văn bản về NHCHT; quy trình tổ chức thi; cấu trúc đề thi; xây dựng quy trình kiểm tra, đánh giá [H1.05.03.02]

Quy trình tổ chức cho người học làm bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp và quy định chấm khóa luận tốt nghiệp cũng được quy định rõ ràng về điều kiện được làm bài tập lớn/khóa luận tốt nghiệp; về thời gian và quy trình đăng ký, phê duyệt và thực hiện BTL/KLTN [H1.05.01.06-07]. Riêng khóa luận tốt nghiệp của SV, nhà trường có hướng dẫn cụ thể về việc chấm, trong đó nêu rõ các yêu cầu về hình thức khóa luận, các yêu cầu về cách thức chấm [H1.05.01.07].

Khi có kết quả đánh giá học tập, người học được quyền phúc tra khiếu nại theo quy định, quy trình khiếu nại. Đối với điểm quá trình, điểm giữa kì, người học khiếu nại trực tiếp với GV trực tiếp giảng dạy học phần đó khi có kết quả kiểm tra, đánh giá. Đối với điểm thi kết thúc học phần, người học làm đơn gửi Văn phòng khoa để khiếu nại. Sinh viên có thể khiếu nại về điểm thi kết thúc học phần hoặc điểm học phần bằng văn bản, trong vòng 14 ngày kể từ khi công bố điểm thi. 100% ý kiến kiến nghị

về kết quả học tập của người học đã được khoa kịp thời kiểm tra, xem xét và giải quyết thỏa đáng [H1.05.02.08].

Để đảm bảo độ giá trị và độ tin cậy, nhà trường còn thành lập phòng Thanh tra giáo dục; Ban thanh tra giáo dục và có Báo kết kết quả kết quả thanh tra công tác quản lý người học [H1.05.03.03].

Mỗi học kì nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học trong đó có tiêu chí đánh giá về hoạt động kiểm tra – đánh giá kết quả học tập của giảng viên. Kết quả phản hồi của sinh viên cho thấy về cơ bản đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và sự phù hợp của các quy trình và phương pháp kiểm tra đánh giá như đã công bố, đồng thời qua đó giúp Nhà trường và Khoa xem xét, cải tiến phương pháp kiểm tra, đánh giá đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng [H1.04.02.04], [H1.04.02.05] & [H1.05.03.04].

2. Điểm mạnh

Phương pháp kiểm tra đánh giá đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với CDR. Các Quy trình xây dựng NHCHT, ra đề thi, chấm thi, đánh giá đề thi đều được quy định rõ ràng, chặt chẽ, đảm bảo được độ giá trị, độ tin cậy và công bằng trong tất cả các phương pháp đánh giá hiện có; nhiều sinh viên làm bài tập lớn thay thế bài thi cuối học phần.

3. Điểm tồn tại:

Chưa đa dạng các hình thức kiểm tra, đánh giá, chưa có nhiều học phần sử dụng hình thức vấn đáp, thực hành.

4. Kế hoạch hành động

Trong thời gian tới sẽ tiến hành nghiên cứu bổ sung thêm các học phần sử dụng hình thức thi vấn đáp, thi thực hành trong đánh giá kết quả học tập của người học

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7 điểm.

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả hiện trạng

SV khi nhập học được Nhà trường cung cấp một cuốn “Niên lịch đào tạo”, trong đó thông tin đầy đủ về quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ bao gồm những quy định chung, tổ chức đào tạo, kiểm tra và thi học phần, xét và công nhận tốt nghiệp [H1.01.01.16].

Quy định tổ chức thi kết thúc học phần, về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học, Quy định về việc giao đề tài đồ án, khóa luận tốt nghiệp cho SV thuộc đại học, cao đẳng hệ chính quy, kết quả đánh giá được công bố công khai đến GV và người học để thực hiện và kiểm tra giám sát được thực hiện [H1.05.01.01].

Để đảm bảo đúng tiến độ Khoa KT-QTKD chỉ đạo các bộ phận giáo vụ, trưởng bộ môn nhắc nhở giảng viên trong việc hoàn thiện điểm đánh giá theo thời gian quy định (cụ thể sau thời gian kiểm tra giữa kỳ, kết thúc học phần trong 3 ngày GV phải hoàn thành điểm nhập trên hệ thống nếu không sẽ bị khóa- thể hiện trên hệ thống). Nhằm đảm bảo phản hồi kịp thời điểm thường kỳ trên hệ thống, Phòng Quản lý đào tạo luôn hỗ trợ, xử lý nhanh các trường hợp nhập muộn, lỗi như: Ban hành mẫu đơn đề nghị mở khoá cập nhật điểm thường xuyên [H1.05.04.01]. Việc công bố điểm sẽ được phòng Quản lý đào tạo công bố công khai, đúng thời gian quy định trên Web trường, người học có thể tra cứu để có phương án cải thiện kết quả học tập [H1.05.02.02].

Đồng thời, sau khi có KQHT mỗi học kỳ của người học, các CVHT ngành Kế toán đều tiến hành tổ chức họp lớp để khuyến khích, động viên SV có KQHT tốt; nhắc nhở những SV có ý thức học tập chưa tốt; giải đáp những thắc mắc của người học trong học tập; tư vấn cho người học phương pháp học có hiệu quả, để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình và có được công việc đúng ngành nghề sau khi tốt nghiệp [H1.05.01.11].

Việc xét công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo quy trình xét tốt nghiệp và được công bố công khai quyết định CNTT trên website, Quy trình được thực hiện theo QĐ 234, năm 2019 được thay bằng QĐ 2008, cụ thể: Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp: (i) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ Kế toán ở mức đình chỉ học tập; (ii) Tích lũy đủ số học phần và số tín chỉ quy định cho CTĐT của từng ngành. (iii) Điểm TBC tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên (theo thang điểm 4); (iv) Đạt chuẩn đầu ra của ngành đào tạo đã công bố và chuẩn đầu ra về ngoại ngữ; (v) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng - an ninh đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và hoàn thành học phần giáo dục thể chất đối với các ngành không chuyên về thể dục - thể thao; (vi) Có đơn gửi Phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp đối với những sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học hoặc chưa muốn tốt nghiệp vì có nhu cầu học cải thiện để nâng hạng xếp loại tốt nghiệp. Vào trung tuần tháng 3, tháng 6, tháng 9 và tháng 12 hàng năm, căn cứ vào thời gian đào tạo và đơn xin xét công nhận tốt nghiệp của sinh viên, nhà trường thành lập Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp trường do Hiệu trưởng làm Chủ tịch, Trưởng phòng Quản lý đào tạo làm Thư ký và các thành viên là các trưởng khoa đào tạo có sinh viên đề nghị xét công nhận tốt nghiệp, trưởng phòng KH-TC, phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng, Phòng Thanh tra giáo dục, Phòng Công tác Học sinh - Sinh viên. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Phòng Quản lý đào tạo trình Hiệu

trường ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp [H1.03.02.02]. Trong quá trình học các giấy tờ và bảng điểm học kỳ nếu người học có nhu cầu sẽ được nhà trường cung cấp đầy đủ [H1.05.04.02].

Nhà trường có hệ thống phần mềm quản lý các hệ đào tạo giúp trường quản lý kết quả học tập của người học chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao, hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu cũng như tra cứu kết quả học tập của người học dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi. Kết quả học tập của người học được trường tổ chức quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác bằng hệ thống lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường, được sao lưu định kỳ vào hệ thống quản lý và hệ thống máy chủ [H1.05.02.02].

Trong quá trình học, người học có quyền đề nghị Khoa, Nhà trường cấp bảng điểm tạm thời của một hoặc nhiều kỳ đã học. Bảng điểm này ghi KQHT (đạt hoặc không đạt) cho tất cả các môn học mà người học đã học trong các kỳ [H1.05.04.02]. Ngoài ra, Nhà trường còn có các quy trình hướng dẫn SV về thủ tục xin nghỉ học tạm thời, trở lại học tập, chuyển trường, thôi học của SV hệ chính quy [H1.05.04.03]

Cách thức phản hồi và thời gian phản hồi kết quả học tập được người học đánh giá 100% mức độ hài lòng thông qua đánh giá các tiêu chí hàng năm từ phòng ĐBCL&KT và thông qua đối các hội nghị đối thoại sinh viên [H1.05.04.04].

Phân tích mức độ điểm trung bình của lớp 186401C cho thấy mức độ điểm trung bình kỳ 1 năm 2018-2019 đạt 2.3 điểm, và sau khi có kết quả phản hồi kịp thời điểm đánh giá các học phần, sang kỳ 2 năm 2018-2019 điểm trung bình lớp là 2.4 đã có sự cải thiện rõ rệt (khoảng 56% số người học có mức điểm cao hơn kỳ 1) [H1.05.04.05].

2. Điểm mạnh

Các qui trình về phản hồi KQĐG người học được công khai và qua nhiều kênh. Phòng QLĐT luôn hỗ trợ GV một cách kịp thời trong quá trình lỗi nhập điểm trên hệ thống.

3. Điểm tồn tại

Phần mềm QLĐT đôi khi còn bị quá tải nên ảnh hưởng đến việc tra cứu thông tin về đánh giá tình hình học tập.

Một số GV còn mắc lỗi trong quy trình nhập điểm của kỳ 1 năm 2020-2021 nên số lượt GV đề nghị mở khóa cập nhật điểm thường xuyên vẫn còn, gây chậm quá trình phản hồi kết quả đến sinh viên.

Một số học phần còn chưa phản hồi kịp thời về kết quả đánh học tập như chậm công bố công khai kết quả đánh giá điểm bộ phận.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2021-2022 Nhà trường sẽ có kế hoạch nâng cấp đường truyền internet giúp cho cán bộ, giảng viên, sinh viên và các bên liên quan cập nhật tốt hơn các thông tin về kết quả của người học. Nhanh chóng hoàn thiện phần mềm và sử dụng thành thạo kỹ phần mềm quản lý đào tạo mới được cập nhật để thống nhất quy trình hỗ trợ đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập. Giảng viên cần đảm bảo tính chính xác, đúng thời gian quy định trong quá trình nhập điểm.

Khoa KT-QTKD, Bộ môn Kế toán Tài chính và Kế toán quản trị quán triệt, giao trách nhiệm, đôn đốc thường xuyên đối với giảng viên để hoàn thiện kết quả đánh giá và công bố công khai, kịp thời cho người học.

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Hồng Đức luôn quan tâm đến kết quả của người học. Bởi kết quả của người học phản ánh chất lượng của công tác đào tạo. Nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người học, trong quá trình học tập, người học được quyền phúc tra khiếu nại kết quả học tập theo các quy định, quy trình khiếu nại [H1.05.02.8]. Đối với điểm quá trình, người học khiếu nại trực tiếp với GV trực tiếp giảng dạy học phần đó khi công bố điểm trên lớp. Đối với điểm thi kết thúc học phần, người học nếu thấy điểm trên phần mềm không chính xác thì người học làm đơn gửi Văn phòng khoa đề nghị xem xét lại. Khi người học có yêu cầu khiếu nại kết quả học tập, bộ phận chức năng giải quyết kịp thời, thỏa đáng theo đúng quy trình, quy định chấm phúc tra và có sổ theo dõi về khiếu nại điểm của SV. Các quy trình khiếu nại về kết quả học tập luôn được cố vấn học tập tư vấn, giảng viên giảng dạy các học phần phổ biến trong mở đầu môn học. Sinh viên có thể khiếu nại về điểm thi kết thúc học phần hoặc điểm học phần bằng văn bản, trong vòng 14 ngày kể từ khi công bố điểm thi. Phòng QLĐT chủ trì phối hợp với các khoa/bộ môn giải quyết khiếu nại cho sinh viên về điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần, chậm nhất 07 ngày từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Kết quả phúc khảo bài thi được thông báo ngay cho SV và cập nhật, chỉnh sửa vào bảng tổng hợp theo từng kỳ để lưu nếu có sai sót [H1.03.02.02];[H1.05.02.08].

Người học được phổ biến đầy đủ các quy định về khiếu nại kết quả học tập thông qua tài liệu tập huấn tra cứu trước năm học của tuần công dân đối với sinh viên năm nhất, và được CVHT ngành Kế toán liên tục hỗ trợ nhắc nhở sinh viên vào các kỳ học [H1.01.01.16], [H1.05.01.11].

Kết quả học tập của người học được Khoa và Nhà trường thông báo kịp thời và công khai đến GV và người học theo kênh thông tin trên trang web của Trường qua tài khoản của người học để người học có phản hồi và khiếu nại kết quả học tập [H1.05.02.02].

Hàng năm, có không quá 2% số người học khiếu nại về kết quả học tập (năm 2019-2020 ngành cử nhân kế toán có 13 trường hợp khiếu nại trong đó 8 trường hợp điều chỉnh điểm) và được Phòng QLĐT thống kê các trường hợp sai sót sửa điểm, khi xem xét và cũng đã chỉ ra nguyên nhân của sự sai sót này (cán bộ vào nhầm điểm, cộng sai cơ học ...). Điểm phúc tra sẽ được công bố trực tiếp trên tài khoản cá nhân của người học trên hệ thống Website của trường. Thông qua việc thống kê trường hợp người học khiếu nại về kết quả học tập và kết quả điều chỉnh sau khi xem xét đã giúp Nhà trường, Khoa và Bộ môn nắm bắt tình hình từ đó có những giải pháp khắc phục [H1.05.02.08]. Tuy nhiên, vẫn còn một số trường hợp giải quyết khiếu nại còn chậm.

Kết quả lấy ý kiến phản hồi từ giảng viên, đặc biệt là cố vấn học tập, Quản lý sinh viên và người học hàng năm cho thấy người học được dễ dàng tiếp cận với thủ tục khiếu nại và 100% các trường hợp được giải quyết thỏa đáng các khiếu nại kết quả học tập thông qua đối thoại với người học tổ chức hàng năm [H1.05.04.04].

2. Điểm mạnh

- Trường đã ban hành những quy định cụ thể về giải quyết khiếu nại nhằm hỗ trợ người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại.

- Trường có các bộ phận chuyên trách để hỗ trợ người học trong quá trình giải quyết khiếu nại, Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ cán bộ để hỗ trợ người học. Trong quá trình học tập và ngay sau khi có kết quả kiểm tra đánh giá, người học được chủ động trao đổi, hỗ trợ trực tiếp từ cố vấn học tập hoặc phòng quản lý đào tạo, từ giảng viên, từ các bộ phận chuyên môn thông qua các hệ thống thông tin khác nhau hoặc trao đổi trực tiếp.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn 1 số trường hợp khiếu nại giải quyết chậm hơn so với thời gian quy định.

4. Kế hoạch hành động

Các bộ phận trực tiếp liên quan như giáo vụ khoa Kinh tế- QTKD, phòng chức năng, Trưởng các bộ môn và giảng viên cần thực hiện phối hợp tốt hơn nữa đúng theo quy định. Nghiên cứu xây dựng cách thức tổ chức lưu trữ bài thi khoa học, để thuận tiện cho giải quyết khiếu nại của người học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7 điểm

Kết luận về tiêu chuẩn 5

Việc đánh giá kết quả học tập của người học theo Chương trình đào tạo ngành kế toán được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD-ĐT, các văn bản quy định về đánh giá kết quả học tập của Trường Đại học Hồng Đức, bám sát các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và

phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu từng học phần. Các kết quả đánh giá học tập được công bố công khai cho người học. Kết quả học tập của người học được quản lý, lưu trữ chính xác và an toàn. Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ cán bộ để hỗ trợ người học trong suốt quá trình học tập tại trường. Trường đã ban hành những quy định cụ thể về giải quyết khiếu nại kết quả học tập của người học, giúp người học dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo ngành kế toán tự đánh giá tiêu chuẩn 5 đạt 5/5 tiêu chí (Bình quân đạt 4,6/7 điểm).

Tiêu chuẩn 6 : Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Tính đến 31/3/2021, Khoa KT-QTKD có 64 cán bộ, giảng viên (58 giảng viên), gồm: 03 PGS, 23 Tiến sĩ; 32 thạc sĩ. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên là 26 người (đạt 43,1%), trong đó ngành Kế toán có 17 giảng viên, gồm: 01 PGS; 09 Tiến sĩ; 07 thạc sĩ. Khoa KT - QTKD là đơn vị có đội ngũ cán bộ, giảng viên có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có trình độ, năng lực chuyên môn cao, được quy hoạch, tuyển dụng đúng quy định đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của khoa và của trường Đại học Hồng Đức. Khoa và bộ môn đã xây dựng môi trường làm việc dân chủ: cán bộ quản lý, giảng viên và người học tham gia góp ý kiến rộng rãi đối với các chủ trương, kế hoạch của khoa, của trường.

Việc tuyển dụng, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định, dựa trên yêu cầu công việc, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn, kỹ năng làm việc của GV.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Trên cơ sở định biên được Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa phê duyệt và yêu cầu thực tế của từng ngành đào tạo, Trường Đại học Hồng Đức đã xây dựng và ban hành Chiến lược Phát triển Trường Đại học Hồng Đức đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 [H1.01.01.01] theo đó, mục tiêu phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên là “xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên phát triển vượt bậc cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng nhu cầu phát triển quy mô, bậc ngành đào tạo, có đủ năng lực chuyên môn, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu NCKH chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế,

phát triển ngang tầm với nhiều trường đại học lớn trong cả nước” được rà soát, điều chỉnh năm 2016 đáp ứng yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ nhu cầu của cộng đồng, hàng năm, nhà trường dựa trên Chiến lược phát triển đội ngũ để ban hành kế hoạch quy hoạch đào tạo theo từng giai đoạn [H1.06.01.01]. Hiện nay, tổng số cán bộ của khoa là 64 người (Sinh hoạt theo 06 bộ môn), trong đó, có 58 Cán bộ giảng viên tham gia trực tiếp vào CTĐT của ngành Kế toán, độ tuổi bình quân của giảng viên là 35 tuổi; Số giảng viên đạt trình độ Tiến sĩ trở lên là 26 người (chiếm 43,1 %); Số giảng viên đang làm nghiên cứu sinh là 16 người (chiếm 25,86 %) [H1.06.01.02] [H1.01.01.01] trong đó số lượng giảng viên thuộc hai bộ môn kế toán là 17 người với 1 phó giáo sư 9 tiến sĩ và 7 nghiên cứu sinh với số lượng và trình độ hiện tại của đội ngũ giảng viên đã đáp ứng tốt các yêu cầu trong hoạt động giảng dạy cũng như NCKH.

Công tác quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được thực hiện phù hợp với chiến lược và đề án vị trí việc làm của bộ môn, Khoa và trường Đại học Hồng Đức, hàng năm nhà trường dựa trên kế hoạch quy hoạch đào tạo bồi dưỡng xây dựng nguồn kinh phí thực hiện [H1.06.01.01], [H1.06.01.03].

Nhà trường, Khoa và bộ môn đã áp dụng chính sách thu hút những nhà khoa học có trình độ cao, những cán bộ có học hàm, học vị về công tác tại trường nhằm nâng cao năng lực đội ngũ giảng dạy và NCKH [H1.06.01.04].

Trên cơ sở thực trạng về đội ngũ cán bộ giảng viên của khoa, tiêu chí, quy định chung của toàn trường, Ban Lãnh đạo khoa KT- QTKD và Hội đồng khoa học đào tạo cũng thường xuyên họp, đánh giá tình hình và đề ra các tiêu chí riêng trong việc thu hút, tuyển dụng những cán bộ giảng dạy có chất lượng tốt phục vụ chiến lược phát triển lâu dài của Khoa và được Hiệu trưởng phê duyệt. Trong giai đoạn 2016 – 2020, Nhà trường đã thực hiện việc tuyển dụng/điều chuyển giảng viên đáp ứng cho thực hiện CTĐT ngành kế toán [H1.06.01.01], [H1.06.01.05].

Tiêu chí tuyển dụng giảng viên giảng dạy cho CTĐT ngành Kế toán: Có bằng tốt nghiệp thạc sĩ trở lên phù hợp với vị trí việc làm và chuyên ngành giảng dạy (tốt nghiệp đại học chính quy loại khá trở lên) phù hợp với vị trí việc làm, chuyên ngành giảng dạy; Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên; Có chứng chỉ bồi dưỡng hạng giảng viên; Ngoại ngữ: Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh; Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ Anh do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp; Chứng chỉ tiếng Anh B1 Châu Âu (hoặc tương đương) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc

dùng cho Việt Nam trở lên; Tin học: Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin [H1.06.01.07]. Năng lực nghiên cứu khoa học cũng là căn cứ quan trọng trong tuyển dụng giảng viên, khi thi tuyển cần thể hiện được năng lực nghiên cứu thông qua việc báo cáo một nghiên cứu trước hội đồng chuyên môn.

Căn cứ vào các tiêu chuẩn trên Nhà trường, khoa và bộ môn thực hiện việc đề nghị tiếp nhận giảng viên về Khoa công tác, từ năm 2016 đến nay khoa đã tiếp nhận chuyển chuyên 01 trợ lý giáo vụ khoa, 01 trợ lý công tác HSSV, 01 cán bộ hành chính (03 cán bộ tiếp nhận đều là thạc sĩ); tuyển dụng 05 giảng viên (04 thạc sĩ và 01 NCS) [H1.06.01.04].

Công tác bổ nhiệm, bố trí công việc của khoa, bộ môn được thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo các tiêu chuẩn và các bước thực hiện [H1.06.01.03]; [H1.06.01.05]. Việc chấm dứt hợp đồng và nghỉ chế độ của nhà trường được thực hiện theo đúng quy định.

Tính đến 31/03/2021 tổng số cán bộ giảng viên của khoa là 64 người, 100% có trình độ Sau đại học. Trong tổng số 58 Giảng viên, có 03 PGS.TS (chiếm 5%), 23 Tiến sĩ (tỷ lệ 39,6%) và 32 Thạc sĩ (tỷ lệ 55,17%); giảng viên đang đi học NCS là 16 người. Khoa có nhiều cán bộ giảng viên đã tốt nghiệp ở các trường Đại học danh tiếng của các nước như Vương quốc Anh, Cộng hòa Pháp, New Zealand, Australia... Nhiều cán bộ, giảng viên có trình độ ngoại ngữ đã tham gia giảng dạy các học phần tiếng anh cho các chuyên ngành thạc sĩ QTKD, và kế toán của Khoa.

Bảng 6.1. Thống kê đội ngũ giảng viên ngành Kế toán trong 5 năm

Trình độ	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
PGS,TS	0	0	1	1	1
TS	4	5	7	8	9
Th.S	12	11	9	8	7
Cử nhân	1	1	0	0	0
Tổng số	17	17	17	17	17

(Nguồn: H1.06.01.02)

Hiện nay, số giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT ngành Kế toán hiện nay là 58 người; 100% có trình độ Sau đại học (PGS: 03; TS: 23; Th.S: 32), trong đó, số lượng GV của ngành Kế toán là 17 người, trong đó có 01 PGS (chiếm 5,89%), 09 TS (chiếm 52,94%) và 07 NCS (chiếm 41,17%), trong đó, có 01 NCS đang theo học tại trường Đại Học KTQD; và 06 NCS đang theo học chuyên ngành kế toán tại trường Học viện tài chính. [H1.06.01.02] [H1.01.01.01]. Như vậy, tính đến thời điểm năm học 2020 - 2021, tỷ lệ GV ngành kế toán có bằng tiến sĩ là 58,8%. Điều này cho thấy số

lượng và chất lượng đội ngũ GV ngành kế toán hiện nay đã đáp ứng yêu cầu đặt ra về phát triển đội ngũ GV của Khoa và nhà trường trong giai đoạn 2016 – 2021.

Bảng 6.2. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu ngành Kế toán theo trình độ, giới tính và độ tuổi năm học 2020 - 2021

TT	Trình độ/ Học vị	Số lượng người	Tỷ lệ %	Phân loại giới tính		Phân loại theo tuổi (Người)				
				Nam	Nữ	<30	30 - 40	41- 50	51- 60	>60
1	PGS,TS	1	5,9	0	1	0	0	0	0	1
2	TS	9	52,9	0	9	0	7	2	0	0
3	Th.S	7	41,2	0	7	0	5	2	0	0
4	Cử nhân	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	17	100	0	17	0	12	4	0	1

(Nguồn: phòng TCCB)

Với đội ngũ mạnh cả về lượng và chất đội ngũ cán bộ giảng viên ngành Kế toán đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Cụ thể, năm học 2020-2021 trong số 17 giảng viên ngành có 03 giảng viên hiện là chủ nhiệm các đề tài NCKH cấp Bộ, 1 giảng viên là chủ nhiệm cấp tỉnh, 04 giảng viên chủ nhiệm đề tài NCKH cấp cơ sở. 100% giảng viên tham gia thành viên đề tài và có bài viết đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước, 03 giảng viên tham gia các phần của đề án Khởi sự doanh nghiệp và Bồi dưỡng doanh nhân của Tỉnh, Đào tạo nhân lực quản trị du lịch [H1.06.01.08].

Công tác bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ quản lý của Khoa được thực hiện theo đúng hướng dẫn, quy định, xây dựng quy hoạch chức danh cán bộ lãnh đạo quản lý của đơn vị, bộ môn giai đoạn 2010-2015 và giai đoạn 2015-2020 (A1), việc quy hoạch được tiến hành công khai, minh bạch, đảm bảo quyền dân chủ, đảm bảo nguyên tắc quy hoạch những người có năng lực, trình độ vào các vị trí quản lý, tạo nguồn cán bộ bổ nhiệm đến năm 2021 [H1.06.01.09]; [H1.06.01.10].

Việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ hưu của cán bộ giảng viên được thực hiện đúng theo quy định và kế hoạch. Hằng năm Khoa đề nghị Nhà trường gia hạn hợp đồng với giảng viên đáp ứng đầy đủ yêu cầu của nhà trường, và thực hiện chế độ cho cán bộ giảng viên đủ thời gian nghỉ hưu theo quy định hiện hành [H1.06.01.11].

2. Điểm mạnh

Công tác quy hoạch đội ngũ và xây dựng Kế hoạch chiến lược về phát triển đội ngũ giai đoạn 2010-2020 của Nhà trường, Khoa và bộ môn phù hợp với thực tiễn của đơn vị và được triển khai đúng tiến độ, được đánh giá, điều chỉnh phù hợp với từng giai đoạn.

Đội ngũ cán bộ giảng viên của Khoa được bổ sung về số lượng, nâng cao về chất lượng đáp ứng tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng, nhiều cán bộ giảng viên được đào tạo từ các trường đại học có uy tín trong và ngoài nước, có khả năng sử dụng tốt ngoại ngữ trong giảng dạy và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Một số ít giảng viên trong quy hoạch đi học nghiên cứu sinh vì nguyên nhân chủ quan cũng như khách quan thực hiện quá thời gian đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Khoa KT - QTKD và ngành Kế toán sẽ tăng cường đôn đốc, chỉ đạo việc thực hiện đúng quy hoạch đào tạo và thực hiện các chế tài đối với cán bộ giảng viên không đảm bảo tiến độ trong việc thực hiện quy hoạch đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 6/7 điểm.

Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/ người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Theo kết quả đánh giá ngoài của nhà trường năm 2017 dựa trên tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT đã xác định được tỷ lệ bình quân số SV trên 1 GV (sau khi quy đổi) là 14,57 SV/1GV. Hằng năm, Nhà trường, Khoa đều công khai thông tin tổng số giảng viên cơ hữu và tổng số sinh viên để xã hội cùng giám sát [H1.06.01.02], [H1.06.02.01].

Khoa KT - QTKD đào tạo sinh viên thuộc khối ngành II (Kinh doanh và quản lý) có số sinh viên trên giảng viên bình quân hàng năm nằm trong ngưỡng cho phép của Bộ GD&ĐT đã được xác định. Đối với ngành kế toán hàng năm luôn thực hiện công tác rà soát và lập kế hoạch học tập, bồi dưỡng của giảng viên nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH trong từng giai đoạn [H1.06.01.06]. Tính đến thời điểm năm học 2020 - 2021, tỷ lệ giảng viên có bằng tiến sĩ là 58,8% (thể hiện trong bảng 6.3).

Bảng 6.3. Số lượng giảng viên của ngành Kế toán

Hạng mục	Nam	Nữ	Tổng số	CB - GV quy đổi thành GV toàn thời gian (FTEs *)	% có bằng tiến sĩ
Phó giáo sư	0	1	1	1x3=3	5,89% (1/17)
GV toàn thời gian	0	16	16	9x2+7x1= 25	52,9% (9/17)
Giáo sư/GV thỉnh giảng	0	0	0	0	0
Tổng số	0	17	17	28	58,8% (10/17)

(*)1 FTE tương đương với 40 giờ làm việc một tuần (tương đương thời gian làm việc toàn thời gian). Một cán bộ GV làm việc 8 giờ/tuần sẽ tương đương với 0,2 FTE.

Tổng số GV ngành kế toán: 17 (PGS 1x3 + TS 9x2 + Th.s 7x1) = 28 GV quy đổi

Tính đến cuối năm học 2020 - 2021, ngành Kế toán có tổng số 614 SV. Tỷ lệ quy đổi có xét đến nguồn GV tham gia đào tạo ngành Kế toán là 21,93 SV/GV, đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành (thể hiện trong bảng 6.4).

Bảng 6.4. Tỷ lệ người học/giảng viên của ngành

Năm học	Tổng số FTEs của Giảng viên	Tổng số CB - GV quy đổi thành toàn thời gian của người học (FTEs*)	Tỷ lệ người học/giảng viên
2016-2017	21**	542***	25,81
2017-2018	22**	508***	23,09
2018-2019	26**	525***	20,19
2019-2020	27**	522***	19,33
2020-2021	28**	614***	21,93

(*) Ước lượng thực tế số FTEs của giảng viên

(**) Danh sách giảng viên ngành Kế toán trong kỳ đánh giá, bao gồm cả quy đổi [H1.06.02.02]

(***) Danh sách người học trong kỳ đánh giá [H1.06.02.02]

Việc quy đổi khối lượng định mức công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên theo giờ chuẩn rất cụ thể, rõ ràng và dễ đo đếm, đánh giá; qua đó cũng xác định đúng định mức giờ giảng/khối lượng công việc, tiêu chuẩn/tối thiểu quy đổi đối với đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên cần thực hiện trong một năm. Cụ thể, đối với GV hạng II năm học 2020-2021 phải thực hiện định mức 270 giờ giảng dạy và 215 giờ NCKH trên 1 năm; đối với Giảng viên hạng III phải thực hiện định mức 250 giờ giảng dạy và 195 giờ NCKH trên 1 năm [H1.06.02.03]. Với định mức NCKH như trên, mỗi năm GV sẽ phải tham gia các hội thảo khoa học, đăng bài báo trên tạp chí khoa học hoặc tham gia/Thực hiện 01 đề tài NCKH cấp cơ sở (chủ nhiệm đề tài NCKH cấp cơ sở hoặc tác giả mỗi bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước có chỉ số ISSN sẽ được Nhà trường quy đổi bằng 235 giờ chuẩn; đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học trong nước không có xuất bản phẩm được 180 giờ chuẩn, bài viết đăng trên kỷ yếu hội thảo khoa học cấp trường được quy đổi 30 tiết, cấp khoa 15 tiết, hướng dẫn sinh viên NCKH đạt giải các cấp được quy đổi tương đương theo từng cấp, ...) [H1.06.02.03].

Để nâng cao chất lượng giảng dạy và NCKH hàng năm Khoa KT - QTKD còn tổ chức nhiều hoạt động thăm quan thực tế doanh nghiệp, tham gia các hội thảo khoa học, tham gia các diễn đàn kinh tế, tham gia các khóa bồi dưỡng ngắn hạn về kinh tế, quản trị kinh doanh, bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp,... [H1.02.01.05b]

Ngoài ra, các hoạt động phong trào cũng được Khoa đặc biệt quan tâm tạo điều kiện để CBGV và sinh viên được tham gia nhằm góp phần làm cho xã hội ngày càng tốt đẹp hơn như: chiến dịch mùa hè xanh, chương trình chung sức cùng cộng đồng tại huyện Bá Thước, tiếp sức mùa thi, hiến máu nhân đạo... được cộng đồng đánh giá cao [H1.06.02.04].

Vào tháng 4 hàng năm, căn cứ vào định mức của giảng viên theo quy định, căn cứ vào khối lượng công việc thực tế của Khoa đảm nhiệm, các bộ môn và Khoa tiến hành xây dựng kế hoạch cho năm học sau (*kế hoạch giảng dạy, NCKH, hội thảo khoa học các cấp, thực tập, rèn nghề, viết tài liệu giáo trình, đề thi, ngân hàng câu hỏi thi...*) [H1.02.01.05a,b], trình Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt với tổng số giờ thực hiện không vượt quá 200% định mức phải thực hiện trong năm học [H1.06.02.05]. Giảng viên triển khai thực hiện kế hoạch năm học của cá nhân, ngoài công tác quản lý chuyên môn trực tiếp từ lãnh đạo Bộ môn, Khoa, còn có các đơn vị như Phòng quản lý đào tạo, Phòng quản lý khoa học & công nghệ, Phòng HTQT, Phòng thanh tra giáo dục, Phòng ĐBCL&KT phối hợp giám sát quá trình thực hiện nhiệm vụ của GV nhằm mục đích nâng cao CLĐT, đảm bảo giờ giảng dạy và NCKH của GV [H1.06.02.06, 07].

Nhà trường đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV, thanh toán vượt định mức giảng dạy và các hoạt động khác [H1.02.01.05].

Để đánh giá chất lượng giảng viên, hàng năm khoa căn cứ vào chức năng nhiệm vụ và định mức công việc của từng giảng viên để có tiêu chí đánh giá phù hợp. Thông thường Khoa và bộ môn tổ chức dự giờ thao giảng theo kế hoạch đã xây dựng đầu năm học, qua đó đánh giá nhanh chất lượng giảng dạy và có những góp ý nhanh để giảng viên tự hoàn thiện giảng dạy [H1.05.02.04]. Một kênh quan trọng trong đánh giá chất lượng giảng viên là lấy phiếu khảo sát chất lượng của sinh viên sau khi kết thúc học phần. Tiêu chí đánh giá khách quan đó sẽ là căn cứ khoa học để giảng viên điều chỉnh và hoàn thiện. Đối với mỗi giảng viên ngoài giảng dạy thì NCKH cũng là nhiệm vụ chính, vì vậy việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ NCKH là một tiêu chí quan trọng trong đánh giá giảng viên. Trên thực tế, 100% giảng viên bộ môn Kế toán hoàn thành nhiệm vụ NCKH và trung bình hàng năm có 02 giảng viên được khen thưởng có thành tích xuất sắc trong hoạt động NCKH [H1.06.02.07]

Căn cứ vào kế hoạch đầu năm và kết quả thực hiện nhiệm vụ cuối năm mỗi CBGV sẽ được đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hay không. Mức độ hài lòng của giảng viên, nghiên cứu viên về khối lượng, chất lượng công việc được giao cũng như kết quả đánh giá các công việc đã thực hiện dân chủ thông qua: Cuối mỗi học kỳ, năm học căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, cá nhân tự đánh giá khối lượng và chất

lượng công việc và mức độ hoàn thành, sau đó được bộ môn đánh giá, lãnh đạo khoa đánh giá và trình lên Hội đồng thi đua - khen thưởng cấp Trường bình xét, đánh giá xếp loại cuối năm [H1.06.02.08] [H1.06.02.09]. Việc thường xuyên đánh giá này không chỉ giúp từng giảng viên đánh giá năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, đánh giá những hạn chế của bản thân đưa ra giải pháp cụ thể để học tập nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác, mà còn là cơ sở để các cấp quản lý bao quát tình hình thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, từ đó đưa ra kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, định hướng chiến lược phát triển đơn vị thích hợp. Kết quả đánh giá, xếp loại thi đua hàng năm được thực hiện đúng quy trình chặt chẽ, chính xác và được đội ngũ CBGV đồng thuận cao [H1.06.02.10].

Toàn bộ đội ngũ CBGV ngành Kế toán có đủ kiến thức, phẩm chất đạo đức tốt và nhiệt huyết tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng như: 100% CBGV có ít nhất 1 lần tham gia hoạt động tình nguyện vì cộng đồng, mùa hè xanh, tiếp sức mùa thi; 03/17 giảng viên tham gia đề án khởi sự kinh doanh, hỗ trợ khởi nghiệp của Tỉnh Đoàn Thanh Hoá, 01/17 GV tham gia đề án Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch theo mô hình chuẩn quốc tế giai đoạn 2016-2020 [H1.06.02.07].

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ giảng viên/ người học đáp ứng quy định hiện hành (23,36 SV/1 GV) và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được xác định và được giám sát bởi bộ môn, khoa và các đơn vị chức năng trong nhà trường, góp phần cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

100% giảng viên đủ và vượt định mức giờ NCKH hàng năm, 8/17 giảng viên là chủ nhiệm đề tài NCKH các cấp Bộ, tỉnh và cơ sở, 100% giảng viên tham gia viết bài đăng tạp chí chuyên ngành.

Giảng viên tích cực tham gia các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, doanh nhân và ươm tạo tài năng kinh doanh, khởi nghiệp trẻ cho thanh niên, sinh viên trong Tỉnh cũng như tham gia các hoạt động chung sức cùng cộng đồng, được sinh viên và xã hội đánh giá cao. Từ đó tăng uy tín và hình ảnh của giảng viên ngành Kế toán và khoa KT - QTKD nói riêng, trường Đại học Hồng Đức nói chung.

3. Điểm tồn tại

Cơ chế giám sát khối lượng công việc của giảng viên chưa thực sự chặt chẽ và thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Khoa KT - QTKD, bộ môn Kế toán sẽ xây dựng, hoàn thiện cơ chế giám sát khối lượng công việc của giảng viên, rà soát mức độ hoàn thành khối lượng công việc 3 lần/kỳ, đặc biệt thường xuyên rà soát và cảnh báo về mức độ hoàn thành khối lượng NCKH.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7 điểm.

Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Xây dựng đội ngũ giảng viên có trình độ năng lực công tác tốt là một yếu tố vô cùng quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo. Bởi vậy, Khoa và Nhà trường luôn đảm bảo tuyển dụng cán bộ giảng viên có phẩm chất đạo đức tốt và trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo yêu cầu. Trên cơ sở các tiêu chí chung về tuyển giảng viên và đặc thù riêng của khoa KT - QTKD, khoa đã tổ chức thảo luận, thống nhất đề xuất và tham mưu để nhà trường ban hành tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên cả về mặt đạo đức và chuyên môn học tập được thông báo công khai.

Tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển giảng viên, nghiên cứu viên cụ thể, rõ ràng phù hợp với yêu cầu tuyển dụng được đội ngũ giảng viên giỏi, bao gồm các tiêu chí: *Có phẩm chất đạo đức, tư tưởng tốt; có năng lực giảng dạy và NCKH, có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; có bằng thạc sĩ trở lên đối với giảng viên giảng dạy các môn lý thuyết của CTĐT đại học; có bằng tiến sĩ đối với giảng viên giảng dạy và hướng dẫn chuyên đề, luận văn, luận án trong các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ; có trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc; có đủ sức khỏe để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp; có lý lịch bản thân rõ ràng...* [H1.06.01.05].

Các tiêu chí tuyển dụng, tuyển chọn và bổ nhiệm cán bộ giảng viên được phổ biến công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng [H1.06.03.01]. Tiêu chí tuyển dụng được rà soát, điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của nhà trường, phù hợp với nâng cao chất lượng đội ngũ của nhà trường. Việc tuyển dụng được thực hiện bởi hội đồng nhằm đảm bảo khách quan, chính xác. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai trên địa chỉ website <http://www.hdu.edu.vn/>.

Giảng viên tham gia thực hiện CTĐT ngành Kế toán đảm bảo trình độ chuyên môn, phẩm chất năng lực theo các tiêu chí đã xác định. Quá trình tuyển dụng giảng viên được triển khai chặt chẽ thông qua Hội đồng tuyển dụng nhà trường, giảng viên tham gia ứng tuyển ngoài đáp ứng các tiêu chuẩn chung như thông báo còn phải thực hiện thi

tuyển trực tiếp thông qua hoạt động giảng dạy và báo cáo kết quả NCKH. Sau khi trúng tuyển, giảng viên đều được nhà trường phân công giảng viên có kinh nghiệm hướng dẫn thử việc, thực hiện biên soạn đề cương bài giảng, thông qua bài giảng, giảng báo cáo trước bộ môn và được bộ môn dự giờ, góp ý và đánh giá chuyên môn. Nếu đảm bảo các yêu cầu, bộ môn đề nghị với lãnh đạo Khoa bố trí lịch giảng dạy các môn thực hành có sự giúp đỡ của giảng viên được phân công hướng dẫn [H1.06.01.05]; [H1.06.03.02]; [H1.06.03.03]. Giảng viên thử việc cũng phải hoàn thành định mức và thực hiện 1 nghiên cứu khoa học, báo cáo trước hội đồng khoa khi kết thúc giai đoạn thử việc.

Trên cơ sở các tiêu chí tuyển dụng đã ban hành, nhà trường đã tổ chức thông báo nhu cầu tuyển dụng, thành lập Hội đồng xét tuyển hồ sơ và tổ chức thi tuyển đội ngũ giảng viên. Trong giai đoạn 2016-2021, Khoa đã tiếp nhận và tuyển dụng được 05 giảng viên đáp ứng các tiêu chí và yêu cầu đề ra (trong đó có 04 thạc sĩ và 1 NCS) [H1.06.03.02].

Công tác quy hoạch nhằm xây dựng đội ngũ quản lý có chất lượng được tiến hành công khai minh bạch, đảm bảo dân chủ, quy hoạch được những cán bộ có năng lực, có trình độ chuyên môn cao, có phẩm chất đạo đức, có đủ uy tín vào những vị trí quản lý cho từng nhiệm kỳ. Việc đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức và luân chuyển các chức vụ quản lý của Khoa được Nhà trường thực hiện đúng quy trình, quy định theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đảm bảo tính kế thừa và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị. Nhà trường và Khoa luôn luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của giảng viên (giảng viên chính, phó giáo sư, giáo sư) cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm Trưởng khoa/Phó trưởng khoa, Trưởng bộ môn/ Phó trưởng bộ môn, trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố thuộc về giảng dạy, nghiên cứu khoa học [H1.06.03.04], [H1.06.03.05], [H1.06.01.10].

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý lãnh đạo trong khoa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Việc bổ nhiệm lãnh đạo quản lý khoa căn cứ vào tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế của cán bộ và quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo khoa của Nhà trường giai đoạn 2015-2020 [H1.06.01.10], [H1.06.03.05].

Hàng năm Nhà trường tổ chức đánh giá xếp loại thi đua, khen thưởng viên chức đúng quy trình và thủ tục, đảm bảo công bằng cho các giảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1.06.02.09], [H1.06.02.10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường, Khoa đã tổ chức lấy ý kiến, thảo luận, thống nhất xây dựng và ban hành tiêu chí tuyển dụng cụ thể, phù hợp với chuyên ngành, góp phần tuyển dụng được đội ngũ giảng viên đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, tin học, ngoại ngữ, và nghiên cứu khoa học.

Tiêu chí tuyển dụng được công bố công khai và giúp các ứng viên dễ dàng tiếp cận, từ đó khoa, bộ môn tuyển dụng được đội ngũ giảng viên có đủ năng lực giảng dạy, có nhiều thành tích trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy, tuân thủ nghiêm túc các chính sách của Đảng, Nhà nước và đạo đức nhà giáo.

3. Điểm tồn tại

Việc tuyển dụng chưa thực sự phù hợp với cơ cấu giữa các ngành.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2021-2022, Nhà trường tiếp tục rà soát số lượng giảng viên và nhu cầu đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ để cũng như kế hoạch mở ngành đào tạo mới để có căn cứ tuyển dụng cho phù hợp với điều kiện thực tế.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt yêu cầu, mức 5/7 điểm

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Để hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ, giảng viên cần phải có năng lực giảng dạy, NCKH, tự học và phục vụ cộng đồng. Để thực hiện được năng lực giảng dạy, giảng viên phải có năng lực xây dựng thiết kế và thực hiện CTDH, năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu CDR, năng lực ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học, năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc. Đối với NCKH, giảng viên cần có năng lực tự nghiên cứu đề tài, hướng dẫn sinh viên NCKH, viết bài đăng tạp chí khoa học và liên kết hợp tác thực hiện các nghiên cứu [H1.06.04.01]. Tự học và phục vụ cộng đồng cũng là những năng lực quan trọng được hình thành thông qua việc tích cực cập nhật kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, chia sẻ kiến thức, chủ động tham gia các hoạt động hỗ trợ cộng đồng. Nhà trường đã tổ chức triển khai các hoạt động nâng cao năng lực cho đội giảng viên của Bộ môn, Khoa. Hầu hết giảng viên của Khoa đều tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm, trao đổi nghiên cứu học thuật thông qua các hội thảo khoa học [H1.06.02.07] [H1.06.04.02]. Nhiều giảng viên của Khoa tham gia các đề tài NCKH cấp trường, cấp tỉnh, cấp bộ và có nhiều bài báo khoa học đăng trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước [H1.06.02.07].

Cơ cấu trình độ của giảng viên của các bộ môn trong khoa KT -QTKD (bảng 6.5) theo biểu đồ (số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên của khoa KT - QTKD tăng lên hàng năm).

Bảng 6.5. Thống kê đội ngũ cán bộ - giảng viên khoa KT - QTKD giai đoạn 2016-2020

Năm	Trình độ				Chuyên ngành			
	GS. PGS	TS	Ths	CN	QTKD	Kế toán	TCNH	Kinh tế
2016	0	10	50	02	13	17	15	16
2017	0	12	46	01	14	17	14	15
2018	01	20	38	01	15	17	14	15
2019	02	24	34	0	14	17	13	15
2020	03	23	32	0	14	17	12	15

(Nguồn: phòng TCCB)

Hiện nay, 100% giảng viên có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm về giảng dạy đại học, trình độ ngoại ngữ của khoa có 15% giảng viên có trình độ tiếng Anh thành thạo 4 kỹ năng, 100% GV có trình độ tiếng Anh đạt loại B1 trở lên; 30 % giảng viên có văn bằng 2 tiếng Anh, 26% giảng viên được đào tạo từ nước ngoài. 100% GV có trình độ tin học đáp ứng yêu cầu công việc được giao, trong đó 100 % giảng viên có chứng chỉ tin học đạt chuẩn [H1.06.04.01], những chuẩn năng lực của giảng viên thường xuyên được cập nhật và công bố công khai trên website của nhà trường.

Trên cơ sở chuyên môn được đào tạo và kế hoạch dạy học hằng năm, Các bộ môn đã phân công các học phần giảng dạy theo đúng chuyên môn được đào tạo và năng lực sở trường của cá nhân [H1.02.01.05b].

Cơ cấu tổ chức chuyên môn của đội ngũ cán bộ giảng viên trong khoa đủ đáp ứng yêu cầu theo chương trình đào tạo Đại học giáo dục hiện tại. Đội ngũ cán bộ giảng viên của khoa không ngừng tự học tập nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của người học và xã hội. Bên cạnh đó, số lượng giảng viên có trình độ ngoại ngữ và tin học ngày càng cao, đủ đáp ứng yêu cầu khai thác thông tin, cập nhật những kiến thức mới đáp ứng yêu cầu nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực nghiên cứu khoa học [H1.06.01.02].

Đội ngũ cán bộ giảng viên chủ động tích cực đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy năng lực, đáp ứng chuẩn đầu ra đã công bố nhằm giúp người học chủ động lĩnh hội và chiếm lĩnh tri thức. Trên cơ sở kế hoạch dạy học được phân công, giảng viên đã chủ động đăng ký và triển khai các phương pháp dạy học tích cực phù hợp với nội dung từng tiết học [H1.06.04.02].

Căn cứ vào kế hoạch dạy học và bản đăng ký đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên, bộ môn và khoa tăng cường các hoạt động dự giờ thăm lớp để giám sát,

đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên, làm cơ sở đánh giá, xếp loại và bình xét thi đua cuối năm đối với từng cá nhân [H1.06.04.03]. Bên cạnh đó, hàng tuần trợ lý giáo vụ khoa kiểm tra sổ đầu bài để thống kê, tổng hợp số tiết học dùng phương pháp dạy học tích cực của từng học phần và cá nhân từng giảng viên, hàng tháng, Ban chủ nhiệm khoa sẽ trực tiếp kiểm tra và xác nhận vào sổ đầu bài của mỗi lớp để tăng cường hiệu quả quản lý [H1.06.04.04].

Trong 5 năm gần đây, Khoa KT - QTKD có 03 đề tài cấp bộ, 01 đề tài cấp tỉnh đã được nghiệm thu; 03 đề tài cấp bộ và 04 đề tài cấp tỉnh đang được triển khai thực hiện; Có 18 đề tài cơ sở đã được nghiệm thu và 06 đề tài cấp cơ sở chuẩn bị nghiệm thu; các đề tài đều được nghiệm thu, xếp loại đạt từ Khá trở lên; có 245 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong đó có 16 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có chỉ số ISSN và 15 bài có chỉ số scopus; hướng dẫn 131 sinh viên NCKH và đạt giải cấp Khoa, cấp Trường; tổ chức 20 hội thảo cấp Khoa, Trường đạt kết quả tốt. Ngoài ra, giảng viên trong khoa còn thực hiện 01 đề án “Đào tạo và nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp Du lịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2016-2020”; 02 đề án đào tạo Khởi sự kinh doanh (năm 2018, 2019); 02 đề án “Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo 844” năm 2017, 2019 [H1.06.04.05]; [H1.06.01.08].

Để đánh giá năng lực dạy học của đội ngũ giảng viên, ngay từ năm 2008 Nhà trường đã ban hành quy định tiêu chí đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên theo Quyết định 1080/QĐ-ĐHHD ngày 22/10/2008, nay là QĐ Số: 1200/QĐ-ĐHHD, ngày 02/8/2019 của Hiệu trưởng trường ĐHHĐ [H1.06.04.06].

Trước khi kết thúc học phần, phòng ĐBCL&KT tham mưu kế hoạch lấy phiếu khảo sát người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên theo đúng quy trình đã ban hành; việc xử lý các thông tin thu được bằng phần mềm chuyên dụng và được phân tích, đánh giá và phản hồi kết quả đến đơn vị, cá nhân giảng viên để kịp thời điều chỉnh, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng dạy học [H1.06.04.07].

Kết quả đánh giá trong những năm vừa qua cho thấy đa phần các hoạt động giảng dạy đã đáp ứng được nhu cầu học tập của người học. Điểm đánh giá, phản hồi của người học đều đạt trên 90%. Sinh viên đánh giá cao hoạt động giảng dạy trên lớp cũng như nội dung các bài dạy của giảng viên. Kết quả lấy ý kiến người học về chất lượng hoạt động giảng dạy cho thấy người học hài lòng với hoạt động giảng dạy của giảng viên khoa KT - QTKD ngày càng tăng [H1.04.02.05].

Việc đánh giá năng lực của giảng viên được thực hiện theo đúng quy định về đánh giá, xếp loại cán bộ của trường Đại học Hồng Đức công bằng, khách quan; đánh giá lần lượt theo từng nội dung công việc (hoạt động giảng dạy, NCKH, đánh giá của đồng nghiệp dự giờ thao giảng, đánh giá của người học). Căn cứ vào hướng dẫn đánh

giá cán bộ viên chức hằng năm [H1.06.04.08] và hướng dẫn đánh giá, bình xét danh hiệu thi đua hằng năm [H1.06.04.09], cá nhân tự đánh giá xếp loại, bộ môn/tổ công tác đánh giá xếp loại, khoa họp hội đồng bình xét, xếp loại, trình Hội đồng nhà trường xem xét kết quả, thành tích đóng góp của viên chức để xếp loại vào các mức: *Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ/ hoàn thành tốt nhiệm vụ/ hoàn thành nhiệm vụ/ không hoàn thành nhiệm vụ* [H1.06.02.08]. Hội đồng trường căn cứ kết quả đánh giá từ Khoa, kết hợp với kết quả đánh giá của người học để xem xét và xin ý kiến hội đồng thi đua khen thưởng công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định rõ ràng, nhất quán. Bộ môn, Khoa và Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực giảng viên đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, giảng viên không ngừng điều chỉnh về năng lực giảng dạy và nghiên cứu; các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành tiêu chí xác định năng lực của đội ngũ giảng viên trên cơ sở các ý kiến đóng góp của các bên có liên quan, được công bố công khai và thống nhất dùng chung trong toàn trường.

Các hoạt động đánh giá năng lực giảng viên được quy trình hóa và được thực hiện đảm bảo nghiêm túc, thông tin thu được đảm bảo chính xác.

Kết quả đánh giá năng lực hoạt động của đội ngũ GV được lưu trữ hằng năm và đối sánh giữa các năm giúp giảng viên phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm, nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ, góp phần nâng cao năng lực người học đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Năng lực ngoại ngữ của đội ngũ cán bộ giảng viên chưa thực sự đồng đều. Số lượng bài báo quốc tế/giảng viên chưa cao, chưa có nhiều bài báo có chỉ số ISI và Scopus.

4. Kế hoạch hành động

Khoa/Bộ môn khuyến khích cán bộ giảng viên tự học tập nâng cao năng lực ngoại ngữ; Xây dựng các nhóm nghiên cứu để tập trung hỗ trợ nghiên cứu và viết bài báo chất lượng đăng trên tạp chí có chỉ số ISI và Scopus

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7 điểm.

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Trên cơ sở Kế hoạch chiến lược về phát triển đội ngũ đã được Nhà trường ban hành trong kế hoạch chiến lược của trường Đại học Hồng Đức giai đoạn 2010 - 2020 và điều chỉnh, bổ sung trong Kế hoạch chiến lược 2020 tầm nhìn 2030 [H1.01.01.01], Chi bộ khoa đã ban hành Nghị quyết và phương hướng nhiệm vụ cả nhiệm kỳ của chi bộ và chỉ đạo Ban chủ nhiệm khoa xây dựng Kế hoạch trung hạn về phát triển đội ngũ nhằm đáp ứng yêu cầu về đội ngũ của CTĐT [H1.06.05.01]. Căn cứ nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ giảng viên đã xây dựng kế hoạch đầu mỗi năm học, thông qua báo cáo đánh giá hàng năm và Kế hoạch trung hạn về phát triển đội ngũ, Khoa đã xây dựng kế hoạch ngắn hạn về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí cán bộ theo từng năm học và được rà soát, đánh giá điều chỉnh phù hợp theo từng giai đoạn [H1.06.05.02].

Đội ngũ GV của Khoa KT – QTKD luôn có nhu cầu được đào tạo và phát triển về chuyên môn, nghiệp vụ [H1.06.01.06]. Trong thời gian qua, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đã được nhà trường triển khai, hỗ trợ kinh phí, đã thu hút đông đảo đội ngũ giảng viên của Khoa tham gia như: bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, các khóa tập huấn về phương pháp giảng dạy ở bậc đại học và các khóa học nâng cao năng lực ngoại ngữ [H1.06.04.02].

Bảng 6.6. Số lượng GV ngành Kế toán tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, dài hạn giai đoạn 2016 – 2020

Năm học		2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Đào tạo dài hạn						
Trình độ đào tạo	TS	11	10	9	8	9
	Ths	3	1			
Kế hoạch học tập		Cấp bằng	Cấp bằng			Cấp bằng
Loại hình đào tạo		Không TT	Không TT			Không TT
Chuyên ngành đào tạo		Kế toán	Kế toán			Kế toán
Trong hoặc ngoài nước		Trong nước	Trong nước			Trong nước
Kinh phí thực hiện		HP theo QĐ	HP theo QĐ			HP theo QĐ
Đào tạo ngắn hạn						
Kế hoạch học tập			Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chứng chỉ	
QLGD				4		
Tin học				3	11	
NVSP				8		
GV hạng 1					6	
GV hạng 2			4		6	
GV hạng 3				7		
Kinh phí thực hiện			theo QĐ	theo QĐ	theo QĐ	

Ngoài các lớp đào tạo, bồi dưỡng do Nhà trường tổ chức, đội ngũ cán bộ giảng viên của Khoa, bộ môn còn tự học tập thông qua hình thức tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn học thuật, hội thảo nghiệp vụ cấp bộ môn và cấp Khoa, cấp Trường và

tham gia các hội thảo ngoài trường, các lớp tập huấn nghiệp vụ chuyên ngành quản lý, thuế, kinh tế do các tổ chức chuyên môn tổ chức [H1.06.04.03].

Công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên của Khoa, bộ môn luôn bám sát Quy định về phát triển đội ngũ giảng viên đạt chuẩn của Nhà trường. Định kỳ, Khoa yêu cầu cán bộ chưa đạt chuẩn đăng ký kế hoạch học tập, nâng cao trình độ theo quy định [H1.06.01.01]. Đến nay, số cán bộ đạt trình độ PGS là 03 người (chiếm 5%), trình độ Tiến sĩ là 23 người (chiếm 39,6%). Trong thời gian 5 năm gần đây, 100% GV chuyên ngành KT đã được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ [H1.06.05.04].

Đối với hoạt động đào tạo bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên, nhà trường luôn quan tâm hỗ trợ về mặt thời gian và một phần kinh phí học tập, đi lại. Cụ thể hỗ trợ một phần học phí, giảm ½ định mức hàng năm, khuyến khích khen thưởng khi giảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ học tập [H1.06.02.03]

2. Điểm mạnh

Khoa và Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích giảng viên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm giờ định mức, hỗ trợ kinh phí đào tạo...). Các hoạt động triển khai các khóa đào tạo, tập huấn cho giảng viên chất lượng, hiệu quả. Nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của đội ngũ CBGV được xác định chuẩn xác và phù hợp với nhu cầu phát triển của nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Hàng năm chưa có khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về hoạt động đào tạo, phát triển chuyên môn của giảng viên, nghiên cứu viên từ đó làm căn cứ tổng kết, đánh giá và điều chỉnh phù hợp.

4. Kế hoạch hành động

Giai đoạn 2020 – 2025, khoa thực hiện rà soát, xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên đáp ứng nhu cầu của cán bộ giảng viên và phù hợp với nhu cầu sử dụng của khoa; xây dựng kế hoạch khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về hoạt động đào tạo, phát triển chuyên môn của giảng viên.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Hồng Đức có quy định cụ thể về chế độ làm việc của cán bộ giảng viên ban hành kèm theo Quyết định 1803/QĐ-ĐHHĐ ngày 09/11/2020; Trong đó có các nội dung về định mức khối lượng công tác giảng viên về Giảng dạy, NCKH bắt

buộc phải thực hiện trong năm (đối với GV định mức giảng dạy là 250 giờ giảng dạy; 195 giờ NCKH và 141 giờ hoạt động chuyên môn khác mỗi năm; giảng viên chính định mức giảng dạy là 270 giờ, 215 giờ NCKH và 101 giờ HĐ chuyên môn khác; giảng viên cao cấp định mức giảng dạy là 290 giờ, 235 giờ NCKH và 61 giờ HĐ chuyên môn khác mỗi năm) [H1.06.02.03].

Đầu mỗi năm học (tháng 8 hàng năm), Khoa KT - QTKD và Nhà trường đã triển khai việc giao định mức các hoạt động giảng dạy, học tập kèm theo kinh phí theo từng nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị [H1.06.06.01]. Trên cơ sở đó, lãnh đạo bộ môn căn cứ vào năng lực chuyên môn, sở trường của mỗi giảng viên để phân công khối lượng giờ giảng cho từng giảng viên theo quy định của Nhà trường vào đầu năm học [H1.02.01.05b]. Bên cạnh đó, giảng viên còn phải hoàn thành các khối lượng công việc cụ thể như: biên soạn và chỉnh sửa ĐCCT, NHCHT, soạn bài giảng, viết bài báo khoa học, hướng dẫn SV NCKH, tham gia hội thảo, semina, nghiên cứu đề tài khoa học các cấp,... [H1.02.01.05b]; [H1.06.06.02].

Việc theo dõi, đánh giá hiệu quả, tiến độ triển khai khối lượng công tác của giảng viên được thực hiện nghiêm túc thông qua Trưởng bộ môn và lãnh đạo Khoa, bộ phận quản lý đào tạo, quản lý khoa học & công nghệ... của nhà trường [H1.06.02.08]; H1.06.04.05a] [H1.06.06.03] [H1.06.02.07b]. Các bài báo của cán bộ, giảng viên có nội dung phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của Nhà trường, gắn kết chặt chẽ với các ngành, chuyên ngành đào tạo của Trường và phù hợp với các chương trình KH&CN trọng tâm của tỉnh Thanh Hoá [H1.06.02.07]. Nhà trường có quy định hỗ trợ đối với các công trình khoa học đăng trên các Tạp chí khoa học chuyên ngành, có chỉ số trích dẫn cao (ISI, SCI, Scopus...), nhằm khích lệ GV tham gia nhiều hơn nữa trong NCKH, nâng cao vị thế của Nhà trường [H1.02.01.05c]. Các đề tài trong lĩnh vực giáo dục, đổi mới công tác quản lý và nhiều đề tài nghiên cứu đổi mới CTĐT, đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới công tác thi, kiểm tra đánh giá theo yêu cầu của thực tiễn đã được CBGV Nhà trường chú trọng thực hiện. Đây là các nghiên cứu quan trọng góp phần tích cực trong việc xây dựng và phát triển Nhà trường, trước yêu cầu cấp thiết của đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo [H1.06.02.07b].

Tổ chức đánh giá khối lượng thực hiện của giảng viên theo đúng các quy định của Bộ GD&ĐT cũng như các quy chế về khen thưởng, kỷ luật, xếp loại, thi đua của nhà trường, của Đảng bộ và các tổ chức chính trị đều được thực hiện rất nghiêm túc và nền nếp [H1.06.02.10]. Cụ thể, đầu năm mỗi giảng viên sẽ có kế hoạch về khối lượng công việc cũng như đăng ký các tiêu chí thi đua của trường, cuối năm căn cứ khối lượng công việc thực hiện cũng như những tiêu chí thi đua làm căn cứ đánh giá xếp loại và khen thưởng giảng viên [H1.06.06.03].

Bảng 6.7. Kết quả đánh giá xếp loại giảng viên của CTĐT giai đoạn 2016 - 2021

TT	Năm học	Kết quả xếp loại								
		Hoàn thành XS nhiệm vụ		Hoàn thành tốt nhiệm vụ		Hoàn thành nhiệm vụ		Không hoàn thành NV		tổng
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	2016-2017	7	12,28	47	82,46	2	3,51	1	1,75	57
2	2017-2018	10	17,54	44	77,19	3	5,26	0	0,00	57
3	2018-2019	10	17,54	41	71,93	2	3,51	4	7,02	57
4	2019-2020	9	15,52	45	77,59	1	1,72	3	5,17	58

Các danh hiệu thi đua được tôn vinh, bình xét vào cuối năm học (đối với thi đua của Đảng được thực hiện vào cuối năm dương lịch). Cụ thể, giảng viên được xếp loại hoàn thành nhiệm xuất sắc vụ khi có các thành tích xuất sắc trong giảng dạy, NCKH và gương mẫu trong thực hiện nội quy, quy chế đào tạo. Những giảng viên này sẽ được bình xét lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua các cấp hằng năm. Trong giai đoạn 2016 – 2020, tỷ lệ giảng viên của CTĐT đạt xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên luôn chiếm trên 90%.

Đối với khen thưởng NCKH, giảng viên phải có ít nhất một trong các điều kiện sau: Có đề tài NCKH đạt loại xuất sắc hoặc có ít nhất 4 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành được hội đồng nhà nước tính điểm hoặc có 1 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có chỉ số ISI, Scopus hoặc có chỉ số Impact. Sự ghi nhận và khen thưởng đối với giảng viên luôn được triển khai kịp thời, đúng quy định đó chính là động lực cho đội ngũ giảng viên tích cực hơn trong công tác [H1.06.06.04];[H1.06.02.09]. Trong giai đoạn 2016 – 2021, tỷ lệ GV của CTĐT được khen thưởng trong hoạt động NCKH ngày càng tăng lên, điều này chứng tỏ, hoạt động NCKH của giảng viên ngày càng được chú trọng và đầu tư cả về mặt số lượng lẫn chất lượng. Đặc biệt những giảng viên có thành tích xuất sắc và đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 2 năm liên tục được xem xét nâng bậc lương trước hạn [H1.06.06.05].

Bảng 6.8. Kết quả thi đua, khen thưởng GV của CTĐT giai đoạn 2016 - 2021

TT	Năm học	Khen thưởng										Tăng lương trước hạn	
		LĐTT		CSTD cấp trường		CSTD cấp tỉnh		Cấp Bộ		XS trong HĐ NCKH cấp trường			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	2016-2017	51	89,47	5	8,77					5	8,77		
2	2017-2018	46	80,70	8	14,04	1	1,75	1	1,75	6	10,53		
3	2018-2019	42	73,68	9	15,79			1	1,75	6	10,53	1	1,75
4	2019-2020	47	81,03	7	12,07	1	1,72			12	20,69	2	3,45

2. Điểm mạnh

Việc quản lý, xác nhận kết quả khối lượng công tác, kết quả bình xét thi đua khen thưởng đối với đội ngũ giảng viên luôn được thực hiện công khai, minh bạch, kịp thời, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác chuyên môn làm thước đo khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện chặt chẽ, giúp cho công tác quản trị theo kết quả công việc được triển khai tích cực trong Nhà trường và Khoa.

3. Điểm tồn tại

Việc quản trị theo kết quả công việc đôi lúc còn chưa tạo được động lực mạnh mẽ cho giảng viên, nghiên cứu viên.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2021 – 2022, Nhà trường sẽ chỉnh sửa, bổ sung quy trình, đánh giá kết quả nhằm tạo động lực cho giảng viên, nghiên cứu viên

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7 điểm.

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động KH&CN của Nhà trường được thực hiện theo QĐ số 577/QĐ-ĐHHD trên cơ sở quy định của Bộ GD&ĐT được Hiệu trưởng ban hành và công bố công khai tới các đơn vị (Văn bản); Hộp thư điện tử của Đơn vị/ Trưởng đơn vị; trên website của nhà trường [H1.06.07.01].

Đề đáp ứng yêu cầu về nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH trở thành nhiệm vụ quan trọng của người giảng viên đại học. Theo quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên [H1.06.02.03]. Hằng năm giảng viên phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian trong năm để thực hiện nhiệm vụ KH&CN, Hiệu trưởng giao nhiệm vụ cho giảng viên và đơn vị theo định mức, cuối năm phải hoàn thành các nhiệm vụ quy đổi là 180 giờ (Chủ trì/tham gia thực hiện đề tài các cấp; chuyển giao kết quả NCKH; công bố kết quả trên tạp chí chuyên ngành; hướng dẫn SV NCKH; đề xuất, chủ trì/tham gia các hoạt động về HTQT trong KH&CN; đề xuất hoặc thực hiện ý tưởng sáng tạo và các hoạt động KH&CN) [H1.06.02.03]; [H1.06.07.01].

Ngay sau khi Hội đồng đã thẩm định hợp đánh giá, góp ý, Hiệu trưởng ký thông báo nhiệm vụ NCKH của mỗi cá nhân để tiếp tục triển khai, thực hiện [H1.02.01.05a,b];[H1.06.02.07c]. Khi xây dựng và ban hành các quy định này, cán bộ giảng viên của nhà trường đều có ý kiến tham gia đầy đủ. Công tác quản lý đề tài cấp cơ sở, nhà trường đã ban hành quy định rất rõ ràng về nhiệm vụ, quyền hạn của chủ nhiệm đề tài, quy trình, mẫu biểu thẩm định và nghiệm thu đề tài, quy định về kiểm tra tiến độ thực hiện...Đề tài xếp loại xuất sắc được áp dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống sẽ được Hiệu trưởng xem xét khen thưởng, ngược lại đề tài không thực hiện đúng tiến độ thì thu hồi kinh phí và xử phạt theo quy định [H1.06.07.02]. Nhà trường và khoa KT - QTKD luôn quan tâm, tạo điều kiện để giảng viên tham gia hướng dẫn sinh

viên nghiên cứu khoa học, các đề tài NCKH của sinh viên được đánh giá Xuất sắc hoặc triển khai ứng dụng, giáo viên hướng dẫn được xem xét khen thưởng [H1.06.07.02]; [H1.06.07.03].

Trong 5 năm gần đây, Khoa KT - QTKD có 05 đề tài cấp Bộ, 03 đề tài cấp Tỉnh đã được nghiệm thu; 03 đề tài cấp Bộ và 04 đề tài cấp Tỉnh đang được triển khai thực hiện; Có 22 đề tài cơ sở đã được nghiệm thu và 06 đề tài cấp cơ sở chuẩn bị nghiệm thu; có 265 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành; hướng dẫn 121 sinh viên NCKH và đạt giải cấp Khoa, cấp Trường; tổ chức hội thảo cấp Khoa, Trường đạt kết quả tốt [H1.06.02.07]. Số liệu các công trình NCKH cụ thể do cán bộ giảng viên khoa KT - QTKD thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 được tổng hợp qua Bảng 6.9:

Bảng 6.9: Bảng thống kê các công trình nghiên cứu khoa học do CBGV khoa đảm nhận trong 5 năm gần đây (2016-2020)

Hạng mục công trình	2016 -2017	2017 -2018	2018 -2019	2019 -2020	2020 -2021	Tổng
Đề tài, dự án cấp Nhà nước	0	0	1	0	0	1
Đề tài, dự án cấp Bộ, Tỉnh	0	2	4	3	6	15
Đề tài, dự án cấp cơ sở	6	6	6	6	6	30
Hội thảo khoa học các cấp	5	4	4	9	5	27
Bài báo khoa học	27	52	72	52	62	265

(Nguồn: phòng QL KH&CN)

Bên cạnh các đề tài, hội thảo, bài báo, giai đoạn 2016 – 2020 Giảng viên ngành kế toán đã tham gia xuất bản các tài liệu phục vụ hoạt động dạy học như sau:

Bảng 6.10: Bảng thống kê các tài liệu phục vụ dạy học được xuất bản của giảng viên ngành Kế toán trong 5 năm gần đây (2016-2020)

TT	Tên tài liệu dạy học	Tên tác giả	Năm, nhà xuất bản
1	Xây dựng mô hình Kế toán quản trị chi phí trong các DN sản xuất.	Trần Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Hồng Diệp	2016, NXB Kinh tế quốc dân
2	Kế toán thuế	Nguyễn Phú Giang, Lê Thị Minh Huệ, Lê Thị Hồng	2016, NXB Tài Chính
3	Chính sách và nghiệp vụ thuế	Lê Hoàng Bá Huyền, Nguyễn Thị Bất	2016, NXB Thống Kê
4	Câu hỏi và bài tập Kế toán tài chính	Lê Thị Hồng, Lê Thị Minh Huệ, Lê Thị Diệp	2019, NXB Tài Chính
5	Kế toán quản trị chi phí	Nguyễn Thị Bình, Nguyễn Thị Nhung, Lê Thị Minh Trí	2019, NXB Tài Chính
6	Hệ thống thông tin kế toán quản trị chi phí	Đặng Lan Anh, Phạm Thị Bích Thu, Lã Thị Thu, Trần Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Thanh	2019, NXB Tài Chính
7	Kiểm soát nội bộ	Phạm Thị Bích Thu, Đặng Lan Anh, Lê Huy Chính, Lê Thị Diệp	2019, NXB Tài Chính

Qua bảng 6.9 và 6.10 cho thấy, số lượng các công trình NCKH của giảng viên tham gia CTĐT nói chung và của ngành Kế toán ngày càng gia tăng không chỉ về mặt số lượng mà còn nâng cao về mặt chất lượng, cấp độ và hàm lượng khoa học trong các đề tài, hội thảo bài báo ngày càng cao. Tuy nhiên, số lượng đề tài NCKH cấp cao còn khá khiêm tốn, chưa tương xứng với năng lực NCKH của đội ngũ giảng viên. Số lượng và chất lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên trong nhà trường nói chung và khoa KT - QTKD nói riêng đều được giám sát chặt chẽ, xác định chính xác khối lượng quy đổi và có điều chỉnh kịp thời [H1.06.02.03].

Với các thành tích về NCKH nên nhiều giảng viên đã được xếp loại viên chức hoàn thành xuất sắc và chiến sỹ thi đua hàng năm [H1.06.02.09].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giảng viên tham gia ngày càng nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: Đề tài khoa học các cấp, các dự án, các hội thảo, các bài báo khoa học được đăng trên các kỷ yếu khoa học trong nước và quốc tế.

3. Điểm tồn tại

Chưa có đề tài nghiên cứu cấp nhà nước về lĩnh vực kinh doanh và quản lý, số lượng giảng viên tham gia các đề tài nghiên cứu với các đối tác nước ngoài còn ít. Các công trình nghiên cứu mang tính đóng góp cho phát triển địa phương chưa nhiều, số lượng bài báo được công bố trong các hội thảo thuộc danh mục ISI/Scopus còn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Khoa KT - QTKD động viên thúc đẩy giảng viên tham gia đa dạng hóa các hình thức nghiên cứu khoa học, tích cực viết các bài báo trên tạp chí nước ngoài có uy tín thuộc danh mục ISI/Scopus. Khoa tích cực tham gia đấu thầu chương trình nghiên cứu khoa học cấp nhà nước.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Kết luận tiêu chuẩn 6

Đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo chương trình ngành KT cơ bản đáp ứng được yêu cầu về năng lực chuyên môn và NCKH; cán bộ giảng viên của Khoa được tuyển dụng công khai, minh bạch trên cổng thông tin theo đúng quy trình tuyển dụng của Nhà trường. Khoa và nhà trường khuyến khích, động viên cán bộ giảng viên tham gia đầy đủ và có chất lượng các hoạt động KH&CN, góp phần nâng cao trình độ, khả năng độc lập nghiên cứu của giảng viên.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành KT tự đánh giá tiêu chuẩn 6 đạt 7/7 tiêu chí và bình quân đạt 4,7/7 điểm.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Nhà trường và Khoa KT - QTKD luôn chú trọng việc quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác, để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trong quá trình tuyển dụng, các tiêu chí và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai. Hàng năm, năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

Nhà trường và Khoa luôn xác định nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên và các hoạt động triển khai. Đồng thời, thường xuyên tiến hành triển khai việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên gồm cả khen thưởng và công nhận để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Trên cơ sở phân tích dự báo nhu cầu về thực trạng nhân sự, Trường ĐH Hồng Đức đã xây dựng và ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên trong kế hoạch chiến lược phát triển trường ĐH Hồng Đức giai đoạn 2010 - 2020, định hướng đến năm 2030 [H1.01.01.01b] và xác định vị trí việc làm đối với cán bộ hỗ trợ tại các bộ phận phòng, ban, Khoa [H1.06.01.03]. Nhà trường đã có bản mô tả công việc đối với đội ngũ nhân viên [H1.07.01.01], qua đó nhà trường thực hiện việc quy hoạch đội ngũ này dựa trên chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân viên nhằm đảm bảo các yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng thể hiện qua Quy định về tuyển, học việc, thử việc và mẫu hồ sơ thử việc đối với lao động hợp đồng trong trường ĐH Hồng Đức [H1.06.01.05].

Chương trình đào tạo ngành Kế toán được hỗ trợ bởi đội ngũ nhân viên làm việc tại các phòng ban, trung tâm như phòng Công tác HSSV, phòng Quản lý Đào tạo, Phòng QLĐT sau đại học, trung tâm Thông tin Thư viện, Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí, Khoa Công nghệ thông tin và truyền thông; trung tâm Giáo dục thường xuyên,... Tại Khoa KT - QTKD, có 6 nhân viên làm nhiệm vụ văn phòng, gồm 01 nhân viên hành chính, văn thư công việc được phân công là phụ trách công văn đến, đi ghi chép các cuộc họp khoa và các công việc khác; 02 trợ lý quản lý sinh viên giải

quyết công việc liên quan đến học tập của sinh viên; 02 trợ lý giáo vụ hỗ trợ phụ trách công tác đào tạo sau đại học, chính quy, liên thông, văn bằng 2 và vừa làm vừa học, 01 cán bộ phòng máy hỗ trợ các buổi học thực hành. Ngoài ra, còn có các Giảng viên kiêm nhiệm: 01 cán bộ trợ lý Khoa học và Nghiệp vụ giải quyết các công việc liên quan đến đề tài, công trình của giảng viên và sinh viên; 01 cán bộ kiểm soát tài liệu ISO của khoa có nhiệm vụ kiểm soát hồ sơ của bộ môn và khoa và 10 cố vấn học tập tư vấn về chọn môn học, giải quyết các thắc mắc của sinh viên về ngành học, môn học. Đội ngũ nhân viên của Khoa có đầy đủ hồ sơ, lý lịch [H1.07.01.01], đáp ứng được nhu cầu đào tạo và NCKH và phục vụ cộng đồng. Kết quả đánh giá viên chức - lao động hàng năm cho thấy các trợ lý Khoa được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H1.06.02.08]

Các cán bộ hỗ trợ đều có trình độ từ thạc sĩ trở lên, được đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ như: tin học, công tác văn thư, lưu trữ, nghiệp vụ kiểm soát tài liệu;... Trong số các giảng viên kiêm nhiệm có 4 người có trình độ Tiến sĩ và tất cả đều có kinh nghiệm từ 5 năm trở lên, hiểu biết rất sâu sắc về CTĐT, là cầu nối giúp lãnh đạo khoa, hỗ trợ sinh viên thực hiện CTĐT [H1.07.01.01]. Để đảm bảo chất lượng, các cán bộ hỗ trợ đều cố gắng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn như: kỹ năng tin học, công tác văn thư. Các giảng viên kiêm nhiệm công việc trợ lý luôn có giờ trực và công việc cụ thể tại Khoa. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa luôn hoàn thành tốt việc hỗ trợ học tập và nghiên cứu của SV trong quá trình học tập.

Hàng năm, Trưởng các đơn vị có trách nhiệm đề xuất quy hoạch, kế hoạch cho đội ngũ cán bộ của đơn vị. Dựa vào số lượng SV đơn vị hỗ trợ, khối lượng công việc đảm nhận và kế hoạch đào tạo cán bộ, độ tuổi về hưu, Trưởng đơn vị xác định được nhu cầu về đội ngũ nhân viên ở đơn vị mình trong các năm và đề xuất chỉ tiêu tuyển dụng với Phòng TC-CB, Phòng TC-CB sẽ xem xét và trình Hiệu trưởng phê duyệt ra quyết định thông báo tuyển viên chức với các yêu cầu về trình độ nghiệp vụ, kinh nghiệm và kỹ năng phù hợp với từng vị trí của các đơn vị. Nhà trường đưa ra kế hoạch tuyển dụng để lựa chọn ra đội ngũ hỗ trợ phục vụ công tác đào tạo, NCKH cũng như hoàn thành nhiệm vụ chung của Nhà trường. Việc đánh giá mức độ hoàn thành công việc của đội ngũ nhân viên được dựa vào quy chế đánh giá phân loại cán bộ viên chức, người lao động trường ĐH Hồng Đức [H1.06.04.08]

Việc quy hoạch đội ngũ cán bộ thư viện, cán bộ công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ được thực hiện bài bản, khoa học, đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng. Trung tâm thông tin – Thư viện luôn chú trọng công tác số hóa trong thông tin lưu trữ, tạo được nguồn dữ liệu điện tử phục vụ hoạt động học tập và nghiên cứu của giảng viên và sinh viên. Tư liệu của các Khoa luôn được kịp thời cập nhật,

kiểm kê và phân loại số lượng theo danh mục nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu tư liệu.

Đội ngũ nhân viên thư viện của trường đủ về số lượng, có trình độ, chuyên môn nghiệp vụ và trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng tốt nhu cầu khai thác tài liệu sách báo của bạn đọc. Số lượng cán bộ thư viện gồm 23 người (TS: 1; ThS: 2; ĐH: 19), được tổ chức trong 3 bộ phận: bộ phận Nghiệp vụ, bộ phận phục vụ bạn đọc, bộ phận QL, khai thác Thư viện điện tử [H1.07.01.01]. Nhân viên 3 bộ phận này tích cực hỗ trợ cho sinh viên trong quá trình học tập, nghiên cứu, khai thác tài liệu. Đội ngũ cán bộ ở các bộ phận được sắp xếp hợp lý, có khả năng và năng lực chuyên môn tốt và được GV, người học hài lòng ở mức trên 85% [H1.07.01.02]. Để kịp thời động viên và thu hút đội ngũ nhân viên, bên cạnh các chế độ ưu đãi được hưởng như các đối tượng khác trong nhà trường, đội ngũ nhân viên thư viện còn được hưởng chế độ độc hại theo quy định hiện hành [H1.02.01.05].

Đội ngũ cán bộ CNTT của Nhà trường hiện nay có trình độ, chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo sự hoạt động tốt của các thiết bị hiện đại, cơ sở vật chất phục vụ chung trong nhà trường, Khoa và Bộ môn. Nhà trường hiện có đội ngũ cán bộ CNTT ở khoa CNTT&TT với 19 CBGV và 10 CB thuộc Phòng QT,VT-TB, phòng ĐBCL&KT đủ đáp ứng yêu cầu trong việc theo dõi, sửa chữa, hướng dẫn sử dụng hệ thống thiết bị CNTT và tổ chức thi, kiểm tra đánh giá kết quả của người học với các học phần thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính, đánh giá CDR ngoại ngữ.

Thư viện điện tử và nguồn tài nguyên số luôn chú trọng công tác số hóa trong thông tin, lưu trữ và cập nhật dữ liệu mới để tạo được nguồn dữ liệu điện tử phục vụ hoạt động học tập và nghiên cứu của giảng viên và sinh viên trong Trường. Các công cụ lưu trữ và tra cứu tài liệu được kiểm tra, đánh giá định kỳ để nâng cấp và cải tiến cho chất lượng phục vụ ngày càng tốt hơn. Đội ngũ cán bộ nhân viên phục vụ thường xuyên được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ [H1.07.01.03]. Hàng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học và đội ngũ cán bộ giảng viên về chất lượng và thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên, các ý kiến đều thống nhất cho rằng đội ngũ kỹ thuật viên có thái độ phục vụ nghiêm túc, thành thạo nghiệp vụ, tuy nhiên cần phản ứng nhanh hơn khi có yêu cầu hỗ trợ và đáp ứng tốt nhu cầu của người đọc [H1.07.01.02].

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên có năng lực, trình độ chuyên môn đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao [H1.07.01.04]; đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên nhà trường đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và các hoạt động khác trong Trường được người học, đơn vị và Nhà trường đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên [H1.06.02.09].

Nhà trường, Khoa chú trọng việc đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nhân viên thông qua kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm [H1.06.05.01] [H1.06.05.02]. Kết quả được thể hiện thông qua các báo cáo công tác, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức viên chức và người lao động các năm của Nhà trường. Hằng năm, nhà trường gửi các kỹ thuật viên, nhân viên đi bồi dưỡng nghiệp vụ, cách thức quản lý, sử dụng các trang thiết bị, thư viện điện tử ở một số trường trong và ngoài nước. Từ năm 2016 đến năm 2020 có 145 lượt kỹ thuật viên, nhân viên được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ [H1.07.01.03].

Kết quả khảo sát chất lượng hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên định kỳ cho thấy người học hài lòng với sự phục vụ, hỗ trợ của đội ngũ nhân viên của Nhà trường trong công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H1.07.01.05].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên của Khoa, Nhà trường đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn cơ bản phù hợp với vị trí việc làm, có kỹ năng, tay nghề vững vàng; được quan tâm, tạo điều kiện tham gia các chương trình, dự án, các lớp đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn hoặc tập huấn nghiệp vụ, đáp ứng được cơ bản các yêu cầu phục vụ dạy học và NCKH và được người học tin tưởng, đánh giá cao.

Đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin và trung tâm thông tin thư viện hỗ trợ người học có thái độ phục vụ nghiêm túc, thành thạo nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu CTĐT và được người học đánh giá cao.

3. Điểm tồn tại

Việc phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Khoa và Nhà trường chú trọng việc thực hiện phân tích, khảo sát nhu cầu và ý kiến của các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường và Khoa KT - QTKD rất chú trọng công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ nhân viên nhằm đạt được sự hỗ trợ tốt nhất cho công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Nhà trường xác định rõ ràng, minh bạch thông qua Quy định về tuyển, học việc, thử việc và mẫu hồ sơ thử việc đối với lao động hợp đồng trong trường ĐHHĐ [H1.06.01.05]; [H1.07.02.01];[H1.06.03.02]. Các quy định cụ thể về

các tiêu chí bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo quản lý theo quy định của tỉnh Thanh Hóa [H1.06.03.04.] Các ứng viên khi ứng tuyển vào vị trí viên chức hành chính cần đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ và tin học theo quy định. Các tiêu chuẩn tuyển dụng là có lí lịch rõ ràng, văn bằng, chứng chỉ đào tạo và kỹ năng phù hợp vị trí việc làm, có đủ sức khỏe để thực hiện công việc. Mặt khác, việc lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm vào các vị trí Trưởng/Phó các đơn vị cũng cần đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể về trình độ, năng lực và kinh nghiệm công tác,... Các tiêu chí tuyển dụng, tuyển chọn và bổ nhiệm đội ngũ nhân viên được phổ biến công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng [H1.06.03.01]. Tiêu chí tuyển dụng được rà soát, điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của nhà trường, phù hợp với nâng cao chất lượng đội ngũ của nhà trường. Việc tuyển dụng được thực hiện bởi hội đồng nhằm đảm bảo khách quan, chính xác. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai trên địa chỉ website <http://www.hdu.edu.vn/>.

Căn cứ tình hình cụ thể hàng năm Nhà trường cũng như lãnh đạo khoa xây dựng kế hoạch nhu cầu đội ngũ hỗ trợ của Khoa và Nhà trường [H1.06.01.04], [H1.06.01.06]. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nhân viên được phổ biến công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng [H1.06.02.03]. Để đảm bảo tính chính xác và khách quan, trong quá trình tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng được thành lập. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai. Tiêu chí tuyển dụng ngoài trình độ chuyên môn, khả năng ngoại ngữ, tin học còn có bài khảo sát hiểu biết về công việc chuyên môn [H1.06.01.05]. Nhà trường có đội ngũ cán bộ công chức, viên chức có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đào tạo các ngành học của trường nói chung và đào tạo ngành kế toán nói riêng, NCKH và các hoạt động khác.

Trong thời gian vừa qua Khoa thực hiện tiếp nhận 02 cán bộ hỗ trợ về Khoa trên cơ sở kết quả tuyển dụng đã được hội đồng tuyển dụng Nhà trường đánh giá và tuyển chọn. Kết quả thực hiện nhiệm vụ trong thời gian vừa qua, cụ thể là kết quả đánh giá xếp loại CBVC trong năm học 2018-2019 cho thấy đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên đặc biệt là 02 nhân viên này đã đáp ứng tốt hơn yêu cầu về nhân lực và hoạt động hỗ trợ người học [H1.07.02.01].

Nhà trường và khoa luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm ngạch chuyên viên (chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp) [H1.07.02.02]. Để nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên, Nhà trường và Khoa luôn chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức và người lao động được báo cáo hàng năm [H1.06.01.04].

Các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên hàng năm được phổ biến công khai đến các đơn vị trong toàn Trường [H1.07.02.03].

2. Điểm mạnh

Khoa đã tuyển dụng đội ngũ nhân viên đáp ứng chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Các ứng viên sau khi được tuyển dụng có đủ năng lực thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

Tiêu chí tuyển dụng bổ nhiệm và điều chuyển được Nhà trường công khai đầy đủ trên hệ thống website, được phổ biến đến toàn thể CBVC-LĐ trong trường và được công khai quá các phương tiện thông tin (đài, báo của Tỉnh) vào các đợt tuyển dụng.

3. Điểm tồn tại

Việc điều chuyển giáo vụ giữa các khoa dẫn đến chưa tiếp cận tốt về mặt chuyên môn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Nhà trường, Khoa thường xuyên tổ chức tập huấn chuyên môn cho trợ lý giáo vụ đáp ứng yêu cầu công việc.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7 điểm.

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, căn cứ Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Trường ĐHHĐ và các văn bản hướng dẫn của phòng chức năng về việc đánh giá, xếp loại viên chức – lao động, các đơn vị trong Trường tổ chức thực hiện việc đánh giá năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên trong đơn vị theo quy trình, phương pháp và các tiêu chí đánh giá được xác định rõ ràng, cụ thể [H1.06.02.10], [H1.06.04.09]; [H1.06.02.08]. Hằng tháng, trên cơ sở nhiệm vụ cụ thể được lãnh đạo đơn vị phân công, việc đánh giá năng lực của nhân viên (với 4 mức đánh giá A, B, C, D) được Khoa/Phòng thực hiện theo các bước: nhân viên tự đánh giá, đồng nghiệp đánh giá và ban lãnh đạo Khoa/Phòng đánh giá [H1.06.04.09], kết quả đánh giá hằng tháng được căn cứ đánh giá xếp loại cuối năm. Ngoài ra, để đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên, Nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn đánh giá, phân loại cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng phù hợp với các văn bản quy định hiện hành và yêu cầu thực tiễn vị trí việc làm [H1.06.01.03]. Bên cạnh đó, để cải tiến và nâng cao chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên trong công tác hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu, các đơn vị đã chủ trì xây dựng kế hoạch, mẫu phiếu tổ chức lấy ý kiến đội ngũ GV, người học về chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên; [H1.07.01.02].

Khoa KT - QTKD là một trong các khoa đào tạo của nhà trường, vì vậy bên cạnh đội ngũ giảng viên luôn có sự hỗ trợ tích cực của đội ngũ nhân viên. Hiện nay, đội ngũ nhân viên của khoa KT - QTKD có 06 cán bộ hỗ trợ bao gồm: 02 cán bộ trợ lý công tác HSSV, 02 cán bộ trợ lý Giáo vụ và 01 cán bộ phụ trách hành chính văn phòng, 1 cán bộ phụ trách phòng máy, thực hành. Trong đó cả 6/6 cán bộ có trình độ thạc sỹ đạt 100%. Có đầy đủ các chứng chỉ, kỹ năng như tin học, tiếng Anh, công tác văn thư, lưu trữ...[H1.07.03.01]. Các CVHT là các giảng viên có trình độ chuyên môn cao, thường làm Trưởng bộ môn hoặc trong Ban lãnh đạo Khoa am hiểu về CTĐT, sẵn sàng tư vấn, hỗ trợ quá trình học tập của SV. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa làm việc giờ hành chính theo quy định của Nhà nước. Các giảng viên kiêm nhiệm công việc trợ lý luôn có giờ trực và được phân công việc cụ thể các ngày trong tuần theo từng bộ môn.

Đội ngũ nhân viên làm việc tại các phòng thực hành của Khoa KT - QTKD hiện nay có 01 viên chức là giảng viên kiêm phụ trách các phòng thực hành (phòng thực hành Kế toán ảo, Ngân hàng ảo, Phòng thực hành kế toán máy, Mô hình Siêu thị mini) có trình độ chuyên môn từ thạc sỹ trở lên, đảm bảo về khối lượng và chất lượng công việc được phân công, đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu, triển khai ứng dụng của GV, học viên và SV [H1.07.01.01].

Ngoài ra, do đặc thù của khoa trong công tác đào tạo, khoa còn xây dựng đội ngũ giảng viên kiêm nhiệm các công việc hỗ trợ gồm: 08 cố vấn học tập phụ trách các khóa, lớp Đại học và Cao đẳng của các chuyên ngành Kế toán, Quản trị kinh doanh, Kinh tế, Tài chính ngân hàng; 01 cán bộ trợ lý Khoa học và Nghiệp vụ – Hợp tác quốc tế; 01 cán bộ kiểm soát tài liệu ISO của Khoa [H1.07.03.02]. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ, phục vụ cho hoạt động của các CTĐT được đảm bảo về số lượng và chất lượng; được tuyển chọn theo các tiêu chuẩn quy định về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc. Các yêu cầu về năng lực tổng hợp, năng lực giải quyết các vấn đề thực tế, các kỹ năng soạn thảo văn bản, lập kế hoạch, phối hợp thực hiện, kỹ năng giao tiếp là các tiêu chuẩn tối thiểu để lựa chọn khi tuyển dụng, xác định và đánh giá năng lực trong quá trình công tác.

Để đạt được hiệu quả cao trong công việc, các cán bộ hỗ trợ đều được tập huấn và đào tạo đầy đủ hàng năm theo đúng công việc mà mình phụ trách thực hiện theo công văn tập huấn cán bộ nhân viên hằng năm. Kế hoạch và kinh phí dành cho hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên [H1.07.03.03]; [H1.07.03.04]; [H1.06.01.01].

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của khoa làm việc theo giờ hành chính theo quy định của nhà nước. Các giảng viên kiêm nhiệm công việc trợ lý, CVHT luôn hoàn thành đúng chức trách nhiệm vụ được giao, chủ động tham mưu cho lãnh đạo khoa trong việc triển khai, kiểm tra kết quả thực hiện công tác CVHT, công tác kế hoạch dạy học,

nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; chính xác trong công tác thi kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và lưu giữ điểm của người học; trong công tác xây dựng và tổ chức thực hiện mục tiêu chất lượng hằng năm của đơn vị; công tác quản lý nắm bắt diễn biến tư tưởng người học; quản lý công văn, lưu giữ đầy đủ hồ sơ minh chứng và luôn làm đúng theo kế hoạch của Khoa và Nhà trường [H1.06.04.08]; [H1.06.04.09]; [H1.06.02.08]; [H1.07.03.05].

Bên cạnh đó, còn có đội ngũ nhân viên thuộc phòng Công tác HSSV, Quản trị vật tư và thiết bị, Đảm bảo chất lượng và Khảo thí, Trung tâm. TTTV, Ban quản lý nội trú, Ban Quản lý Nhà ở SV,... khoa CNTT&TT hỗ trợ hoạt động dạy, học, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của đội ngũ cán bộ giảng viên trường ĐH Hồng Đức nói chung và đội ngũ GV ngành kế toán nói riêng.

Để đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên, Nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn đánh giá, phân loại cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng phù hợp với các văn bản quy định hiện hành và yêu cầu thực tiễn vị trí việc làm [H1.06.04.08]; [H1.06.01.03]. Năng lực của nhân viên được đánh giá dựa trên các tiêu chí về trình độ chuyên môn, tinh thần học tập và nâng cao trình độ chuyên môn nhiệm vụ, phẩm chất đạo đức, ý thức tổ chức kỷ Kế toán, tư tưởng chính trị, tác phong lễ lối thực hiện và kết quả thực hiện nhiệm vụ. Các tiêu chí được đưa ra cụ thể và cho điểm rõ ràng làm căn cứ để xác định và đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên [H1.06.04.09]. Bên cạnh đó, để cải tiến và nâng cao chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên trong công tác hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của đội ngũ giảng viên các đơn vị đã chủ trì xây dựng kế hoạch, mẫu phiếu tổ chức lấy ý kiến đội ngũ giảng viên, người học về chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên [H1.07.01.05].

Việc đánh giá năng lực của nhân viên được xét đến trong quá trình làm việc và tiến hành đánh giá định kỳ hàng năm trong tháng 12 trước khi bình xét thi đua khen thưởng hàng năm. Kết quả đánh giá cuối cùng được thể hiện dưới dạng quyết định của Trường. Năng lực của nhân viên hỗ trợ, CBVC được thể hiện thông qua kết quả đánh giá CBVC hàng năm cùng với kết quả thi đua khen thưởng cá nhân và các đơn vị hỗ trợ [H1.06.02.09] [H1.06.02.10].

Hằng năm, Nhà trường đều phối hợp cùng với khoa thành lập các đoàn kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ mà cán bộ hỗ trợ khoa đảm nhiệm. Thông qua đó để đánh giá mức độ hoàn thành công việc của khoa và đặc biệt là đội ngũ nhân viên hỗ trợ [H1.07.03.06]. Những đóng góp của đội ngũ nhân viên của khoa được đánh giá theo đúng tiêu chuẩn và quy trình bình xét danh hiệu thi đua đã ban hành; được nhà trường ghi nhận bằng các quyết định đạt các danh hiệu lao động tiên tiến, chiến sĩ thi

đưa cấp cơ sở; trong những năm qua đội ngũ nhân viên của Khoa liên tục đạt danh hiệu lao động tiên tiến [H1.06.02.09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên một cách cụ thể rõ ràng; hoạt động đánh năng lực của đội ngũ nhân viên được thực hiện công khai, khách quan, công bằng.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa lấy ý kiến để điều chỉnh, cải tiến mẫu phiếu tự đánh giá năng lực thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên.

4. Kế hoạch hành động

Trong đầu năm học 2021-2022, Nhà trường (phòng Tổ chức Cán bộ) lấy ý kiến tiếp tục hoàn thiện mẫu phiếu tự đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7 điểm.

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên là hoạt động để duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ, là điều kiện quyết định để Nhà trường nói chung và Khoa KT - QTKD nói riêng có thể khẳng định vị thế trong môi trường cạnh tranh hiện nay. Vì vậy, công tác đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ luôn được Nhà trường, Khoa xác định và có kế hoạch thực hiện nghiêm túc. Thông qua việc xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức hành chính của các đơn vị, Nhà trường triển khai các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhu cầu của đội ngũ nhân viên [H1.07.04.01]. Đội ngũ nhân viên của khoa KT - QTKD nói riêng và trường đại học Hồng Đức nói chung, có đầy đủ năng lực và trình độ chuyên môn để hoàn thành công việc. Nhà trường có chính sách hỗ trợ về thời gian và kinh phí để chuyên viên, nhân viên có thể tham gia các hoạt động phát triển chuyên môn như các khóa học bồi dưỡng ngắn hạn hay dài hạn được thể hiện trong quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm của trường [H1.02.01.05c]. Để có cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhân viên Nhà trường đã tổ chức khảo sát về nhu cầu đào tạo và bồi dưỡng có kế hoạch thực hiện rõ ràng. Kết quả khảo sát được thể hiện trong báo cáo trình lãnh đạo xem xét để có cơ sở chuẩn bị nguồn lực thực hiện triển khai. Hàng năm, Nhà trường gửi thông báo đến các đơn vị có nhu cầu đăng ký cho nhân viên đi đào tạo, bồi dưỡng. Việc thông báo và cử

nhân viên đi đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện đúng quy định, thông báo đến các đơn vị có nhu cầu đăng ký cho nhân viên đi đào tạo, bồi dưỡng [H1.07.02.03] [H1.07.04.02].

Đội ngũ cán bộ giảng viên – người lao động của khoa là 64 người, giảng viên 58 người, nhân viên 06 người. Nhân viên phục vụ trực tiếp của khoa có 06 người: 02 người làm trợ lý công tác HSSV, 02 người làm trợ lý giáo vụ, 01 người làm công tác hành chính khoa, 01 người cán bộ phòng máy. Đội ngũ nhân viên đã đóng góp quan trọng vào kết quả hàng năm của Khoa KT - QTKD [H1.07.03.01].

Để đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu của người học, Khoa đã xây dựng nhu cầu đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của đơn vị giai đoạn 2016 – 2021 được các phòng chức năng thẩm định và Ban giám hiệu phê duyệt ban hành trong nhà trường [H1.06.01.06]. Trên cơ sở đó Khoa và nhà trường đã triển khai kế hoạch về phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên như: tập huấn công tác giáo vụ, công tác kiểm soát tài liệu ISO, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học, tiếng anh.... [H1.07.04.02]. Kết quả, trong 05 năm qua đội ngũ nhân viên của Trường được cử đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ [H1.07.04.03], đáp ứng yêu cầu hỗ trợ hoạt động dạy, học của GV và người học [H1.07.04.03]. Sau khi được tham gia bồi dưỡng, tập huấn các nhân viên của Khoa báo cáo kết quả học tập với lãnh đạo quản lý trực tiếp và văn bằng chứng chỉ được sao lưu gửi phòng Tổ chức Cán bộ theo quy định của trường.

Hàng tháng, đội ngũ nhân viên được đánh giá xếp loại [H1.06.02.08]; Cuối năm học được xếp loại viên chức – lao động, nhân viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được xem xét khen thưởng [H1.06.02.09]. Hàng năm khoa và các đơn vị có trách nhiệm đánh giá lại hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực báo cáo Ban giám hiệu [H1.02.01.05]; [H1.01.01.16].

2. Điểm mạnh

Nhà trường và khoa đã xác định đúng nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ và được triển khai thực hiện đúng quy hoạch đào tạo bồi dưỡng đã được xác định.

Nhà trường đã có cơ chế chính sách đáp ứng yêu cầu học tập bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên phục vụ nói riêng và cán bộ giảng viên nói chung.

3. Điểm tồn tại

Tính chuyên nghiệp của đội ngũ nhân viên hỗ trợ còn chưa tương xứng với yêu cầu hội nhập và cạnh tranh.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Khoa KT - QTKD xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên của Khoa và đề nghị Nhà trường

thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu nhằm phục vụ tốt hơn cho công tác đào tạo và NCKH của Khoa và của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Để thực hiện các hoạt động hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng cho tất cả các ngành đào tạo của Trường trong đó có ngành kế toán, đội ngũ nhân viên được bố trí tại các phòng ban, trung tâm như Thông tin Thư viện, TTGD TX, Phòng Đảm bảo chất lượng, Phòng QLĐT, Phòng QLKH&CN, Phòng QT,VT-TB, Khoa CNTT& TT; Phòng CT HSSV, Tại Khoa KT - QTKD có 6 nhân viên làm nhiệm vụ văn phòng, quản lý sinh viên và trợ lý giáo vụ. Ngoài ra, khoa còn xây dựng đội ngũ giảng viên kiêm nhiệm các công việc hỗ trợ gồm 10 cố vấn học tập, 01 Trợ lý nghiệp vụ, quản lý phòng máy, phòng thực hành [H1.07.03.01] [H1.07.03.02].

Với từng chức danh công việc, Nhà trường đã có quy định về chức năng, nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên, khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên để có cơ sở đánh giá hiệu quả và năng lực thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ [H1.06.01.03].

Các quy định về đánh giá, xếp loại, thi đua khen thưởng của nhà trường, của Đảng bộ và các tổ chức chính trị đều được thực hiện rất nghiêm túc và nền nếp [H1.06.02.10] và bản mô tả vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên hỗ trợ được nêu rõ trong Đề án xác định vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức và số lượng người làm việc trong trường Đại học Hồng Đức, giai đoạn 2018-2020 [H1.06.01.03].

Các nhân viên hỗ trợ cho công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng hằng kỳ đều có kế hoạch công tác, học tập bồi dưỡng. Trên cơ sở kế hoạch, tình hình thực tế, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. Về phía nhà trường và khoa KT - QTKD luôn thực hiện việc giám sát và kiểm tra chặt chẽ hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng khác của GV, người học. Việc theo dõi giám sát hiệu quả công việc của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được thực hiện thông qua trưởng bộ phận, đơn vị và phòng Thanh tra giáo dục theo các văn bản quy định của Nhà trường về chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc của cán bộ hành chính, trợ lý, cán bộ kiểm soát tài liệu và CVHT, quy định của nhà trường,

khu nội trú, phòng học,... [H1.07.03.05]. Việc quản lý công việc và khen thưởng cũng như ghi nhận thành tích của CBVC của Nhà trường được công khai và thực hiện theo quy chế thi đua, khen thưởng [H1.06.04.09]. Nhà trường luôn quan tâm và quản lý chặt chẽ, rõ ràng kết quả công việc của nhân viên, hỗ trợ nhằm tạo động lực cho cán bộ trong quá trình giảng dạy và NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Ngoài ra, hàng tháng Tổ trưởng và Lãnh đạo khoa cũng sẽ tổ chức họp bình xét đánh giá kết quả xếp loại lao động (A, B, C) đối với cán bộ viên chức và lao động hợp đồng của Khoa. Kết quả xếp loại lao động của CBVC-LĐ sẽ làm căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm. Thu nhập tăng thêm hàng tháng là nguồn động viên, khuyến khích kịp thời để CBVC-LĐ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm. Kết quả của Hội đồng khen thưởng được công khai rộng rãi trong toàn trường [H1.06.07.03]. Mức chi khen thưởng tương ứng với thành tích của nhân viên đạt được trong các hoạt động hỗ trợ đào tạo, NCKH và các hoạt động hỗ trợ cộng đồng được nêu chi tiết trong quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm [H1.02.01.05].

Hàng năm, nhà trường đều có văn bản hướng dẫn tổng kết, đánh giá, xếp loại, bình xét thi đua khen thưởng, các danh hiệu thi đua được tôn vinh, bình xét cán bộ, viên chức – lao động về các mặt hoạt động đào tạo, NCKH, Công tác CVHT, hỗ trợ đào tạo... [H1.06.04.09]. Sự công nhận kết quả và khen thưởng, bình xét lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua các cấp hàng năm là động lực cho đội ngũ nhân viên tích cực hơn trong công tác [H1.06.02.09].

Công tác đánh giá, phân loại và thi đua khen thưởng của Nhà trường và Khoa KT - QTKD được thực hiện đảm bảo dân chủ, công khai, công bằng, chính xác, khách quan, góp phần giúp đội ngũ này cải thiện hiệu quả công việc được giao. Hàng năm, tất cả các nhân viên thuộc khoa KT - QTKD đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong mỗi công việc luôn có những suy nghĩ cải tiến để đem lại hiệu quả cao hơn. Mỗi thành viên đều rất cố gắng để hoàn thành nhiệm vụ cho dù có khó khăn phát sinh, thành tích hoạt động đó được thể hiện trong biên bản họp bộ môn [H1.06.02.08]. Kết quả công việc của nhân viên Khoa KT - QTKD được đánh giá, khen thưởng và kỷ luật rõ ràng theo đúng quy định nhờ đó đã tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tính đến thời điểm hiện nay chưa nhận được đơn từ khiếu nại về kết quả đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho cán bộ viên chức - lao động và việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên công khai, minh bạch và rõ ràng [H1.07.05.01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa có sự phân công công việc cho đội ngũ nhân viên một cách rõ ràng, có cơ chế giám sát chặt chẽ trong việc thực hiện nhiệm vụ, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ làm thước đo khen thưởng. Kết quả công việc được đánh giá định kỳ hàng năm, nhờ đó đã tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Một số vị trí của đội ngũ nhân viên chưa được khen thưởng theo vị trí công việc cụ thể.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Nhà trường giao cho phòng Tổ chức cán bộ chủ trì nghiên cứu, đề xuất các tiêu chí đánh giá, khen thưởng cụ thể đối với đội ngũ nhân viên, nhằm tạo động lực cho nhân viên trong việc hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH và hoạt động phục vụ cộng đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7 điểm

Kết luận tiêu chuẩn 7

Đội ngũ nhân viên của Khoa KT - QTKD cơ bản đảm bảo về số lượng và chất lượng, nhân viên được tuyển dụng theo đúng quy trình và công bố công khai. Trường ĐHHĐ tạo mọi điều kiện để học viên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ nhân viên của Khoa luôn có tinh thần phục vụ cao và sẵn sàng nhận nhiệm vụ được phân công.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành kế toán tự đánh giá tiêu chuẩn 7 đạt 5/5 tiêu chí (bình quân đạt 4,4/7 điểm).

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Người học của ngành Kế toán, Trường Đại học Hồng Đức được bảo đảm các điều kiện nhằm hỗ trợ, giúp đỡ người học như: thực hiện kịp thời các chế độ chính sách, học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ ngoài ngân sách, cấp Giấy xác nhận vay vốn tín dụng đào tạo, tổ chức hội chợ việc làm, bồi dưỡng kiến thức khởi nghiệp... để người học có cơ hội gặp gỡ, giao lưu với các nhà tuyển dụng, các doanh nghiệp và rèn luyện kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp.

Chính sách tuyển sinh được được công khai và cập nhật tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch.

Nhà trường đang đào tạo theo hệ thống tín chỉ, đây là hình thức đào tạo ưu việt

giúp người học có điều kiện tham gia vào tất cả các khâu trong quá trình đào tạo.

Người học ngành Kế toán được giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện chặt chẽ bởi một hệ thống phù hợp từ phần mềm đến hệ thống giảng viên, cố vấn học tập, trợ lý và cán bộ của Khoa, các tổ chức đoàn thể, các đơn vị liên quan trong Nhà trường.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Chính sách và quy định về tuyển sinh ngành Kế toán được Nhà trường, khoa KT-QTKD thực hiện theo đúng Quy chế tuyển sinh của BGD&ĐT; Đề án tuyển sinh của Nhà trường nói chung, ngành Kế toán nói riêng được xây dựng và cập nhật hằng năm dựa trên các tiêu chí cụ thể, rõ ràng được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, Bộ GD&ĐT ký duyệt giao chỉ tiêu [H1.08.01.01], [H1.08.01.02], [H1.08.01.03].

Tất cả các thông tin về tổ hợp môn xét tuyển, đối tượng tuyển sinh, quy trình xét tuyển, khu vực, đối tượng ưu tiên... đều được công khai trong Đề án tuyển sinh hàng năm của Nhà trường, được đưa tin trên Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa, Báo Thanh Hóa, đăng tải trên Website của Nhà trường, Khoa KT - QTKD, trên tờ rơi tuyển truyền tuyển sinh, trên các trang mạng xã hội như fanpage, facebook, zalo, các lớp sinh viên trong khoa. Cụ thể, tất cả các thông tin về phương thức xét tuyển (sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia và sử dụng kết quả học tập 3 năm THPT), tổ hợp xét tuyển, điểm xét tuyển tất cả các ngành đào tạo và điểm ưu tiên cho từng đối tượng (khu vực, gia đình chính sách, điểm xét tuyển thẳng, vv....) được công bố công khai và rõ ràng trong đề án tuyển sinh của nhà trường. Cổng thông tin tuyển sinh của Nhà trường, Khoa luôn có cán bộ trực để trả lời các câu hỏi, thắc mắc mà thí sinh và phụ huynh quan tâm đến công tác tuyển sinh của Nhà trường. Đặc biệt, bộ môn Kế toán tài chính và bộ môn Kế toán quản trị đã thực hiện các chương trình Tư vấn trực tuyến, livestream giải đáp thắc mắc của thí sinh trong quá trình đăng ký nguyện vọng và xét tuyển vào ngành Kế toán. [H1.08.01.05]; [H1.08.01.06]; [H1.08.01.01-03].

Chính sách tuyển sinh liên tục được cập nhật qua các năm và được xây dựng theo đúng các quy định hiện hành, có sự tham gia góp ý của các bên liên quan và phân tích/dự báo nhu cầu nguồn nhân lực. Ngoài những chính sách tuyển sinh chung của Nhà trường, khoa KT - QTKD cũng có những chính sách riêng cho sinh viên của mình, cụ thể là sinh viên được hỗ trợ trong việc kết nối với các doanh nghiệp để tìm kiếm cơ hội thực tập trong quá trình học tập và tìm kiếm việc làm sau khi ra trường.

Kết quả tuyển sinh ngành Kế toán trong 5 khóa (K19-K23) giai đoạn 2016-2020, được thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 8.1. Tình hình tuyển sinh ngành ĐH Kế toán giai đoạn 2016-2020 (K19-K23)

Năm tuyển sinh	Chỉ tiêu	Ứng viên			
		Điểm trúng tuyển	Số lượng trúng tuyển	Số lượng nhập học	Đạt tỷ lệ
2016	130	17,0	119	91	91,5%
2017	130	15,5	146	133	102,3%
2018	130	13,0	176	158	121,5%
2019	160	14,0	160	151	94,3%
2020	140	15,0	236	213	152,1%

(Nguồn: Phòng Quản lý đào tạo và phòng Công tác HSSV)

Kết quả bảng trên cho thấy, số lượng người học nhập học ngành Kế toán vào trường hàng năm tăng dần, một phần do nhu cầu xã hội, bên cạnh đó Nhà trường, khoa đã có những chính sách trong tuyển sinh phù hợp; nội dung, phương pháp tuyên truyền đa dạng, phong phú. Đặc biệt, Nhà trường, Khoa KT-QTKD đã phối hợp chặt chẽ với các đơn vị sử dụng lao động, các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và các địa phương lân cận để ký kết thỏa thuận hợp tác, trao học bổng cho sinh viên, xác lập địa điểm thực hành, thực tập, rèn nghề và tuyển dụng sinh viên ngành ĐH Kế toán sau khi tốt nghiệp [H1.08.01.07], [H1.08.01.08], [H1.08.01.09], [H1.08.01.10].

Tuy nhiên, trong những năm qua Nhà trường, Khoa chưa lấy ý kiến của các bên liên quan về công tác tuyển sinh ngành ĐH Kế toán thông qua Phiếu khảo sát mà chủ yếu lấy ý kiến trực tiếp thông qua các hội nghị, các cuộc làm việc có liên quan. Vì thế chưa có phân tích, dự báo, đánh giá cụ thể về nguồn nhân lực.

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh của Nhà trường, Khoa được thực hiện theo đúng Quy định của Bộ GD&ĐT, được công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, các trang mạng xã hội, tờ rơi tuyên truyền; hình thức tuyên truyền tuyển phong phú, dễ hiểu. Ngoài ra, cán bộ giảng viên trong Khoa, Đoàn thanh niên, Hội SV đã tích cực tham gia vào hoạt động tuyên truyền tuyển sinh, đồng thời đưa ra những ý kiến góp ý hiệu quả, góp phần tăng tỷ lệ thí sinh xét tuyển, nhập học vào ngành Kế toán.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường, Khoa chưa lấy ý kiến của các bên liên quan về công tác tuyển sinh ngành ĐH Kế toán thông qua Phiếu khảo sát mà chủ yếu lấy ý kiến trực tiếp thông qua các hội nghị, các cuộc làm việc trực tiếp có liên quan. Vì thế chưa có phân tích, dự báo, đánh giá cụ thể về nguồn nhân lực.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Nhà trường, Khoa xây dựng Phiếu khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan về công tác tuyển sinh hằng năm, từ đó sẽ phân tích, đánh giá và dự báo nhu cầu nguồn nhân lực để xây dựng Đề án tuyển sinh ngành Kế toán đáp ứng nhu cầu xã hội, chính sách tuyển sinh phù hợp hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu 5/7.

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1.Mô tả hiện trạng

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học ngành Kế toán được Khoa và Nhà trường xác định rõ ràng, thể hiện chi tiết trong Đề án, thông báo tuyển sinh CTĐT, chính sách tuyển sinh, phương thức xét tuyển, kết quả tuyển sinh hằng năm của ngành ĐH Kế toán. Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh được duy trì bằng 2 phương thức: (1) là dựa vào kết quả của kỳ thi THPT quốc gia và (2) là dựa vào kết quả học tập của 3 năm học THPT, với số điểm xét tuyển theo từng phương thức tuyển sinh được công bố công khai, rõ ràng. Hàng năm, nhà trường căn cứ vào quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT kết với nhu cầu tuyển sinh của Nhà trường để đưa ra tiêu chí và phương thức tuyển sinh phù hợp nhất nhằm đủ số lượng nhưng cũng đảm bảo chất lượng đầu vào của thí sinh trúng tuyển. [H1.08.02.01-02], [H1.08.01.05].

Từ năm 2014 trở về trước, phương thức tuyển sinh ngành Kế toán được thực hiện theo quy định của BGD&ĐT, cụ thể: Xét tuyển dựa trên kết quả thi tuyển đại học các khối A, A1 và D1. Từ năm 2015 đến nay, tuyển sinh theo phương thức xét tuyển kết quả thi THPT quốc gia hoặc xét tuyển học bạ THPT thuộc các tổ hợp môn xét tuyển, gồm: (A00): Toán - Lý- Hóa, (C01): Toán- Văn- Lý, (C02): Toán- Văn- Hóa, và (D01): Toán- Văn-Tiếng Anh theo Đề án tuyển sinh hằng năm của Nhà trường. [H1.08.01.01-05].

Bên cạnh đó, Nhà trường, Khoa KT-QTKD tham gia ngày hội tư vấn tuyển sinh (do Báo tuổi trẻ tổ chức); trực tiếp tư vấn tuyển sinh, giới thiệu về ngành đào tạo, vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp ngành Kế toán, thông tin tuyển sinh của Khoa, Nhà trường cho học sinh lớp 12 các trường THPT. Phương thức tuyên truyền tuyển sinh đa dạng, phong phú, hấp dẫn, đồng thời phát tờ rơi cho học sinh và phụ huynh, trong tờ rơi ghi đầy đủ thông tin về đối tượng, quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào; đối tượng thi tuyển, xét tuyển; đối tượng ưu tiên... để thí sinh và phụ huynh tham khảo [H1.08.01.05-06].

Vào tháng 12 hằng năm, Nhà trường tổ chức tổng kết công tác tuyển sinh, qua hội nghị tổng kết, Nhà trường nghe ý kiến trực tiếp của các bên liên quan, của các giảng viên, các đơn vị chức năng từ đó tiến hành rà soát, phân tích, đánh giá tiêu chí, phương pháp tuyển sinh/tuyển chọn người học ngành Kế toán nói riêng và là cơ sở để xây dựng Đề án tuyển sinh cho năm tiếp theo. Thông thường, các góp ý liên quan đến phương thức tuyển sinh, tổ hợp tuyển sinh, điểm chuẩn sẽ được phân tích kỹ lưỡng để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình tuyển sinh thực tế của mỗi năm. [H1.08.01.10].

Sau khi thí sinh đăng ký xét tuyển vào ngành Kế toán, Nhà trường đã thành lập Hội đồng tuyển sinh để tuyển chọn, làm các thủ tục nhập học cho người học và khám

sức khỏe đầu vào ngay sau khi người học hoàn thành thủ tục nhập học.

Nhà trường, Khoa có hệ thống quản lý đào tạo để hỗ trợ lưu trữ, nhập dữ liệu về người học và thống kê kết quả tuyển sinh hằng năm, như số lượng đăng ký xét tuyển vào ngành, số thí sinh trúng tuyển, điểm trúng tuyển, số lượng người học nhập học vào ngành ĐH Kế toán, điểm trung bình của ngành theo quy định... [H1.08.01.08&09].

Tuy nhiên, do nhu cầu xã hội cũng như nhu cầu việc làm sau khi tốt nghiệp của đại đa số các ngành đào tạo đã dần bão hòa, trong đó có ngành Kế toán đã ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng tuyển sinh của Nhà trường, của Khoa mà đặc biệt là ngành Kế toán, vì thế chất lượng đầu vào của ngành Kế toán còn nhiều hạn chế, những năm gần đây phần lớn thí sinh dùng học bạ THPT để xét tuyển theo tổ hợp các môn học vào ngành Kế toán; mặt khác chưa tiến hành khảo sát các bên liên quan thông qua Phiếu lấy ý kiến trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học.

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học ngành Kế toán được Khoa và Nhà trường xác định rõ ràng, thể hiện chi tiết trong Đề án, thông báo tuyển sinh Chương trình đào tạo, chính sách tuyển sinh, phương thức xét tuyển, kết quả tuyển sinh hằng năm của ngành Kế toán và được cập nhật thường xuyên. Mỗi năm, Nhà trường, Khoa tổng kết, đánh giá tình hình chung và nhu cầu thực tế, từ đó đưa ra các tiêu chí và chỉ tiêu tuyển sinh hợp lý.

3. Điểm tồn tại

Khoa và nhà trường chưa tiến hành khảo sát các bên liên quan thông qua Phiếu lấy ý kiến trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học dẫn đến việc là đôi khi tiêu chí và phương pháp tuyển sinh chưa thực sự sát với thực tế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Nhà trường, Khoa KT-QTKD phối hợp chặt chẽ với các đơn vị sử dụng lao động, các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và các địa phương lân cận để ký kết thỏa thuận hợp tác, trao học bổng cho sinh viên, xác lập địa điểm thực hành, thực tập, rèn nghề và tuyển dụng sinh viên ngành Kế toán sau khi tốt nghiệp; tạo nhiều cơ hội việc làm cho sinh viên; xác định tiêu chí rõ ràng, cụ thể, sát với tình hình thực tế hơn; phương pháp tuyên truyền tuyển sinh đa dạng, phong phú về nội dung; có nhiều chính sách thu hút sinh viên hơn, như kết quả xét tuyển vào ngành cao sẽ được miễn giảm học phí.

Xây dựng Phiếu khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan, đặc biệt là các nhà tuyển dụng và chuyên gia về tiêu chí, phương pháp tuyển sinh, có tổng kết, phân tích, đánh giá và điều chỉnh hàng năm cho phù hợp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Khoa, Nhà trường có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học qui định đầy đủ trong các văn bản qui định và được các cán bộ, giảng viên thực hiện đầy đủ.

Các qui định này được thể hiện chi tiết trong CTĐT [H1.01.01.07] và Quy chế, quy định về đào tạo [H1.03.02.02], Quy chế, quy định về công tác sinh viên, Quy chế, quy định về đánh giá kết quả rèn luyện của người học [H1.05.01.10].

Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được thực hiện chặt chẽ từ cấp Trường đến cấp Khoa, được thể hiện chi tiết trong CTĐT do Nhà trường ban hành trên cơ sở Quy chế, quy định về đào tạo, Quy chế, quy định về công tác sinh viên và Quy chế, quy định, quy trình về đánh giá kết quả rèn luyện của người học [H1.01.01.07]; [H1.03.02.02], [H1.05.01.10], [H1.05.02.01].

- Cấp trường: Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Công tác HSSV thông qua các văn bản gửi trực tiếp đến các khoa, các lớp và hệ thống quản lý trực tuyến như Website của trường <http://hdu.edu.vn/>, [http://daotao.hdu.edu.vn/default.aspx?page=nhapmasv&flag = XemDiemThi](http://daotao.hdu.edu.vn/default.aspx?page=nhapmasv&flag=XemDiemThi), <http://sinhvien.hdu.edu.vn/> và fanpage: facebook.com/Đại học Hồng Đức (trang FB chính thức của trường có gần 27.000 thành viên).

- Cấp khoa: Lãnh đạo khoa, Bộ môn, Ban chấp hành Liên Chi đoàn, Chi hội SV, CVHT, Trợ lý giáo vụ, Trợ lý Công tác HSSV. Trợ lý công tác HSSV là người được giao quản lý lớp SV, theo dõi nền nếp, theo dõi việc tham gia các hoạt động phong trào, cùng với Ban cán sự lớp đánh giá kết quả rèn luyện của người học trong lớp; CVHT đóng vai trò quan trọng, trực tiếp theo dõi, tư vấn và hỗ trợ người học trong suốt quá trình học tập.

- Cấp bộ môn: Trưởng bộ môn, cố vấn học tập.

- Cấp lớp: Ban cán sự lớp, Ban Chấp hành Chi đoàn.

- Cơ sở dữ liệu về kết quả học tập, rèn luyện của người học được lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo, ngoài ra còn được thể hiện trong Sổ Công tác người học (mỗi lớp một cuốn dùng cho toàn khóa) do Trợ lý Công tác HSSV quản lý, hồ sơ của CVHT, giáo vụ khoa... [H1.05.01.10&11], [H1.05.02.01].

Bảng 8.2: Kết quả học tập của SV ngành Kế toán giai đoạn 2016-2020

Năm học	Học kỳ	Tỷ lệ sinh viên đạt điểm trung bình (GPA)					
		theo thang điểm tín chỉ					
		$GPA \leq 1.39$	$1.40 \leq GPA \leq 1.99$	$2.0 \leq GPA \leq 2.49$	$2.5 \leq GPA \leq 3.19$	$3.2 \leq GPA \leq 3.59$	$3.6 \leq GPA \leq 4.0$
2016-2017	Kỳ I	12,3%	13,6%	24,6%	36,8%	8,9%	3,8%
	Kỳ II	20,45%	17,8%	24,9%	28,7%	6,5%	1,7%
2017-2018	Kỳ I	14,1%	14,1%	28,3%	34,1%	6,9%	2,9%
	Kỳ II	11,4%	16,1%	25,8%	22,4%	9,2%	4,4%
2018-2019	Kỳ I	9,4%	14,9%	26,1%	38,4%	8,9%	2,3%
	Kỳ II	10,3%	16,9%	29,1%	35,9%	6,3%	1,5%
2019-2020	Kỳ I	21,9%	37,4%	21,6%	18,3%	3,8%	1,3%
	Kỳ II	26,0%	37,7%	11,39%	14,9%	5,8%	4,1%
2020-2021	Kỳ I	12,1%	14,6%	21,2%	37,3%	10,3%	4,4%

Nguồn: Phòng quản lý đào tạo

Việc theo dõi và đánh giá kết quả rèn luyện của người học được thực hiện đúng theo Quy chế, quy định và quy trình về đánh giá kết quả rèn luyện ở từng học kỳ, năm học, khóa học [H1.05.01.10].

Bảng 8.3: Tỷ lệ xếp loại điểm rèn luyện Sinh viên ngành kế toán giai đoạn 2016-2020

Đvt: (%)

Năm học	XUẤT SẮC	TỐT	KHÁ	T.BÌNH	YẾU	KÉM	KHÔNG XL
2016-2017	0,64	22,60	50,96	5,33	0,43	0	-
2017-2018	0,64	12,58	59,28	10,45	1,28	0	0,21
2018-2019	0,21	13,22	55,86	8,96	0,85	0	2,13
2019-2020	3,41	18,34	60,34	2,99	-	0	0,43

(Nguồn: Phòng Công tác HSSV, Khoa KT-QTKD)

Đối với ngành Kế toán, người học sẽ phải hoàn thành số tín chỉ quy định trong CTĐT đã được phê duyệt [H1.01.01.07], trong 4 năm (8 kỳ học chính). Nhà trường có quy định chặt chẽ về ràng buộc thứ tự các môn học (điều kiện tiên quyết), khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ là 15 tín chỉ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực trung bình, quy định về học nhanh, học chậm, quy định về mở lớp học phần... [H1.01.01.07], [H1.03.02.02].

Kết quả học tập cuối cùng của một học phần trong chương trình học được đánh giá theo 3 loại thang điểm là thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm bằng chữ (A, B+, B, C+, C, D+, D và F). Các học phần được đánh giá là đạt nếu điểm tổng kết học phần tính theo thang điểm 10 đạt từ điểm 4, thang điểm 4 đạt từ điểm 1, thang điểm chữ đạt từ điểm D. Trong trường hợp SV không đạt phải đăng ký học lại học phần đó. SV được công nhận tốt nghiệp khi tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định và có điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2.0 trở lên theo thang điểm 4 và đạt chuẩn đầu ra của ngành đào tạo được công bố [H1.03.02.02].

Mỗi học kỳ, Nhà trường cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến độ của người học trên phần mềm quản lý đào tạo. Bên cạnh đó, Phòng Quản lý đào tạo kết hợp với Khoa KT-QTKD quản lý, rà soát sinh viên đủ điều kiện xét tốt nghiệp, sinh viên chậm tiến độ, SV thôi học hoặc có những vấn đề trong học tập, chưa hoàn thành được các học phần trong Chương trình đào tạo thì CVHT sẽ gặp gỡ, trao đổi trực tiếp, giúp người học lập kế hoạch học tập tốt hơn để có thể đảm bảo tốt nghiệp đúng theo kế hoạch [H1.05.01.10&11], [H1.08.01-03].

Bảng 8.4: Tỷ lệ người học ngành Kế toán tốt nghiệp và thôi học 6 khóa (K15-K20)

Năm tuyển Sinh	Số lượng người học	Tỷ lệ % người học hoàn thành chương trình trong thời gian			Số lượng người học thôi học trong thời gian				Khóa
		3,5 năm	4 năm	trên 4 năm	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ 4 và tiếp theo	
2012	262	70,16	5,65	8,87	0,76	2,29	2,29	1,14	K15
2013	230	0	63,51	16,22	3,04	4,34	0,43	0	K16
2014	135	0	44,34	27,36	1,48	2,22	0,74	0	K17
2015	162	0	43,48	30,43	3,70	2,43	1,23	0	K18
2016	126	0	27,54	7,25	1,58	2,38	0,79	1,58	K19
2017	134	0	33,33	17,46	5,73	2,69	1,02	0	K20
Trung bình		11,69	36,31	17,93	2,75	2,72	1,08	0,45	

(Nguồn: Phòng Công tác HSSV, Khoa KT-QTKD)

Hình thức, thời gian và tiêu chí kiểm tra đánh giá được ghi rõ ràng trong đề cương chi tiết học phần của mỗi môn học để người học biết và thực hiện [H1.01.01.08].

Về công tác NCKH, Nhà trường có quy định về mức kinh phí chi cho hoạt động NCKH của SV, đây là điều kiện thuận lợi để đông đảo SV tham gia NCKH [H1.08.03.04].

Thông tin về quá trình học tập và rèn luyện của người học được thông báo đến từng người học sau khi kết thúc từng học kỳ và được cập nhật trong Sổ công tác người học của từng lớp SV, trên phần mềm quản lý đào tạo, website của Nhà trường, Khoa; ngoài ra, người học có thể nắm bắt thông tin về kết quả học tập và rèn luyện thông qua các buổi sinh hoạt nhóm, giao ban công tác SV [H1.08.03.05], [H1.05.02.01]. Đối với những sinh viên có kết quả học tập yếu, CVHT và Trợ lý công tác SV sẽ thông báo cho gia đình SV để có giải pháp hỗ trợ học tập cho SV phù hợp hơn [H1.05.01.11].

Nhờ thực hiện tốt công tác hỗ trợ SV mà hằng năm tỷ lệ SV của khoa được khen thưởng, nhận học bổng khuyến khích học tập, cũng như các nguồn tài trợ khác luôn ở mức cao [H1.08.03.06]. Đây là động lực thúc đẩy SV của Khoa nói chung, của ngành ngành kế toán nói riêng phấn đấu ngày một tốt hơn.

Người học có chủ động theo dõi tiến độ học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập trên phần mềm quản lý đào tạo <http://sinhvien.hdu.edu.vn/sinhvien-dang-nhap.html>, mỗi sinh viên được cấp một tài khoản riêng có đầy đủ các thông tin cá nhân, điểm, các môn học còn phải học...

Khi sinh viên gặp khó khăn trong tiến trình học tập cố vấn học tập sẽ trực tiếp gặp gỡ tư vấn và kết nối với các khoa, các phòng ban chức năng để tìm biện pháp hỗ trợ tiến độ cho sinh viên [H1.05.01.11]. Bên cạnh đó CVHT và Trợ lý QLSV sẽ liên hệ đến phụ huynh sinh viên nhằm kết hợp giữa gia đình và nhà trường để sinh viên hoàn thành tiến độ học tập .

Cuối kỳ trước CVHT sẽ tư vấn việc lựa chọn các môn học cho kỳ kết tiếp phù hợp với tiến độ sinh viên và chương trình đào tạo. Trong trường hợp sinh viên vì lý do cá nhân mà không thể hoặc chưa tham gia học sẽ được CVHT và Trợ lý QLSV tư vấn bảo lưu kết quả học tập hoặc làm đơn xin thôi học [H1.08.03.07]

Bên cạnh sự sát sao CVHT và Trợ lý QLSV, Trường/Khoa hằng năm có tổ chức các buổi đối thoại với SV từ cấp lớp, cấp khoa và cấp trường để có tìm hiểu các lý do khiến SV hoàn thành chương trình chậm hơn dự kiến từ đó đưa ra các giải pháp phù hợp hơn đối với sinh viên [H1.05.04.04]

Đối với sinh viên năm thứ nhất, Trường/Khoa có chú ý đặc biệt đến việc đào tạo về phương pháp học tập tại trường đại học thông qua tuần sinh hoạt công dân [H1.04.01.03] và các buổi trao đổi chia sẻ kinh nghiệm học tập tại đại học.

100% sinh viên hoàn thành luận văn đúng tiến độ. Khoa và Trợ lý nghiệp vụ, CVHT sẽ hỗ trợ kết nối thực tập cho SV (nếu cần). Giáo viên hướng dẫn sẽ hỗ trợ tư

vấn trực tiếp SV về chuyên môn nghiệp vụ cũng như kết nối với cơ sở thực tập để theo dõi việc hoàn thành luận văn tốt nghiệp của SV [H1.02.01.06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống giám sát sự tiến bộ của người học về kết quả học tập, rèn luyện chặt chẽ từ cấp Trường đến cấp Khoa; những quy định về cách tính điểm học tập thể hiện rõ trong đề cương chi tiết học phần, cách đánh giá kết quả rèn luyện công khai, minh bạch và thực hiện nghiêm túc theo quy định.

3. Điểm hạn chế

Công tác tư vấn, hướng dẫn người học có khả năng học nhanh, cũng như những người học chậm tiến độ chưa được thường xuyên nên vẫn còn người học chưa thể tốt nghiệp theo tiến độ do còn nợ học phần.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Nhà trường, Khoa KT-QTKD tăng cường công tác phối hợp với Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Công tác HSSV, các đơn vị, đoàn thể liên quan và nâng cao vai trò trách nhiệm của 2 Bộ môn Kế toán, đặc biệt là CVHT, Trợ lý công tác HSSV trong việc theo dõi, giám quá trình học tập, rèn luyện của người học ở từng học kỳ, năm học; lập danh sách người học chậm tiến độ để kịp thời nhắc nhở, nâng cao ý thức học tập của mỗi SV và kịp thời tư vấn, hỗ trợ để người học đăng ký và học các học phần còn thiếu, chậm tiến độ; thông báo kết quả học tập, rèn luyện cho gia đình người học sau mỗi học kỳ, năm học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có quy trình/kế hoạch và thực hiện triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học, cụ thể:

Nhà trường: Bộ phận hỗ trợ SV trực thuộc Phòng Công tác HSSV; Khoa có CVHT, Trợ lý Công tác SV, Trợ lý giáo vụ, Trợ lý khoa học, Trợ lý Văn-Thể-Mỹ [H1.08.03.01&02]; Liên Chi đoàn, Liên Chi hội SV, các CLB sinh viên đã thường xuyên tư vấn, hỗ trợ người học trong học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học [H1.08.03.01].

Phòng Công tác HSSV, Khoa KT-QTKD là đầu mối phối hợp với các đơn vị sử dụng lao động, các nhà tuyển dụng, Hội Cựu SV, Câu lạc bộ Nhà doanh nghiệp tương lai thường xuyên tổ chức hội nghị giới thiệu việc làm cho người học [H1.08.04.01].

Nhà trường, khoa thường xuyên có các hoạt động kết nối các cơ quan, doanh nghiệp để hỗ trợ các nguồn học bổng, tìm kiếm cơ hội việc làm, địa điểm thực hành, thực tập, rèn nghề cho SV [H1.03.02.03].

Trong các buổi sinh hoạt, CVHT hướng dẫn cho người học thực hiện các quy chế, quy định; khuyến khích người học tham gia các CLB học thuật, nghiên cứu khoa học, rèn luyện các kỹ năng: thu thập, xử lý thông tin, thuyết trình, soạn giáo án, kỹ năng đứng lớp, tiếp cận các trường phổ thông; tham gia các hoạt động văn, thể, mỹ bổ ích như: thăm quan danh lam, thắng cảnh; tham gia các hoạt động tình nguyện, hiến máu nhân đạo, văn nghệ, thể thao, bóng đá, các câu lạc bộ, nghiên cứu khoa học và vay vốn tín dụng... [H1.08.04.02-08]. Khi có kết quả học tập, rèn luyện, những người học có kết quả chưa đạt yêu cầu, CVHT bố trí lịch để có buổi tư vấn riêng [H1.05.01.11];

Quá trình học tập của người học được tư vấn đăng ký học phần phù hợp; tiến độ học nhanh, học chậm; phương pháp học tập, tìm kiếm và xử lý thông tin; phương pháp NCKH... [H1.08.03.01]. Các học phần có bố trí thời lượng thực tế, kiến tập môn học, cũng như người học đi thực tập tốt nghiệp Khoa và Nhà trường bố trí địa điểm thực tập, thành lập ban chỉ đạo, cung cấp đầy đủ các tài liệu, mẫu biểu và yêu cầu về kết quả thực hiện [H1.03.01.03]. Đối với những người học tham gia NCKH, làm khóa luận tốt nghiệp Khoa và Nhà trường phân công giảng viên hướng dẫn từ khi lựa chọn hướng nghiên cứu đến khi thực hiện và báo cáo kết quả [H1.08.04.7].

Các hoạt động tư vấn học tập để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học:

+ Nhà trường, Khoa đã thực hiện giới thiệu về Chương trình đào tạo ngành kế toán, về đội ngũ giảng viên và hệ thống hỗ trợ học tập cho người học thông qua Tuần sinh hoạt Công dân HSSV đầu khóa [H1.04.01.03].

+ CVHT thường xuyên tư vấn, hướng dẫn cho người học thực hiện các Quy chế, Quy định; khuyến khích người học tham gia các CLB học thuật, nghiên cứu khoa học, rèn luyện các kỹ năng. Quá trình học tập của người học được tư vấn đăng ký học phần phù hợp; tiến độ học nhanh, học chậm; phương pháp học tập, tìm kiếm và xử lý thông tin; phương pháp NCKH. Khi có kết quả học tập, rèn luyện, những người học có kết quả chưa đạt yêu cầu, CVHT bố trí lịch để có buổi tư vấn riêng [H1.05.01.11].

+ Trong năm học Nhà trường tổ chức hội nghị đối thoại giữa Hiệu trưởng với người học thông qua 3 cấp: cấp lớp, cấp khoa và cấp trường. Thông qua hội nghị, Nhà trường được nghe những kiến nghị, đề xuất, hiến kế của giảng viên, người học trong quá trình đào tạo, từ đó giải pháp đồng bộ, giải quyết thỏa đáng các kiến nghị, đề xuất của người học để dần đáp ứng các yêu cầu trong dạy-học và quá trình đào tạo và sự hài

lòng của người học về chất lượng các hoạt động hỗ trợ, phục vụ của đội ngũ CBVC-LĐ trong trường, chất lượng các loại hình và dịch vụ trong trường... Kết quả đối thoại cho thấy về cơ bản người học hài lòng về hệ thống quản lý và các hoạt động hỗ trợ người học của Nhà trường, Khoa [H1.05.04.01].

Như vậy, Chương trình đào tạo ngành kế toán có các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng tìm kiếm việc làm của người học sau khi tốt nghiệp.

Bảng 8.5: Thống kê tỉ lệ về việc làm của sinh viên tốt nghiệp theo thời gian

Đvt: %

Tỷ lệ có việc làm sau	Năm học			
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
3 tháng	24.80	21.09	19.20	20.12
6 tháng	41.52	46.50	50.69	50.79
1 năm	61.44	68.81	75.01	75.16
2 năm	79.46	89.00	97.01	97.20

Nguồn: Phòng CTHSSV

Bảng 8.6: Thống kê về việc làm và thu nhập của sinh viên tốt nghiệp theo đơn vị làm việc

ĐVT: SV

Tình trạng có việc làm tại các đơn vị	2016 -2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Công ty/tổ chức Nhà nước	6	4	4	4
Công ty/tổ chức tư nhân	168	166	154	89
Công ty/tổ chức nước ngoài	6	7	10	7
Tự tạo việc làm	7	4	7	0
Chưa có việc làm	43	54	87	34
Thu nhập trung bình (triệu đồng)	5-7 triệu	5-7 triệu	5-7 triệu	5-7 triệu

Nguồn: Phòng công tác HSSV

Các học phần có bố trí thời lượng dành cho thực hành, thực tế, qua đó người học có cơ hội học tập rèn nghề [H1. H1.03.01.03]. [H1.03.02.03]

Chính sách khen thưởng của Nhà trường dành để khuyến khích các phong trào thi đua, học tập của người học được thể hiện qua các cuộc thi và các học bổng. Nhằm

khích lệ, động viên người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện, NCKH, Nhà trường đã phối hợp với các tổ chức, cá nhân, đơn vị sử dụng lao động, các nhà tài trợ để trao nhiều suất học bổng có giá trị cho người học, như: Học bổng “Doãn Tới”, học bổng ANNORA, KOVA, giải thưởng Lê Khả Phiêu... [H1.08.04.08].

Các chương trình ngoại khóa của sinh viên được tổ chức hằng năm để khuyến khích sự tham gia hoạt động và trau dồi kỹ năng như: Cuộc thi sinh viên khởi nghiệp, Ý tưởng sáng tạo, các hoạt động văn nghệ, thể thao, được khoa và nhà trường thường xuyên tổ chức vào các dịp 20/11, 08/3, 26/3, 20/10, khai giảng năm học mới... [H1.08.04.03]; chương trình tuyên góp giúp đỡ đồng bào, học sinh vùng lũ lụt, thiên tai tại Mường Lát, Quan Hóa, Lang Chánh, hiến máu nhân đạo... SV của Ngành luôn tích cực tham gia [H1.08.04.03].

Sinh viên được tham dự các lớp học khởi nghiệp và khởi nghiệp sáng tạo do Đại sứ Quán Mỹ tổ chức và các lớp của Sở kế hoạch đầu tư Tỉnh Thanh Hóa tổ chức. Bên cạnh đó Khoa cũng là 1/21 đơn vị trong cả nước được thực hiện Đề án 844 về Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo vì vậy các Sinh viên của ngành Kế toán cũng được nhiều cơ hội học tập và tham quan thực tế miễn phí [H1.06.01.08-09].

Khoa thường xuyên kết nối với các doanh nghiệp để giới thiệu cơ hội việc làm cho sinh viên [H1.08.04.01].

Nhà trường có báo cáo, phân tích, đánh giá hàng năm về các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác thông qua báo cáo của Trợ lý Công tác HSSV, Đoàn Thanh Niên, Hội Sinh viên [H1.08.04.03]. Kết quả được dùng để Trường/ Khoa đánh giá hoạt động này và góp phần cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

Kết quả lấy ý kiến người học của Chương trình đào tạo ngành kế toán cho thấy trên 90% ý kiến hài lòng và rất hài lòng về hoạt động tư vấn, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác của CBGV trong Khoa và Nhà trường đã giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học [H1.08.04.09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường, Khoa có bộ phận CVHT, Trợ lý công tác SV chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học. Thường xuyên phối hợp với các doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động để hỗ trợ việc làm, trao học bổng, liên hệ thực tập, trao đổi hợp tác cho người học

3. Điểm tồn tại

Công tác tư vấn, hướng dẫn người học chưa thật sự đồng đều nên vẫn còn tình trạng có sinh viên còn thụ động trong các hoạt động ngoại khóa.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Nhà trường, Khoa định kỳ lấy ý kiến người học về các hoạt động ngoại khóa, hoạt động hỗ trợ người học trong học tập, sinh hoạt và tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp... Đặc biệt, sau mỗi hoạt động Khoa và Nhà trường chủ động lấy ý kiến người học để kịp thời điều chỉnh, cải tiến hình thức triển khai nhằm phát huy tối đa hiệu quả của hoạt động hỗ trợ, tư vấn người học, tăng tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7 điểm.

Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có khuôn viên rộng, xanh, sạch, đẹp, cơ sở vật chất đáp ứng đầy đủ cho việc dạy-học, cụ thể: Nhà trường có tổng diện tích 55,47 ha, bao gồm hệ thống Nhà điều hành, các giảng đường, văn phòng khoa, bộ môn, Trung tâm giáo dục quốc phòng, ký túc xá hiện đại được bố trí khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học [H1.08.05.01].

Khuôn viên nhà trường rộng rãi, thoáng mát; công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, lớp học luôn sạch sẽ, hệ thống thoát nước tốt, nhiều cây xanh trong khuôn viên trường, khu liên hợp thể thao, gồm: sân bóng đá với sân cỏ tự nhiên đảm bảo chất lượng, sân bóng đá mini, sân bóng chuyền, bóng rổ, bóng ném, cầu lông, tennis, nhà tập luyện bóng bàn có công năng sử dụng cho luyện tập thể thao, nhà tập luyện thể dục thể hình, hội trường lớn có sức chứa 504 chỗ ngồi phục vụ tốt cho các hoạt động chung [H1.08.05.01].

Sinh viên ngành Kế toán được hỗ trợ bởi các cơ sở vật chất phục vụ cho việc học tập như trung tâm thông tin – thư viện được xây dựng khang trang với nguồn tài liệu phong phú, hàng năm đều được bổ sung, cập nhật phù hợp với chương trình đào tạo, được trang bị hệ thống máy vi tính có kết nối mạng Internet phục vụ cho việc khai thác, tìm kiếm dữ liệu; Trang thiết bị học tập ngày càng hoàn thiện và hiện đại như phòng thực hành nghiệp vụ kế toán, phòng kế toán mô phỏng... tạo cơ hội cho sinh viên ngành Kế toán được tiếp cận với thực tiễn trong hoạt động đào tạo và NCKH [H1.08.05.02].

Nhà trường có quy định về văn hóa ứng xử trong học đường [H1.08.05.03], ban hành các nội quy giảng đường, nội quy phòng thí nghiệm, nội quy Thư viện [H1.08.04.04] và nội quy khu nội trú [H1.08.05.04].

Hưởng ứng phong trào màu sắc đồng phục theo Khoa, Nhà trường ban hành quy định về đồng phục và triển khai trong toàn trường; đối với ngành Kế toán tổ chức mặc đồng phục vào thứ 2 và thứ 5 hàng tuần [H1.08.05.05].

Hàng năm, Nhà trường, Khoa KT-QTKD, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Liên Chi đoàn, Liên chi hội sinh viên Khoa đều tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao và các cuộc thi bổ ích, tạo sân chơi lành mạnh cho sinh viên rèn luyện về thể lực, trí lực, tăng cường tinh thần giao lưu, đoàn kết trong cộng đồng sinh viên của Khoa KT-QTKD nói riêng và sinh viên toàn trường nói chung. Đoàn thanh niên, Hội sinh viên trường tổ chức các giải cầu lông HSSV, bóng đá, bóng chuyền, điền kinh cấp trường, Trò chơi dân gian HSSV, Văn nghệ chào đón tân sinh viên We are Student, Cuộc thi cắm hoa 20/10, Giọng hát hay HSSV, Hội thi văn nghệ 20/11, Sinh viên khởi nghiệp, Giao lưu văn hoá Anh – Việt, Hội thi tiểu phẩm phòng chống tệ nạn xã hội, Olympic Tiếng Anh, Tin học. Các hoạt động Đoàn – Hội không chỉ giúp sinh viên phát triển toàn diện mà còn tạo niềm tin và sự gắn kết với ngành học, Khoa đào tạo và Nhà trường [H1.08.04.02, 03].

Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa cũng tạo điều kiện để sinh viên ngành Kế toán được tham dự các lớp học về khởi nghiệp và khởi nghiệp sáng tạo, từ đó sinh viên có nhiều cơ hội được học tập và phát triển nhiều kỹ năng mềm [H1.08.04.03].

Ngoài ra, hàng tuần Khoa KT-QTKD còn điều động sinh viên tình nguyện của Khoa tham gia dọn vệ sinh trong khuôn viên Khoa, như: lau cửa kính, quét dọn hành lang các giảng đường... với mục đích vừa làm sạch môi trường, vừa giáo dục ý thức vệ sinh môi trường và rèn luyện ý thức lao động trong người học [H1.08.05.06].

Việc chăm lo sức khỏe là yếu tố quan trọng để người học thực hiện được nhiệm vụ học tập và NCKH của mình. Vì vậy, Nhà trường đặc biệt quan tâm và bổ sung mua sắm trang thiết bị cần thiết cho Trạm y tế phục vụ tốt nhất công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu và duy trì tổ chức hoạt động khám sức khỏe cho SV mới nhập học và khám sức khỏe định kỳ; tổ chức chương trình tư vấn, chia sẻ kiến thức, kỹ năng chăm sóc sức khỏe cho người học [H1.08.05.07].

Công tác vệ sinh, an toàn thực phẩm tại các Căng tin phục vụ người học của Nhà trường luôn được Trạm Y tế kiểm tra, nhắc nhở và đảm bảo an toàn vệ sinh an toàn thực phẩm [H1.08.05.08].

Công tác tập huấn nghiệp vụ, diễn tập cho cán bộ làm công tác SV về công tác phòng, chống cháy nổ luôn được Nhà trường quan tâm và thường xuyên kiểm tra, mua sắm bổ sung trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác PCCC. Hàng năm, Nhà trường phối hợp với Công an PCCC xây dựng kế hoạch, tổ chức cho cán bộ và người học thực hành diễn tập về PCCC. Tại Nhà Điều hành, khu giảng đường, phòng học, phòng làm

việc của Khoa, Bộ môn, phòng chờ giáo viên, trung tâm thư viện, khu nội trú... luôn được Nhà trường trang bị các thiết bị PCCC đầy đủ kèm theo tiêu lệnh và nội quy PCCC được niêm yết và có kiểm tra PCCC của cơ quan chức năng ngành [H1.08.05.09], [H1.08.05.10].

Nhằm tăng cường công tác an ninh trật tự và an toàn trong trường học, Ban bảo vệ phân công trực 24/24. Ngoài ra, hệ thống điện chiếu sáng được lắp đặt theo thiết kế đảm bảo trong toàn khuôn viên Nhà trường, chiếu sáng đầy đủ vào ban đêm, đảm bảo an toàn cho người học và công tác quản lý tài sản chung của Nhà trường [H1.08.05.11].

2. Điểm mạnh

Trường có môi trường học tập và nghiên cứu xanh, sạch, đẹp, an toàn, tạo môi trường học tập, nghiên cứu, làm việc thân thiện, thoải mái, đảm bảo phục vụ các hoạt động của người học liên quan đến CTĐT. Sinh viên ngành Kế toán luôn có ý thức tuân thủ các quy định trong trường học và quy định của Luật pháp

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một bộ phận nhỏ người học chưa có ý thức trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường chung của Khoa và Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 - 2022, Nhà trường, Khoa đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến cho người học ngành Kế toán làm tốt công tác bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu mức 5/7

Kết luận tiêu chuẩn 8

Chính sách, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học ngành Kế toán được Khoa và Nhà trường xác định rõ ràng và được cập nhật thường xuyên. Bên cạnh đó, để hỗ trợ tốt nhất cho người học, Khoa Kinh tế - QTKD và nhà trường cũng đã xây dựng hệ thống giám sát phù hợp để đánh giá sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học, đồng thời có các hoạt động tư vấn, hoạt động ngoại khoá, thi đua và các hoạt động hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập cũng như tăng khả năng có việc làm của người học. Môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan cũng là yếu tố tạo thuận lợi, tạo sự thoải mái cho người học trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kế toán tự đánh giá tiêu chuẩn 8 đạt 5/5 tiêu chí (bình quân đạt 4,8/7 điểm).

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Với nguồn lực đang có, Nhà trường, khoa KT-QTKD luôn đáp ứng tốt các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH của giảng viên và người học của khoa KT-QTKD nói chung, của ngành ĐH Kế toán nói riêng.

Những nguồn lực đó được thể hiện qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, các phòng chức năng, thư viện và mô hình phòng thực hành, hệ thống tài liệu, tư liệu khoa học chuyên ngành; Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại hỗ trợ tốt các nhu cầu học tập, giảng dạy, NCKH. Nhà trường có nhà luyện tập thể dục, thể thao và các sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, thuận lợi cho CB, GV và SV rèn luyện sức khỏe. Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai tạo môi trường tốt nhất cho CB, GV và SV làm việc và học tập, nghiên cứu.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trong những năm qua nhà trường đã quy hoạch tổng thể về phát triển cơ sở vật chất và đầu tư xây dựng theo phương án đã được phê duyệt với hệ thống phòng học, phòng thực hành, thư viện, thư viện điện tử, phòng làm việc theo chức năng và ngày càng được hiện đại đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo và NCKH. Bên cạnh đó, nhà trường luôn quan tâm, xây dựng hệ thống các tiêu chuẩn về sức khỏe, môi trường, an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ... đảm bảo đáp ứng nhu cầu giảng dạy của giảng viên cũng như người học.

Trường & Khoa có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo theo quy định hiện hành. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn, báo cháy, thoát hiểm để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường có tổng diện tích đất sử dụng là 640.000m² [H1.09.01.01]; trong đó diện tích dành cho nơi làm việc là 11.536m², dành cho nơi học là 35.385m², dành cho nơi vui chơi giải trí là 32.170m². Bình quân tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy là 4,42m²/1 SV chính quy.

Về phòng làm việc, hiện nay Khoa đang sử dụng toàn bộ tầng 1, 2, 3 nhà A2 cơ sở chính của Trường với tổng cộng 16 phòng, trong đó: 6 phòng dành cho 6 bộ môn, 3 phòng cho lãnh đạo đơn vị, 1 phòng giáo vụ, 1 phòng công tác học sinh sinh viên, 1 phòng dành cho Trung tâm bồi dưỡng kiến thức quản lý kinh tế, 1 phòng dành cho Liên chi Đoàn, 1 văn phòng khoa, 1 phòng đa năng (dùng để tổ chức hội thảo, phòng họp...) và 2 phòng lưu trữ tài liệu, luận văn của Khoa [H1.09.01.02]; Các phòng làm việc được trang bị bàn làm việc, tủ đựng tài liệu, máy tính được kết nối internet, máy in,... Phòng làm việc, quản lý sinh viên và giáo vụ khoa có đầy đủ bàn ghế, tủ, máy móc thiết bị phù hợp với nhiệm vụ của từng cá nhân, mỗi cá nhân được trang bị 01 bộ bàn ghế làm việc, 01 máy vi tính để bàn và máy in đáp ứng yêu cầu công việc [H1.09.01.03].

Về phòng học, Khoa KT - QTKD được trang bị 9 phòng học cố định từ tầng 1 đến tầng 3 nhà A3 (với tổng diện tích là 920m²). Ngoài ra do đặc thù Khoa đông sinh viên nên Khoa được nhà trường bố trí giảng dạy tại các giảng đường khác trong trường tại các nhà A1, nhà A2, nhà A5 cho sinh viên các ngành, trong đó có ngành Kế Toán [H1.09.01.04]. Các phòng học có đầy đủ hệ thống quạt và hệ thống chiếu sáng, máy chiếu đảm bảo phục vụ tốt công tác đào tạo. SV ngành Kế toán được học tập trong hệ thống phòng học đạt chuẩn của Trường, được luyện tập để phát triển năng lực chuyên môn trong những phòng chức năng chuyên biệt, định kỳ được bảo trì, tu sửa như 02 phòng kế toán máy, 01 phòng ngân hàng ảo, 01 phòng kế toán ảo, 01 siêu thị sinh viên. Với số phòng và trang thiết bị có, Khoa KT-QTKD đã đủ điều kiện dạy và học cho các lớp và các hệ đào tạo. Ngoài ra, để thuận lợi trong giảng dạy và công tác quản lý giờ lên lớp của HSSV, Nhà trường đã bố trí phòng chờ tại tất cả các khu giảng đường. Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên và người học về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm. [H1.09.01.05]. Ngoài ra, Khoa cũng thường xuyên tổ chức, đánh giá hiệu quả sử dụng, khả năng phối hợp hệ thống phòng thực hành, phòng máy cùng trang bị có sẵn [H1.09.01.06].

Khoa có 01 phòng (302A3) có thể dùng để tổ chức hội thảo. Ngoài ra, Khoa còn được sử dụng chung 5 phòng hội thảo có đầy đủ phương tiện, hệ thống WiFi phục vụ hội thảo các cấp; Thư viện của trường có các phòng đọc, phòng phục vụ NCKH với hệ thống máy tính được kết nối internet, kết nối hệ thống học liệu quốc gia, quốc tế, đáp ứng được nhu cầu khai thác tài liệu của CB, GV, SV và học viên [H1.09.01.07]. Tháng 12 năm 2020, Nhà trường đã thực hiện đánh lại số phòng tại các toà nhà để đảm bảo thuận tiện cho cán bộ giảng viên và sinh viên trong quá trình làm việc, lên lớp và học tập [H1.09.01.08].

Cơ sở vật chất của Khoa bao gồm các phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng thường xuyên được sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp và đầu tư phát triển theo kế hoạch của Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Khoa có phòng làm việc chung và phòng làm việc riêng cho Ban chủ nhiệm, có các phòng học, phòng máy tính được trang bị đủ máy tính có kết nối internet, máy in, máy chiếu, có phần mềm dạy học online, có tai nghe và hệ thống âm thanh, có máy điều hòa không khí/quạt trần/quạt treo tường, tạo môi trường thích hợp cho các hoạt động đào tạo và NCKH. SV ngành kế toán được học tập trong hệ thống phòng học đạt chuẩn của Trường, được luyện tập để phát triển năng lực chuyên môn trong những phòng chức năng chuyên biệt, định kỳ được bảo trì, tu sửa.

3. Điểm tồn tại

Phòng làm việc của các bộ môn còn chật hẹp, một số trang thiết bị như máy tính, máy chiếu, màn chiếu, ... đã đến kỳ thanh lý, linh kiện điện tử đã hao mòn.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường xem xét mở rộng không gian làm việc cho giảng viên và nâng cấp trang thiết bị dạy học và phòng máy.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7 điểm.

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Với mục tiêu lấy người học làm trung tâm, ngay từ những năm đầu mới đào tạo ngành Kế toán, Nhà trường đã rất chú trọng đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống thư viện nhằm cung cấp sách báo, tài liệu phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu, phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo trong học tập của người học. Trung tâm Thông tin thư viện là đơn vị tổ chức và quản lý các hoạt động thông tin - thư viện, phục vụ công tác đào tạo, NCKH của cán bộ, GV và SV, học viên trong trường. Thư viện có phòng đọc, phòng tư liệu, phòng tự học, phòng xeminar, làm việc nhóm, phòng máy tính phục vụ đào tạo và nghiên cứu chung cho Nhà trường.

Thời điểm trước 9/2020, Thư viện của Trường được đặt tại 2 cơ sở, có tổng diện tích là 2000 m², có 15 phòng làm việc (Thư viện A3: 7 phòng, Thư viện xưởng vật lý: 8 phòng), có 4 máy chủ dùng để cài đặt Website và các phần mềm dùng chung của Nhà trường, với hệ thống 80 máy tính được kết nối mạng LAN và mạng Internet phục vụ bạn đọc tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin, tài liệu số đã được cấp quyền truy cập cho từng giảng viên và người học. Từ thời điểm tháng 9/2020, tòa nhà thư viện xây dựng mới chính thức được đưa vào sử dụng lập gồm 5 tầng, phục vụ tại 2 cơ sở của trường bao gồm thư viện sách, thư viện điện tử, hệ thống hỗ trợ học tập và hệ thống mạng máy tính để tìm kiếm thông tin. Với tổng diện tích 5166m², thư viện được tổ chức theo hình thức kho mở với 04 phòng đọc, 500 chỗ ngồi. Thư viện đã có cơ sở vật chất hiện đại với hệ thống 130 máy tính, được kết nối mạng LAN và mạng Internet phục vụ bạn đọc tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin, tài liệu số đã được cấp quyền truy cập trên mạng, 6 phòng học nhóm, 2 phòng hội thảo, 1 phòng quản trị mạng, 4 phòng làm việc nghiệp vụ, 1 kho lưu. Các phòng hội thảo, phòng đọc, phòng học nhóm được trang bị hệ thống camera, máy chiếu, điều hoà phục vụ người sử dụng thư viện. [H1.09.02.01].

Thư viện có nội quy phòng đọc được dán ngay ở lối ra vào phòng đọc, các văn bản quy định về quản lý, khai thác sử dụng thông tin, tài liệu và hướng dẫn quản lý,

khai thác, sử dụng thông tin, tài liệu; toàn bộ nguồn học liệu thư viện được trang bị phần mềm Libol 6.0 để quản lý và đưa lên website để bạn đọc dễ tìm kiếm, tra cứu [H1.09.02.02]. Thư viện mở cửa từ thứ hai đến thứ bảy, hai buổi mỗi ngày, phục vụ tốt nhu cầu của cán bộ giảng viên và người học [H1.09.02.03].

Trung tâm Thông tin tư liệu cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu, sách tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trong những năm gần đây, nguồn học liệu của Trung tâm không ngừng được bổ sung và đa dạng hóa. Hiện nay thư viện có 15.865 đầu sách tương đương với 156.222 bản sách; có 150 đầu báo và tạp chí. Trong đó, tổng số đầu sách của Khoa Kinh tế - QTKD là 842 đầu sách, với 4448 bản sách, khoảng 1.3% nguồn tài liệu của thư viện phục vụ trực tiếp và đáp ứng đầy đủ những yêu cầu cơ bản cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành Kế toán, cụ thể: 210 đầu sách cho chương trình đào tạo ngành Kế toán (trong đó: 78 tài liệu bắt buộc, 132 tài liệu tham khảo), trong đó các tài liệu chuyên ngành kế toán 67 tài liệu (trong đó: 25 tài liệu bắt buộc, 42 tài liệu tham khảo). Ngoài ra, Thư viện Nhà trường còn được bổ sung hàng năm nguồn tài liệu nội sinh với hơn 3.000 cuốn luận văn, luận án, khoá luận, đồ án tốt nghiệp. Toàn bộ nguồn học liệu trong thư viện có bản quyền sử dụng, được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện Libol, được đưa lên mạng để bạn đọc tra cứu [H1.09.02.04].

Từ năm học 2006 - 2007, thư viện đã xây dựng trang website riêng để giới thiệu thông tin, tài liệu đến bạn đọc, qua đó bạn đọc dễ dàng tra cứu tài liệu cần đọc ở phần mềm Libol, danh mục tài liệu mới. Năm 2013, Nhà trường đã có thư viện điện tử. Năm 2014, Nhà trường mua quyền truy cập khai thác, sử dụng CSDL điện tử trên mạng (Cơ sở dữ liệu tài liệu KH&CN Việt Nam; CSDL ProQuest Central) do Liên hiệp thư viện Việt Nam về nguồn tin điện tử và Cục KHCN Quốc gia cung cấp. Năm 2016, Nhà trường mua nguồn tài nguyên số từ website Tailieu.vn với hơn 1.400.000 tài liệu của Công ty TNHH Tài liệu trực tuyến Vi Na; nâng cấp phần mềm quản lý thư viện Libol 6.0. Hiện tại trung tâm Thông tin – Thư viện có 3 máy chủ dùng để cài đặt Website và các phần mềm dùng chung của Nhà trường [H1.09.02.05].

Hằng năm, Nhà trường luôn rà soát lại hệ thống tài liệu, giáo trình học tập để xây dựng kế hoạch mua bổ sung các tài liệu, giáo trình, tạp chí chuyên ngành phục vụ yêu cầu ngày càng cao trong đào tạo và NCKH [H1.09.02.06]. Nhờ đó nguồn tài liệu, tạp chí, của Trung tâm luôn luôn được đổi mới đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của GV và SV.

Để nâng cao nghiệp vụ quản lý, phục vụ bạn đọc tốt hơn, nhà trường cử cán bộ tham gia tập huấn các lớp đào tạo ngắn hạn về quản trị thư viện nhằm cập nhật thông tin và nâng cao chuyên môn nghiệp vụ [H1.09.02.07]. Hằng năm, Thư viện khảo sát

thăm dò chất lượng phục vụ của đơn vị, sự hài lòng của người học nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH. Kết quả hài lòng của người học hằng năm đạt trên 90% [H1.09.02.08].

2. Điểm mạnh

Thư viện Đại học Hồng Đức là thư viện Đại học ứng dụng phần mềm quản lý thư viện điện tử rất sớm từ năm 2001. Thư viện hiện nay đã được đầu tư mới với kiến trúc hiện đại của một thư viện mở, diện tích sử dụng rộng rãi. Nội thất thư viện được thiết kế mới, bố trí khoa học phù hợp cho nhiều đối tượng người dùng. Thư viện được lắp đặt hệ thống mạng nội bộ hiện đại kết nối với bên ngoài qua hệ thống cáp quang tốc độ cao.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù đã ứng dụng phần mềm quản lý thư viện tương đối hiện đại nhưng chưa khai thác hết các tính năng của phần mềm, chưa có quyền truy cập các tạp chí quốc tế đối với chương trình của ngành đào tạo.

Việc hợp tác khai thác mới chỉ bắt đầu, chưa có nhiều nguồn tài liệu liên kết khai thác từ bên ngoài, kết nối với các cơ sở giáo dục khác còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Bổ sung kịp thời các giáo trình, tài liệu chuyên ngành kế toán, những đầu sách tham khảo cần thiết, đặc biệt là sách mới xuất bản, giáo trình, tài liệu liên quan đến kế toán để đảm bảo tính cập nhật các tri thức mới phù hợp chuyên ngành đào tạo và tài liệu đã số hóa, CSDL điện tử, phần mềm dùng chung, nâng cao hiệu quả khai thác sử dụng hệ thống tài liệu số tại website Tailieu.vn; liên kết sử dụng chung nguồn tài liệu chuyên ngành kế toán với các trường đại học khác trong và ngoài nước đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7 điểm.

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Định kỳ, Nhà trường có quy trình, quy định về đầu tư, phát triển Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phục vụ nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu.

Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh hiện nay có: 01 siêu thị mini - là mô hình thực hành phục vụ trực tiếp cho việc đào tạo sinh viên của ngành QTKD (Siêu thị được thiết kế cạnh toà nhà A3 của Khoa đối diện với các dãy ký túc xá sinh viên). Siêu thị là nơi sinh viên của ngành Quản trị Kinh doanh thực hiện việc tổ chức bán hàng, quản lý nhân sự, hạch toán kinh doanh. Siêu thị sinh viên cũng là không gian tổ chức nhiều hoạt động của Câu lạc bộ nhà doanh nghiệp tương lai, tổ chức bán và giới thiệu sản phẩm

khởi nghiệp sinh viên ngành QTKD nói riêng, và SV của Khoa nói chung. Ngoài ra, khoa còn có 02 phòng thực hành kế toán; 01 phòng thực hành kế toán ảo, 01 phòng thực hành Ngân hàng ảo, những phòng thực hành này cũng phục vụ một số học phần của ngành Kế toán. Các phòng thực hành mô phỏng và siêu thị đều được trang bị các trang thiết bị cần thiết cho việc học tập, thực hành, thực tập của sinh viên [H1.09.03.01].

Học tập tại phòng thực hành kế toán, sinh viên ngành Kế toán sẽ được làm công việc kế toán thông qua phần mềm kế toán. Tại phòng thực hành kế toán ảo, sinh viên ngành Kế toán sẽ được tiếp xúc với 4 mô hình doanh nghiệp thực tế (DN sản xuất, DN thương mại, DN xây dựng, DN dịch vụ), được tiếp cận với các chứng từ, sổ sách, báo cáo cụ thể; được làm công việc như một kế toán viên. Các phòng thực hành đặc thù, phòng học của khoa quản lý được trang bị đầy đủ trang thiết bị, luôn đảm bảo đủ ánh sáng tự nhiên, thoáng mát, an toàn, phục vụ tốt cho chương trình đào tạo của khoa nói chung, ngành ĐH kế toán nói riêng, như: Bàn ghế, bảng viết, máy vi tính, âm ly, loa máy, micro, quạt gió, điện chiếu sáng, internet, máy chiếu Projector, màn chiếu; máy móc, thiết bị, dụng cụ, sổ sách [H1.09.03.02]

Nhà trường luôn quan tâm đến hiệu quả công tác quản lý, sử dụng các phòng thực hành và trang thiết bị nhằm phục vụ tốt nhất công tác học tập, giảng dạy và NCKH. Tại các phòng thực hành luôn có các sổ theo dõi tần suất sử dụng [H1.09.03.03]. Các trang thiết bị trong phòng thực hành đặc thù luôn được vệ sinh, lau chùi, duy tu, bảo dưỡng định kỳ, nâng cấp đáp ứng yêu cầu về đào tạo và NCKH của người học trong khoa nói chung và của ngành ĐH Kế toán nói riêng [H1.09.03.04]. Khoa KT - QTKD đã tổ chức biên soạn các quy định quản lý các phòng thực hành; tài liệu hướng dẫn [H1.09.03.05]

Nhà trường giao cán bộ phòng thực hành đặc thù có trách nhiệm đóng mở cửa, theo dõi tình hình hoạt động của các trang thiết bị, máy móc tại phòng thực hành đặc thù, ghi chép vào Sổ nhật ký hằng ngày và đánh giá hiệu quả việc sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị [H1.09.03.06]

Hàng năm, Khoa xây dựng kế hoạch mua mới, bổ sung và nâng cấp nhằm thay thế các trang thiết bị đã hỏng, Nhà trường bố trí thẩm định, sửa chữa, đầu tư, nâng cấp các thực hành cho phù hợp với nhiệm vụ, kế hoạch, quy mô đào tạo [H1.09.01.03], [H1.09.03.07].

Định kỳ, Nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của CB, GV, người học về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng thực hành và các trang thiết bị. GV và SV đều đánh giá đáp ứng tốt và rất tốt với tỷ lệ trên 80 % [H1.09.03.08].

2. Điểm mạnh

Các phòng thực hành đặc thù, phòng học của khoa KT-QTKD được trang bị đầy đủ trang thiết bị, luôn đảm bảo đủ ánh sáng tự nhiên, thoáng mát, an toàn, phục vụ tốt cho chương trình đào tạo của khoa nói chung, ngành ĐH kế toán nói riêng.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa đảm bảo các phần mềm trong phòng thực hành được cập nhật để đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu (Các phần mềm kế toán ảo và ngân hàng ảo trong phòng thực hành đã hết hạn từ năm 2013 và 2015, hiện chưa được thay thế). Máy móc, trang thiết bị phòng máy, phòng thực hành kế toán ảo chưa được nâng cấp, cập nhật để đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác quản lý kinh tế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Nhà trường giám sát chặt chẽ việc vận hành, sử dụng, khai thác trang thiết bị tại các phòng thực hành đặc thù, phòng học để nâng cao hiệu quả sử dụng, đầu tư sửa chữa, nâng cấp, mua sắm mới kịp thời các trang thiết bị xuống cấp, hư hỏng để phục vụ tốt nhất quá trình đào tạo và NCKH của người học và giảng viên. Đồng thời cập nhật phần mềm kế toán mới nhất để phục vụ công tác giảng dạy và học tập.

Trường cần nâng cấp trang thiết bị dạy học và phòng máy và xây dựng định hướng phát triển phòng thực hành theo ít nhất là hai cấp: cơ bản và nâng cao để có thể tiến tới chuyên sâu, đồng thời gắn với định hướng NCKH của bộ môn, của Khoa.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7 điểm.

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Hệ thống CNTT của Nhà trường đã được tập trung đầu tư và có khả năng đáp ứng khá tốt nhu cầu giảng dạy, đào tạo và NCKH của Khoa cũng như Nhà trường. Hiện tại, Nhà trường trang bị 16 máy chủ, 50 máy tính xách tay và 938 máy tính để bàn phục vụ công tác quản lý và đáp ứng nhu cầu chuyên môn [H1.09.04.01]. Ngoài ra, Nhà trường đầu tư, xây dựng các phòng máy tính phục vụ học tập, thực hành tin học đại cương và tin học chuyên ngành cho nhiều ngành khác nhau, đảm bảo 100% SV có máy tính để thực hành, gồm: 01 máy chủ, 02 máy tính xách tay, 177 máy tính để bàn và một số thiết bị tin học khác phục vụ cho việc dạy, học tin học chung trong toàn trường và thực hiện các đề tài NCKH, thực hành chuyên môn [H1.09.04.02]

Khoa KT-QTKD được trang bị 2 máy in, 12 bộ máy tính phục vụ công tác quản lý của đơn vị và 91 máy tính để bàn phục vụ dạy học tại các phòng thực hành Kế toán máy (59 máy), phòng thực hành Kế toán ảo (16 máy), Mô hình ngân hàng ảo (16 máy)

[H1.09.04.01]. Hệ thống máy tính tại các phòng làm việc và các phòng thực hành được kết nối mạng internet, song song với wifi tốc độ cao được phủ sóng, được cài đặt sẵn các phần mềm hỗ trợ hoạt động dạy học, nghiên cứu khoa học, công tác quản lý, điều hành của khoa, hỗ trợ sinh viên của khoa nói chung, sinh viên ngành kế toán nói riêng [H1.09.04.03].

Nhà trường sử dụng các phần mềm máy tính có bản quyền để phục vụ cho công tác quản lý, giảng dạy và NCKH như: phần mềm quản lý đào tạo, phần mềm diệt virus BKAV, Phần mềm chấm thi trắc nghiệm VTS cho phòng ĐBCL&KT; Phần mềm Thư viện LIBOL cho TT TV, phần mềm Quản lý HSSV, phần mềm Quản lý tài chính, phần mềm Thư viện, phần mềm vẽ bản đồ, Phần mềm kế toán hàng chính sự nghiệp Misa cho phòng Kế hoạch – Tài chính. Phục vụ trực tiếp hoặc hỗ trợ cho chương trình đào tạo ngành Kế toán của Khoa có phần mềm thực hành kế toán, phần mềm kê khai thuế, phần mềm ngân hàng ảo, phần mềm quản trị... được cài trực tiếp trên máy tính của các phòng thực hành tại Khoa; Các phần mềm này có bản quyền sử dụng và giao cho các đơn vị chức năng quản lý [H1.09.04.04].

Nhà Điều hành cơ sở Chính có hệ thống mạng liên thông tất cả các phòng làm việc với tổng số 263 nút mạng. Riêng phòng 707 là phòng dùng chung cho các tiết học trực tuyến của các lớp trong trường với hệ thống máy móc, âm ly, micro, loa, trang âm, camera, máy chiếu, màn hình lớn... bị hiện đại đáp ứng rất tốt cho các hoạt động trực tuyến của nhà trường. Nhà trường đã đầu tư phòng 707 – NĐH là phòng dùng chung cho các tiết học trực tuyến của các lớp trong trường với hệ thống máy móc, âm ly. Micro, loa, tăng âm, camera, máy chiếu, màn hình lớn hiện đại đáp ứng rất tốt cho việc dạy trực tuyến của nhà trường [H1.09.04.05]; trang bị các đường cáp quang tốc độ cao vào hệ thống mạng nhà Điều hành và tất cả các khoa, phòng, ban, trung tâm và các giảng đường nên hệ thống mạng Internet ổn định đáp ứng được công việc cập nhật thông tin lên website của Khoa cũng như Nhà trường. TT TT-TV quản trị, quản lý hệ thống mạng và website Nhà trường. Hệ thống công nghệ thông tin trên hoạt động hiệu quả để cung cấp và chia sẻ các dữ liệu, thông tin và tri thức nhằm hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường. Nhà trường cũng định kỳ sửa chữa, bảo dưỡng và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin để kịp thời hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Hệ thống công nghệ thông tin (mô tả trên) được sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp, đầu tư phát triển kịp thời để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã trang bị cho tất cả CB, GV làm công tác quản lý ở các khoa, phòng, ban, trung tâm một bộ máy tính để làm việc nên hiện nay số máy tính đã đáp ứng đủ để CB làm việc [H1.09.04.06].

Toàn bộ các công thông tin, hệ thống email công vụ của tất cả cán bộ, giảng viên, các phần mềm ứng dụng đều được bộ phận chuyên trách kiểm tra, bảo dưỡng, gia hạn sử dụng thường xuyên, đồng thời có hệ thống an ninh mạng tốt để đảm bảo hoạt động thông suốt của Nhà trường cũng như Khoa KT – QTKD [H1.09.04.07].

Để cải tiến chất lượng hệ thống thông tin phục vụ đào tạo và NCKH, Trường/Khoa có lấy ý kiến phản hồi của người học và GV về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống CNTT. Năm học 2019-2020, kết quả khảo sát người học cho thấy 98% đánh giá hệ thống CNTT đạt mức tốt và rất tốt, 97% CB GV đánh giá đạt mức tốt trở lên [H1.09.04.08].

2. Điểm mạnh

Hệ thống CNTT hoạt động tương đối ổn định, an toàn, hỗ trợ cung cấp và chia sẻ các dữ liệu, thông tin và tri thức phục vụ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT. Khoa đã sử dụng phần mềm Zoom có bản quyền để phục vụ dạy học online, tạo được môi trường cho GV, SV tương tác trong học tập và NCKH.

Việc vận hành và bảo trì hệ thống CNTT đảm bảo hoạt động 24/24 được thực hiện bởi Tổ CNTT thuộc Trung tâm TT-TV.

3. Điểm tồn tại

Cơ sở hạ tầng CNTT của Trường/Khoa phục vụ CTĐT còn chưa được nâng cấp đồng bộ, chưa chú trọng phát triển các phần mềm quản lý, cố vấn học tập của CTĐT chưa được sử dụng phần mềm chuyên dụng để quản lý những SV do mình phụ trách nhằm giảm tải khối lượng công việc. Cán bộ, người học còn gặp khó khăn khi sử dụng wifi, đặc biệt trong giờ cao điểm.

4. Kế hoạch hành động

Cơ sở hạ tầng CNTT của Trường/Khoa phục vụ CTĐT cần được nâng cấp đồng bộ, cần được chú trọng phát triển các phần mềm quản lý.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHHĐ là một cơ sở giáo dục có môi trường xanh - sạch - đẹp và an toàn. Nhà trường đã xác định và triển khai các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xây dựng trên cơ sở quy chuẩn của các Bộ, ngành liên quan và khi triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật. Nhà trường đã ban hành các quy định về an ninh, trật tự, an toàn; về bảo vệ môi trường, rèn luyện sức khỏe, tác phong văn hoá; về phòng cháy, chữa cháy; về vệ sinh an toàn thực phẩm. Tại các khu nhà làm việc, giảng đường, phòng thực hành, tại khu liên hợp thể dục thể thao, KTX, nhà

ăn, căng tin đều có các bảng nội quy, quy định, đặc biệt là các banner phổ biến thông điệp 5K trong bối cảnh bình thường mới [H1.09.05.01]. Bên cạnh đó Khoa KT-QTKD cũng ban hành văn bản quy định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn trong thực hành tại các phòng thực hành của Khoa [H1.09.05.02]

Với quy mô hơn 8.000 người học, 695 CBVC&LD, có thể nói Trường ĐHHĐ là nơi tập trung đông người của thành phố Thanh Hoá, vì thế Nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm. Nhà trường đã phối hợp với cảnh sát phòng cháy, chữa cháy tỉnh Thanh Hoá tổ chức tập huấn, diễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ [H1.09.05.03].

Nhà trường luôn chú trọng đến công tác môi trường, sức khỏe và an toàn; cây xanh, thảm cỏ, khuôn viên nhà trường được trồng và chăm sóc tỉ mỉ, tạo không gian thoáng mát cho CB, GV và người học. Hệ thống nước thải sinh hoạt và các khu thí nghiệm đều được xử lý trước khi thải ra môi trường [H1.09.05.01].

Phòng Quản trị, vật tư-Thiết bị, Trạm Y tế, Ban Bảo Vệ là 3 đơn vị đầu mối để triển khai, thực hiện công tác môi trường, sức khỏe và an toàn trong nhà trường [H1.09.05.04].

Trạm Y tế hướng dẫn quy trình đảm bảo vệ sinh môi trường chung và tổ chức khám sức khỏe đầu vào cho 100% thí sinh trúng tuyển hệ chính quy nhập học; khám sức khỏe định kỳ cho người học 1 lần/năm học; tổng hợp kết quả khám, phân loại sức khỏe, cập nhật vào sổ khám bệnh, hồ sơ quản lý sức khỏe của từng người học và thực hiện công tác BHYT cho người học đúng theo Kế toán và tổng hợp, báo cáo theo quy định, đặc biệt, những SV khuyết tật được Nhà trường quan tâm, tạo điều kiện ở KTX tầng 1, được khám sức khỏe theo nhu cầu [H1.09.05.05]. Hằng tuần, Trạm Y tế tổ chức kiểm tra, giám sát việc đảm bảo VSMT trong khuôn viên nhà trường, đặc biệt là các khu giảng đường, nhà điều hành và các bếp ăn tập thể tại Khu nội trú [H1.08.05.08].

Ban Bảo vệ được chia thành 02 tổ công tác, đảm bảo phân ca trực 24/24 giờ trong ngày, chia thành 3 ca, mỗi ca có từ 2-3 người trực theo các vị trí được phân công trong toàn bộ khuôn viên Nhà trường, cán bộ trực được trang bị đầy đủ dụng cụ, các đồ bảo hộ phục vụ cho công tác tuần tra, đảm bảo ANTT trường học [H1.09.05.06].

Ngoài ra, nhà trường đã hợp đồng với Công an phường trên địa bàn trường đóng để tăng cường công tác phối hợp, tuần tra đảm bảo ANTT trường học, đồng thời trong các đợt nghỉ lễ tết Nhà trường phối hợp với công an các cấp thành lập Ban chỉ đạo trực tăng cường đảm bảo ANTT trong nhà trường [H1.09.05.07]. Kết quả: 100% người học ký cam kết chấp hành pháp Kế toán về ANTT, ATGT, VSMT; trong nhiều năm qua, nhà trường luôn đạt các tiêu chí về “Nhà trường an toàn về ANTT”.

Các quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn được triển khai đồng bộ đến toàn thể CBVC-LĐ và người học trong nhà trường thông qua “Tuần sinh hoạt công dân HSSV” đầu khóa, các hội nghị về công tác sinh viên và được quy định cụ thể trong Nội quy ra vào cơ quan, nội quy ra vào khu Nội trú, nội quy phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành... Trong đó, nhà trường đặc biệt quan tâm và luôn nêu cao tinh thần, trách nhiệm để hỗ trợ tốt nhất cho người học, đặc biệt là người học bị khuyết tật; tăng cường trồng cây xanh, tạo bóng mát đảm bảo môi trường luôn trong sạch, thông thoáng góp phần nâng cao sức khỏe cho CBVC-LĐ và người học [H1.09.05.08]

Cán bộ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ về công tác môi trường, sức khỏe, bảo vệ ANTT, an toàn trong nhà trường được tập huấn nghiệp vụ, nâng cao trình độ chuyên môn hàng năm, như tập huấn về công tác VSMT, công tác y tế học đường, nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, nghiệp vụ bảo vệ... Bên cạnh đó, nhà trường đã trang bị đầy đủ bình chữa cháy, nội quy, quy trình, tiêu lệnh và tiêu chí hướng dẫn tại tất cả giảng đường, nhà xưởng, phòng thí nghiệm, nhà làm việc và khu ký túc xá và hợp đồng đo tiếp địa, sơn lại hệ thống chống sét trong toàn trường [H1.09.05.09].

Cuối mỗi năm học, nhà trường tổ chức tổng kết, đánh giá công tác ANTT trường học và đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong năm học tiếp theo, kết quả về công tác đảm bảo ANTT trong nhiều năm qua nhà trường đã vinh dự được Bộ Công an, UBND tỉnh, Thành phố, Giám đốc Công an tỉnh tặng nhiều Bằng khen, Giấy khen cho nhà trường; các mô hình đảm bảo ANTT của nhà trường đã được Bộ Công an thông báo nhân rộng ra toàn quốc [H1.09.05.10].

Hàng năm, nhà trường lấy ý kiến phản hồi của CBVC-LĐ, người học và các bên liên quan thông qua nhiều kênh, như tổ chức Hội nghị CBVC-LĐ, hội nghị đối thoại, Hội nghị giao ban để CBVC-LĐ, người học và các bên liên quan đóng góp ý kiến về môi trường, sức khỏe và an toàn trong quá trình triển khai, thực hiện của nhà trường, kết quả cho thấy phần lớn CBVC-LĐ, người học và các bên liên quan hài lòng cao với các tiêu chí về môi trường, sức khỏe, đảm bảo an toàn về ANTT khi tham gia làm việc, học tập, nghiên cứu tại trường [H1.09.05.11].

2. Điểm mạnh

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai toàn diện và có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật. Các quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn được triển khai đồng bộ đến toàn thể CBVC-LĐ và người học thông qua “Tuần sinh hoạt công dân HSSV” đầu khóa, các hội nghị về công tác sinh viên. 100% người học ký cam kết thực hiện tốt ANTT, VSMT; nhà trường luôn đạt các tiêu chí về “Nhà trường an toàn về ANTT”.

3. Điểm tồn tại

Trường/Khoa chưa có những đánh giá các nguy cơ gây ô nhiễm, các vấn đề phát sinh từ thiên tai, hỏa hoạn, giao thông, dịch bệnh nguy hiểm như COVID-19, kể cả trong các hoạt động tình nguyện của SV để liên tục đảm bảo chất lượng của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Trường/Khoa cần có những đánh giá các nguy cơ gây ô nhiễm (hút thuốc nơi công cộng, vệ sinh an toàn thực phẩm, khu vệ sinh chung, chơi game, đánh bài, khả năng tiếp xúc với các tệ nạn khác trong xã hội . . .) cũng như các vấn đề phát sinh từ thiên tai, hỏa hoạn, giao thông, dịch bệnh nguy hiểm như COVID-19, kể cả trong các hoạt động tình nguyện của SV để có những biện pháp hữu hiệu ĐBCL của CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7 điểm.

Kết luận về tiêu chuẩn 9

Là một trong những ngành luôn nhận được sự quan tâm lựa chọn của giới trẻ cũng như nhu cầu lớn từ thị trường lao động, ngành Kế toán nói riêng và Khoa KTQTKD nói chung luôn nhận được sự quan tâm tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu của CBGV và sinh viên trong Khoa. Ngoài ra, Khoa cũng không ngừng chủ động cải thiện môi trường làm việc và học tập của CBGV và sinh viên. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những hạn chế đòi hỏi Khoa và Nhà trường cần tập trung khắc phục trong thời gian tới.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành ĐH kế toán của Khoa KTQTKD tự đánh giá tiêu chuẩn 9 đạt 5/5 tiêu chí và bình quân tiêu chí đạt 5,0/7 điểm.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Tầm nhìn của Trường ĐHHĐ được xác định đến năm 2030 sẽ là địa chỉ tin cậy, có uy tín về đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ ở một số chuyên ngành mũi nhọn thuộc các ngành khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, giáo dục, kỹ thuật công nghệ, nông - lâm - ngư nghiệp, kinh tế (mỗi lĩnh vực ngành chọn 1-2 chuyên ngành) đạt trình độ ngang tầm với các trường đại học lớn trong khu vực miền Trung.

Do vậy, Nhà trường, Khoa KT - QTKD rất chú trọng việc nâng cao chất lượng ở các ngành đào tạo. Công tác nâng cao chất lượng được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (GV, người học, cựu SV, nhà quản lý, nhà tuyển dụng, các chuyên gia kinh tế và giáo dục) để thiết kế và phát triển CTDH đến việc ĐBCL trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình

1. Mô tả

Chương trình đào tạo ngành Kế toán được thiết kế và liên tục cập nhật, điều chỉnh để đáp ứng nhu cầu xã hội [H1.01.01.05&H1.01.01.06] Nhận định đúng vai trò của các tổ chức xã hội nghề nghiệp, chuyên gia, cán bộ quản lý, người tuyển dụng và sử dụng lao động, cựu người học, trong việc cung cấp các thông tin hữu dụng về đặc điểm, yêu cầu của xã hội đối với nguồn lực lao động do nhà trường, khoa đào tạo ra, ngay từ năm 2008 Nhà trường đã thành lập Trung tâm phát triển đào tạo và hỗ trợ học tập, đơn vị chuyên trách trong việc thu thập thông tin phản hồi từ các đơn vị, cá nhân bên ngoài trường [H1.10.01.01] và một hệ thống thông tin được tổng hợp từ Trường đến Khoa và được tập trung tại bộ phận thường trực thuộc Trung tâm phát triển đào tạo và hỗ trợ học tập. Hiện nay bộ phận này thuộc phòng CT HSSV [H1.10.01.02].

Để nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin, hằng năm, nhà trường đã kiện toàn Ban chỉ đạo và tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT thông qua mẫu phiếu hỏi [H1.10.01.03; H1.10.01.04; H1.01.02.05]. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan bao gồm nhà tuyển dụng lao động, học viên, sinh viên đang học tại trường, cựu sinh viên, GV, các chuyên gia kinh tế và giáo dục... được dùng làm căn cứ để thiết kế vào điều chỉnh CTĐT [H1.01.01.13; H1.10.01.05].

Theo hướng dẫn của nhà trường, Khoa KT- QTKD đã thực hiện điều chỉnh CTĐT qua các lần vào năm 2016, 2017, 2019 [H1.01.01.05&H1.01.01.06]. Trong những lần điều chỉnh CTĐT ngành Kế toán, Bộ môn Kế toán – Kiểm toán cũng đã tham khảo các CTĐT tiên tiến trong và ngoài nước để vận dụng, so sánh đối chiếu nhằm cải tiến chất lượng CTĐT theo định hướng phát huy năng lực người học. CDR ngành Kế toán được xây dựng có sự tham khảo các CTĐT hiện hành của các trường đại học uy tín trong và ngoài nước như: Đại học Auburn, Trường đại học Western Sydney, Trường đại học Singapore Management, Trường Đại học New England; Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Học viện Tài chính, Trường Đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh và Trường Đại học Kinh tế - Đà Nẵng [H1.01.02.01]. Chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên sự kế thừa, vận dụng các chương trình đào tạo cử nhân Kế toán của các trường đại học lớn trong và ngoài nước đã nêu. [H1.01.01.13d]. Đồng thời, Khoa KT- QTKD đã thực hiện gửi Phiếu lấy ý kiến phản hồi đến: các đơn vị tuyển dụng; cựu SV; giảng viên về chất lượng CTĐT để thu thập thông tin đánh giá về

năng lực của SV tốt nghiệp do Khoa đào tạo thông qua những ý kiến đóng góp xây dựng và điều chỉnh CTĐT [H1.01.01.13].

Để tiếp tục nâng cao chất lượng CTĐT, nhà trường đã ban hành Khung chương trình theo khối ngành, nhóm ngành đào tạo đại học định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học tại trường ĐHHĐ yêu cầu hồ sơ trình thẩm định CTĐT phải kèm theo đầy đủ phiếu khảo sát năng lực người học, phiếu phản hồi của nhà tuyển dụng, người đã tốt nghiệp, Hồ sơ góp ý của chuyên gia trong và ngoài trường về CDR, CTĐT của ngành Kế toán [H1.01.02.05]. Việc khảo sát được thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau như: Khảo sát trực tuyến, gửi phiếu khảo sát; phỏng vấn trực tiếp hoặc gián tiếp qua điện thoại; tổ chức hội thảo,... theo quy định của Nhà trường.

Bên cạnh đó, Khoa còn tổ chức các cuộc tọa đàm về phương pháp học tập bậc đại học, trao đổi về ngành Kế toán trong đó, SV có thể nêu các câu hỏi và góp ý kiến về chương trình [H1.10.01.06].

Ngoài việc phát bảng hỏi đến giảng viên để thu thập thông tin phản hồi trong các lần điều chỉnh CTĐT, Hội đồng Khoa họp để góp ý phát triển chương trình và bộ môn đều họp triển khai việc phát triển chương trình để từng giảng viên góp ý [H1.10.01.07].

Ý kiến phản hồi của người học được nhà trường tổng hợp và gửi tới các Khoa, kết hợp với các ý kiến trao đổi, góp ý và nhu cầu của các bên liên quan như các chuyên gia, CB quản lý, GV, cựu SV và nhà tuyển dụng, đồng thời tham khảo các chương trình Kế toán của các trường đại học tiên tiến trong và ngoài nước, Khoa đã thực hiện việc rà soát và điều chỉnh CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội. Từ những nguồn này đã được nhóm chuyên gia xây dựng sử dụng làm dữ liệu cho những thay đổi cần thiết trong quá trình hiệu chỉnh CDR, điều chỉnh CTĐT ngày càng phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn [H1.01.02.01; H1.01.02.02; H1.01.01.05& H1.01.01.06]

2. Điểm mạnh

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan được hình thành từ cấp trường đến khoa; Hằng năm, Khoa KT- QTKD đều lấy ý kiến phản hồi về CTĐT bằng cách gửi phiếu hỏi và nhận được nhiều ý kiến, góp ý của các chuyên gia, nhà nghiên cứu cùng ngành; Các thông tin phản hồi từ các đơn vị, cá nhân có liên quan về CTĐT đều được nhà trường, khoa kiểm chứng về mức độ chính xác qua phân tích, tổng hợp, thụ lý các ý kiến góp ý từ các bên và sử dụng hợp lý, hiệu quả trong các lần điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với mục tiêu tuyển dụng lao động của đơn vị lao động, mục tiêu chuyên môn của các bên liên quan và vấn đề vận dụng thực tế của các cựu sinh viên khi làm việc tại các đơn vị.

Các kênh phản hồi đa dạng thông qua việc lấy phiếu khảo sát từ các cuộc trao đổi qua điện thoại hoặc gặp gỡ trực tiếp lãnh đạo của đơn vị kinh doanh trong quá trình sinh viên đi thực tập, tọa đàm, hội thảo, họp bộ môn và các cuộc họp hội đồng Khoa trong năm giữa các giảng viên trong và ngoài khoa cùng tham gia giảng dạy chương trình đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Một số thông tin phản hồi của nhà sử dụng lao động chưa được vận dụng trong điều chỉnh và thiết kế chương trình đào tạo một cách hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2021 - 2022, quá trình góp ý điều chỉnh chương trình đào tạo quan tâm chi tiết đến các thông tin phản hồi của nhà sử dụng lao động để kịp thời điều chỉnh hiệu quả.

Nhà trường sẽ chú trọng và đẩy mạnh hơn nữa việc thu thập ý kiến phản hồi về chất lượng CTĐT ngành Kế toán thông qua các cuộc hội thảo góp ý, phản hồi về việc tiếp nhận sinh viên thực tập từ Hội cựu sinh viên, nhà tuyển dụng lao động để nâng cao chất lượng CTĐT ngành Kế toán.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Trên cơ sở ý kiến phản hồi của các bên liên quan, CTĐT trình độ đại học ngành Kế toán định kỳ 2 năm/lần (những năm gần đây) được điều chỉnh và đánh giá tính phù hợp với nhu cầu xã hội. Chuẩn đầu ra đã được Nhà trường ban hành, CTĐT ngành Kế toán đã được điều chỉnh vào năm 2016, 2017, 2019.

Trong mỗi lần điều chỉnh, Khoa đã thực hiện trình tự các bước theo quy định của Bộ GD&ĐT và hướng dẫn của Nhà trường [H1.01.01.10]. Quy trình Phê duyệt CTĐT theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học thiết kế và phát triển CTĐT có tầm quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, trên cơ sở các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT, năm 2008 nhà trường đã ban hành CTĐT theo hình thức tín chỉ và đã được rà soát điều chỉnh vào năm 2011 [H1.01.01.05] năm 2015 Nhà trường đã ban hành quy trình xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT [H1.01.01.10], theo đó việc xây dựng mới, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT ngành Kế toán được khẩn trương thực hiện, ban lãnh đạo khoa thành lập tổ soạn thảo theo đề xuất của bộ môn. Lãnh đạo khoa đã phân công các thành viên tham gia soạn thảo đề xuất khung chương trình, hội đồng Khoa thảo luận để thống nhất, các nội dung trong khung chương trình dự thảo được gửi đến giảng viên, cán bộ quản lý đào tạo để lấy ý kiến góp ý, phản biện trước

khi thẩm định [H1.01.01.13]. Sau khi thẩm định, Tổ soạn thảo tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện theo kết luận trong biên bản để chính thức tham mưu ban hành CTĐT ngành Kế toán, từ đó các đề cương chi tiết học phần được biên soạn và nghiệm thu đưa vào sử dụng [H1.01.01.07]

Khoa KT-QTKD đã thực hiện đúng theo quy trình xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT đã ban hành ngày 11/3/2014, phòng Quản lý Đào tạo định kỳ lấy ý kiến các chuyên gia, đội ngũ CB quản lý và GV để cải tiến, hoàn thiện quy trình góp phần nâng cao chất lượng hoạt động xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn. Trên cơ sở các ý kiến phản hồi và cập nhật các văn bản mới của Bộ GD&ĐT, ngày 23/02/2017 phòng Quản lý Đào tạo tiếp tục tham mưu đề Hiệu trưởng ban hành Quy trình Phê duyệt CTĐT theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học [H1.01.01.11]. Khoa KT-QTKD áp dụng quy trình trên để chỉnh sửa, bổ sung, xây dựng CTĐT theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học và CTĐT ngành Kế toán đã được nghiệm thu vào tháng 10/2017 [H1.01.01.05].

Kết quả sau quá trình điều chỉnh, CTĐT Kế toán được áp dụng từ năm 2017 đã có những thay đổi trong việc phân bổ các học phần theo kỳ học hợp lý hơn, tăng cường số tín chỉ cho các học phần chuyên ngành và các học phần thực hành, thực tập tại cơ sở. Những học phần không phù hợp đã được lược bỏ khỏi CTĐT. Chương trình được áp dụng từ 2017 cũng có sự điều chỉnh phù hợp hơn với xu thế tăng cường khối kiến thức chuyên ngành, giảm bớt khối kiến thức cơ sở ngành (Bảng 10.1). Bên cạnh đó CTĐT được chỉnh sửa năm 2019 đã bổ sung thêm một số học phần phù hợp với yêu cầu thực tế cho SV, tích hợp một vài học phần và cập nhật một số học phần mới đáp ứng yêu cầu hội nhập ở *bảng 10.1 và bảng 10.2 phần Phụ biểu.*

Để nâng cao chất lượng hoạt động, định kỳ Nhà trường tổ chức triển khai cho các ngành tự đánh giá chất lượng CTĐT [H1.10.02.01] kết quả, 100 % CTĐT (đã có SV tốt nghiệp) của Nhà trường hằng năm được tổ chức tự đánh giá và cải tiến chất lượng trên cơ sở kết quả tự đánh giá CTĐT. Nhà trường yêu cầu các đơn vị tổ chức rà soát các CTĐT hiện đang áp dụng để điều chỉnh theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học, mà trong đó kết quả tự đánh giá là một trong các căn cứ để đơn vị điều chỉnh nội dung chương trình ngày càng phù hợp hơn và xác định chỉ tiêu tuyển sinh [H1.01.01.13].

2. Điểm mạnh

Quy trình xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ. Quy trình này là cơ sở để giảng viên trong và ngoài khoa tham gia các nhiệm vụ được phân công trong quá trình cải tiến và xây dựng CTDH liên tục cập nhật và thay đổi qua các năm học.

Khoa KT- QTKD luôn cập nhật các nội dung cần điều chỉnh trong CTĐT tại các cuộc họp chuyên môn của các Bộ môn như một bước bổ sung so với quy trình chung để đem lại hiệu quả trong xây dựng và cải tiến chương trình dạy học.

3. Điểm tồn tại

Chương trình dạy học chưa tham khảo đa dạng các chương trình dạy học tiên tiến.

4. Kế hoạch hành động

Từ học năm học 2021-2022, Khoa tham khảo nhiều hơn các chương dạy học của các trường đại học trong và ngoài nước; tổ chức hội thảo về đổi mới phương pháp dạy học cho các giảng viên trong Khoa

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV là một khâu rất quan trọng không thể thiếu trong quá trình đào tạo tại Trường ĐHHĐ nói chung và đào tạo Ngành Kế toán nói riêng. Nó là khâu cuối cùng, không chỉ có ý nghĩa đánh giá độ tin cậy kết quả học tập của quá trình dạy và học mà còn có tác dụng điều tiết trở lại hết sức mạnh mẽ đối với quá trình đào tạo. Kết quả kiểm tra, đánh giá không chỉ phản ánh năng lực học của SV mà còn phản ánh một phần phương pháp dạy học của GV, bởi vì kiểm tra, đánh giá gắn liền và quan hệ trực tiếp với việc đổi mới phương pháp dạy học của GV và đổi mới phương pháp học tập của SV. Khoa và Nhà trường đã thực hiện việc rà soát, đánh giá quá trình dạy, học căn cứ vào văn bản Quy định xây dựng, quản lý hồ sơ học phần và tổ chức đào tạo theo hướng ứng dụng, phát triển năng lực người học nhằm quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên, trong đó quy định về thành phần hồ sơ cụ thể cách thức xây dựng và quản lý hồ sơ cũng như trách nhiệm của các bên liên quan, gồm: GV, các khoa và các phòng/ ban [H1.02.02.01]. Bên cạnh các quy định chung, nhà trường yêu cầu mỗi nội dung phải có phương pháp dạy học và hình thức, tiêu chí kiểm tra đánh giá cụ thể phù hợp với các kỹ năng của người học đạt được quy định cụ thể tại QĐ Số 395/QĐ- ĐHHĐ Ngày 29/4/2020 [H1.10.03.03]; [H1.01.01.07]; [H1.02.02.07] đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT.

Quá trình dạy và học cũng như việc đánh giá kết quả học tập của người học ngành Đại học Kế toán được thực hiện theo Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ được ban hành bởi Hiệu trưởng trường Đại học Hồng Đức. Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được quy định rõ trong đề cương học

phần, chỉ rõ hình thức, thời gian, tiêu chí đánh giá, thang điểm (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, bao gồm: bài kiểm tra viết tại lớp, tiểu luận, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp,... Hình thức thi của từng học phần được đề xuất, ghi rõ trong đề cương chi tiết và được thông báo cho người học ngay từ đầu kỳ, đảm bảo mọi người học có định hướng và kế hoạch học tập cho từng học phần [H1.10.03.03]. Nhà trường có quy định rà soát, đánh giá quá trình dạy học, đánh giá KQHT của người học, trong đó quy định về nội dung, công cụ, xử lý dữ liệu, tổng hợp và lưu giữ kết quả; Phòng Đảm bảo chất lượng và khảo thí làm đầu mối, tham gia có các khoa và một số đơn vị khác trong Trường [H1.06.04.07]. Khoa cũng có quy định về việc thực hiện rà soát /đánh giá, thẩm định sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy – học và đánh giá kết quả học tập của người học với chuẩn đầu ra [H1.10.03.04]. Từ đó tiến hành đánh giá về kết quả thực hiện đã đạt được trong thực tế triển khai so với các yêu cầu, quy định này.

Đánh giá quá trình dạy học của giáo viên được thực hiện tại bộ môn trong các năm học thông qua việc đăng ký các tiết dự giờ, thao giảng trong kế hoạch cá nhân của mỗi giảng viên [H1.06.04.03]. Hai bộ môn thường xuyên tổ chức các buổi kiểm tra, đánh giá đối với những giảng viên lần đầu tiên giảng dạy một học phần mới nhằm đóng góp ý kiến cho các giảng viên về nội dung bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, các phương pháp giảng dạy, cách thức tiến hành kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học [H1.10.03.01].

Hai bộ môn luôn có được kết quả đánh giá cao trong việc rà soát, đánh giá quá trình dạy học và đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của người học [H1.05.03.01], lấy ý kiến về chất lượng hoạt động giảng dạy học phần và chất lượng quá trình đào tạo trước khi kết thúc khoá học thông qua người học trong các năm học, có trên 90% số ý kiến rất hài lòng và trên 5% ý kiến hài lòng, chỉ có dưới 5% số ý kiến của người học chưa hài lòng về chất lượng giảng dạy của đội ngũ GV tham gia giảng dạy CTĐT[H1.10.01.05]. Thông tin được lấy từ sự kết hợp giữa cán bộ khoa KT- QTKD và Phòng Đảm bảo chất lượng và khảo thí vào tuần cuối cùng trước khi kết thúc học phần, nhằm lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động dạy - học, kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần của giảng viên. Về cơ bản tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp của các quy trình và phương pháp kiểm tra đánh giá đã công bố được GV thực hiện tốt, tất cả sinh viên đều hài lòng với việc đánh giá của giảng viên [H1.10.03.02].

Lãnh đạo bộ môn chỉ đạo một cách quyết liệt và thường xuyên công tác giám sát, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá, nhắc nhở tiến độ, chất lượng thực hiện kế hoạch đảm

bảo chất lượng của từng cá nhân, bộ môn thường xuyên tiến hành tổ chức dự giờ thăm lớp và đánh giá phân loại các tiết học, họp bộ môn và đóng góp ý kiến cho từng tiết học cụ thể để CB, GV kịp thời điều chỉnh, rút kinh nghiệm để phát huy điểm mạnh, khắc phục những vấn đề tồn tại của bản thân; kết quả dự giờ thăm lớp cho thấy 100% số giờ đều được đánh giá xếp loại Khá, Giỏi [H1.06.04.03]. Tất cả các ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về phương pháp giảng dạy [H1.06.04.03], phương pháp đánh giá kết quả học tập được tiếp thu và sử dụng trong rà soát đảm bảo sự phù hợp và tương thích với CDR [H1.01.02.06].

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được 2 bộ môn KTTC và KTQT và Khoa KT-QTKD được theo dõi một cách thường xuyên, nghiêm túc.

Phương pháp và quy trình rà soát, đánh giá được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, phù hợp với quy định của Nhà trường, đảm bảo tính khách quan, công bằng. Kết quả kiểm tra đánh giá được sử dụng làm công cụ để điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo, kiểm tra và thi học phần, xét tốt nghiệp cho người học.

Hình thức kiểm tra đa dạng bằng các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận đã được thực hiện đồng bộ ở tất cả các học phần.

3. Điểm tồn tại

Hình thức đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên chưa đa dạng, chủ yếu dựa vào kết quả dự giờ, thảo luận của giảng viên trong bộ môn và ý kiến đánh giá của người học.

4. Kế hoạch hành động

Từ học năm học 2021-2022, Khoa đa dạng hoá các hình thức đánh giá nâng cao chất lượng giảng dạy như là tổ chức hội thảo về đổi mới phương pháp dạy học; trao đổi, thảo luận để nâng cao chất lượng trên cơ sở phân tích kết quả đánh giá các học phần.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu, mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả hiện trạng

Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH), Nhà trường và Khoa KT - QTKD luôn coi công tác NCKH là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu cùng với quá trình đổi mới nội dung và phương pháp dạy học thể hiện trong quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên của trường đại học Hồng Đức. Theo đó, NCKH là nhiệm vụ bắt buộc đối với tất cả các chức danh giảng viên làm việc

tại nhà trường từ giảng viên cao cấp, giảng viên chính, giảng viên hạng 3, giáo sư, phó giáo sư đến trợ giảng và giáo viên thực hành [H1.10.04.01]. Trong những năm qua, hoạt động NCKH của giảng viên khoa Kinh tế - QTKD được triển khai thực hiện dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng như: Chủ trì, tham gia đề tài NCKH các cấp, viết bài đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, hội thảo trong nước và quốc tế, viết sách tham khảo, hướng dẫn sinh viên NCKH... bước đầu đạt được những thành tựu đáng kể.

- Giai đoạn từ 2016 đến nay, Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh đã thực hiện được nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở (06 đề tài cấp bộ, 05 đề tài cấp tỉnh, gần 30 đề tài NCKH cấp cơ sở) có liên quan trực tiếp đến hoạt động dạy và học các chuyên ngành, thể hiện thông qua quá trình thẩm định đề tài và danh mục đề tài được thực hiện hàng năm liên quan đến chương trình dạy học ngành QTKD nói riêng và các ngành trong khoa Kinh tế - QTKD nói chung, cụ thể:

+ Đối với đề tài nghiên cứu khoa học của Giảng viên, theo quy định quản lý đề tài NCKH của giảng viên [H1.10.04.02] các đề tài trước khi được thực hiện đều được thông qua kiểm duyệt đảm bảo tính cấp thiết cũng như tính liên quan và ứng dụng kết quả trong quá trình dạy và học mới được phép thực hiện. Cụ thể, các giảng viên khi muốn thực hiện các nhiệm vụ khoa học phải tiến hành đăng ký trong kế hoạch năm học của bộ môn, khoa và Nhà trường. Sau đó, các đề tài được thông qua vòng kiểm duyệt, xác định tên, mục tiêu, đối tượng và một số các yếu tố khác của đề tài. Sau khi đề tài được kiểm duyệt đáp ứng tính cấp thiết, tính ứng dụng trong quá trình dạy và học, Nhà trường sẽ ra quyết định giao nhiệm vụ khoa học hàng năm cho cán bộ giảng viên toàn trường [H1.10.04.03]. Sau khi nhận nhiệm vụ NCKH, các chủ nhiệm đề tài tiếp tục thông qua 2 vòng đánh giá cấp khoa và cấp trường về Thuyết minh đề tài NCKH bao gồm các nội dung về tính cấp thiết, mục tiêu nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu... được Hội đồng cấp khoa và cấp trường đánh giá lại theo các tiêu chí cho sẵn, trong đó đảm bảo tính ứng dụng về mặt lý luận và thực tiễn, phục vụ cho công tác dạy và học là một trong những tiêu chí hàng đầu để thông qua Thuyết minh ĐTNCKH [H1.10.04.04]; [H1.10.04.05]. Nhìn chung, quy trình thẩm định ban đầu đối với đề tài nhằm ngoài mục đích thẩm định tính cấp thiết, tính phù hợp với yêu cầu lý luận, pháp lý và thực tiễn, thì tất cả các đề tài NCKH được thực hiện đều được khoa và Nhà trường thẩm định với tiêu chí liên quan trực tiếp và ứng dụng cho hoạt động dạy và học của sinh viên cũng như cán bộ giảng viên trong khoa.

Bảng 10.1: Bảng tổng hợp đề tài NCKH các cấp phục vụ cho việc dạy và học ngành Kế toán

STT	Năm học	Số lượng đề tài		
		Cấp Bộ	Cấp tỉnh	Cấp cơ sở
1	2016 - 2017	-	-	4
2	2017 – 2018	01	01	6
3	2018 - 2019	03	01	6
4	2019 – 2020	01	02	6
5	2020 – 2021	02	04	6

(Nguồn: Phòng QLKH, khoa Kinh tế - QTKD)

+ Đối với đề tài của sinh viên chuyên ngành Kế toán, các đề tài NCKH được sinh viên thực hiện được giáo viên hướng dẫn định hướng dựa trên các hướng nghiên cứu đã được bộ môn xây dựng và ban hành [H1.10.04.06]. Các hướng nghiên cứu được bộ môn chuyên môn ban hành dựa trên các nội dung lý thuyết cơ bản của các học phần chuyên ngành kết hợp với tính ứng dụng trong phạm vi nghiên cứu cụ thể, với mục đích giúp sinh viên nắm vững kiến thức, vận dụng lý thuyết vào thực tiễn, nâng cao chất lượng việc dạy và học. Với lộ trình đó, 100% đề tài NCKH của sinh viên trong 5 năm trở lại đây đều thuộc các định hướng nghiên cứu của bộ môn chuyên môn cũng như liên quan trực tiếp đến việc dạy và học.

- Các kết quả NCKH bước đầu đã được vận dụng trong việc cải tiến chất lượng việc dạy và học. Cụ thể:

+ Các giảng viên đã bắt đầu định hướng các nghiên cứu vào việc hoàn thiện các tài liệu dạy học phục vụ cho việc giảng dạy và nghiên cứu các học phần ngành Kế toán nói riêng và các ngành đào tạo trong khoa Kinh tế - QTKD nói chung. Các tài liệu dạy học được biên soạn như “Kế toán quản trị chi phí” [H1.10.04.08] đã được hội đồng khoa học khoa Kinh tế - QTKD cũng như hội đồng cấp trường nghiệm thu đưa vào sử dụng cho học phần “Kế toán quản trị 1”, “Kế toán quản trị 2” trong chương trình đào tạo ngành Kế toán [H1.10.04.09]. Trong 5 năm qua, các cán bộ giảng viên trong khoa đã biên soạn được nhiều tài liệu dạy học phục vụ trực tiếp và gián tiếp cho việc dạy và học chương trình đào tạo ngành Kế toán. Các tài liệu dạy học được biên soạn đều phục vụ cho việc dạy và học các học phần trong chương trình đào tạo ngành Kế toán, là tài liệu chính hoặc tài liệu tham khảo chính thống cho việc giảng dạy, nghiên cứu và học tập của giảng viên và sinh viên. Sau khi được biên soạn, việc giảng dạy và học tập các học phần này được cải thiện đáng kể. Các tài liệu được biên soạn dựa trên nguồn tư liệu phong phú, có giá trị khoa học cao, đồng thời đảm bảo tính thống nhất trong nghiên cứu giúp người học có được tư liệu giá trị cao phục vụ nghiên cứu và học tập.

Thống kê tài liệu dạy học phục vụ trực tiếp cho đào tạo ngành Kế toán được mô tả tại bảng sau:

Bảng 10.2: Thống kê tài liệu dạy học phục vụ trực tiếp ngành kế toán do giảng viên biên soạn

TT	Tên tài liệu dạy học	Tên tác giả	Năm, nhà xuất bản	Học phần giảng dạy, học tập
1	Câu hỏi và bài tập Quản trị doanh nghiệp	TS. Lê Quang Hiếu, Nguyễn Thị Loan	8/2019, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	Quản trị doanh nghiệp 1
2	Tài chính tiền tệ	TS. Lê Hoàng Bá Huyền (chủ biên)	2011	Tài chính tiền tệ
3	Môi trường đầu tư với hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Thanh Hóa	TS. Lê Hoàng Bá Huyền	2019	Kinh tế đầu tư
4	Giáo trình chính sách và nghiệp vụ thuế	TS. Lê Hoàng Bá Huyền	2016, NXB lao động	Thuế
5	Câu hỏi và bài tập thuế	TS. Lê Hoàng Bá Huyền	2016, NXB lao động	Thuế
6	Câu hỏi và bài tập Kinh tế vi mô	TS. Tôn Hoàng Thanh Huệ, TS Đỗ Thị Mẫn	2020, NXB Kinh tế quốc dân	Kinh tế vi mô
7	Câu hỏi và bài tập Kinh tế quốc tế	TS. Tôn Hoàng Thanh Huệ, Nguyễn Thị Mai	2020, NXB Kinh tế quốc dân	Kinh tế quốc tế
8	Câu hỏi và bài tập Kế toán tài chính	TS Lê Thị Hồng, TS Lê Thị Minh Huệ, ThS Lê Thị Diệp	2019, NXB Tài chính	Kế toán tài chính 1,2
9	Kế toán quản trị chi phí	TS Nguyễn Thị Bình, Ths. Nguyễn Thị Nhung, Ths. Lê Thị Minh Trí	2019, NXB Tài chính	Kế toán quản trị 1, 2
10	Hệ thống thông tin kế toán quản trị chi phí	TS. Đặng Lan Anh, TS, Phạm Thị Bích Thu, ThS Trần Thị Lan Hương, Ths Nguyễn Thị Thanh	2019, NXB Tài chính	Kế toán quản trị 1, 2
11	Kiểm soát nội bộ	TS. Phạm Thị Bích Thu, TS. Lê Huy Chính, TS. Đặng Lan Anh, Ths. Lê Thị Diệp	2019, NXB Tài chính	Kiểm toán căn bản, Kiểm toán BCTC

(Nguồn: Khoa Kinh tế - QTKD)

+ Các kết quả nghiên cứu như các đề tài NCKH của giảng viên, sinh viên, luận văn, luận án được nhà trường yêu cầu nộp lại trung tâm thông tin thư viện nhằm phục

vụ cho công tác nghiên cứu, học tập và giảng dạy của sinh viên và giảng viên, từ đó cải tiến chất lượng dạy và học. [H1.10.04.10]. Các công trình nghiên cứu khoa học được Nhà trường yêu cầu các tác giả là giảng viên, nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên... nộp bản lưu chiếu vào trung tâm thư viện bằng bản mềm và bản cứng. Bản mềm sẽ được lưu giữ trong kho dữ liệu số online, bản cứng được lưu tại trung tâm thư viện nhằm phục vụ cho việc tra cứu tài liệu, sử dụng tài liệu của người học cũng như cán bộ giảng viên. Các kết quả NCKH được lưu giữ đóng vai trò vô cùng là kho tàng tri thức vô giá, vô cùng hữu ích cho hoạt động dạy và học của cán bộ giảng viên và người học hiện tại và trong tiến trình nhiều năm tới.

+ Hàng năm vào thời điểm cuối năm học, Khoa Kinh tế - QTKD tổ chức hội nghị tổng kết hoạt động nghiên cứu khoa học. Hội nghị đã chỉ ra được các thành tựu đạt được trong NCKH, phổ biến các kết quả nghiên cứu, tuyên dương các cá nhân và tập thể có nhiều thành tích trong hoạt động NCKH của Khoa đồng thời chỉ ra những tồn tại, rút kinh nghiệm trong công tác NCKH và ứng dụng kết quả NCKH vào công tác giảng dạy, học tập [H1.10.04.11]. Từ đó, giúp sinh viên và giảng viên nhận thức được việc phát huy những thế mạnh trong NCKH, rút kinh nghiệm, khắc phục những hạn chế, góp phần cải tiến nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH cũng như hoạt động học tập, giảng dạy.

2. Điểm mạnh

Các đề tài NCKH các cấp của sinh viên và giảng viên đều góp phần nâng cao chất lượng đào tạo;

Các kết quả đề tài NCKH đã được sử dụng vào việc cải tiến việc dạy và học

3. Điểm tồn tại

Việc áp dụng/chuyển tải các kết quả NCKH thành nội dung/chuyên đề giảng dạy trong CTDH còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2021 - 2022, nhà trường, khoa và bộ môn chuyên môn cần xây dựng kế hoạch, quy định hướng dẫn để áp dụng/chuyển tải các kết quả NCKH thành nội dung/chuyên đề giảng dạy trong CTDH.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu, mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 10.5 Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

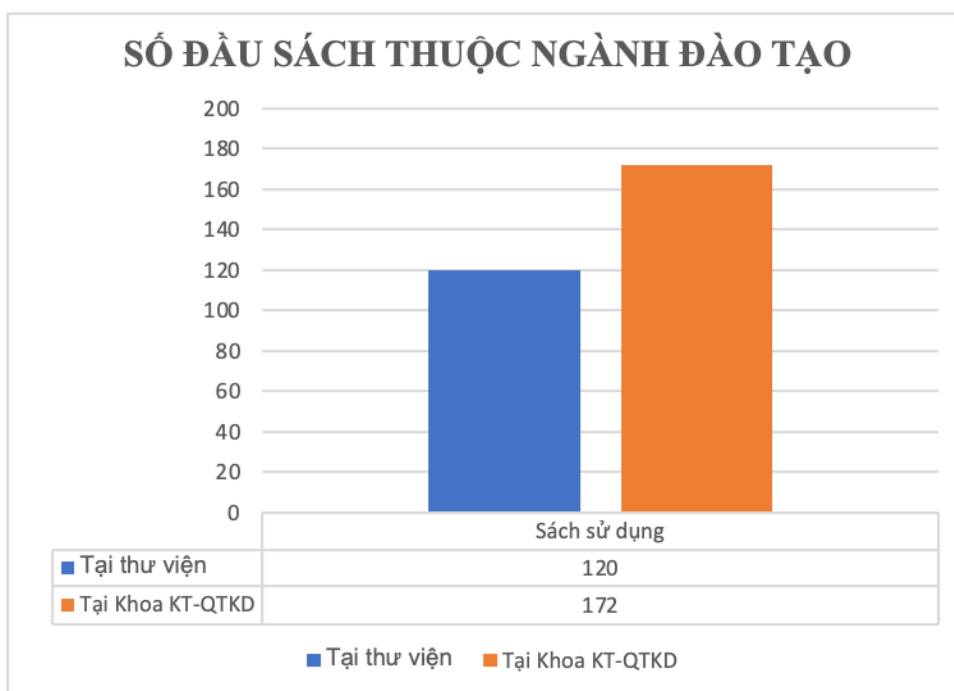
Nhà trường đã có quy định về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác, được

quy định trong Sổ tay ĐBCL ban hành năm 2010 (Điều 13: Theo dõi và đo lường sự hài lòng của người học) [H1.10.05.01], trong đó có quy định: “khách hàng của Nhà trường là người học, ...”, “các thông tin về sự hài lòng của khách hàng được ghi nhận, xem xét một cách nghiêm túc, công khai nhằm xác định nội dung cải tiến”, ... ngoài ra còn quy định các biểu mẫu khảo sát và trình tự thực hiện [H1.10.05.01].

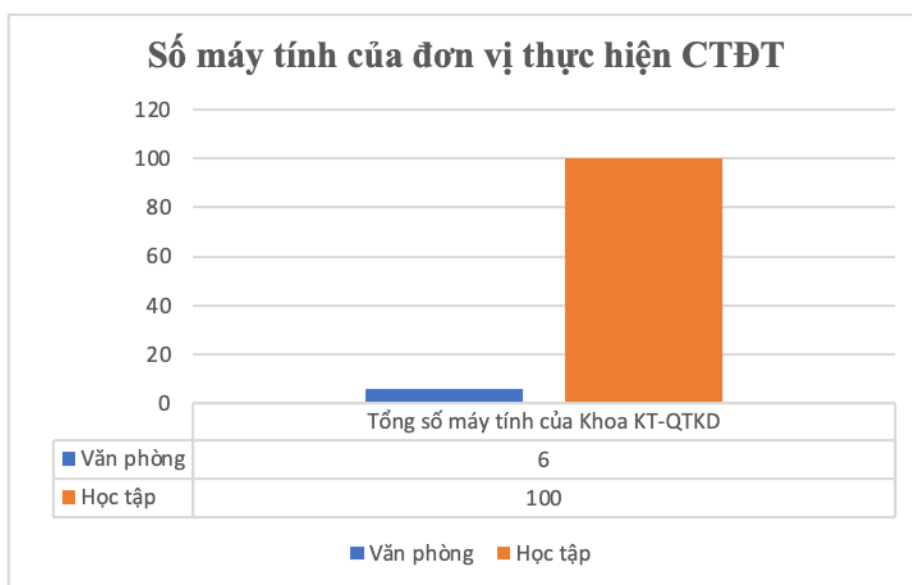
Nhà trường cũng ban hành các mục tiêu chất lượng theo từng năm học, làm căn cứ cải tiến chất lượng (QĐ 2136/QĐ-ĐHHĐ ngày 09/8/2016 ban hành mục tiêu chất lượng Trường ĐHHĐ năm học 2016-2017, QĐ 2134/QĐ-ĐHHĐ ngày 01/8/2017 ban hành mục tiêu chất lượng Trường ĐHHĐ năm học 2017-2018, QĐ 1194/QĐ-ĐHHĐ ngày 01/8/2018 ban hành mục tiêu chất lượng Trường ĐHHĐ năm học 2018-2019, QĐ 1155/QĐ-ĐHHĐ ngày 22/7/2019 ban hành mục tiêu chất lượng Trường ĐHHĐ năm học 2019-2020, QĐ 1746/QĐ-ĐHHĐ ngày 30/10/2020 ban hành mục tiêu chất lượng Trường ĐHHĐ năm học 2020-2021) [H1.10.05.01]. Một trong các mục tiêu của TT. TTTV là “...có ít nhất 150 lượt bạn đọc/ngày mượn tài liệu, giáo trình tại trung tâm phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu và Mức hài lòng của bạn đọc trong Trường đối với công tác tổ chức, quản lý và phục vụ của trung tâm từ 90% trở lên ...” [H1.10.05.02] và phòng QT,VT-TB là “100% thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học được kiểm soát, đo lường, đánh giá và sửa chữa kịp thời đảm bảo hệ số sẵn sàng của máy móc, thiết bị đạt 80% và Mức hài lòng của CBVC-LĐ trong trường đối với phòng đạt từ 90%,” [H1.10.05.03]. Hiện nay, với hệ thống 80 máy tính, được kết nối mạng LAN và mạng Internet phục vụ bạn đọc tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin, tài liệu số đã được cấp quyền truy cập trên mạng; truy cập khai thác, sử dụng CSDL điện tử trên mạng do Liên hiệp thư viện Việt Nam về nguồn tin điện tử và Cục KHCN Quốc gia cung cấp; nguồn tài nguyên số từ website Tailieu.vn với hơn 1.400.000 tài liệu của Công ty trách nhiệm hữu hạn Tài liệu trực tuyến ViNa; nâng cấp phần mềm quản lý thư viện Libol 6.0. Hiện tại trung tâm Thông tin – Thư viện có 3 máy chủ dùng để cài đặt website và các phần mềm dùng chung của Nhà trường thường xuyên được cải tiến, cập nhật [H1.10.05.05], [H1.09.02.07].

Ngoài các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện của Nhà trường thì Khoa Kinh tế - QTKD còn có 2 phòng kế toán thực hành với 50 máy tính, 1 phòng Kế toán mô phỏng, 1 phòng Ngân hàng thực hành và 1 Siêu thị mini phục vụ và hỗ trợ cho người học trong việc tiếp cận với công việc thực tế [H1.03.01.03], [H1.08.05.02], [H1.09.03.07], [H1.09.04.03], [H1.09.04.06].

Một số biểu đồ dưới đây mô tả các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho CTĐT ngành Kế toán:

Biểu đồ 10.1: Số đầu sách sử dụng của CTĐT ngành Kế toán

(Nguồn: Phụ lục 3: Một số chỉ tiêu khác, tr181)

Biểu đồ 10.2: Số máy tính sử dụng của CTĐT ngành Kế toán

(Nguồn: Phụ lục 3: Một số chỉ tiêu khác)

Kết quả khảo sát chỉ ra mức độ đáp ứng về cơ sở vật chất cho người học của CTĐT ngành Kế toán đạt được chỉ số khá cao, cụ thể:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,22 máy/ 1 SV.

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 4,42.

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 1,65

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến được phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị chức năng trong Nhà trường (Trung tâm TTTV, Phòng QT,VT-TB, Phòng CTHSSV, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục ...). Định kỳ, Nhà trường tiến hành các hoạt động khảo sát về chất lượng phục vụ của Thư viện [H1.09.02.08]; khảo sát mức độ hài lòng của người học đối với CSVC, trang thiết bị [H1.09.01.05] [H1.09.03.08]; khảo sát chất lượng phòng ở khu nội trú [H1.08.05.03], [H1.08.05.04], khảo sát ứng dụng CNTT [H1.09.04.08], hệ thống y tế chăm sóc sức khỏe cho người học và CBGV được quy định và hoạt động 24/7 [H1.08.05.07], hoạt động vệ sinh trong khuôn viên trường được theo dõi và báo cáo kết quả thường xuyên [H1.08.05.08], hệ thống phòng cháy chữa cháy được quan tâm, rà soát và thực hiện diễn tập thường xuyên [H1.08.05.09], [H1.08.05.10], [H1.08.05.11]Kết quả khảo sát cho thấy: mức độ hài lòng của CBGV, SV đối với chất lượng phục vụ của TT TTTV khoảng 70-80% [H1.09.02.08], mức độ hài lòng đối với CSVC, thái độ phục vụ của Phòng bình quân trên 90%; mức độ hài lòng đối với chất lượng phục vụ phòng ở khu nội trú xấp xỉ 100%. Từ năm học 2017-2018, bên cạnh việc lấy ý kiến mức độ hài lòng của các bên liên quan theo quy định, phòng QT-VT,TB còn trực tiếp tổ chức lấy ý kiến của người học về chất lượng phục vụ của đội ngũ kỹ thuật viên để điều chỉnh nâng cao chất lượng phục vụ đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo [H1.09.01.05], [H1.09.03.08].

Kết quả đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của trung tâm thư viện, hệ thống CNTT và các dịch vụ khác thông qua người học, đội ngũ kỹ thuật viên làm căn cứ để các đơn vị xem xét, đánh giá trách nhiệm của từng cá nhân, từng hình thức triển khai đề ra giải pháp khắc phục hữu hiệu để tiếp tục cải tiến nâng cao chất lượng phục vụ đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người học và đội ngũ CBGV [H1.10.05.04].

Trong những năm qua, nhà trường đã hỗ trợ người học thông qua việc mua và đưa vào khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu số của trang tailieu.vn và thư viện số của các trường đại học thuộc liên hiệp thư viện đại học khu vực phía Bắc. Tham gia hội liên hiệp các thư viện, tạo điều kiện hợp tác trao đổi nguồn tài liệu. Hàng năm thư viện mở lớp tập huấn để hỗ trợ hướng dẫn cho sinh viên sử dụng Thư viện điện tử. Ngoài ra Thư viện còn tổ chức ngày sách giới thiệu quảng bá và hướng bạn đọc đến văn hóa đọc. Nâng cấp hệ thống website, cổng thông tin điện tử, hỗ trợ người học trong việc truy cập internet tốc độ cao tại thư viện,... [H1.09.02.07], [H1.10.05.05].

Để đánh giá tính hiệu quả của các dịch vụ hỗ trợ người học, mỗi năm Nhà trường và Khoa đều xây dựng kế hoạch và tổ chức 02 buổi đối thoại giữa Lãnh đạo Nhà trường, Lãnh đạo khoa với người học [H1.08.03.04]. Qua đó, khoa và Nhà trường nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của người học, các ý kiến phản hồi của người học về chất lượng

các dịch vụ để kịp thời chỉ đạo các đơn vị, cá nhân điều chỉnh hoạt động sớm đáp ứng yêu cầu của người học. Bên cạnh đó, hằng năm các cá nhân đều viết cam kết, xây dựng kế hoạch thực hiện cải tiến chất lượng báo cáo để lãnh đạo đơn vị giám sát, theo dõi và đánh giá kết quả hoạt động [H1.10.05.06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành các quy định về đánh giá chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác.

Hàng năm, Nhà trường thực hiện rà soát, xây dựng, đánh giá mức độ thực hiện các mục tiêu chất lượng và kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng nhằm cải tiến chất lượng phục vụ người học và môi trường học tập. [H1.10.05.01, H1.10.05.02, H1.10.05.03]

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến về chất lượng phục vụ từ các bên liên quan [H1.06.04.07, H1.07.01.05] được thực hiện hàng năm thể hiện sự cầu thị trong việc cải tiến chất lượng và bám sát mục tiêu cung cấp dịch vụ giáo dục chất lượng đảm bảo sự hài lòng và thỏa dụng của khách hàng trong vai người học.

Hoạt động đối thoại người học với Nhà trường [H10.08.03.04] được thực hiện định kỳ hàng năm thể hiện sự cầu thị lắng nghe ý kiến phản hồi, quan điểm, mong muốn của người học nhằm cải tiến chất lượng phục vụ tiệm cận gần nhất với mong muốn của người học.

3. Điểm tồn tại

Chất lượng phục vụ của Thư viện còn chưa cao như: tài liệu lỗi thời, lượt đọc, tra cứu còn thấp, tốc độ truy cập internet chậm, lỗi.

Chất lượng phục vụ của các đơn vị chuyên trách phụ trách CSVC cần rà soát thường xuyên như: Việc bảo trì, sửa chữa, nâng cấp hệ thống máy tính, máy chiếu, quạt; Nhà vệ sinh hồng, bẩn; Nhà để xe cho SV chật.

4. Kế hoạch khắc phục

Nhà trường nghiên cứu điều chỉnh nội dung khảo sát, cách thức khảo sát để đảm bảo đánh giá được mức độ phục vụ của các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đáp ứng được yêu cầu đặc thù riêng đối với CTĐT để giúp cho Khoa, CTĐT có được kết quả đánh giá cụ thể và có đủ căn cứ để lập kế hoạch cải tiến chất lượng, đáp ứng được yêu cầu của CTĐT. Thông qua kết quả khảo sát, Nhà trường hiện rà soát hiệu quả các dịch vụ hỗ trợ người học; tiếp tục đôn đốc việc nâng cấp, sửa chữa hệ thống máy tính đề xuất giải pháp để nâng chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7 điểm.

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên có liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Thực hiện công tác đảm bảo chất lượng của nhà trường, hàng năm nhà trường thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để nắm bắt tình hình và định hướng cải tiến hoạt động đào tạo nói chung của trường. Trường/Khoa có hệ thống, quy trình, quy định, công cụ thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan (chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên, người học, nhà sử dụng lao động và người học đã tốt nghiệp) cho các mặt hoạt động ở cấp Trường và cấp Khoa. Việc thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi được thực hiện đúng trình tự, khoa học.

Theo đó, nhà trường cũng đã ban hành các quy định về cơ chế phản hồi của các bên liên quan [H1.06.04.06], [H1.06.04.07], [H1.10.01.05], [H1.04.02.03], [H1.10.01.03] [H1.10.06.06] [H1.10.06.07]. Công việc này được giao cho 2 phòng chủ đạo là phòng Đảm bảo chất lượng và khảo thí, phòng Công tác học sinh SV tiến hành. [H1.10.06.02], [H1.10.01.02] Phòng ĐBCL&KT có chức năng tham mưu và giúp Hiệu trưởng về hoạt động khảo thí, đảm bảo chất lượng nhằm đáp ứng yêu cầu về kiểm định chất lượng trường, triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 trong toàn bộ hoạt động đào tạo và công tác quản lý của nhà trường. Phòng Công tác HSSV tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ công tác chính trị, quản lý HSSV của trường.

Phòng ĐBCL&KT đã tham mưu cho nhà trường ban hành kế hoạch đảm bảo chất lượng [H1.10.06.01] trong đó việc lấy ý kiến phản hồi của các bên có liên quan (người học, cựu người học, chuyên gia và nhà tuyển dụng lao động) được thực hiện thường xuyên và có tính hệ thống [H1.10.06.07], [H1.10.06.06]. Để nâng cao tinh thần trách nhiệm và hiệu quả của hoạt động lấy ý kiến các bên có liên quan nhà trường đã giao cho phòng ĐBCL&KT lấy ý kiến người học về chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên và chất lượng quá trình đào tạo [H1.10.06.02], [H1.04.02.04], [H1.10.06.05]; Phòng ĐBCL&KT sẽ thực hiện việc in các mẫu phiếu khảo sát và phát hành xuống các lớp học trong trường để sinh viên thực hiện khảo sát [H1.10.06.09], sau khi thu thập các phiếu phát ra, cán bộ phòng ĐBCL&KT sẽ trực tiếp thống kê và tổng hợp các ý kiến người học về chất lượng giảng dạy cũng như chương trình đào tạo [H1.10.06.10] [H1.10.6.12]

Hoạt động lấy ý kiến người học và các bên liên quan được triển khai đồng bộ, thường xuyên, đúng quy định, quy trình, thủ tục [H1.06.04.06]. Hoạt động này được thực hiện bảo mật, các cá nhân có liên quan không tham gia trực tiếp vào việc lấy ý kiến, người được hỏi trả lời trực tiếp vào phiếu lấy ý kiến (khuyết danh), kết quả lấy ý kiến được xử lý bằng phần mềm chuyên dụng và được lưu trữ trong phần mềm Excel để xác định độ tin cậy và đối sánh giữa các năm. Kết quả lấy ý kiến sau khi được xử lý

sẽ thông báo đến các đơn vị, cá nhân để kịp thời điều chỉnh, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của các bên liên quan. Trên cơ sở ý kiến của các bên liên quan khoa đã phân tích, đánh giá và lựa chọn các ý kiến để đưa vào nhằm cải tiến CTĐT (lịch trình đào tạo, tỷ lệ lý thuyết, thực hành,... tài liệu, giáo trình học tập,...) [H1.01.01.11], [H1.10.01.03].

Bảng 10.3. Bảng tổng hợp kết quả lấy ý kiến người học về chất lượng QTĐT ngành Kế toán giai đoạn 2015-2020

STT	Khoa	Ngành	Rất HL	HL	Phân Vân	Không HL	Tổng
1	Năm học 2015-2016	ĐH KT	72.43	23.85	2.93	0.79	100.00
2	Năm học 2016-2017	ĐH KT	39.19	49.16	9.69	1.97	100.00
3	Năm học 2017-2018	ĐH KT	54.38	38.43	6.87	0.32	100.00
4	Năm học 2018-2019	ĐH KT	71.45	23.64	0.29	0.62	100.00
5	Năm học 2019-2020	ĐH KT	34.22	48.92	12.37	4,75	100.00
	TB giai đoạn 2015-2020		54,33	36,8	6,43	1,69	100.00

Tuy số lượng phiếu khảo sát không nhiều và không bao phủ hết tất cả các lớp ngành Kế toán nhưng đa số ý kiến từ sinh viên đều hài lòng với chất lượng đào tạo của nhà trường [H1.10.06.10], [H1.10.6.12]

Ngoài ra, Nhà trường đã ban hành các thủ tục, quy trình về lấy ý kiến của giáo viên và cựu sinh viên và nhà tuyển dụng lao động về chất lượng đào tạo của từng ngành, trong đó là ngành kế toán; quy trình Khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của sinh viên sau khi tốt nghiệp, [H1.01.01.13], [H1.01.02.05];[H1.10.06.07]

Phòng CT HSSV hàng năm vẫn liên hệ với một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có sinh viên đã tốt nghiệp tại trường đang làm việc để lấy ý kiến các nhà tuyển dụng, sử dụng lao động về chất lượng đào tạo, về năng lực cựu sinh viên, về việc làm và thu nhập[H1.10.06.07],.... Sau khi có kết quả khảo sát, phòng CT HSSV đã thực hiện thống kê và tổng hợp kết quả khảo sát báo cáo lại cho phía nhà trường [H1.10.06.10], [H1.10.06.08]. Những đánh giá của các bên có liên quan là cơ sở giúp trường ĐHHĐ thực hiện các rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với người học và cả các đơn vị tuyển dụng. Từ năm 2015 trở lại đây Nhà trường đã có những nhiều đợt điều chỉnh chương trình đào tạo, Nhà trường đã phối hợp với phòng đào tạo, khoa KT-QTKD và các đơn vị phản hồi tổ chức soạn thảo điều chỉnh nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo theo hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học [H1.10.06.13] [H1.10.6.14][H1.10.6.15]

Ngoài việc khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng giảng dạy, quá trình đào tạo, nhà trường còn khảo sát ý kiến phản hồi của người học, giảng

viên, cán bộ về mức độ đáp ứng của trang thiết bị dạy học, phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị. [H1.07.01.05], [H1.09.03.08], [H1.10.03.02]

Để tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ các bên có liên quan, định kỳ các phòng chức năng đều tổ chức lấy ý kiến góp ý của các đơn vị, cá nhân trong nhà trường và bổ sung theo từng giai đoạn để cập nhật, điều chỉnh, cải tiến quy trình lấy ý kiến và nội dung phiếu hỏi nhằm tăng tính hiệu quả, độ tin cậy của hoạt động này. Trên cơ sở đó, hoạt động phản hồi sẽ giúp nhà trường khai thác được nhiều thông tin hữu ích hơn trong việc cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo [H1.01.01.11], [H1.10.06.10]

Trên cơ sở Quy định tạm thời về tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên ban hành kèm theo Quyết định 1080/QĐ-ĐHHD ngày 22/10/2008 và Quyết định ban hành “Quy định về công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên và quá trình đào tạo tại Trường ĐH Hồng Đức” số 1200/QĐ-ĐHHD ngày 02/8/2019 [H1.10.06.05], phòng chức năng đã lập kế hoạch, xây dựng mẫu phiếu, tham mưu thành lập ban chỉ đạo và tổ công tác lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên có liên quan về chất lượng hoạt động giảng dạy của trên 80% GV ngay trước khi kết thúc môn học (mỗi học kỳ 1 lần), chất lượng quá trình đào tạo của 100% người học trước khi kết thúc khóa học, về chất lượng CTĐT các ngành thông qua các bên liên quan (mỗi năm 1 lần) [H1.06.04.06], [H1.01.01.13].

Về vấn đề khắc phục chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng giáo dục của Nhà trường. Ngay sau khi nhận được báo cáo đánh giá ngoài về chất lượng giáo dục trường của Trung tâm KĐCL Đại học Quốc gia Hà Nội, Nhà trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch hành động khắc phục sau đánh giá ngoài nhằm khắc phục triệt để những vấn đề còn tồn tại được phát hiện trong quá trình tự đánh giá và đánh giá ngoài, tiếp tục nâng cao chất lượng các lĩnh vực hoạt động trong toàn trường [H1.10.06.03]. Định kỳ đơn đốc nhắc nhở các đơn vị có liên quan báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ được nêu trong kế hoạch và cập nhật hồ sơ minh chứng phục vụ công tác Kiểm định chất lượng giữa giai đoạn [H1.10.06.04].

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các bên có liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống, nhận được nhiều ý kiến đóng góp hữu ích, từ đó phục vụ cho các hoạt động của Khoa và nhà trường về xây dựng, phân tích đánh giá CTĐT nói chung và CTĐT ngành kế toán nói riêng.

100% hoạt động lấy ý kiến phản hồi được thực hiện đúng quy trình, được định kỳ rà soát, điều chỉnh, cải tiến bổ sung phù hợp với yêu cầu thực tiễn; các ý kiến phản hồi

đảm bảo độ tin cậy, hoạt động phản hồi của các bên có liên quan đảm bảo tính hiệu quả và được khoa tham khảo để điều chỉnh, cải tiến CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống các văn bản quy định về hoạt động lấy ý kiến và mẫu phiếu hỏi chưa được rà soát, cập nhật, cải tiến một cách thường xuyên, liên tục.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường giao cho các phòng ban chức năng tổ chức rà soát hệ thống văn bản, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật các văn bản đã ban hành. Đặc biệt là các quy định về hoạt động lấy ý kiến các bên liên quan, cập nhật và điều chỉnh mẫu phiếu hỏi phù hợp với từng CTĐT để có hiệu quả và thường xuyên liên tục hơn

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường yêu cầu các phòng chức năng tiếp tục nghiên cứu để cải tiến về nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức lấy ý kiến của các bên có liên quan đáp ứng mục đích đề ra, giúp nhà trường thực hiện tốt việc đánh giá CTĐT theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Kết luận tiêu chuẩn 10

Việc đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo ngành Kế toán đã được Nhà trường và Ban chủ nhiệm khoa Kinh tế - QTKD xây dựng và thiết lập một cách bài bản, định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Cụ thể, việc thiết kế CTĐT được căn cứ vào Chuẩn đầu ra ngành Kế toán của trường và kế hoạch biên soạn, xây dựng chương trình giáo dục đại học hệ chính quy của Nhà trường; thông tin phản hồi từ các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, chuyên gia giáo dục tại các trường đại học khối kinh tế là căn cứ để Nhà trường tiến hành điều chỉnh lại CTĐT; thường xuyên ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy và học. Bên cạnh đó, quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra đa dạng, linh hoạt đã đánh giá được kiến thức và kỹ năng của người học ở từng học phần theo chuẩn đầu ra. Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đã đáp ứng được nhu cầu của người học, đảm bảo cho việc học tập của sinh viên đạt kết quả tốt nhất. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống và được áp dụng để đánh giá, cải tiến các dịch vụ hỗ trợ dạy và học.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 10 cả 6 tiêu chí đều đạt yêu cầu, mức đạt 4,7/7 điểm.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu

Đánh giá chất lượng đầu ra đối với người học trước khi tốt nghiệp có vai trò đặc biệt quan trọng. Hằng năm, Nhà trường, khoa KT-QTKD đã thực hiện giám sát chặt chẽ chuẩn đầu ra của ngành ĐH Kế toán; thống kê tỷ lệ người học tốt nghiệp, thời gian

tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ người học thôi học làm cơ sở để cải tiến chương trình, nâng cao chất lượng đào tạo.

Hoạt động nghiên cứu khoa học của người học được quy định cụ thể, đảm bảo phù hợp với ngành học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành ĐH Kế toán. Nhà trường đã xây dựng quy trình dùng chung để triển khai, lấy ý kiến phản hồi của người học về chất lượng giảng dạy của giảng viên và chương trình đào tạo trước khi tốt nghiệp; khảo sát người học sau tốt nghiệp 01 năm, khảo sát nhà sử dụng lao động về chương trình đào tạo ngành ĐH Kế toán. Đây là cơ sở để Nhà trường, khoa KT-QTKD phân tích, đánh giá và có hướng để điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp với tình hình thực tế và nhu cầu của xã hội.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Để quản lý và giám sát cơ sở dữ liệu học tập của người học Nhà trường đã xây dựng hệ thống phần mềm quản lý đào tạo. Phòng Quản lý đào tạo là đơn vị chức năng được giao nhiệm vụ quản lý công tác này [H1.05.02.02].

Công tác quản lý người học được thực hiện trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo, tất cả cơ sở dữ liệu về người học, đặc biệt là danh sách người học thôi học, tốt nghiệp từng đợt được cập nhật [H1.11.01.01&02]; việc thống kê số lượng người học ngành Đại học Kế toán thôi học, tốt nghiệp được thực hiện thường xuyên theo từng khóa học (theo Quyết định) [H1.11.01.04].

Bảng 11.1. Tỷ lệ người học ngành ĐH Kế toán tốt nghiệp 6 khóa (K15-K20) và thôi học 6 khóa (K15-K20)

Năm tuyển Sinh	Số lượng người học	Tỷ lệ % người học hoàn thành chương trình trong thời gian			Số lượng người học thôi học trong thời gian				Khóa
		3,5 năm	4 năm	trên 4 năm	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ 4 và tiếp theo	
2012	260	70,16	5,65	8,87	0,76	2,29	2,29	1,14	K15
2013	230		63,51	16,22	3,04	4,34	0,43	0	K16
2014	135		44,34	27,36	1,48	2,22	0,74	0	K17

2015	126		43,48	30,43	3,70	2,43	1,23	0	K18
2016	134		27,54	7,25	1,58	2,38	0,79	1,58	K19
2017	134		33,33	17,46	5,73	2,69	1,02	0	K20
Trung bình		11,69	36,31	17,93	2,75	2,72	1,08	0.45	

(Nguồn: Phòng Công tác HSSV, Khoa KT-QTKD)

Từ thống kê số liệu người học thôi học ở từng học kỳ, năm học của ngành Đại học Kế toán, Nhà trường, khoa KT-QTKD tổ chức hội nghị giao ban công tác người học hằng tháng, quý và học kỳ; đồng thời đã xây dựng kế hoạch, chiến lược đào tạo của Khoa, bộ môn trong đó có xác lập, phân tích, dự đoán về tỉ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của CTĐT ngành kế toán để phân tích, tìm hiểu nguyên nhân tại sao người học thôi học và đề xuất các biện pháp tư vấn, hỗ trợ, như:

Cố vấn học tập tăng cường tư vấn cho người học đăng ký môn học, tư vấn cách học, kỹ năng rèn nghề, tổ chức các câu lạc bộ học thuật, sở thích, tạo sân chơi bổ ích cho người học và Đoàn thanh niên, Hội sinh viên hỗ trợ tích cực cho người học trong quá trình đào tạo [H1.08.03.02], [H1.04.01.04], [H1.08.01.06]. Sau mỗi học kỳ, năm học, Nhà trường tổng hợp kết quả học tập của người học ngành ĐH Kế toán theo lớp, khóa học. Từ đó khoa, bộ môn phân tích, tìm ra nguyên nhân đối với những người học chậm tiến độ, kết quả học tập chưa đạt ở mỗi học kỳ và giao cho bộ môn Kế toán tài chính, Kế toán quản trị, Cố vấn học tập xây dựng kế hoạch, nội dung thời gian gấp gờ, trao đổi trực tiếp hoặc qua email, điện thoại, facebook, zalo... để tư vấn, hướng dẫn cho người học phương pháp học các học phần còn nợ nhằm thúc đẩy người học sớm hoàn thành chương trình, tốt nghiệp đúng hạn, tăng tỷ lệ người học tốt nghiệp [H1.04.01.04], [H1.11.01.06].

Bảng 11.2 Tỷ lệ người học ngành ĐH Kế toán chưa tốt nghiệp 5 khóa (K15-K19)

Khoá học	Số lượng người học	Số sinh viên chưa tốt nghiệp	Tỷ lệ % SV chưa TN
2012 – 2016	260	9	3,4
2013 – 2017	230	16	6,9
2014 – 2018	135	19	14,1
2015 – 2019	126	25	19,8
2016- 2020	134	28	20,9

Khoa cũng đã thực hiện đối sánh và kế quả đối sánh cụ thể về tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của CTĐT ngành Kế toán với các CTĐT khác của Nhà trường; So với một số nhóm ngành kinh tế, kỹ thuật khác trong trường thì tỷ lệ người học tốt nghiệp của

ngành Đại học Kế toán cao, trung bình là (68,96%), tốt nghiệp trước thời hạn và trong thời gian chính khóa là 50,93% [H1.11.01.03], [H1.11.01.05]. Song, thực tế cho thấy trong 6 khóa gần nhất, vẫn còn 19,02% người học chưa thể tốt nghiệp.

Bảng 11.3. Đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình

Khóa tốt nghiệp	Tổng số sinh viên	Tỷ lệ (%) sinh viên tốt nghiệp			Tỷ lệ (%) sinh viên thôi học			Thời gian tốt nghiệp trung bình*	
		CTĐT được đánh giá	CTĐT của Trường	CTĐT của ngành QTKD	CTĐT được đánh giá	CTĐT của Trường	CTĐT của QTKD	CTĐT được đánh giá	CTĐT của ngành QTKD
2012 - 2016	260	85.6	72,13	75,81	6	3.28	6,45	3.6	3,7
2013 - 2017	230	80.6	81,82	69,73	7.82	10.52	10,81	3.4	4,27
2014 - 2018	135	76.94	81,34	71,7	4.44	5.46	16,07	3.3	4,37
2015 - 2019	126	70.3	82,43	73,91	7.4	4.4	16,27	3.1	4,46
2016- 2020	134	65.8	75,67	78,18	6.34	10.15	23,18	2.8	4,21

Bảng 11.4. Thống kê số lượng sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, quá hạn; thời gian tốt nghiệp

Khóa học	Tổng số SV tốt nghiệp	Số lượng sinh viên tốt nghiệp trong					
		3 năm (trước hạn)	4 năm (đúng hạn)	> 4 năm			
				(quá hạn)			
			Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Lần
2012 - 2016	260		177	46			
2013 - 2017	230		148	38			
2014 - 2018	135	1	69	34			
2015 - 2019	126		94	20			
2016- 2020	134		75	8			

2. Điểm mạnh

Nhà trường có phần mềm quản lý, kịp thời theo dõi tỷ lệ người học thôi học, tốt nghiệp; khoa KT-QTKD, 2 bộ môn Kế toán, Cố vấn học tập đã làm tốt công tác quản lý, giám sát kết quả học tập của người học; kịp thời tư vấn, hỗ trợ cho người học chậm

tiến độ, nợ môn học phần. Vì thế, trung bình trong 6 khóa gần đây (K15-K20) tỷ lệ người học tốt nghiệp trước hạn 11,69%, đúng hạn cao (50,93%).

3. Điểm tồn tại

Trong 6 khóa gần nhất (K15-K20), vẫn còn 12,02% người học thôi học, chủ yếu là năm thứ Nhất, thứ Hai (10,64%) và 19,02% người học chưa thể tốt nghiệp.

SV còn ỷ lại, chưa chủ động trong việc học các học phần tiếng Anh, Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng để đảm bảo các điều kiện CDR của chương trình đào tạo theo quy định.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 - 2022, Nhà trường, khoa KT-QTKD làm tốt hơn công tác nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người học, đặc biệt là người học năm thứ Nhất; thống kê người học chậm tiến độ, chưa hoàn thành môn học trong học kỳ, năm học để có kế hoạch, lịch tư vấn, hỗ trợ người học kịp thời.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Thời gian của một khóa đào tạo là thời gian cần thiết cho những SV bình thường hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Phòng Quản lý đào tạo là đơn vị chức năng được giao nhiệm vụ quản lý, giám sát thời gian tốt nghiệp của SV [H1.08.03.03]. Nhà trường có quy trình, quy định, công cụ giám sát, phân tích, đối sánh, đánh giá chất lượng SVTN (thời gian tốt nghiệp trung bình) Chương trình đào tạo ngành ĐH Kế toán được thiết kế 121 tín chỉ, trong khoảng thời gian chính khóa là 4 năm [H1.01.01.05], [H1.01.01.06], Thời gian tối đa để hoàn thành chương trình là 6 năm [H1.03.01.07].

Trong các khóa gần đây, tỷ lệ trung bình người học ngành ĐH Kế toán tốt nghiệp là 79,47%, trong đó có 63,47% tốt nghiệp trước và đúng thời gian khóa học và 16% tốt nghiệp sau 4 năm [H1.11.01.04].

Bảng 11.5. Tỷ lệ người học ngành ĐH Kế toán tốt nghiệp trong 6 khoá (K15-K20)

Năm tuyển Sinh	Số lượng người học	Tỷ lệ % người học hoàn thành chương trình trong thời gian			Chưa tốt nghiệp	Khóa
		3,5 năm	4 năm	trên 4 năm		
2012-2016	260		68.0	17.6	4.2	K15
2013-2017	230		64.3	16.5	4.3	K16

2014-2018	135	0.74	51.1	25.1	4.4	K17
2015-2019	162		58.0	12.3	6.79	K18
2016-2020	126		59.5	6.3	3.9	K19
2017-2021	132	3.03				K20
Trung bình		1.87	61.6	16	4.7	

(Nguồn: Phòng Công tác HSSV, khoa KT-QTKD)

Nhà trường, khoa KT-QTKD đã tìm hiểu, phân tích nguyên nhân người học chưa thể tốt nghiệp theo khóa học là do nợ các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng và chuẩn Tiếng Anh đầu ra. Từ đó Khoa KT-QTKD chỉ đạo bộ môn Kế toán Tài chính, Cố vấn học tập xây dựng kế hoạch, nội dung, thời gian gặp gỡ, trao đổi trực tiếp hoặc qua email, điện thoại, facebook, zalo... để tư vấn, hướng dẫn cho người học phương pháp học phần còn nợ, thúc đẩy người học sớm hoàn thành chương trình và tốt nghiệp đúng thời gian của khóa học [H1.04.01.04]

Từ khóa K15 đến K20, trung bình tỷ lệ người học tốt nghiệp là 79,47%, trong đó tốt nghiệp trước và đúng hạn của khóa học là 63.47%. Điều này cho thấy, Nhà trường, khoa KT-QTKD đã có nhiều giải pháp đồng bộ để hỗ trợ, tư vấn phù hợp để người học rút ngắn thời gian khóa học [H1.11.02.01].

Bảng 11.6. Đối sánh tỷ lệ người học ngành ĐH Kế toán tốt nghiệp trong 6 khoá (K15-K20)

Năm tuyển Sinh	Số lượng người học	Tỷ lệ % sinh viên tốt nghiệp		Thời gian tốt nghiệp trung bình		Khóa
		CTĐT được đánh giá	CTĐT của ngành QTKD	CTĐT được đánh giá	CTĐT của ngành QTKD	
2012-2016	260	85.6	75.81	3.6	3.70	K15
2013-2017	230	80.8	69.73	3.4	4.27	K16
2014-2018	135	76.94	71.7	3.3	4.37	K17
2015-2019	162	70.3	73.91	3.1	4.46	K18
2016-2020	126	65.8	78.18	2.8	4.21	K19
2017-2021	132					K20
Trung bình		68.32	73.87		4,20	

(Đối sánh tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp)

Sau mỗi năm học, Nhà trường tổ chức hội nghị tổng kết công tác đào tạo và công tác Cố vấn học tập, trong đó có ngành ĐH Kế toán. Tuy nhiên, báo cáo chưa đi sâu phân tích, đánh giá một cách khái quát các biện pháp hỗ trợ để người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp [H1.11.01.05].

2. Điểm mạnh

Đại học ngành Kế toán trung bình có 79,47% người học tốt nghiệp, trong đó có 63,47% tốt nghiệp trước (3,5 năm) và đúng thời gian của khóa học.

3. Điểm tồn tại

Trong công tác đào tạo và Cố vấn học tập chưa đi sâu phân tích, đánh giá một cách khái quát các biện pháp hỗ trợ người học để rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Khoa chưa thực hiện đối sánh số liệu với cùng ngành ĐT ở cơ sở giáo dục trong nước và ngoài nước.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 - 2022, Nhà trường, khoa KT-QTKD tập trung phân tích, đánh giá và có nhiều hoạt động cụ thể để hỗ trợ người học, đặc biệt là các hoạt động tư vấn phương pháp học tập.

Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu chung của 100% người học sau khi tốt nghiệp có việc làm đúng với ngành đã được đào tạo, mức thu nhập phù hợp với khả năng, môi trường làm việc chuyên nghiệp. Đây cũng là mục tiêu mà Nhà trường, khoa đặt ra, cùng với nhà sử dụng lao động ký kết thỏa thuận hợp tác trong đào tạo, tiếp nhận người học thực tập và tuyển dụng sau khi tốt nghiệp. Nhà trường đã có hệ thống giám sát quá trình học tập cũng như tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp, đối sánh giữa các năm để tìm ra biện pháp cải tiến. Điều đó đã và đang được thực hiện bằng nhiều biện pháp khác nhau như khảo sát trực tuyến, thông qua các hội nghị, hội thảo...

Hàng năm, phòng Công tác HSSV, khoa KT-QTKD là đơn vị đầu mối triển khai, tổ chức thực hiện khảo sát người học sau 01 năm tốt nghiệp và lưu trữ đầy đủ dữ liệu về danh sách người học tốt nghiệp của ngành ĐH Kế toán có việc làm, vị trí làm việc, mức thu nhập bình quân, đơn vị công tác, SV tự tạo việc làm... [H1.11.03.01].

Quy trình khảo sát được mô tả rõ ràng, cụ thể, đảm bảo các thông tin này được thu thập một cách đầy đủ và chính xác, gồm: Lập danh sách người học đã tốt nghiệp hàng năm (theo Quyết định công nhận tốt nghiệp) với đầy đủ các thông tin cá nhân; lập phiếu khảo sát với các thông tin cần thiết (được Ban Chỉ đạo hợp góp ý kiến và

duyet); gửi phiếu khảo sát đến người học đã tốt nghiệp sau 01 năm thông qua các kênh như: khảo sát online, gửi thư EMS, email, điện thoại, zalo, facebook...; thu thập và xử lý thông tin trong phiếu khảo sát đã nhận lại; thống kê, tổng hợp và báo cáo kết quả điều tra và lưu trữ dữ liệu [H1.11.03.02].

Nhờ có quy trình thực hiện và lưu trữ thông tin với các bước đầy đủ và hợp lý mà số liệu về tỉ lệ người học có việc làm trong vòng 12 tháng sau khi tốt nghiệp đảm bảo độ tin cậy cao [H1.11.03.01].

Bảng 11.7: Thống kê về việc làm và thu nhập của sinh viên tốt nghiệp (SV)

Tỷ lệ có việc làm tại	2014-2015	2015-2016	2016 -2017	2017-2018	2018-2019
Công ty/tổ chức Nhà nước	42	46	9	13	44
Công ty/tổ chức tư nhân	40	62	78	51	9
Công ty/tổ chức nước ngoài	8	9	4	10	0
Tự tạo việc làm	11	7	11	3	0
Chưa có việc làm	28	28	26	13	33
Thu nhập trung bình (triệu đồng)	3,0 triệu	3,5 triệu	4,0 triệu	4,0 triệu	5 triệu

Tính xác thực của số liệu được thể hiện qua các thông tin phản hồi trên Phiếu khảo sát của người tốt nghiệp đã có việc làm: Tên cơ quan, địa chỉ cơ quan, vị trí việc làm...). Từ đó xác định được tỉ lệ có việc làm, thu nhập bình quân của 5 khoá tốt nghiệp gần nhất (2015-2019), tỉ lệ người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo, tỉ lệ người học sau khi tốt nghiệp học thêm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; tỉ lệ người học theo khu vực làm việc (trong hệ thống các cơ quan nhà nước, trong các đơn vị tư nhân hoặc tự tạo việc làm...) [H1.11.03.03].

Theo Kết quả khảo sát tình hình việc làm của người học tốt nghiệp được công khai trên trang website của Nhà trường thì tỉ lệ người học tốt nghiệp sau 12 tháng của ngành ĐH Kế toán có việc làm năm 2020 là 75,16%, trong đó tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành là 49,33% [H1.11.03.03].

Bảng 11.8: Thống kê tỉ lệ về việc làm của sinh viên tốt nghiệp

Tỷ lệ có việc làm sau	Năm học				
	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019
3 tháng	23.00	24.80	21.09	19.20	20.12
6 tháng	34.60	41.52	46.50	50.69	50.79
1 năm	51.20	61.44	68.81	75.01	75.16
2 năm	87.32	79.46	89.00	97.01	97.20

Nhà trường đã tiến hành đối sánh tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm giữa ngành ĐH Kế toán với một số ngành thuộc nhóm ngành kinh tế, kỹ thuật khác, cụ thể:

Đối với ngành ĐH quản trị có việc làm là 85,18% (có việc làm đúng ngành đào tạo là 13,19%); ĐH TCNH có việc làm là 74,60% (có việc làm đúng ngành đào tạo là 12,69%); ĐH Chăn nuôi có việc làm là 80% (có việc làm đúng ngành đào tạo là 73,33%); ĐH Nông học có việc làm là 50% (có việc làm đúng ngành đào tạo là 13,33%); ĐH Bảo vệ thực vật có việc làm là 33,33% (có việc làm đúng ngành đào tạo là 11,11%. [H1.11.03.03].

Bảng 11.9: Đối sánh tỷ lệ SV có việc làm, tỷ lệ SV làm đúng ngành đào tạo sau 12 tháng

Khóa tốt nghiệp	Tổng số sinh viên	Số sinh viên tốt nghiệp	Số sinh viên có việc làm sau 12 tháng	Tỷ lệ (%) sinh viên có việc làm sau 12 tháng		Tỷ lệ (%) sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo	
				CTĐT được đánh giá	CTĐT của Trường	CTĐT được đánh giá	CTĐT của Trường
2012-2016	262	245	125	51.2	62,13[1]	34.21	15.1[1]
2013-2017	230	215	132	61.4	61,82[1]	37.38	17,52[1]
2014-2018	235	220	150	68.4	61,34[1]	38.32	15.22[1]
2015-2019	262	245	184	75.1	62,43[1]	40.12	17.87[1]
2016-2020	126	118	89	75.16	65,67[1]	49.33	16.53[1]
2017-2021	134						
Trung bình				66.52	63.27	42.48	16.72

[1]: Số liệu được trích từ Báo cáo đánh giá CTĐT ngành Quản trị - ĐH Hồng Đức)

Như vậy, so với một số ngành thuộc nhóm ngành kinh tế, kỹ thuật khác thì người học ngành ĐH Kế toán tỉ lệ có việc làm sau 12 tháng và có việc làm đúng ngành đào tạo tương đối cao. Tuy nhiên, chưa thực hiện đối sánh tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm ngành ĐH Kế toán của Nhà trường với ngành ĐH Kế toán của các cơ sở đào tạo khác trong và ngoài nước; tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo chưa cao, kết quả khảo sát 5 khóa tốt nghiệp từ năm 2014 - 2019 (K13 - K18) tỷ lệ (%) sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo ngành ĐH Kế toán là 42,48% trong khi trung bình chung của trường là 16,72%.

Nhà trường, khoa KT-QTKD đã tìm hiểu, thảo luận và phân tích nguyên nhân tại sao người học tốt nghiệp chưa có việc làm; các nguyên nhân này có thể xuất phát từ nhu cầu xã hội, sự đáp ứng của năng lực người học đã tốt nghiệp so với yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động, mức độ đáp ứng yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động so với yêu cầu của người lao động (tiền lương, điều kiện làm việc...) [H1.11.03.04].

Thực hiện khảo sát, trao đổi về làm việc của sinh viên với các đơn vị sử dụng lao động nhằm gắn kết giữa doanh nghiệp sử dụng lao động cùng Nhà trường ở tất cả các khâu trong quá trình đào tạo và hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp như: Lấy ý kiến đánh giá về Chương trình đào tạo của các bên liên quan, nhận xét của đơn vị sử dụng lao động, của các cơ sở giáo dục, các doanh nghiệp đối với năng lực của người học trong quá trình kiến tập, thực tập cuối khoá, tổ chức Hội nghị việc làm, đăng tải nhiều thông tin tuyển dụng lên website, zalo, facebook, fanpage... để người học có thể tiếp cận và tìm kiếm cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp [H1.11.03.04], [H1.11.03.05].

Ngoài ra, Nhà trường đã có nhiều hoạt động hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp, tổ chức cuộc thi ý tưởng sáng tạo, ý tưởng khởi nghiệp, trước khi đi thực tập tốt nghiệp cuối khoá, khoa và bộ môn Kế toán tiến hành tập huấn các kỹ năng cần thiết để người học có thêm kinh nghiệm, nâng cao kiến thức, kỹ năng khi đến các doanh nghiệp thực tập. Trong những năm qua, trong số người học của ngành ĐH Kế toán có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp, có từ 7-8% người học tự tạo được việc làm cho bản thân và có thể tạo việc làm cho nhiều người khác [H1.11.03.03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường, khoa KT-QTKD có nhiều hoạt động thiết thực để hỗ trợ người học nhằm tăng tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Chưa thực hiện đối sánh tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm ngành ĐH Kế toán và một số ngành thuộc khối kinh tế của các trường đại học khác trong và ngoài nước.

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo thấp, kết quả khảo sát 5 khóa tốt nghiệp từ năm 2014 - 2019 (K13 - K17) là 42,48%.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 - 2022, nhà trường, khoa KT-QTKD sẽ phân tích, đối sánh tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm của ngành ĐH Kế toán giữa Trường Đại học Hồng Đức với một số trường đại học khác như: ĐH Kinh tế quốc dân, Học viện Tài chính, ĐH KD&CN Hà Nội, ĐH Hải Phòng, ĐH Thăng Long...

Làm tốt công tác kết nối và phục vụ cộng đồng, kết nối với các doanh nghiệp để hỗ trợ người học trong việc tư vấn, tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp, nâng tỷ lệ người học có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo lên trên 60%.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Nhà trường, Khoa KT-QTKD xác định hoạt động nghiên cứu khoa học của người học có vai trò hết sức quan trọng trong quá trình học tập góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, vị thế của ngành Kế toán nói riêng và Khoa KT-QTKD, Nhà trường nói chung.

Các hoạt động nghiên cứu khoa học của người học được xác lập về số lượng và loại hình, việc xác lập này được thể hiện thông qua việc xây dựng kế hoạch khoa học công nghệ hàng năm của Nhà trường, cụ thể:

+ Đối với hoạt động sinh viên nghiên cứu khoa học, đầu năm học Nhà trường tiến hành thông báo triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên đến người học trong toàn trường [H1.11.04.01]. Các khoa đào tạo tiến hành lập danh sách các nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học và gửi về Nhà trường theo thông báo. Các đề tài được lựa chọn và đăng ký cấp tham dự bao gồm: cấp khoa, cấp trường và cấp bộ. Đối với ngành Kế toán, trong 5 năm học qua, số lượng đề tài sinh viên nghiên cứu khoa học luôn đạt tỷ lệ cao, cụ thể:

Bảng 11.10. Bảng tổng hợp nghiên cứu khoa học của người học ngành Kế toán trong 5 năm học (từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021)

Hạng mục	Năm học										Tổng	
	2016-2017		2017-2018		2018-2019		2019-2020		2020 - 2021			
SV tham gia/Số lượng đề tài	SV	ĐT	SV	ĐT	SV	ĐT	SV	ĐT	SV	ĐT	SV	ĐT
Cấp trường	11	3	17	4	6	3	8	2	9	3	51	15

	Cấp khoa	10	3	15	3	4	3	26	6	15	5	70	20
	Tổng	21	6	32	7	10	6	34	8	24	8	121	35
	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	6		7		6		8		8		35	

(Nguồn: Khoa KT-QTKD, Phòng Quản lý khoa học – Công nghệ)

+ Bên cạnh việc thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, sinh viên ngành Kế toán còn được tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học khác như tham gia các cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp do Câu lạc bộ nhà doanh nghiệp tương lai, Khoa KT-QTKD tổ chức, do Đoàn trường Đại học Hồng Đức và do Tỉnh đoàn Thanh Hóa tổ chức định kỳ hàng năm. Số lượng sinh viên tham gia được xác lập qua các danh sách gửi về Ban tổ chức theo các kênh từ chi đoàn, liên chi đoàn và tỉnh đoàn [H1.11.04.02].

+ Trong quá trình học, người học còn được tham gia các hoạt động nghiên cứu khác như viết tiểu luận, làm bài tập lớn thay thế thi kết thúc học phần. Các tiểu luận và bài tập lớn là những hoạt động nghiên cứu mang tính khởi đầu cho việc nghiên cứu sâu hơn của sinh viên trong giai đoạn sau. Danh sách người học làm tiểu luận, bài tập lớn được giảng viên xác định dựa trên đăng ký của sinh viên và điều kiện theo Quy chế đào tạo của Nhà trường ban hành [H1.11.04.03]. Theo đó, danh sách này được lập sau khi kết thúc ½ số tiết học phần và kiểm tra giữa kỳ và được duyệt bởi Bộ môn, Khoa KT- QTKD, Phòng Quản lý đào tạo, Ban Giám Hiệu trường Đại học Hồng Đức. [H1.11.04.04].

Bảng 11.11: Bảng tổng hợp số lượng người học ngành Kế toán làm bài tập lớn, tham gia lớp khởi sự doanh nghiệp và bồi dưỡng doanh nhân, cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp trong 5 năm (từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021)

Hạng mục	Năm					Cộng
	2016 – 2017	2017– 2018	2018 – 2019	2019 – 2020	2020 - 2021	
[H1.11.04.05] Bài tập lớn, tiểu luận	-	6	60	58	-	124
Tham gia lớp khởi sự doanh nghiệp và bồi dưỡng doanh nhân	-	-	-	119	-	122
Tham gia cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp	92	-	-	-	-	92

(Nguồn: Khoa KT- QTKD, Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Công tác HSSV)

Các loại hình nghiên cứu của người học được Nhà trường xây dựng quy định thực hiện và giám sát rõ ràng, trong đó:

+ Đối với hoạt động sinh viên thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, Phòng Quản lý khoa học – Công nghệ và các khoa đào tạo được giao trách nhiệm là đầu mối quản lý hoạt động đề tài nghiên cứu khoa học. Nhà trường đã ban hành quy định, quy trình về hoạt động nghiên cứu khoa học của người học nhằm giám sát theo dõi hoạt động này [H1.06.07.02]. Theo đó, sau khi người học đăng ký tên đề tài nghiên cứu, xây dựng thuyết minh, khoa và Nhà trường sẽ thành lập hội đồng thẩm định thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên. Kết quả đánh giá được sử dụng làm căn cứ ra quyết định về việc phê duyệt danh mục đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên [H1.10.04.06]. Sau quá trình xác lập danh mục các đề tài, các hoạt động đơn độc kiểm tra, giám sát sẽ được trực tiếp khoa đào tạo và giáo viên hướng dẫn thực hiện. Khi đề tài hoàn thành, Khoa và Nhà trường sẽ tiến hành tiến hành các hoạt động nghiệm thu từ cấp khoa đến cấp trường, ra quyết định khen thưởng các nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học hàng năm [H1.11.04.05].

+ Cuối năm học, Khoa và Nhà trường tổ chức Hội nghị tổng kết hoạt động nghiên cứu khoa học nhằm đánh giá về số lượng, chất lượng các đề tài trên từng lĩnh vực nghiên cứu và đề xuất phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ KHCN cho những năm tiếp theo [H1.10.04.10]; [H1.11.04.06]. Hội nghị tổng kết đồng thời sẽ công bố những công trình nghiên cứu khoa học tiêu biểu của sinh viên trong năm, xuất bản Kỷ yếu và gửi tuyên dương các sinh viên có thành tích cao trong nghiên cứu khoa học [H1.11.04.07].

+ Đối với các hoạt động nghiên cứu khác như tiểu luận, bài tập lớn được thực hiện theo danh sách đã phê duyệt và được quản lý đầu mối tại Phòng Quản lý đào tạo. Nhà trường đã ban hành quy định đào tạo trong đó bao gồm các quy chế về việc làm tiểu luận và bài tập lớn của sinh viên [H1.11.04.03]. Quy định nêu rõ điều kiện, thời gian, số lượng tiểu luận sinh viên được làm, giảng viên được hướng dẫn, tổ chức chấm tiểu luận, bài tập lớn cũng như thời gian công bố kết quả, lưu hồ sơ. Như vậy hoạt động nghiên cứu này đã được Nhà trường giám sát chặt chẽ thông qua việc ban hành các nội dung cụ thể trong quy định đào tạo.

Về hoạt động đối sánh số lượng và loại hình nghiên cứu khoa học của người học, bước đầu đã được Nhà trường thực hiện thông qua nhiều hình thức. Đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, các khoa sẽ lập danh sách sinh viên nghiên cứu khoa học của từng ngành trong khoa, đối sánh được số lượng sinh viên của từng ngành tham gia nghiên cứu khoa học trong khoa, đối với ngành Kế toán sẽ được khoa đối sánh với số lượng của sinh viên ngành Quản trị kinh doanh, cung cấp thông tin cho Ban chủ nhiệm khoa trong việc quản lý và điều chỉnh, giám sát hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên từng ngành. Đối với cấp trường, Phòng Quản lý khoa học sẽ chịu trách

nhiệm lập danh sách đối sánh của toàn trường, ngoài việc so sánh trong từng khoa, còn cho phép việc đối sánh mỗi khoa với nhau. Tương tự đối với các hoạt động nghiên cứu khác của người học, việc đối sánh cũng được các khoa và Nhà trường thực hiện để có biện pháp kịp thời trong việc giám sát, điều chỉnh, quản lý nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu của người học.

Nhằm hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học phù hợp với xu thế phát triển và khả năng của người học, Nhà trường đã có nhiều các đề đề xuất/đầu tư cũng như hỗ trợ người học. Cụ thể:

+ Nhà trường đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, quy định mức kinh phí hỗ trợ cho một đề tài là một triệu đồng (1.000.000 đ), nếu đề tài được chọn dự thi cấp Bộ sẽ được hỗ trợ thêm 1 triệu đồng, nếu có giải cấp Bộ được hỗ trợ thêm từ 1 - 2 triệu đồng; đề tài dự thi cấp ngành được tính = $\frac{1}{2}$ cấp Bộ [H1.11.04.08]. Ngoài ra, người học tham gia nghiên cứu khoa học được cộng điểm rèn luyện ở mỗi học kỳ, mức 4 điểm [H1.11.04.9].

+ Đối với các cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp được thực hiện bởi Tỉnh đoàn cũng như Đoàn trường, việc đề xuất đầu tư được Nhà trường thực hiện thông qua việc liên kết với Hội doanh nghiệp trẻ tỉnh Thanh Hóa, Hội doanh nhân trong việc tổ chức cuộc thi. Các ý tưởng được đánh giá bởi bộ phận ban giám khảo bao gồm các thành viên là các nhà doanh nhân thuộc Hội doanh nghiệp trẻ tỉnh Thanh Hóa, Hội doanh nhân. Các ý tưởng được đánh giá tốt sẽ được các nhà đầu tư, các doanh nghiệp cân nhắc hợp tác, xúc tiến tổ chức triển khai giữa các chủ nhiệm ý tưởng và các bên đầu tư.

2. Điểm mạnh

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học ngành Kế toán đã được xác lập, giám sát và bước đầu thực hiện các hoạt động đối sánh trong khoa và Nhà trường. Các hoạt động đề xuất đầu tư đã được Nhà trường quan tâm thực hiện nhằm phát triển hoạt động nghiên cứu của người học.

3. Điểm tồn tại

Chưa thực hiện được việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học ngành Kế toán với một số trường đại học cùng vị thế trong khu vực.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 - 2022, Nhà trường cần có kế hoạch thu thập thông tin về số lượng, loại hình nghiên cứu của người học ngành Kế toán của một số trường đại học cùng vị thế trong khu vực để tiến hành đối sánh, phân tích.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên có liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh

1. Mô tả

Trong những năm qua, Nhà trường nói chung và khoa KT-QTKD nói riêng không ngừng cải tiến, điều chỉnh chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội nhằm phát huy tối đa năng lực người học trên cơ sở xác lập mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động đào tạo. Nhiều năm qua Nhà trường đã triển khai lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên và các hoạt động khác của Nhà trường. Nhà trường đã xây dựng các công cụ điều tra tiếp nhận phản hồi thông qua phát phiếu điều tra khảo sát từ các bên liên quan từ đó làm cơ sở cho việc điều chỉnh và nâng cao chất lượng chương trình dạy học.

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức các buổi Hội nghị đối thoại với sinh viên. [H1.11.05.01]. Đây là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn thể sinh viên, góp phần triển khai thông tin và giải quyết thắc mắc, giúp khoa và các đơn vị liên quan kịp thời xử lý, điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn công tác đào tạo của Nhà trường. Ngoài ra, Nhà trường đã tiến hành khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động để từ đó định hướng, điều chỉnh chương trình đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, [H1.01.02.05].

Phòng Công tác HSSV là đầu mối triển khai, thống kê, tổng hợp, phân tích kết quả khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của người học sau tốt nghiệp và chất lượng đào tạo tại các đơn vị sử dụng lao động. [H1.11.03.02], [H1.11.03.03], [H1.11.03.04].

Khoa KT - QTKD thường xuyên tổ chức các hoạt động khảo sát, tiếp nhận ý kiến phản hồi của doanh nghiệp, cựu SV, GV và SV thông qua việc phát phiếu điều tra khảo sát đến từng nhóm đối tượng, tiến hành nhập liệu sau khi nhận các túi phiếu khảo sát đã được hiệu chỉnh và biên tập, tiến hành nhập liệu trực tiếp vào phần mềm Excel, Dữ liệu sau khi nhập đầy đủ được giao cho bộ phận xử lý dữ liệu bằng phần mềm Microsoft Excel, sau khi xử lý xong, dữ liệu được tổng hợp, lưu trữ và công bố kết quả khảo sát theo yêu cầu của Trường. Bước tiếp theo sẽ tổng hợp kết quả khảo sát nhằm đánh giá, phân tích và tìm cách khắc phục nếu có hạn chế, ngoài ra, khoa còn phối hợp với nhà trường tổ chức các cuộc Hội thảo về xây dựng CTĐT, Hội thảo về đào tạo ngành Kế toán gắn với thực tiễn nhằm nắm bắt tâm tư nguyện vọng của sinh viên cũng như nhu cầu thông tin của các đối tượng bên ngoài để có hướng khắc phục chương trình đào tạo nói riêng và chất lượng đào tạo nói chung nhằm đáp ứng ngày

càng tốt hơn nhu cầu của xã hội đồng thời nâng cao vị thế của Khoa, nhà trường. [H1.11.04.07].

Ý kiến đóng góp của các bên liên quan là cơ sở quan trọng được khoa KT-QTKD phân tích, đối sánh, xây dựng kế hoạch cải tiến, điều chỉnh CTĐT ngành Kế toán phù hợp với nhu cầu xã hội và thực tiễn góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Tuy nhiên, mức độ hài lòng của các bên liên quan về CTĐT ngành Kế toán chưa được đối sánh một cách đầy đủ dưới các góc độ sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng. Theo đó, việc đo lường mức độ hài lòng của sinh viên về chất lượng đào tạo đã được tiến hành qua nhiều năm và có sự đối sánh giữa các năm hoặc đối sánh với cùng CTĐT khác của nhà trường, tuy nhiên việc đo lường mức độ hài lòng của cựu sinh viên và nhà tuyển dụng mới được tiến hành trong năm học 2019-2020 nhưng vẫn chưa có sự đối sánh với các CTĐT khác của các trường đại học khác trong và ngoài nước.

2. Điểm mạnh

Kết quả khảo sát các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường, mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát là cơ sở để Khoa và Nhà trường nâng cao chất lượng dạy học, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan chưa được thực hiện trên diện rộng.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2021-2022, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan trên diện rộng; Năm 2021, Tiếp tục hoàn thiện nội dung, quy trình và thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chương trình dạy học, chất lượng dịch vụ giáo dục, kết quả đào tạo của ngành Kế toán.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7 điểm

Kết luận tiêu chuẩn 11

Chất lượng đầu ra của người học được đảm bảo, Trường Đại học Hồng Đức và ngành Kế toán đã giám sát việc đạt được các chuẩn đầu ra, tỉ lệ tốt nghiệp và tỉ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỉ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp. Mặt khác nghiên cứu khoa học của sinh viên cũng được Nhà trường chú trọng đầu tư, các đề tài của sinh viên có chất lượng, sinh viên ra trường đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. Nhà trường có hệ thống thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên

quan hoạt động một cách hiệu quả, các thông tin được phân tích, đối sánh nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành cử nhân Kế toán tiêu chuẩn 11 đạt 5/5 tiêu chí (bình quân đạt 4,8/7 điểm)

PHẦN III. KẾT LUẬN

Sứ mạng của Trường Đại học Hồng Đức là "Đào tạo nguồn nhân lực đa lĩnh vực có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và cả nước". Để thực hiện được sứ mạng đó, trường Đại học Hồng Đức nói chung và ngành Kế toán nói riêng phải không ngừng nỗ lực và thích ứng kịp thời với sự thay đổi của xã hội. Do đó, việc đánh giá chương trình là tất yếu, nhằm không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo trên cơ sở đổi mới chương trình, nội dung giáo dục, phương pháp dạy học và tạo điều kiện tốt nhất cho người học có được cơ hội và môi trường học tập tốt; nâng cao hiệu quả của hệ thống ĐBCL và tham gia kiểm định chất lượng định kì.

1. Tóm tắt những điểm mạnh của chương trình đào tạo ngành Kế toán

****Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo***

- Mục tiêu của CTĐT cử nhân ngành Kế toán đã được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và mục tiêu của Luật giáo dục đại học đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về nguồn nhân lực trong lĩnh vực Kế toán.

- CTĐT nói chung và mục tiêu của CTĐT nói riêng được xây dựng phù hợp với từng giai đoạn phát triển của giáo dục, của đơn vị đào tạo và nhu cầu xã hội thông qua việc khảo sát nhu cầu thị trường lao động và lấy ý kiến của các bên liên quan để điều chỉnh và cập nhật các nội dung mới của ngành Kế toán phù hợp với thực tế xã hội.

- CDR ngành của Kế toán được công bố công khai để các bên quan tâm dễ dàng tiếp cận và có cơ sở giám sát chất lượng đào tạo. CDR của CTĐT được thiết kế rõ ràng, nội dung CDR hướng tới hình thành năng lực chủ động, sáng tạo của SV; đảm bảo khối lượng kiến thức, kỹ năng người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT và khuyến khích khả năng học tập suốt đời cho người học. CDR phản ánh được mục tiêu giáo dục của Khoa, của Trường; chỉ rõ được triển vọng việc làm trong tương lai của sinh viên sau tốt nghiệp CTĐT.

- Chuẩn đầu ra của CTĐT được định kỳ rà soát và công bố công khai dưới nhiều hình thức để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Nội dung cụ thể của CDR được phản ánh trong Bản mô tả chương trình và trong từng học phần cụ thể của chương trình đào tạo và được chỉnh sửa hàng năm; được công bố công khai cho sinh viên ngay từ năm thứ nhất, và được cụ thể trong từng năm học. Việc rà soát, điều chỉnh CDR của chương trình đào tạo được xuất phát từ thực tiễn nhu cầu lao động và việc làm, dựa trên cơ sở các tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp, gắn với vị trí làm việc của người lao động với sự tham gia của các doanh nghiệp.

**** Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT***

- Bản mô tả CTĐT đã cung cấp đầy đủ lộ trình dự kiến toàn bộ khóa học từ: Mục tiêu đào tạo, Chuẩn đầu ra; mô tả rõ vị trí, vai trò của các học phần trong việc hình thành, phát triển năng lực của người học. Bản mô tả đã xây dựng được ma trận hồ sơ năng lực, phản ánh đúng cấu trúc CTĐT theo định hướng phát triển các năng lực nghề nghiệp - đích hướng tới của quá trình đào tạo và người học. Qua bản mô tả này, người học và xã hội hiểu được lộ trình dự kiến toàn bộ khóa học cũng như phương pháp dạy - học và kiểm tra đánh giá nhằm đạt được CDR của ngành.

- Nhà trường đã ban hành đầy đủ các quy định về việc xây dựng, điều chỉnh, bổ sung đề cương chi tiết học phần đào tạo theo hệ thống tín chỉ; 100% đề cương chi tiết học phần được chuẩn hóa theo quy định của Nhà trường, được Hội đồng khoa thẩm định, phê duyệt và Nhà trường tổ chức đánh giá.

- Đề cương chi tiết thuộc CTĐT ngành Kế toán bám sát mục tiêu, nội dung CTĐT và liên tục cập nhật. Trong quá trình biên soạn, cập nhật đề cương đã có sự tham gia của các bên liên quan.

- Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công khai giúp cho người học, các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Giúp cho người học có kế hoạch học tập và phương pháp học tập phù hợp để đạt được kết quả mong đợi; giúp cho giảng viên phụ trách học phần trong CTĐT hiểu rõ kiến thức người học cần nắm được sau khi kết thúc học phần; giúp cho nhà tuyển dụng biết được các kỹ năng của người học khi tốt nghiệp.

****Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học***

- CTDH của ngành Kế toán được thiết kế với các học phần có nội dung bao trùm các CDR của CTĐT theo định hướng ứng dụng có thực hành tại phòng kế toán mô phỏng tại khoa KT - QTKD để bám sát thực tiễn các chuẩn đầu ra đã công bố.

- Nội dung chi tiết của từng học phần trong chương trình dạy học thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu, CDR của từng học phần và có sự gắn kết với các học phần trong các khối kiến thức khác nhằm đảm bảo quá trình dạy – học và đánh giá đạt được CDR của toàn CTĐT.

- CTDH ngành Kế toán được thiết kế với cấu trúc hợp lý, logic giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành. CTDH được thiết kế theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp cao nhằm đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có khả năng đáp ứng được những yêu cầu của công việc. Các học phần trong chương trình luôn luôn được cập nhật, điều chỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm và xu hướng phát triển chung của xã hội.

**** Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học***

- Mục tiêu đào tạo của ngành được tuyên bố rõ ràng trên website của Trường và

được phổ biến tới tất cả các bên liên quan. Mục tiêu này đã được các chuyên gia tại các cơ quan tuyển dụng góp ý, tham gia xây dựng.

- Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt. CTDH có nhiều hoạt động thực tế, thực tập, thực hành, seminar. Các hoạt động dạy - học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng lớp, từng khóa, từng năm học nhằm đạt chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ và cởi mở.

- Người học được rèn luyện nhiều kỹ năng và khả năng học tập suốt đời thông qua các nhiệm vụ tự học phong phú và đa dạng, và sự gắn kết các nhiệm vụ tự học vào việc học trong giờ chính khóa.

*** Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học**

- Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, bám sát các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và thái độ đảm bảo tính xác thực, công bằng, khách quan kết quả học tập của sinh viên. Nhờ đó có thể đo lường, phản ánh được năng lực của người học theo chuẩn đầu ra đã xác định và công bố công khai.

- Hệ thống các văn bản quy định về đánh giá kết quả học tập của người học là đầy đủ, rõ ràng và được công bố công khai đến người học bằng nhiều hình thức, được thể hiện một cách rõ ràng. Có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận có liên quan trong việc triển khai việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

- Phương pháp kiểm tra đánh giá đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với CDR. Các Quy trình xây dựng NHCHT, ra đề thi, chấm thi, đánh giá đề thi đều được quy định rõ ràng, chặt chẽ, đảm bảo được độ giá trị, độ tin cậy và công bằng trong tất cả các phương pháp đánh giá hiện có; nhiều sinh viên làm bài tập lớn thay thế bài thi cuối học phần.

- Các qui trình về phản hồi KQĐG người học được công khai và qua nhiều kênh. Phòng QLĐT luôn hỗ trợ giảng viên một cách kịp thời trong quá trình lỗi nhập điểm trên hệ thống.

- Trường đã ban hành những quy định cụ thể về giải quyết khiếu nại nhằm hỗ trợ người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại.

- Trường có các bộ phận chuyên trách để hỗ trợ người học trong quá trình giải quyết khiếu nại, Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ cán bộ để hỗ trợ người học. Trong quá trình học tập và ngay sau khi có kết quả kiểm tra đánh giá, người học được chủ động trao đổi, hỗ trợ trực tiếp từ cố vấn học tập hoặc phòng quản lý đào tạo, từ giảng viên, từ các bộ phận chuyên môn thông qua các hệ thống thông tin khác nhau hoặc trao đổi trực tiếp.

*** Tiêu chuẩn 6: Chất lượng đội ngũ giảng viên**

- Công tác quy hoạch đội ngũ và xây dựng kế hoạch chiến lược về phát triển đội ngũ giai đoạn 2010-2020 của Nhà trường, Khoa và bộ môn phù hợp với thực tiễn của đơn vị và được triển khai đúng tiến độ, được đánh giá, điều chỉnh phù hợp với từng giai đoạn.

- Đội ngũ cán bộ giảng viên của khoa được bổ sung về số lượng, nâng cao về chất lượng đáp ứng tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng, nhiều cán bộ giảng viên được đào tạo từ các trường đại học có uy tín trong và ngoài nước, có khả năng sử dụng tốt ngoại ngữ trong giảng dạy và NCKH.

- Tỷ lệ giảng viên/ người học đáp ứng quy định hiện hành (23,36 SV/1 GV) và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được xác định và được giám sát bởi bộ môn, khoa và các đơn vị chức năng trong nhà trường, góp phần cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng.

- 100% giảng viên đủ và vượt định mức giờ NCKH hàng năm, 8/17 giảng viên là chủ nhiệm đề tài NCKH các cấp Bộ, tỉnh và cơ sở, 100% giảng viên tham gia viết bài đăng tạp chí chuyên ngành.

- Giảng viên tích cực tham gia các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, doanh nhân và ương tạo tài năng kinh doanh, khởi nghiệp trẻ cho thanh niên, sinh viên trong Tỉnh cũng như tham gia các hoạt động chung sức cùng cộng đồng, được sinh viên và xã hội đánh giá cao. Từ đó tăng uy tín và hình ảnh của giảng viên ngành kế toán và khoa KT - QTKD nói riêng, Trường Đại học Hồng Đức nói chung.

- Nhà trường, Khoa đã tổ chức lấy ý kiến, thảo luận, thống nhất xây dựng và ban hành tiêu chí tuyển dụng cụ thể, phù hợp với chuyên ngành, góp phần tuyển dụng được đội ngũ giảng viên đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, tin học, ngoại ngữ, và nghiên cứu khoa học.

- Tiêu chí tuyển dụng được công bố công khai và giúp các ứng viên dễ dàng tiếp cận, từ đó khoa, bộ môn tuyển dụng được đội ngũ giảng viên có đủ năng lực giảng dạy, có nhiều thành tích trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy, tuân thủ nghiêm túc các chính sách pháp kế toán của Đảng, Nhà nước và đạo đức nhà giáo.

- Nhà trường đã ban hành tiêu chí xác định năng lực của đội ngũ giảng viên trên cơ sở các ý kiến đóng góp của các bên có liên quan, được công bố công khai và thống nhất dùng chung trong toàn trường.

- Các hoạt động đánh giá năng lực giảng viên được quy trình hóa và được thực hiện đảm bảo nghiêm túc, thông tin thu được đảm bảo chính xác.

- Kết quả đánh giá năng lực hoạt động của đội ngũ GV được lưu trữ hằng năm và đối sánh giữa các năm giúp giảng viên phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm, nâng

cao năng lực thực hiện nhiệm vụ, góp phần nâng cao năng lực người học đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của xã hội.

- Khoa và Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích giảng viên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm giờ định mức, hỗ trợ kinh phí đào tạo...). Các hoạt động triển khai các khóa đào tạo, tập huấn cho giảng viên chất lượng, hiệu quả. Nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định chuẩn xác và phù hợp với nhu cầu phát triển của nhà trường.

- Việc quản lý, xác nhận kết quả khối lượng công tác, kết quả bình xét thi đua khen thưởng đối với đội ngũ giảng viên luôn được thực hiện công khai, minh bạch, kịp thời, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác chuyên môn làm thước đo khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện chặt chẽ, giúp cho công tác quản trị theo kết quả công việc được triển khai tích cực trong Nhà trường và Khoa.

- Đội ngũ GV tham gia ngày càng nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: Đề tài khoa học các cấp, các dự án, các hội thảo, các bài báo khoa học được đăng trên các kỷ yếu khoa học trong nước và quốc tế.

*** Tiêu chuẩn 7: Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ**

- Đội ngũ nhân viên của Khoa, Nhà trường đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn cơ bản phù hợp với vị trí việc làm, có kỹ năng, tay nghề vững vàng; được quan tâm, tạo điều kiện tham gia các chương trình, dự án, các lớp đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn hoặc tập huấn nghiệp vụ, đáp ứng được cơ bản các yêu cầu phục vụ dạy học và NCKH và được người học tin tưởng, đánh giá cao.

- Đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin và trung tâm thông tin thư viện hỗ trợ người học có thái độ phục vụ nghiêm túc, thành thạo nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu CTĐT và được người học đánh giá cao.

- Khoa đã tuyển dụng đội ngũ nhân viên đáp ứng chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Các ứng viên sau khi được tuyển dụng có đủ năng lực thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

- Tiêu chí tuyển dụng bổ nhiệm và điều chuyển được Nhà trường công khai đầy đủ trên hệ thống website, được phổ biến đến toàn thể CBVC-LĐ trong trường và được công khai quá các phương tiện thông tin (đài, báo của Tỉnh) vào các đợt tuyển dụng.

- Nhà trường có tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên một cách cụ thể rõ ràng; hoạt động đánh năng lực của đội ngũ nhân viên được thực hiện công khai, khách quan, công bằng.

- Nhà trường và Khoa đã xác định đúng nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ và được triển khai thực hiện đúng quy hoạch đào tạo bồi dưỡng đã được xác định.

- Nhà trường đã có cơ chế chính sách đáp ứng yêu cầu học tập bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên phục vụ nói riêng và cán bộ giảng dạy nói chung.

- Nhà trường và Khoa có sự phân công công việc cho đội ngũ nhân viên một cách rõ ràng, có cơ chế giám sát chặt chẽ trong việc thực hiện nhiệm vụ, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ làm thước đo khen thưởng. Kết quả công việc được đánh giá định kỳ hàng năm, nhờ đó đã tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

*** Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

- Chính sách tuyển sinh của Nhà trường, Khoa được thực hiện theo đúng Quy định của Bộ GD&ĐT và được công khai đến các bên liên quan dễ dàng tiếp cận bằng nhiều hình thức khác nhau như: các phương tiện thông tin đại chúng, các trang mạng xã hội, tờ rơi tuyên truyền; hình thức tuyên truyền tuyển phong phú, dễ hiểu.

- Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học ngành Kế toán được Khoa và Nhà trường xác định rõ ràng, thể hiện chi tiết trong Đề án, thông báo tuyển sinh CTĐT, chính sách tuyển sinh, phương thức xét tuyển, kết quả tuyển sinh hàng năm của ngành ĐH Kế toán và được cập nhật thường xuyên. Mỗi năm, Nhà trường, khoa tổng kết, đánh giá tình hình chung và nhu cầu thực tế, từ đó đưa ra các tiêu chí và chỉ tiêu tuyển sinh hợp lý.

- Nhà trường có hệ thống giám sát sự tiến bộ của người học về kết quả học tập, rèn luyện chặt chẽ từ cấp Trường đến cấp Khoa; những quy định về cách tính điểm học tập thể hiện rõ trong đề cương chi tiết học phần, cách đánh giá kết quả rèn luyện công khai, minh bạch và thực hiện nghiêm túc theo quy định.

- Nhà trường, Khoa có bộ phận CVHT, Trợ lý công tác SV chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học. Thường xuyên phối hợp với các doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động để hỗ trợ việc làm, trao học bổng, liên hệ thực tập, trao đổi hợp tác cho người học

- Trường có môi trường học tập và nghiên cứu xanh, sạch, đẹp, an toàn, tạo môi trường học tập, nghiên cứu, làm việc thân thiện, thoải mái, đảm bảo phục vụ các hoạt động của người học liên quan đến CTĐT. Sinh viên ngành Kế toán luôn có ý thức tuân thủ các quy định trong trường học và quy định của Luật pháp

*** Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

- Khoa có phòng làm việc chung và phòng làm việc riêng cho Ban chủ nhiệm, có các phòng học, phòng máy tính được trang bị đủ máy tính có kết nối internet, máy in, máy chiếu, có phần mềm dạy học online, có tai nghe và hệ thống âm thanh, có máy điều hòa không khí/quạt trần/quạt treo tường, tạo môi trường thích hợp cho các hoạt

động đào tạo và NCKH. SV ngành kế toán được học tập trong hệ thống phòng học đạt chuẩn của Trường, được luyện tập để phát triển năng lực chuyên môn trong những phòng chức năng chuyên biệt, định kỳ được bảo trì, tu sửa.

- Thư viện Đại học Hồng Đức là thư viện Đại học ứng dụng phần mềm quản lý thư viện điện tử rất sớm từ năm 2001. Thư viện hiện nay đã được đầu tư mới với kiến trúc hiện đại của một thư viện mở, diện tích sử dụng rộng rãi. Nội thất thư viện được thiết kế mới, bố trí khoa học phù hợp cho nhiều đối tượng người dùng. Thư viện được lắp đặt hệ thống mạng nội bộ hiện đại kết nối với bên ngoài qua hệ thống cáp quang tốc độ cao.

- Các phòng thực hành đặc thù, phòng học của khoa KT-QTKD được trang bị đầy đủ trang thiết bị, luôn đảm bảo đủ ánh sáng tự nhiên, thoáng mát, an toàn, phục vụ tốt cho chương trình đào tạo của khoa nói chung, ngành ĐH kế toán nói riêng.

- Hệ thống CNTT hoạt động tương đối ổn định, an toàn, hỗ trợ cung cấp và chia sẻ các dữ liệu, thông tin và tri thức phục vụ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT. Khoa đã sử dụng phần mềm Zoom có bản quyền để phục vụ dạy học online, tạo được môi trường cho giảng viên, SV tương tác trong học tập và NCKH.

- Việc vận hành và bảo trì hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo hoạt động 24/24 được thực hiện bởi Tổ công nghệ thông tin thuộc Trung tâm thông tin thư viện

- Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai toàn diện và có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật. Các quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn được triển khai đồng bộ đến toàn thể CBVC-LĐ và người học thông qua “Tuần sinh hoạt công dân HSSV” đầu khóa, các hội nghị về công tác sinh viên. 100% người học ký cam kết thực hiện tốt ANTT, VSMT; nhà trường luôn đạt các tiêu chí về “Nhà trường an toàn về ANTT”.

*** Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng**

- Hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan được hình thành từ cấp trường đến khoa; Hằng năm, Khoa KT- QTKD đều lấy ý kiến phản hồi về CTĐT bằng cách gửi phiếu hỏi và nhận được nhiều ý kiến, góp ý của các chuyên gia, nhà nghiên cứu cùng ngành; Các thông tin phản hồi từ các đơn vị, cá nhân có liên quan về CTĐT đều được nhà trường, khoa kiểm chứng về mức độ chính xác qua phân tích, tổng hợp, thụ lý các ý kiến góp ý từ các bên và sử dụng hợp lý, hiệu quả trong các lần điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với mục tiêu tuyển dụng lao động của đơn vị lao động, mục tiêu chuyên môn của các bên liên quan và vấn đề vận dụng thực tế của các cựu sinh viên khi làm việc tại các đơn vị.

- Các kênh phản hồi đa dạng thông qua việc lấy phiếu khảo sát từ các cuộc trao đổi qua điện thoại hoặc gặp gỡ trực tiếp lãnh đạo của đơn vị kinh doanh trong quá

trình sinh viên đi thực tập, tọa đàm, hội thảo, họp bộ môn và các cuộc họp hội đồng Khoa trong năm giữa các giảng viên trong và ngoài khoa cùng tham gia giảng dạy chương trình đào tạo.

- Quy trình xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ. Quy trình này là cơ sở để giảng viên trong và ngoài khoa tham gia các nhiệm vụ được phân công trong quá trình cải tiến và xây dựng CTDH liên tục cập nhật và thay đổi qua các năm học.

- Khoa KT- QTKD luôn cập nhật các nội dung cần điều chỉnh trong CTĐT tại các cuộc họp chuyên môn của các Bộ môn như một bước bổ sung so với quy trình chung để đem lại hiệu quả trong xây dựng và cải tiến chương trình dạy học.

- Việc đánh giá kết quả học tập của người học được 2 bộ môn kế toán tài chính và kế toán quản trị và khoa KT-QTKD được theo dõi một cách thường xuyên, nghiêm túc.

- Phương pháp và quy trình rà soát, đánh giá được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, phù hợp với quy định của Nhà trường, đảm bảo tính khách quan, công bằng. Kết quả kiểm tra đánh giá được sử dụng làm công cụ để điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo, kiểm tra và thi học phần, xét tốt nghiệp cho người học.

- Hình thức kiểm tra đa dạng bằng các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận đã được thực hiện đồng bộ ở tất cả các học phần.

- Các đề tài NCKH các cấp của sinh viên và giảng viên đều góp phần nâng cao chất lượng đào tạo;

- Nhà trường đã ban hành quy định về đánh giá chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác.

- Các mục tiêu chất lượng và kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng hàng năm được nhà trường rà soát, xây dựng, đánh giá mức độ thực hiện làm căn cứ để cải tiến chất lượng phục vụ người học và môi trường học tập.

- Hoạt động khảo sát lấy ý kiến về chất lượng phục vụ từ các bên liên quan thể hiện sự cầu thị trong việc cải tiến chất lượng và bám sát mục tiêu cung cấp dịch vụ giáo dục chất lượng đảm bảo sự hài lòng và thỏa dụng của khách hàng trong vai người học.

- Hoạt động đối thoại người học với Nhà trường được thực hiện định kỳ hàng năm thể hiện sự cầu thị lắng nghe ý kiến phản hồi, quan điểm, mong muốn của người học nhằm cải tiến chất lượng phục vụ tiệm cận gần nhất với mong muốn của người học.

- Cơ chế phản hồi của các bên có liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống, nhận được nhiều ý kiến đóng góp hữu ích, từ đó phục vụ cho các hoạt động của Khoa và nhà trường về xây dựng, phân tích đánh giá CTĐT nói chung và CTĐT ngành kế toán nói riêng.

- 100% hoạt động lấy ý kiến phản hồi được thực hiện đúng quy trình, được định kỳ rà soát, điều chỉnh, cải tiến bổ sung phù hợp với yêu cầu thực tiễn; các ý kiến phản hồi đảm bảo độ tin cậy, hoạt động phản hồi của các bên có liên quan đảm bảo tính hiệu quả và được khoa tham khảo để điều chỉnh, cải tiến CTĐT

*** Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra**

- Nhà trường có phần mềm quản lý, kịp thời theo dõi tỷ lệ người học thối học, tốt nghiệp; khoa KT-QTKD, bộ môn Kế toán, CVHT đã làm tốt công tác quản lý, giám sát kết quả học tập của người học; kịp thời tư vấn, hỗ trợ cho người học chậm tiến độ, nợ môn học phần. Vì thế, trung bình trong 6 khóa gần đây (K15-K20) tỷ lệ người học tốt nghiệp trước hạn 11,69%, đúng hạn cao (50,93%).

- Các giải pháp mà khoa và nhà trường triển khai thực hiện trong thời gian qua bước đầu đã cho kết quả khả quan. Nhà trường và khoa đào tạo đã có bộ phận theo dõi người học tốt nghiệp và có những giải pháp hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn; tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp xếp loại khá, giỏi, rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình. Trong 6 khóa gần đây (K15-K20) trung bình có 68,96% người học ngành ĐH Kế toán tốt nghiệp, trong đó có 50,93% tốt nghiệp trước (3,5 năm) và đúng thời gian của khóa học.

- Nhà trường, khoa KT-QTKD có nhiều hoạt động thiết thực để hỗ trợ người học nhằm tăng tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp.

- Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học ngành Kế toán đã được xác lập, giám sát và bước đầu thực hiện các hoạt động đổi sách trong khoa và Nhà trường. Các hoạt động đề xuất đầu tư đã được Nhà trường quan tâm thực hiện nhằm phát triển hoạt động nghiên cứu của người học.

- Kết quả khảo sát các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường, mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát là cơ sở để Khoa và Nhà trường nâng cao chất lượng dạy học, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo ngành Kế toán

*** Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

- Sự thay đổi của mục tiêu chung CTĐT chưa được thể hiện một cách rõ nét qua mỗi lần điều chỉnh, cập nhật.

- Việc xác định mối quan hệ tương thích giữa mục tiêu đào tạo và CĐR còn một số chỗ chưa thật sự khoa học.

- Quá trình xây dựng chuẩn đầu ra chưa huy động được nhiều doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tham gia vào việc xây dựng CĐR và CTĐT.

*** Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT**

- Chưa thật sự đa dạng hoá các kênh thông tin, công khai về bản mô tả CTĐT (mới chỉ qua kênh website và giảng viên giảng dạy).

- Toàn bộ đề cương chi tiết học phần thuộc Bộ môn, Khoa quản lý được rà soát, cập nhật, điều chỉnh hàng năm nhưng chưa được làm rõ, cụ thể hóa những nội dung cập nhật, điều chỉnh bằng văn bản.

- Chưa thật sự đa dạng hoá các kênh thông tin, công khai về đề cương chi tiết môn học (mới chỉ qua kênh website và giảng viên giảng dạy).

*** Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

- Các kỹ năng mềm chưa được thể hiện thực sự rõ trong CTDH.

- Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là chưa đồng đều, có học phần đóng góp nhiều, còn có những học phần cùng thời lượng nhưng đóng góp hạn chế.

- Trong quá trình xây dựng CTDH các nội dung cập nhật đổi mới có những nội dung chưa thực sự đáp ứng được với chương trình dạy học tiên tiến, chất lượng cao trong nước và quốc tế.

*** Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học**

- Mặc dù nhà trường đã tiến hành phổ biến đến người học nhưng hình thức phổ biến vẫn chưa đa dạng dẫn đến vẫn còn một bộ phận người học chưa hiểu rõ về mục tiêu giáo dục, sứ mạng tầm nhìn của Nhà trường.

- Một số học phần chưa xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể hóa các nội dung thực hành thực tế.

- Một số học phần thiết kế phân tự học còn nặng về nghiên cứu lý thuyết hoặc phần thực hành chưa được cập nhật, ảnh hưởng đến khả năng tự nghiên cứu, học tập nhằm tăng cường thêm kỹ năng học tập suốt đời, học tập chủ động của người học.

*** Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học**

- Quy định liên quan đến đánh giá chuẩn các kỹ năng mềm của sinh viên chưa thực sự rõ ràng.

- Phần mềm quản lý đào tạo đôi khi truy nhập bị lỗi, quá tải. Ở một số học phần các quy định về kiểm tra/đánh giá kết quả học tập đôi khi phổ biến đến người học còn chậm.

- Chưa đa dạng các hình thức kiểm tra, đánh giá, chưa có nhiều học phần sử dụng hình thức vấn đáp, thực hành.

- Việc phản hồi kết quả học tập của một số học phần còn chậm so với quy định của nhà trường. Một số SV vẫn chưa nắm vững quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

- Một số giảng viên còn mắc lỗi trong quy trình nhập điểm nên kỳ 1 năm 2020-2021 nên số lượt đơn đề nghị mở khóa cập nhật điểm thường kỳ vẫn còn, gây chậm quá trình phản hồi kết quả chính xác đến sinh viên.

- Một số học phần còn chưa phản hồi kịp thời về kết quả đánh học tập như chậm công bố công khai kết quả đánh giá điểm bộ phận.

- Vẫn còn 1 số trường hợp khiếu nại giải quyết chậm hơn so với thời gian quy định.

*** Tiêu chuẩn 6: Chất lượng đội ngũ giảng viên**

- Một số ít giảng viên trong quy hoạch đi học nghiên cứu sinh vì nguyên nhân chủ quan cũng như khách quan thực hiện quá thời gian đào tạo.

- Cơ chế giám sát khối lượng công việc của giảng viên chưa thực sự chặt chẽ và thường xuyên.

- Việc tuyển dụng chưa thực sự phù hợp với cơ cấu giữa các ngành

- Năng lực ngoại ngữ của đội ngũ cán bộ giảng dạy chưa thực sự đồng đều. Số lượng bài báo quốc tế/giảng viên chưa cao, chưa có nhiều bài báo có chỉ số ISI và Scopus.

- Hàng năm chưa có khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về hoạt động đào tạo, phát triển chuyên môn của giảng viên, nghiên cứu viên từ đó làm căn cứ tổng kết, đánh giá và điều chỉnh phù hợp

- Việc quản trị theo kết quả công việc đôi lúc còn chưa tạo được động lực mạnh mẽ cho giảng viên, nghiên cứu viên.

- Chưa có đề tài nghiên cứu cấp nhà nước về lĩnh vực kinh doanh và quản lý, số lượng giảng viên tham gia các đề tài nghiên cứu với các đối tác nước ngoài còn ít. Các công trình nghiên cứu mang tính đóng góp cho phát triển địa phương chưa nhiều, số lượng bài báo được công bố trong các hội thảo thuộc danh mục ISI/Scopus còn chưa nhiều.

*** Tiêu chuẩn 7: Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ**

- Việc phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên còn hạn chế.

- Việc điều chuyển giáo vụ giữa các khoa dẫn đến chưa tiếp cận tốt về mặt chuyên môn.

- Nhà trường chưa thường xuyên cập nhật trong việc đề điều chỉnh, cải tiến mẫu phiếu tự đánh giá năng lực thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên.

- Tính chuyên nghiệp của đội ngũ nhân viên hỗ trợ còn chưa tương xứng với yêu cầu hội nhập và cạnh tranh.

- Một số vị trí của đội ngũ nhân viên chưa được khen thưởng theo vị trí công việc cụ thể.

*** Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

- Nhà trường, Khoa chưa lấy ý kiến của các bên liên quan về công tác tuyển sinh ngành Kế toán thông qua phiếu khảo sát mà chủ yếu lấy ý kiến trực tiếp thông qua các hội nghị, các cuộc làm việc trực tiếp có liên quan. Khoa và Nhà trường chưa có phân tích, dự báo, đánh giá cụ thể về nguồn nhân lực.

- Khoa và Nhà trường chưa tiến hành khảo sát các bên liên quan thông qua Phiếu lấy ý kiến trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học dẫn đến việc là đôi khi tiêu chí và phương pháp tuyển sinh chưa thực sự sát với thực tế.

- Công tác tư vấn, hướng dẫn người học có khả năng học nhanh, cũng như những người học chậm tiến độ chưa được thường xuyên nên vẫn còn người học chưa thể tốt nghiệp theo tiến độ do còn nợ học phần.

- Công tác tư vấn, hướng dẫn người học chưa thật sự đồng đều nên vẫn còn tình trạng có sinh viên còn thụ động trong các hoạt động ngoại khóa.

- Vẫn còn một bộ phận nhỏ người học chưa có ý thức trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường chung của khoa và nhà trường.

*** Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

- Phòng làm việc của các bộ môn còn chật hẹp, một số trang thiết bị như máy tính, máy chiếu, màn chiếu, ... đã đến kỳ thanh lý, linh kiện điện tử đã hao mòn, ...

- Mặc dù đã ứng dụng phần mềm quản lý thư viện tương đối hiện đại nhưng chưa khai thác hết các tính năng của phần mềm, chưa có quyền truy cập các tạp chí quốc tế đối với chương trình của ngành đào tạo.

- Việc hợp tác khai thác mới chỉ bắt đầu, chưa có nhiều nguồn tài liệu liên kết khai thác từ bên ngoài, kết nối với các cơ sở giáo dục khác còn hạn chế.

- Nhà trường chưa đảm bảo các phần mềm trong phòng thực hành được cập nhật để đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu (Các phần mềm kế toán ảo và ngân hàng ảo trong phòng thực hành được trang bị theo Đề án POHE, đã hết hạn từ năm 2013 và 2015, hiện chưa được thay thế). Máy móc, trang thiết bị phòng máy, phòng thực hành kế toán ảo chưa được nâng cấp, sửa chữa để đáp ứng nhu cầu học của sinh viên.

- Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin của Trường/Khoa phục vụ CTĐT còn chưa được nâng cấp đồng bộ, chưa chú trọng phát triển các phần mềm quản lý, cố vấn học tập của CTĐT chưa được sử dụng phần mềm chuyên dụng để quản lý những SV do mình phụ trách nhằm giảm tải khối lượng công việc. Cán bộ, người học còn gặp khó khăn khi sử dụng wifi, đặc biệt trong giờ cao điểm.

- Trường/Khoa chưa có những đánh giá các nguy cơ gây ô nhiễm, các vấn đề phát sinh từ thiên tai, hỏa hoạn, giao thông, dịch bệnh nguy hiểm như COVID-19, kể

cả trong các hoạt động tình nguyện của SV để liên tục đảm bảo chất lượng của CTĐT

*** Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng**

- Một số thông tin phản hồi của nhà sử dụng lao động chưa được vận dụng trong điều chỉnh và thiết kế chương trình đào tạo một cách hiệu quả.

- Chương trình đào tạo ngành Kế toán chưa tham khảo đa dạng các chương trình dạy học tiên tiến;

- Hình thức đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên chưa đa dạng, chủ yếu dựa vào kết quả dự giờ, thao giảng của giảng viên trong bộ môn và ý kiến đánh giá của người học.

- Việc áp dụng/chuyên tải các kết quả NCKH thành nội dung/chuyên đề giảng dạy trong CTDH còn hạn chế.

- Mặc dù hằng năm Nhà trường có ban hành các Quyết định phê duyệt mục tiêu chất lượng của các đơn vị trực thuộc trường, tuy nhiên, các mục tiêu chất lượng được xác định còn chung chung, chưa thực sự nắm bắt được mong muốn của người học. Một số mục tiêu chất lượng đặt ra còn thấp, thậm chí, mục tiêu chất lượng có xu hướng giảm.

- Hệ thống các văn bản quy định về hoạt động lấy ý kiến và mẫu phiếu hỏi chưa được rà soát, cập nhật, cải tiến một cách thường xuyên, liên tục.

*** Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra**

- Trong 6 khóa gần nhất (K15-K20), vẫn còn 12,02% người học thôi học, chủ yếu là năm thứ Nhất, thứ Hai (10,64%) và 19,02% người học chưa thể tốt nghiệp. SV còn ỷ lại, chưa chủ động trong việc học các học phần tiếng Anh, Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng để đảm bảo các điều kiện CĐR của chương trình đào tạo theo quy định.

- Trong công tác đào tạo và CVHT chưa đi sâu phân tích, đánh giá một cách khái quát các biện pháp hỗ trợ người học để rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Khoa chưa thực hiện đối sánh số liệu với cùng ngành đào tạo ở cơ sở giáo dục trong nước.

- Chưa thực hiện đối sánh tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm ngành ĐH Kế toán và một số ngành thuộc khối kinh tế của các trường đại học khác trong và ngoài nước.

- Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo thấp, kết quả khảo sát 5 khóa tốt nghiệp từ năm 2014 - 2019 (K13 - K17) là 42,48%.

- Chưa thực hiện được việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học ngành đại học Kế toán với một số trường đại học cùng vị thế trong khu vực.

- Khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan chưa được thực hiện trên diện rộng

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo ngành Kế toán

*** Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

- Nhà trường ban hành mục tiêu đào tạo chung mới có tính khái quát cao, mang đặc thù rõ nét của ngành đào tạo và mang tính định hướng về mục tiêu đào tạo ngành Kế toán trong giai đoạn tới.

- Khoa, bộ môn rà soát, hoàn thiện chuẩn đầu ra cho khoa học, đáp ứng mục tiêu cung cấp nguồn nhân lực Kế toán chất lượng cao cho xã hội.

- Khoa KT-QTKD đã đẩy mạnh hơn nữa việc ký kết các thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế, để tăng cường giao lưu hướng nghiệp, giúp sinh viên hoàn thiện các kỹ năng mềm cần thiết cũng như các kỹ năng xử lý tình huống thực tế tại doanh nghiệp. Cụ thể Khoa đã có kế hoạch thực hiện vào năm học 2021-2022 về các chương trình như lễ ký kết thỏa thuận hợp tác cùng các doanh nghiệp để tạo sự kết nối giữa Khoa KT-QTKD với các doanh nghiệp đối tác, nhằm mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên có thêm nhiều kinh nghiệm thực tiễn phục vụ giảng dạy cũng như mở rộng thêm quan hệ trọng mạng lưới nghề nghiệp, đồng thời tạo điều kiện để các bạn sinh viên có cơ hội giao lưu với các cựu sinh viên và các doanh nghiệp để từ đó các em sinh viên hiểu hơn về những yêu cầu, cơ hội thách thức của nghề nghiệp Kế toán trong bối cảnh công nghệ cách mạng 4.0.

*** Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT**

- Từ năm học 2020-2021, Khoa và Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh hoạt động công khai, trong đó có công khai về CTĐT, bản mô tả CTĐT trên nhiều kênh khác nhau nhằm phục vụ tốt hơn cho quá trình tiếp cận, tìm hiểu thông tin, nghiên cứu, làm việc và học tập của sinh viên, giảng viên và các nhà quản lý.

- Khoa xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện đồng bộ việc rà soát, cập nhật, điều chỉnh ĐCCT HP gắn với những điều chỉnh, bổ sung CTĐT. Các nội dung cập nhật, điều chỉnh sẽ được cụ thể hóa trong biên bản các cuộc họp chuyên môn và công bố rộng rãi đến người học, giảng viên, và các bên liên quan khác.

- Khoa và Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh hoạt động công khai, trong đó có công khai về CTĐT, bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết môn học trên nhiều kênh khác nhau nhằm phục vụ tốt hơn cho quá trình tiếp cận, tìm hiểu thông tin, nghiên cứu, làm việc và học tập của sinh viên, giảng viên và các nhà quản lý.

*** Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

- Trong năm học 2021 – 2022, Nhà trường và bộ môn chuyên ngành tiếp tục điều chỉnh, rà soát và hoàn thiện chương trình dạy học theo hướng mô tả rõ nét, cụ thể các kỹ năng mềm cần đạt được sau các học phần để đảm bảo bám sát CĐR đã công bố.

- Khoa KT-QTKD tiếp tục triển khai cụ thể việc lấy ý kiến đóng góp từ các chuyên gia ngoài Trường, nhà tuyển dụng, người học và cựu sinh viên; sẽ rà soát lại

CĐR của từng học phần, và sự đóng góp của các học phần đáp ứng CĐR của CTĐT; điều chỉnh nội dung bài tập/thực hành đáp ứng yêu cầu củng cố kiến thức lý thuyết và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho người học; Nghiên cứu áp dụng phương pháp lấy ý kiến đa dạng và phù hợp với từng đối tượng để đạt được hiệu quả cao nhất quá trình lấy ý kiến đóng góp, từ đó cập nhật, điều chỉnh các học phần phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Trên cơ sở tiếp tục phát huy cập nhật và đổi mới CTDH đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm trong tình hình mới, Khoa, bộ môn tăng cường tham khảo đa dạng các CTDH tiên tiến, chất lượng cao để tiếp cận và kế thừa CTDH này vào CTDH ngành Kế toán cho các lần cập nhật CTDH tiếp theo.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học

- Từ năm học 2021 - 2022, Nhà trường ngoài việc tiếp tục thực hiện hình thức phổ biến mục tiêu giáo dục theo các hình thức trước đây như công khai trên website, các buổi sinh hoạt chính trị đầu khoá thì sẽ xây dựng kế hoạch công bố và tuyên truyền cụ thể, đa dạng chi tiết và rõ ràng hơn để mục tiêu giáo dục, sứ mạng tầm nhìn Nhà trường đến người học và các bên liên quan đảm bảo tất cả người học hiểu rõ mục tiêu giáo dục của Nhà trường

- Nhà trường tiếp tục thực hiện đổi mới, tăng cường sử dụng phương tiện dạy học và công nghệ thông tin hợp lý hỗ trợ các hoạt động dạy và học cho phù hợp hơn với các tiêu chuẩn, tiêu chí để đạt CĐR; triển khai cụ thể hóa các nội dung thực hành thực tế cụ thể trong ĐCCT học phần.

- Nhà trường, tiếp tục rà soát, chỉnh sửa các nội dung trong từng đề cương chi tiết học phần, chú trọng điều chỉnh các nội dung tự học chưa phù hợp, cải tiến các biện pháp phổ biến, hướng dẫn để giúp người học sử dụng phương pháp nghiên cứu, học tập hiệu quả nhằm tăng cường thêm kỹ năng học tập suốt đời, học tập chủ động.

**** Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học***

- Trong năm học 2021-2022, Khoa và các bộ môn sẽ thống nhất cách đánh giá điểm chuyên cần cho người học, kết hợp triển khai các hoạt động hỗ trợ trong quá trình dạy/học để có thể đo được mức độ đạt được CĐR về kỹ năng mềm cho SV.

- Nhà trường đã đưa vào sử dụng phần mềm mới, các giảng viên sẽ trực tiếp cập nhật điểm trên phần mềm. Bộ môn sẽ thường xuyên đôn đốc giảng viên chấm thi nghiêm túc, đảm bảo đúng tiến độ và nhập điểm lên hệ thống đúng thời hạn.

- Trong thời gian tới sẽ tiến hành nghiên cứu bổ sung thêm các học phần sử dụng hình thức thi vấn đáp, thi thực hành trong đánh giá kết quả học tập của người học

- Nhà trường sẽ có kế hoạch nâng cấp đường truyền internet giúp cho cán bộ, giảng viên, sinh viên và các bên liên quan cập nhật tốt hơn các thông tin về kết quả của

người học. Nhanh chóng hoàn thiện phần mềm và sử dụng thành thạo kỹ phần mềm quản lý đào tạo mới được cập nhật để thống nhất quy trình hỗ trợ đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập. Giáo viên cần có trách nhiệm hơn trong quá trình nhập điểm chính xác, đúng thời hạn quy định. Khoa Kinh tế - QTKD, Bộ môn Kế toán Tài chính và Kế toán quản trị quán triệt, giao trách nhiệm, đôn đốc thường xuyên đối với giảng viên để hoàn thiện kết quả đánh giá và công bố công khai, kịp thời cho người học.

- Các bộ phận trực tiếp liên quan như giáo vụ khoa Kinh tế- QTKD, phòng Quản lý đào tạo, trưởng các bộ môn và giảng viên cần thực hiện phối hợp tốt hơn nữa đúng theo quy định. Nghiên cứu xây dựng cách thức tổ chức lưu trữ bài thi cho khoa học hơn, để khi có khiếu nại sẽ rút ngắn được thời gian tìm bài và khiếu nại được thực hiện đúng thời gian quy định.

*** Tiêu chuẩn 6: Chất lượng đội ngũ giảng viên**

- Từ năm học 2021-2022, Khoa Kinh tế - QTKD và ngành Kế toán sẽ tăng cường đôn đốc, chỉ đạo việc thực hiện đúng quy hoạch đào tạo và thực hiện các chế tài đối với cán bộ giảng viên không đảm bảo tiến độ trong việc thực hiện quy hoạch đào tạo.

- Khoa Kinh tế - QTKD, bộ môn Kế toán sẽ xây dựng, hoàn thiện cơ chế giám sát khối lượng công việc của giảng viên, rà soát mức độ hoàn thành khối lượng công việc 3 lần/kỳ, đặc biệt thường xuyên rà soát và cảnh báo về mức độ hoàn thành khối lượng NCKH.

- Nhà trường tiếp tục rà soát số lượng giảng viên và nhu cầu đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ để cũng như kế hoạch mở ngành đào tạo mới để có căn cứ tuyển dụng cho phù hợp với điều kiện thực tế.

- Khoa/Bộ môn Khuyến khích CBGV tự học tập nâng cao năng lực ngoại ngữ.

- Xây dựng các nhóm nghiên cứu để tập trung hỗ trợ nghiên cứu và viết bài báo chất lượng đăng trên tạp chí có chỉ số ISI và Scopus

- Giai đoạn 2020 – 2025, khoa thực hiện rà soát, xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên đáp ứng nhu cầu của cán bộ giảng viên và phù hợp với nhu cầu sử dụng của khoa; xây dựng kế hoạch khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về hoạt động đào tạo, phát triển chuyên môn của giáo viên, nghiên cứu viên.

- Nhà trường sẽ chỉnh sửa, bổ sung quy trình, đánh giá kết quả nhằm tạo động lực cho giảng viên, nghiên cứu viên.

- Khoa KT - QTKD động viên thúc đẩy giảng viên tham gia đa dạng hóa các hình thức nghiên cứu khoa học, tích cực viết các bài báo trên tạp chí nước ngoài có uy tín thuộc danh mục ISI/Scopus. Khoa tích cực tham gia đấu thầu chương trình nghiên cứu khoa học cấp nhà nước.

*** Tiêu chuẩn 7: Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ**

- Từ năm học 2021-2022, Khoa và Nhà trường chú trọng việc thực hiện phân tích, khảo sát nhu cầu và ý kiến của các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên.

- Nhà trường thường xuyên tổ chức tập huấn chuyên môn cho trợ lý giáo vụ đáp ứng yêu cầu công việc.

- Nhà trường (phòng TC-CB) lấy ý kiến tiếp tục hoàn thiện mẫu phiếu tự đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn.

- Khoa KT - QTKD xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên của Khoa và đề nghị Nhà trường thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu nhằm phục vụ tốt hơn cho công tác đào tạo và NCKH của Khoa và của Trường.

- Nhà trường giao cho phòng Tổ chức cán bộ chủ trì nghiên cứu, đề xuất các tiêu chí đánh giá, khen thưởng cụ thể đối với đội ngũ nhân viên, nhằm tạo động lực cho nhân viên trong việc hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH và hoạt động phục vụ cộng đồng.

*** Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

- Từ năm học 2021-2022, Nhà trường, Khoa xây dựng Phiếu khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan về công tác tuyển sinh hằng năm, từ đó sẽ phân tích, đánh giá và dự báo nhu cầu nguồn nhân lực để xây dựng Đề án tuyển sinh ngành đại học Kế toán đáp ứng nhu cầu xã hội, chính sách tuyển sinh phù hợp hơn.

- Nhà trường, Khoa KT-QTKD phối hợp chặt chẽ với các đơn vị sử dụng lao động, các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và các địa phương lân cận để ký kết thỏa thuận hợp tác, trao học bổng cho sinh viên, xác lập địa điểm thực hành, thực tập, rèn nghề và tuyển dụng sinh viên ngành ĐH Kế toán sau khi tốt nghiệp; tạo nhiều cơ hội việc làm cho sinh viên; xác định tiêu chí rõ ràng, cụ thể, sát với tình hình thực tế hơn; phương pháp tuyên truyền tuyển sinh đa dạng, phong phú về nội dung; có nhiều chính sách thu hút sinh viên hơn, như kết quả xét tuyển vào ngành cao sẽ được miễn giảm học phí.

- Xây dựng Phiếu khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan, đặc biệt là các nhà tuyển dụng và chuyên gia về tiêu chí, phương pháp tuyển sinh, có tổng kết, phân tích, đánh giá và điều chỉnh hàng năm cho phù hợp.

- Nhà trường, khoa KT-QTKD tăng cường công tác phối hợp với phòng QLĐT, phòng Công tác HSSV, các đơn vị, đoàn thể liên quan và nâng cao vai trò trách nhiệm của Bộ môn, đặc biệt là CVHT, Trợ lý công tác HSSV trong việc theo dõi, giám quá trình học tập, rèn luyện của người học ở từng học kỳ, năm học; lập danh sách người học chậm tiến độ để kịp thời nhắc nhở, nâng cao ý thức học tập của mỗi SV và kịp thời

tư vấn, hỗ trợ để người học đăng ký và học các học phần còn thiếu, chậm tiến độ; thông báo kết quả học tập, rèn luyện cho gia đình người học sau mỗi học kỳ, năm học

- Nhà trường, Khoa định kỳ lấy ý kiến người học về các hoạt động ngoại khóa, hoạt động hỗ trợ người học trong học tập, sinh hoạt và tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp... Đặc biệt, sau mỗi hoạt động Khoa và Nhà trường chủ động lấy ý kiến người học để kịp thời điều chỉnh, cải tiến hình thức triển khai nhằm phát huy tối đa hiệu quả của hoạt động hỗ trợ, tư vấn người học, tăng tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo.

- Nhà trường, khoa đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến cho người học ngành Kế toán làm tốt công tác bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp.

*** Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

- Nhà trường xem xét mở rộng không gian làm việc cho giảng viên và nâng cấp trang thiết bị dạy học và phòng máy.

- Bổ sung kịp thời các giáo trình, tài liệu chuyên ngành kế toán, những đầu sách tham khảo cần thiết, đặc biệt là sách mới xuất bản, giáo trình, tài liệu liên quan đến kế toán để đảm bảo tính cập nhật các tri thức mới phù hợp chuyên ngành đào tạo và tài liệu đã số hóa, cơ sở dữ liệu điện tử, phần mềm dùng chung, nâng cao hiệu quả khai thác sử dụng hệ thống tài liệu số tại website tailieu.vn; liên kết sử dụng chung nguồn tài liệu chuyên ngành kế toán với các trường đại học khác trong và ngoài nước đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH.

- Từ năm học 2021-2022, Nhà trường giám sát chặt chẽ việc vận hành, sử dụng, khai thác trang thiết bị tại các phòng thực hành đặc thù, phòng học để nâng cao hiệu quả sử dụng, đầu tư sửa chữa, nâng cấp, mua sắm mới kịp thời các trang thiết bị xuống cấp, hư hỏng để phục vụ tốt nhất quá trình đào tạo và NCKH của người học và giảng viên. Đồng thời cập nhật phần mềm kế toán mới nhất để phục vụ công tác giảng dạy và học tập.

- Trường cần nâng cấp trang thiết bị dạy học và phòng máy và xây dựng định hướng phát triển phòng thực hành theo ít nhất là hai cấp: cơ bản và nâng cao để có thể tiến tới chuyên sâu, đồng thời gắn với định hướng NCKH của bộ môn, của Khoa.

- Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin của Trường/Khoa phục vụ CTĐT cần được nâng cấp đồng bộ, cần được chú trọng phát triển các phần mềm quản lý. Dịch vụ wifi tốc độ cao nên được cung cấp ở toàn bộ khu vực học tập.

- Trường/Khoa cần có những đánh giá các nguy cơ gây ô nhiễm (hút thuốc nơi công cộng, vệ sinh an toàn thực phẩm, khu vệ sinh chung, chơi game, đánh bài, khả năng tiếp xúc với các tệ nạn khác trong xã hội . . .) cũng như các vấn đề phát sinh từ thiên tai, hỏa hoạn, giao thông, dịch bệnh nguy hiểm như COVID-19, kể cả trong các

hoạt động tình nguyện của SV để có những biện pháp hữu hiệu đảm bảo chất lượng của CTĐT.

*** Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng**

- Năm học 2021 - 2022, quá trình góp ý điều chỉnh chương trình đào tạo quan tâm chi tiết đến các thông tin phản hồi của nhà sử dụng lao động để kịp thời điều chỉnh hiệu quả.

- Đẩy mạnh hơn nữa hiệu quả hoạt động phản hồi về chất lượng CTĐT và các hoạt động của nhà trường nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành Kế toán thông qua Hội cựu sinh viên của Khoa. Vai trò của Hội cựu sinh viên khoa KT- QTKD phát huy tối đa đối với quá trình xây dựng CTĐT thông qua các cuộc hội thảo góp ý về chương trình hàng năm. Bên cạnh đó quá trình tiếp nhận SV thực tập và góp ý trực tiếp với khoa về các kiến thức và kỹ năng cần điều chỉnh bổ sung trong quá trình đào tạo đối với cử nhân Kế toán.

- Khoa tham khảo nhiều hơn các chương dạy học của các trường đại học trong và ngoài nước; tổ chức hội thảo về đổi mới phương pháp dạy học cho các giảng viên trong Khoa.

- Khoa đa dạng hoá các hình thức đánh giá nâng cao chất lượng giảng dạy như là tổ chức hội thảo về đổi mới phương pháp dạy học; trao đổi, thảo luận để nâng cao chất lượng trên cơ sở phân tích kết quả đánh giá các học phần.

- Nhà trường, Khoa và Bộ môn chuyên môn cần xây dựng kế hoạch, quy định hướng dẫn để áp dụng/chuyển tải các kết quả NCKH thành nội dung/chuyên đề giảng dạy trong CTDH.

- Nhà trường cần nghiên cứu điều chỉnh nội dung khảo sát, cách thức khảo sát để đảm bảo đánh giá được mức độ phục vụ của các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đáp ứng được yêu cầu đặc thù riêng đối với CTĐT để giúp cho Khoa, CTĐT có được kết quả đánh giá cụ thể và có đủ căn cứ để lập kế hoạch cải tiến chất lượng, đáp ứng được yêu cầu của CTĐT. Nên giao cho một bộ phận làm đầu mối triển khai các hoạt động khảo sát; bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ xây dựng về các công cụ điều tra khảo sát, xử lý các kết quả khảo sát, kỹ năng đo lường đánh giá cho cán bộ chuyên trách để đảm bảo tính chuyên nghiệp và độ tin cậy cho kết quả khảo sát và có căn cứ xác thực để xây dựng các giải pháp, kế hoạch cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, đáp ứng được nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của CTĐT

- Nhà trường giao cho các phòng ban chức năng tổ chức rà soát hệ thống văn bản, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật các văn bản đã ban hành. Đặc biệt là các quy định về hoạt động lấy ý kiến các bên liên quan, cập nhật và điều chỉnh mẫu phiếu hỏi phù hợp với từng CTĐT để có hiệu quả và thường xuyên liên tục hơn

- Nhà trường yêu cầu các phòng chức năng tiếp tục nghiên cứu để cải tiến về nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức lấy ý kiến của các bên có liên quan đáp ứng mục đích đề ra, giúp nhà trường thực hiện tốt việc đánh giá CTĐT theo quy định.

*** Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra**

- Từ năm học 2021 - 2022, Nhà trường, khoa KT-QTKD làm tốt hơn công tác nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người học, đặc biệt là người học năm thứ Nhất; thống kê người học chậm tiến độ, chưa hoàn thành môn học trong học kỳ, năm học để có kế hoạch, lịch tư vấn, hỗ trợ người học kịp thời.

- Nhà trường, khoa KT-QTKD tập trung phân tích, đánh giá và có nhiều hoạt động cụ thể để hỗ trợ người học, đặc biệt là các hoạt động tư vấn phương pháp học tập.

- nhà trường, khoa KT-QTKD sẽ phân tích, đối sánh tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm của ngành đại học Kế toán giữa Trường Đại học Hồng Đức với một số trường đại học khác như: Trường đại học Kinh tế Quốc dân, Học viện Tài chính, Trường đại học KD&CN Hà Nội, Trường đại học Hải Phòng, Trường đại học Thăng Long...

- Làm tốt công tác kết nối và phục vụ cộng đồng, kết nối với các doanh nghiệp để hỗ trợ người học trong việc tư vấn, tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp, nâng tỷ lệ người học có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo lên trên 60%.

- Nhà trường cần có kế hoạch thu thập thông tin về số lượng, loại hình nghiên cứu của người học ngành Kế toán của 1 số trường đại học cùng vị thế trong khu vực để tiến hành đối sánh, phân tích.

- Lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan trên diện rộng; Năm 2021, Tiếp tục hoàn thiện nội dung, quy trình và thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chương trình dạy học, chất lượng dịch vụ giáo dục, kết quả đào tạo của ngành Kế toán.

4. Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT

PHỤ LỤC
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CTĐT

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Hồng Đức**

Mã trường: **HDU**

Tên CTĐT: **Kế toán**

Mã CTĐT: **7340301**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số Tiêu chí đạt(%)
	Chưa đạt			Đạt						
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1								5,33	3	100%
Tiêu chí 1.1						6				
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2								5,00	3	100%
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3								5,00	3	100%
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
Tiêu chuẩn 4								5,00	3	100%
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
Tiêu chuẩn 5								4,60	5	100%
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2						6				
Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4				4						
Tiêu chí 5.5				4						
Tiêu chuẩn 6								4,70	7	100%
Tiêu chí 6.1						6				
Tiêu chí 6.2				4						
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4				4						
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6				4						
Tiêu chí 6.7					5					
Tiêu chuẩn 7								4,40	5	100%
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2				4						
Tiêu chí 7.3				4						

Tiêu chí 7.4				5				
Tiêu chí 7.5			4					
Tiêu chuẩn 8						4,80	5	100%
Tiêu chí 8.1				5				
Tiêu chí 8.2				5				
Tiêu chí 8.3				5				
Tiêu chí 8.4			4					
Tiêu chí 8.5				5				
Tiêu chuẩn 9						5,0	5	100%
Tiêu chí 9.1				5				
Tiêu chí 9.2				5				
Tiêu chí 9.3				5				
Tiêu chí 9.4				5				
Tiêu chí 9.5				5				
Tiêu chuẩn 10						4,70	6	100%
Tiêu chí 10.1				5				
Tiêu chí 10.2				5				
Tiêu chí 10.3				5				
Tiêu chí 10.4				5				
Tiêu chí 10.5			4					
Tiêu chí 10.6			4					
Tiêu chuẩn 11						4,80	5	100%
Tiêu chí 11.1				5				
Tiêu chí 11.2				5				
Tiêu chí 11.3				5				
Tiêu chí 11.4				5				
Tiêu chí 11.5			4					
Đánh giá chung CTĐT						4,80	50	100%

Thanh Hóa, ngày 05 tháng 7 năm 2021

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TT KĐCLGD-ĐHQGHN;
- Các đơn vị trong toàn trường;
- Lưu VT, P. ĐBCL&KT.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Hoàng Văn Thi

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT

CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/3/2021

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Trường Đại học Hồng Đức
 - Tiếng Anh: Hong Duc University
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục (Tiếng Việt và tiếng Anh)
 - Tiếng Việt: ĐHHĐ
 - Tiếng Anh: HDU
3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Hồng Đức
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa
5. Địa chỉ: 565 Quang Trung 3, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 0237.3910.222; E-mail: hcth@hdu.edu.vn; Website: hdu.edu.vn
7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1997
8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2002
9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 2006
10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập Bán công Dân lập Tự thực

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện CTĐT

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh
 - Tiếng Anh: Faculty of Economics & Business Administration
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:
 - Tiếng Việt: KT-QTKD
 - Tiếng Anh: FEBA
14. Tên trước đây (nếu có):
 - Tiếng Việt: Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh
 - Tiếng Anh: Faculty of Economics & Business Administration
15. Mã CTĐT : 7340301

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Đại học Kế toán
17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Nhà A2, Cơ sở chính, 565 Quang Trung 3, phường Đông Vệ, TP Thanh Hóa
18. Số điện thoại liên hệ: 02373.223.378 E-mail: khoaktqtkd@hdu.edu.vn;
Website: <http://hdu.edu.vn/vi-vn/5/>
19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1997
20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2002
21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2006

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện CTĐT

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật)

Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh (KT - QTKD) được thành lập vào năm 1997. Tiền thân của Khoa KT - QTKD là các Khoa Tài chính - Kế toán (trường trung cấp Tài chính tỉnh) và Khoa Kinh tế (trường Trung cấp Kinh tế - Kế hoạch tỉnh) thuộc trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thanh Hoá (thành lập năm 1983, sáp nhập vào Đại học Hồng Đức năm 1997).

Ngày đầu mới thành lập, Khoa KT - QTKD với số lượng cán bộ giảng viên gồm 27 người; trong đó chủ yếu là giáo viên giảng dạy trung cấp chuyên nghiệp của các trường trung cấp Tài chính thống kê và trung cấp Kinh tế - Kế hoạch, số ít là giảng viên bậc đại học và cán bộ nghiên cứu từ các trường đại học, các cơ quan khác về trường, chưa có cán bộ giảng viên nào có trình độ sau đại học. Nhiệm vụ chủ yếu của Khoa thời gian đầu là tiếp tục đào tạo cán bộ ngành Kế toán và Kinh tế bậc trung cấp là chủ yếu. Đồng thời, khẩn trương tổ chức đào tạo bậc cao đẳng các chuyên ngành Kế toán tổng hợp và Quản trị kinh doanh được Bộ giáo dục và đào tạo cho phép đào tạo từ năm 1995 - 1996. Năm học đầu tiên là thành viên của trường Đại học Hồng Đức, Khoa KT - QTKD đào tạo 2 chuyên ngành Kế toán và Quản trị kinh doanh bậc cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp với các chuyên ngành Kế toán và Kinh tế với quy mô đào tạo 482 học sinh, sinh viên (HSSV); trong đó bậc cao đẳng 386 sinh viên và bậc trung cấp 96 học sinh.

Hiện nay, khoa gồm 7 bộ môn và đơn vị trực thuộc (6 bộ môn và 1 trung tâm): Quản trị kinh doanh, Kinh tế, Kế toán tài chính, Kế Toán quản trị, Tài chính ngân hàng, Thống kê Toán kinh tế và 1 Trung tâm bồi dưỡng kiến thức quản lý kinh tế. Tính đến 31/03/2021 tổng số cán bộ giảng viên của khoa là 64 người đều đạt trình độ sau đại học, trong đó có 02 PGS (chiếm 3,07%), 23 Tiến sĩ (chiếm 35,93%). Số lượng cán bộ giảng viên đang đi học sau đại học hiện nay là 16 người. Khoa có nhiều cán bộ

giảng viên đã tốt nghiệp ở các trường Đại học danh tiếng của các nước như Vương quốc Anh, Cộng hòa Pháp, New Zealand, Thụy Điển, Trung Quốc, Đài Loan, Philippines, Thái Lan... Nhiều cán bộ, giảng viên có trình độ ngoại ngữ có thể làm việc trực tiếp với người nước ngoài.

Hiện nay khoa đang đào tạo 67 lớp với tổng số 1.639 học viên, sinh viên. Trong đó, hệ Thạc sĩ gồm 11 lớp với tổng số học viên là 444; hệ chính quy tập trung (Đại học, Cao đẳng) gồm 35 lớp với tổng số sinh viên là 1048, hệ VLVH, LT,VB2 gồm 21 lớp với tổng số 147 sinh viên. Khoa đào tạo các chuyên ngành Kế toán, Quản trị kinh doanh, Tài chính ngân hàng, Kinh tế ở các bậc đào tạo khác nhau: cao đẳng, đại học và thạc sĩ.

23. Cơ cấu tổ chức đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (Sơ đồ phần giới thiệu chung báo cáo ĐGN)

24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục					
1	Hiệu trưởng	Hoàng Văn Thi	1971	TS	0912.276.373	hoangvanthi@hdu.edu.vn
2	Phó Hiệu trưởng	Hoàng Nam	1963	TS	0912.162.824	hoangnam@hdu.edu.vn
3	Phó hiệu trưởng	Hoàng Thị Mai	1970	PGS. TS	0915.188.090	hoangthimai@hdu.edu.vn
4	Phó hiệu trưởng	Lê Hoàng Bá Huyền	1979	PGS.TS	0912.222.345	lehoangbahuyen@hdu.edu.vn
	Đơn vị thực hiện CTĐT					
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1	Trưởng khoa	Lê Quang Hiếu	1977	TS	0945.250.666	lequanghieu@hdu.edu.vn
2	Phó trưởng khoa	Trần Thị Thu Hương	1979	TS	0915.679.669	Lehuychinh@hdu.edu.vn
3	Phó trưởng khoa	Lê Huy Chính	1981	TS	0911.233.289	tranthithuhuong@hdu.edu.vn
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1.	Bí thư chi bộ	Lê Quang Hiếu	1977	TS	0945.250.666	lequanghieu@hdu.edu.vn
2.	Chủ tịch CĐBP	Trịnh Thị Thu Huyền	1981	TS	0912.384.406	trinhthithuhuyen@hdu.edu.vn
3.	Bí thư LCD	Nguyễn Minh Ngọc	1989	ThS	0915.162.505	nguyenminhngoc@hdu.edu.vn
III.	Các phòng, ban					
1.	Văn phòng khoa	Ngô Thị Thu Hiền	1987	ThS	0842.987.321	ngothithuhien@hdu.edu.vn
2.	Trợ lý Giáo vụ khoa	Nguyễn Ngọc Tú	1978	ThS	0913.150.306	nguyenngoctu@hdu.edu.vn
3.	TL. Khoa học NV	Trần Thị Lan Hương	1987	ThS	0945.828.488	tranthilanhuong@hdu.edu.vn
4.	CB. QLHSSV	Phan Thị Thanh Hồng	1981	ThS	0915.686.115	Phanthithanhhong@hdu.edu.vn

IV.	Các bộ môn					
1.	Trưởng BM QTKD	Nguyễn Thị Thanh Xuân	1977	TS	0946.254.888	nguyenthithanhxuan@hdu.edu.vn
2.	Trưởng BM Kinh tế	Tôn Hoàng Thanh Huế	1978	TS	0912.249.382	tonhoangthanhhue@hdu.edu.vn
3.	Trưởng BM KTTC	Nguyễn Thị Thu Phương	1979	TS	0919.556.248	nguyenthithuphuong@hdu.edu.vn
4.	Trưởng BM KTQT	Lê Thị Minh Huệ	1982	TS	0915.086.945	lethiminhhue@hdu.edu.vn
5.	Trưởng BM TCNH	Ngô Việt Hương	1981	TS	0919.554.636	ngoviethuong@hdu.edu.vn
6.	Trưởng BM Thống kê TKT	Đỗ Thị Mẫn	1982	TS	0916.807.880	dothiman@hdu.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 02

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 05

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 01

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	
Không chính quy		<input checked="" type="checkbox"/>
Từ xa		<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài		<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước		<input checked="" type="checkbox"/>
Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình).....		

32. Tổng số các ngành đào tạo: 05

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	11	53	64
I.1	Cán bộ trong biên chế	6	38	44
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	5	15	20
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)			
	Tổng số	11	53	64

34. Thống kê, phân loại giảng viên

¹ Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

² Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khóa học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp GD	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	-	-	-	-	-	-
2	Phó Giáo sư	3	3	-	-	-	-
3	Tiến sĩ khoa học	-	-	-	-	-	-
4	Tiến sĩ	23	23				
5	Thạc sĩ	32	12	20			
6	Đại học	-	-	-	-	-	-
7	Cao đẳng	-	-	-	-	-	-
8	Trình độ khác	-	-	-	-	-	-
	Tổng số	58	48	20	-	-	-

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 64 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 100%.

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	Giáo viên cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp GD	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp GD	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	-	-	-	-	-	-	-
2	Phó Giáo sư	3,0	3	3					9
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	-	-	-	-	-	-	
3	Tiến sĩ	2	23	23	-	-	-	-	46
4	Thạc sĩ	1	32	12	20	-	-	-	32
5	Đại học	0,3	-	-	-	-	-	-	
	Tổng		58	38	20	0	0	-	89

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người)

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	3	5,1	2	1			1		2
3	Tiến sĩ khoa học	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Tiến sĩ	23	39,7	4	19		17	6		
5	Thạc sĩ	32	55,2	5	27	1	28	3		
6	Đại học									
	Tổng	58	100	11	47	1	45	10		2

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 36 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 44,8%.

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 100%.

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng NN và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	50	100
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	40	0
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	10	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	-	-
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	-	-
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của CTĐT)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và

nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2016-2017	130	119	1,1	91	17,0	21,5	7
2017-2018	146	146	0	133	15,5	18,5	8
2018-2019	176	176	0	158	13,0	16	4
2019-2020	160	160	0	151	14,0	16	2
2020-2021	236	236	0	213	15,0	18	2

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Học viên cao học	-	66	128	122	72
2. Sinh viên đại học	619	521	547	549	638
3. Sinh viên cao đẳng	216	255	130	68	32

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Số lượng (người)	20	15	19	21	14
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	2,6	2,5	3,6	1,7	2,1

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	37	37	37	37	37
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký	87	91	97	72	68

túc xá (người)					
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	87	91	97	72	68
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	4,6	4,6	4,6	6,1	6,1

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Số lượng (người)	21	32	10	34	24
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	2,8	5,4	1,9	3,5	3,6

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Học viên tốt nghiệp cao học	-	-	-	66	62
2. Sinh viên tốt nghiệp đại học	260	230	135	126	134
3. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng	40	30	17	19	19

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	260	230	135	126	134
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	85,6	80,6	76,84	70,3	65,8
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học	97,7	97,9	98,2	98,5	98,9

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	2,3	2,1	1,8	1,5	1,1
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	78.29 96.49	41.52 61.44	46.50 68.81	50.69 75.01	50.79 75.16
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	40,59	53,92	84,42	16,98	15,69
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	3,0 triệu	3,5 triệu	4,0 triệu	4,0 triệu	5,0 triệu
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	5,2	13,16	14,4	12,01	11,5
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	80,2	78,15	80,3	82,76	87,2
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	15	8,2	5,3	1,25	1,3

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020 - 2021	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	-	-	1	-	-	2
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0		2	4	3	6	15
3	Đề tài cấp trường	0,5	6	6	6	6	6	15
	Tổng		3	5	9	6	9	32

Tổng số đề tài quy đổi: 32

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 50%

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VND)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VND/ người)
1	2016-2017	632	105%	9,8
2	2017-2018	1.164	105%	18
3	2018-2019	2.384,062	105%	36,8
4	2019-2020	1.314	105%	20,53
5	2020-2021	1.086	105%	17

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	2	49	58	
Từ 4 đến 6 đề tài	-	4	10	
Trên 6 đề tài	-	-	-	
Tổng số cán bộ tham gia	2	49	58	

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số* *	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	
1	Sách chuyên khảo	2,0	7	1	-	6	-	28
2	Sách giáo trình	1,5	3	-	-	-	-	4,5
3	Sách tham khảo	1,0	1	-	-	3	-	4
4	Sách hướng dẫn	0,5	-	-	-	-	-	-
	Tổng		19,5	2	-	15	-	36,5

Tổng số sách (quy đổi): 36,5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 62,9%

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	48	15	20	-
Từ 4 đến 6 cuốn sách	3	-	-	-
Trên 6 cuốn sách	-	-	-	-
Tổng số cán bộ tham gia	51	15	20	-

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	-			10	8	27
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	24	52	63	39	39	217
3	Tạp chí /tạp san của cấp trường	0,5	3	-	9	3	15	15
	Tổng		25,5	52	67,5	55,5	58,5	259

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 259

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 446,5

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tạp san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	15	58	58
Từ 6 đến 10 bài báo	5	58	-
Từ 11 đến 15 bài báo	-	50	-
Trên 15 bài báo	-	28	-
Tổng số cán bộ tham gia	20	194	58

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	1		1	2	1	5
2	Hội thảo trong nước	0,5			3	7	4	7
3	Hội thảo cấp trường	0,25	4	4	-	-	-	2
	Tổng		5	5	4	9	5	14

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 14

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 24,1%

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay

kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	10	25	13
Từ 6 đến 10 báo cáo	-	-	-
Từ 11 đến 15 báo cáo	-	-	-
Trên 15 báo cáo	-	-	-
Tổng số cán bộ tham gia	10	25	13

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2016-2017	Không
2017-2018	Không
2018-2019	Không
2019-2020	Không
2020-2021	Không

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	-	-	121	
Từ 4 đến 6 đề tài	-	-	-	
Trên 6 đề tài	-	-	-	
Tổng số người học tham gia	-	-	121	

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	8	11	6	8	8
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	-	-	-	-	-

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 640.000

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²):

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 11.536 m² Nơi học: 35.385 m² Nơi vui chơi giải trí: 32.170 m².

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 35.383 m².

- Tỉ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 4,42 m²

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin

– Thư viện: 120.

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có):

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 06.

- Dùng cho người học học tập: 100.

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,16/1 SV.

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 58

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 90%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 40,6

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 100

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 638

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 11SV/1 GV.

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 76

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 77,64.

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 16,12.

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 69,82.

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 15,69

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 5,0

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 11,5

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 87,2

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,01

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4,25.

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,17 máy/ 1 SV.

Tỉ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 0,16

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 1,65

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền)

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1417 /QĐ - ĐHHĐ

Thanh Hoá, ngày 21 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá
chương trình đào tạo Trường Đại học Hồng Đức năm học 2020-2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT – BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-HĐT ngày 24/6/2020 của Hội đồng trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Xét đề nghị của Trường phòng: Tổ chức - Cán bộ; Đảm bảo chất lượng và Khảo thí,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Trường Đại học Hồng Đức năm học 2020-2021, gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá có nhiệm vụ triển khai công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo bộ tiêu chuẩn và văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT; được hưởng chế độ theo quy định hiện hành.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục & Đào tạo (để báo cáo);
- Như điều 3/QĐ (để thực hiện);
- Lưu: VT, P. ĐBCL&KT.



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KẾ TOÁN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 447/QĐ-ĐHHD ngày 21 tháng 9 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

TT	Họ và tên	Chức vụ, Đơn vị công tác	Chức danh Hội đồng
1.	TS. Lê Hoàng Bá Huyền	Phó Hiệu trưởng	Chủ tịch
2.	ThS. Lê Thị Hạnh	TP. ĐBCL&KT	P. Chủ tịch thường trực
3.	TS. Lê Quang Hiếu	Trưởng khoa KT-QTKD	Phó Chủ tịch
4.	TS. Lê Huy Chính	Phó trưởng khoa KT-QTKD	Ủy viên trực
5.	TS. Trần Thị Thu Hường	Phó trưởng khoa KT-QTKD	Ủy viên
6.	PGS.TS Đậu Bá Thìn	Trưởng phòng QL Đào tạo	Ủy viên
7.	TS. Ngô Chí Thành	TP. QLKH&CN	Ủy viên
8.	TS. Phạm Anh Giang	TP. KH- Tài chính	Ủy viên
9.	ThS. Thiệu Minh Tú	TP. Tổ chức - Cán bộ	Ủy viên
10.	ThS. Nguyễn Đức Long	TP. QT, VT- TB	Ủy viên
11.	TS. Lê Thanh Thủy	GD. TT TT- TV	Ủy viên
12.	TS. Phạm Văn Hiền	TP. Công tác HSSV	Ủy viên
13.	ThS. Phạm Chí Công	TP. HCTH	Ủy viên
14.	ThS. Lê Thị Thắng	Kế toán trưởng	Ủy viên
15.	TS. Lê Thị Minh Huệ	Trưởng BM Kế toán quản trị	Ủy viên
16.	TS. Ngô Việt Hương	Trưởng bộ môn - TCNH	Ủy viên
17.	TS. Nguyễn Thị Thu Phương	Trưởng BM KTTC	Ủy viên
18.	ThS. Lê Thị Diệp	Giảng viên	Ủy viên
19.	Nguyễn Thị Hoàng Anh	Sinh viên K21C ĐH Kế toán	Ủy viên
20.	TS. Lê Thị Hồng	Phó Trưởng BM Kế toán TC	Ủy viên- Thư ký
21.	KS. Lê Thị Hà	Chuyên viên P. ĐBCL&KT	Ủy viên- Thư ký

(Án định danh sách gồm 21 thành viên)



DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KẾ TOÁN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1448/QĐ-ĐHHD ngày 21 tháng 9 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

TT	Họ và tên	Chức vụ, Đơn vị công tác	Chức danh Hội đồng
1.	TS. Lê Quang Hiếu	Trưởng Khoa KT-QT,KD	Trưởng ban Thư ký
2.	TS. Lê Huy Chính	Phó trưởng khoa KT-QTKD	Phó Trưởng ban
3.	TS. Trần Thị Thu Hường	Phó trưởng khoa KT-QTKD	Phó Trưởng ban
4.	TS. Nguyễn Thị Thu Phương	Trưởng BM Kế toán TC	Ủy viên trực
5.	TS. Lê Thị Hồng	Phó Trưởng BM KTTC	Ủy viên
6.	TS. Lê Thị Minh Huệ	Trưởng bộ môn Kế toán QT	Ủy viên
7.	ThS. Nguyễn Thị Nhung	Phó bộ môn KTQT	Ủy viên
8.	TS. Nguyễn Thị Thanh Xuân	PT BM QTKD	Ủy viên
9.	TS. Nguyễn Thị Loan	Phó Trưởng bộ môn QTKD	Ủy viên
10.	ThS. Lê Thị Lan	Phó Trưởng bộ môn QTKD	Ủy viên
11.	TS. Đỗ Thị Mẫn	PT. BM Thống kê TKT	Ủy viên
12.	TS. Ngô Việt Hương	Trưởng bộ môn - TCNH	Ủy viên
13.	TS. Lương Đức Danh	Phó trưởng BM TCNH	Ủy viên
14.	TS. Tôn Hoàng Thanh Huệ	Trưởng bộ môn Kinh tế	Ủy viên
15.	TS. Phạm Thị Ngọc	Phó trưởng BM Kinh tế	Ủy viên
16.	TS. Nguyễn Thị Bình	Giảng viên	Ủy viên
17.	ThS. Lê Thị Mỹ Dung	Giảng viên	Ủy viên
18.	ThS. Lê Thị Diệp	Giảng viên	Ủy viên
19.	ThS. Lã Thị Thu	Giảng viên	Ủy viên
20.	ThS. Nguyễn Thủy Linh	Giảng viên	Ủy viên
21.	ThS. Phạm Thị Bích Thu	Giảng viên	Ủy viên
22.	ThS. Nguyễn Thị Thanh	Giảng viên	Ủy viên
23.	ThS. Lê Thị Minh Trí	Giảng viên	Ủy viên
24.	ThS. Lê Thị Loan	Giảng viên	Ủy viên
25.	ThS. Lê Thị Bình	Giảng viên	Ủy viên
26.	ThS. Đặng Lan Anh	Giảng viên	Ủy viên
27.	TS. Trịnh Thị Thu Huyền	Phó BM TCNH	Ủy viên
28.	ThS. Trần Thị Lan Hương	Giảng viên - Trợ lý NV	Ủy viên
29.	ThS. Nguyễn Ngọc Tú	Trợ lý giáo vụ	Ủy viên
30.	Đông Đức Văn	Trợ lý công tác HSSV	Ủy viên

(Án định danh sách gồm 30 thành viên)



UBND TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 10 tháng 9 năm 2020

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH ĐẠI HỌC KẾ TOÁN

1. Mục đích tự đánh giá

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và đăng kí kiểm định chất lượng.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (CTĐT) theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ kiểm định chất lượng.

3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và căn cứ vào các tài liệu hướng dẫn sau:

- Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo.

4. Hội đồng tự đánh giá

4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kế toán được thành lập theo Quyết định số 1417 /QĐ-ĐHHĐ ngày 21 tháng 09 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức, Hội đồng gồm có 21 thành viên (có danh sách kèm theo).

4.2. Ban thư kí giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách gồm 30 người

(có danh sách kèm theo).

4.3. Phân công thực hiện (có danh sách kèm theo)

II. Danh sách các nhóm chuyên trách

STT	Tiêu chí	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và viết báo cáo
1	Chỉ đạo chung viết báo cáo đánh giá	Lê Quang Hiếu	21/09/2020-21/03/2021
2	Tiêu chí 1.1. 1.2.	Nguyễn Thị Thu Phương	21/09/2020-15/3/2021
3	Tiêu chí 2.1. 2.2.	Ngô Việt Hương	21/09/2020-15/3/2021

4	Tiêu chí 1.3. 2.3.	Tôn Hoàng Thanh Huế	21/09/2020-15/3/2021
5	Tiêu chí 3.1. 3.2.	Lê Thị Mỹ Dung	21/09/2020-15/3/2021
6	Tiêu chí 4.1. 4.2.	Lê Thị Diệp	21/09/2020-15/3/2021
7	Tiêu chí 3.3. 4.3.	Nguyễn Thuý Linh	21/09/2020-15/3/2021
8	Tiêu chí 5.1. 5.2.	Nguyễn Thị Thanh Xuân	21/09/2020-15/3/2021
9	Tiêu chí 5.3.	Trịnh Thị Thu Huyền	21/09/2020-15/3/2021
10	Tiêu chí 5.4. 5.5.	Phạm Thị Ngọc	21/09/2020-15/3/2021
11	Tiêu chí 8.1. 8.2.	Đặng Lan Anh	21/09/2020-15/3/2021
12	Tiêu chí 8.3. 8.4.	Lê Thị Lan	21/09/2020-15/3/2021
13	Tiêu chí 8.5.	Lê Thị Loan	21/09/2020-15/3/2021
14	Tiêu chí 6.1. 7.1.	Phạm Thị Bích Thu	21/09/2020-15/3/2021
15	Tiêu chí 6.2. 6.4.	Nguyễn Thị Loan	21/09/2020-15/3/2021
16	Tiêu chí 6.3. 7.2.	Lương Đức Danh	21/09/2020-15/3/2021
17	Tiêu chí 6.5. 7.4.	Nguyễn Thị Thanh	21/09/2020-15/3/2021
18	Tiêu chí 6.6. 6.7.	Lê Thị Bình	21/09/2020-15/3/2021
19	Tiêu chí 7.3. 7.5.	Lê Thị Minh Huệ	21/09/2020-15/3/2021
20	Tiêu chí 9.1. 9.4.	Lê Huy Chính	21/09/2020-15/3/2021
21	Tiêu chí 9.2.	Lê Thị Minh Trí	21/09/2020-15/3/2021
22	Tiêu chí 9.3. 9.5.	Đỗ Thị Mẫn	21/09/2020-15/3/2021
23	Tiêu chí 10.1. 10.2.	Trần Thị Thu Hương	21/09/2020-15/3/2021
24	Tiêu chí 10.3.	Nguyễn Thị Nhung	21/09/2020-15/3/2021
25	Tiêu chí 10.4. 11.4.	Trần Thị Lan Hương	21/09/2020-15/3/2021
26	Tiêu chí 10.5.	Lã Thị Thu	21/09/2020-15/3/2021
27	Tiêu chí 10.6. 11.5.	Nguyễn Thị Bình	21/09/2020-15/3/2021
28	Tiêu chí 11.1. 11.3.	Đổng Đức Văn	21/09/2020-15/3/2021
29	Tiêu chí 11.2.	Nguyễn Ngọc Tú	21/09/2020-15/3/2021
30	Tổng hợp Báo cáo đánh giá và danh mục MC	Lê Thị Hồng	01/12/2020 – 21/3/2021

5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Các nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và tài chính cần huy động hoặc cung cấp cho từng hoạt động và thời gian cần được cung cấp như sau:

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
	Tiêu chuẩn 1,2,3,4	- Phân tích tiêu chí; - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí; - Viết báo cáo tiêu chí;	- Cán bộ Khoa KT-QTKD, phòng QLĐT, Phòng HCTH và TT. TTTV - Kinh phí theo quy chế	21/09/2020-15/3/2021	

		- Viết báo cáo tiêu chuẩn.	chỉ tiêu nội bộ	
Tiêu chuẩn 5,8	- Phân tích tiêu chí; - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí; - Viết báo cáo tiêu chí; - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ Khoa KT-QTKD, phòng QLĐT, Phòng CTHSSV, Phòng ĐBCL & khảo thí, Ban QLNT - Kinh phí theo quy chế chỉ tiêu nội bộ	21/09/2020-15/3/2021	
Tiêu chuẩn 6,7	- Phân tích tiêu chí; - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí; - Viết báo cáo tiêu chí; - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ Khoa KT-QTKD, phòng TCCB và phòng KHTC, phòng QLKH - Kinh phí theo quy chế chỉ tiêu nội bộ	21/09/2020-15/3/2021	
Tiêu chuẩn 9	- Phân tích tiêu chí; - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí; - Viết báo cáo tiêu chí; - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ Khoa KT-QTKD, phòng QTVTTB và trung tâm TTTTV - Kinh phí theo quy chế chỉ tiêu nội bộ	21/09/2020-15/3/2021	
Tiêu chuẩn 10,11	- Phân tích tiêu chí; - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí; - Viết báo cáo tiêu chí; - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ Khoa KT-QTKD Phòng QLĐT; Phòng ĐBCL&KT; Phòng CT.HSSV - Kinh phí theo quy chế chỉ tiêu nội bộ	21/09/2020-15/3/2021	

6. Kế hoạch thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

Thu thập ý kiến phản hồi về Báo cáo tự đánh giá từ các tổ chức, các trường Trung học, các Phòng giáo dục, Sở Giáo dục và đào tạo, các Cơ sở giáo dục, các đơn vị có sinh viên tốt nghiệp của ngành đang công tác.

7. Kế hoạch thuê chuyên gia ngoài (nếu cần)

Thuê chuyên gia tập huấn về tự đánh giá chương trình đào tạo (1 ngày).

8. Thời gian biểu

Thời gian thực hiện tự đánh giá chương trình đào tạo theo lịch trình sau:

Thời gian	Các hoạt động
	1. Họp Lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT (Khoa KT-QTKD) để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và

<p>Tuần 1 - 2 21/9- 2/10/2020</p>	<p>xác định các thành viên Hội đồng tự đánh giá CTĐT. 2. Thủ trưởng cơ sở giáo dục ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT. 3. Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; - Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; - Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.</p>
<p>Tuần 3 - 4 (05 - 16/10/2020)</p>	<p>1. Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. 2. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan. 3. Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua: - Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT; - Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên Tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); - Trình Thủ trưởng cơ sở giáo dục đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá</p>
<p>Tuần 5 - 8 (19/10- 13/11/2020)</p>	<p>1. Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt; thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư kí và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Mô tả thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT</p>
<p>Tuần 9 - 15 (16/11 - 25/12/2020)</p>	<p>1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).</p>
<p>Tuần 16 (28/12 - 31/12/2020)</p>	<p>Hội đồng tự đánh giá CTĐT: - Xem xét các báo cáo từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá;</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; - Thư kí Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.
Tuần 17-18 (4/1 - 15/1/2021)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, trung tâm... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
Tuần 19-21 (19/1 - 05/2/2021)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban ...) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT. 2. Các bộ môn, phòng, ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học... đóng góp ý kiến phân biện về báo cáo tự đánh giá.
Tuần 22-23 (22/2 - 12/3/2021)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phân biện; 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho thủ trưởng cơ sở giáo dục xem xét.
Tuần 24 (15 - 21/3/2021)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Cơ sở giáo dục gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2. Cơ sở giáo dục bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mà minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng hợp đồng với tổ chức KĐCLGD để thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.

Nơi nhận:

- Hội đồng tự đánh giá;
- Các đơn vị trong toàn trường;
- Lưu: VT, P. ĐBCL&KT.

Q. HIỆU TRƯỞNG**Hoàng Nam**

PHỤ BIỂU

Bảng 1.1: Bảng đối sánh mục tiêu CTĐT thay đổi qua các lần điều chỉnh.

Mục tiêu CTĐT năm 2016	Mục tiêu CTĐT năm 2017	Mục tiêu CTĐT năm 2019
<p>Mục tiêu chung Đào tạo cử nhân kế toán có phẩm chất đạo đức tốt, có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức cơ sở và chuyên môn hoàn chỉnh; có năng lực thực hành và vận dụng hiệu quả các vấn đề lý thuyết vào thực tiễn công tác chuyên môn; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, chủ động giải quyết được các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, chỉ đạo công việc kế toán, nghiên cứu khoa học để cải tiến các phương thức và kỹ thuật trong công tác kế toán, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của các đơn vị kế toán; có trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh) bậc 3/6 và tin học đạt chuẩn đáp ứng nhu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực của người học và đơn vị tuyển dụng. <i>Có khả năng học tập để nâng cao trình độ sau đại học</i></p>	<p>Mục tiêu chung <i>Giống năm 2016</i></p>	<p>Mục tiêu chung Đào tạo cử nhân kế toán có phẩm chất đạo đức tốt, có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức cơ sở và chuyên môn hoàn chỉnh; có năng lực thực hành và vận dụng hiệu quả các vấn đề lý thuyết vào thực tiễn công tác chuyên môn; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, chủ động giải quyết được các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, chỉ đạo công việc kế toán, nghiên cứu khoa học để cải tiến các phương thức và kỹ thuật trong công tác kế toán. <i>Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tổ chức, thực hiện công tác kế toán tại các doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức kinh tế hoặc giảng dạy tại các Viện, trường, các cơ sở đào tạo.</i> <i>Sinh viên tốt nghiệp có đầy đủ năng lực để tiếp tục học tập, bồi dưỡng, hoàn thiện kỹ năng nghiệp vụ và chuyên môn ở trình độ cao hơn, đáp ứng với yêu cầu của xã hội</i></p>
<p>Mục tiêu cụ thể Về kiến thức Về kỹ năng Thái độ Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm</p>	<p>Mục tiêu cụ thể <i>Giống năm 2016</i></p>	<p>Mục tiêu cụ thể M1 M2 M3 M4 M5 M6 M7</p>

Bảng 1.2: Mục tiêu CTĐT ngành Kế toán đáp ứng mục tiêu của GDDH

Mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán	Mục tiêu của GDDH	
Mục tiêu chung	Mục tiêu chung	Mục tiêu cụ thể
<i>Đào tạo cử nhân kế toán có phẩm chất đạo đức tốt</i>	(1)b (1)d	(2)
<i>Có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức cơ sở và chuyên môn hoàn chỉnh;</i>	(1)a (1)c	(2)
<i>Có năng lực thực hành và vận dụng hiệu quả các vấn đề lý thuyết vào thực tiễn công tác chuyên môn; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, chủ động giải quyết được các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, chỉ đạo công việc kế toán, nghiên cứu khoa học để cải tiến các phương thức và kỹ thuật trong công tác kế toán.</i>	(1)d (1)c	(2)
<i>Sinh viên tốt nghiệp có đầy đủ năng lực để tiếp tục học tập, bồi dưỡng, hoàn thiện kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức chuyên môn.</i>	(1)c	(2)
Mục tiêu cụ thể		
M1	(1)a (1)b	(2)
M2	(1)b (1)d	(2)
M3	(1)d	(2)
M4	(1)a	(2)
M5	(1)d	(2)
M6	(1)c (1)d	(2)
M7	(1)b	(2)

Bảng 1.3: Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra

Môn học	Chuẩn đầu ra của CTĐT																	
	Kiến thức chung			Kiến thức chuyên môn			Kỹ năng chung					Kỹ năng chuyên môn				NL tự chủ và tự chịu trách nhiệm		
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18
Nguyên lý kế toán	0	0	1	2	1	1	2	1	2	2	1	1	1	1	2	1	2	1
Kế toán tài chính 1	0	0	2	2	1	1	2	2	2	2	1	2	2	2	2	1	2	1
Kế toán quản trị 1	0	0	2	2	3	3	2	3	3	2	1	2	2	2	2	1	2	2
Kế toán tài chính 2	0	0	2	2	3	3	2	2	2	2	1	3	2	2	2	3	2	2
Kế toán quản trị 2	0	0	2	2	3	3	2	2	2	2	1	3	2	2	2	1	2	2
Kế toán máy	0	0	2	2	3	3	2	2	2	2	1	3	2	2	2	1	2	2
Tổ chức công tác kế toán	0	0	2	2	3	3	2	2	2	2	1	3	2	2	2	3	2	2
Kiểm toán căn bản	0	0	2	2	3	3	2	2	2	2	1	3	2	2	2	1	2	2
Phân tích hoạt động kinh doanh	0	0	2	2	3	3	2	2	3	2	1	3	2	2	2	1	2	2
Kiểm toán báo cáo tài chính	0	0	2	2	1	1	2	2	2	2	1	2	2	2	2	1	2	2
Kế toán tài chính NN1	0	0	2	2	1	1	2	2	2	2	1	2	2	2	2	1	2	2
Kế toán thương mại dịch vụ	0	0	2	2	1	1	2	2	2	2	1	2	2	2	2	1	1	2
Kế toán tài chính 3	0	0	2	2	3	3	3	2	3	2	1	2	3	2	3	1	2	2
Kế toán thuế	0	0	2	2	3	3	2	2	2	2	1	2	2	2	2	1	2	2
Kế toán tài chính NN2	0	0	2	2	1	1	2	2	2	2	1	2	2	2	2	1	2	2
Kế toán ngân hàng	0	0	2	2	3	3	2	2	2	2	1	2	2	2	2	1	2	2
Kế toán quốc tế	0	0	2	2	3	3	2	2	2	2	1	2	2	2	2	1	2	2
Kế toán môi trường	0	0	2	2	3	3	2	2	2	2	1	2	2	2	2	1	2	2
Kiểm toán nội bộ	0	0	2	2	3	3	2	2	2	2	1	2	2	2	2	1	2	2
Kiểm toán hoạt động	0	0	2	2	1	1	2	2	2	2	1	2	2	2	2	1	2	2
Kiểm toán tuân thủ	0	0	2	2	3	3	2	2	2	2	1	2	2	2	2	1	2	2
Lập và phân tích BCTC	0	0	2	2	3	3	3	2	3	2	1	3	2	3	2	1	2	3
Thực hành kế toán TCDN	0	0	2	2	3	3	2	2	2	3	1	3	2	2	2	2	2	3
Thực tập tốt nghiệp	1	1	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3

Ghi chú: Dùng thang đánh giá mức độ đóng góp: 0 - Không đóng góp; 1 - Đóng góp thấp; 2 - Đóng góp trung bình; 3-Đóng góp cao.

Bảng 1.4: Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra của CTĐT																	
	Kiến thức chung			Kiến thức chuyên môn			Kỹ năng chung					Kỹ năng chuyên môn				NL tự chủ và tự chịu trách nhiệm		
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18
M1				3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	3	3	3
M2	3	3					3	4								4		4
M3	3	3	3													3	4	3
M4			3	3			3	4	3	4								4
M5			3	3	3	3	4	3	3	4	3	4	3	4	3	3	4	4
M6	4	4	4	5	5	5	5	5	5	5	4	4	5	4	4	5	4	4
M7	4	4	5	5	4	5	5	4	4	5	5	5	4	4	5	4	5	5

Ghi chú: Đối với kiến thức: 1-Nhỏ; 2-Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo. Đối với kỹ năng: 1-Bắt chước; 2-Vận dụng; 3-Chính xác; 4-Thành thạo; 5-Bản năng. Đối với năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: 1-Tiếp nhận; 2-Hỏi đáp; 3-Đánh giá; 4-Tổ chức; 5-Tính cách.

Bảng 3.1. Cơ cấu kiến thức của CTDH 121 tín chỉ

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn	Tổng số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
1	Kiến thức giáo dục đại cương	37	4	41	33,9%
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	65	15	80	66,1%
2.1	Kiến thức Cơ sở ngành và kiến thức chung của ngành	54	9	63	78,75%
2.2	Kiến thức bổ trợ tự do, rèn nghề và thực tập, KLTN	11	6	17	21,25%
Tổng		102	19	121	100%

Bảng 3.2: Trình tự các môn học thuộc CTDH đại học Kế toán 121 tín chỉ

Năm thứ nhất		Năm thứ hai	
Học kỳ 1 (6 HP, 15 TC)	Học kỳ 2 (6 HP, 16 TC)	Học kỳ 1 (6 HP, 17 TC)	Học kỳ 2 (7 HP, 16TC)
Triết học Mác-Lênin Cơ sở văn hoá Việt Nam Tiếng Anh 1 Toán cao cấp <i>Chọn 1 trong 3 HP</i> Môi trường và con người*; Logic học đại cương*; Tâm lý trong quản lý kinh doanh* <i>Chọn 1 trong 3 HP</i> (Địa lý kinh tế Việt Nam*; Lịch sử kinh tế quốc dân*; Lịch sử các học thuyết kinh tế*). Giáo dục thể chất 1	Kinh tế chính trị Mác-Lênin Tiếng Anh 2 Xác suất và thống kê toán học. Kinh tế vi mô Nguyên lý thống kê Nguyên lý kế toán Giáo dục thể chất 2 <i>(Chọn 1 trong 5 HP)</i> Bóng chuyền*; Thể dục Aerobic*; Bóng đá*; Vovinam - Việt võ đạo*	Chủ nghĩa xã hội khoa học Pháp Kế toán đại cương Tiếng Anh 3 Tài chính tiền tệ Kinh tế vĩ mô Kế toán tài chính 1	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam Tư tưởng HCM Tin học Kế toán kinh tế Kế toán quản trị 1 Kế toán tài chính 2 Kinh tế lượng
Năm thứ ba		Năm thứ tư	
Học kỳ 1 (7HP; 15 TC)	Học kỳ 2 (6HP; 15 TC)	Học kỳ 1 (7HP; 16 TTC)	Học kỳ 2 (2HP; 11 TC)
Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành kinh tế và QTKD Marketing căn bản Kế toán quản trị 2 Quản trị TC doanh nghiệp 1 Quản trị doanh nghiệp 1	Lý thuyết mô hình toán kinh tế Kế toán máy Tổ chức công tác kế toán Kiểm toán căn bản Khởi sự kinh doanh <i>Chọn 1 trong 3</i> (Nghịệp vụ ngân hàng TM*; Thống kê	Phân tích hoạt động kinh doanh Kiểm toán BCTC <i>Chọn 1 trong 2</i> (Kế toán thương mại dịch vụ*; Kế toán tài chính 3*) <i>Chọn 1 trong 2</i> (Kế toán thuế*; Kế toán tài chính NN 2*)	Thực tập tốt nghiệp Khoá luận tốt nghiệp <i>Thay thế khoá luận</i> (Lập và phân tích báo cáo tài chính*, Thực hành kết toán tài chính doanh nghiệp)

Kế toán tài chính NN 1 <i>Chọn 1 trong 3 HP</i> (Thuế; Thị trường chứng khoán; Tài chính công*)	doanh nghiệp*; Bảo hiểm*)	<i>Chọn 1 trong 3 HP</i> (Kế toán ngân hàng* ; Kế toán quốc tế* ; Kế toán môi trường*) <i>Chọn 1 trong 3 HP</i> (Kiểm toán nội bộ* ; Kiểm toán hoạt động* ; Kiểm toán tuân thủ*) <i>Chọn 1 trong 3 HP</i> (Kinh tế đầu tư* ; Kinh tế quốc tế* ; Kinh tế các ngành*)	
---	---------------------------	--	--

Bảng 10.1: So sánh số tín chỉ của các học phần trong CTĐT trước và sau khi điều chỉnh

Khối kiến thức	Chương trình từ 2016 – 2017	Chương trình sau 2017-2018	Chương trình từ 2019
Kiến thức chung	40	40	41
Kiến thức cơ sở ngành	19	18	18
Kiến thức chuyên ngành	67	62	62
Tổng số TC	126	120	121

Bảng 10.2. Bảng đối sánh các học phần được điều chỉnh trong CTĐT

TT	CTĐT trước	Chương trình sau điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
I	CTĐT 2016	CTĐT 2017	
1	Phần kiến thức giáo dục đại cương		
	Tiếng Anh 4	Bỏ học phần này	Theo quy định
	Toán cao cấp 4TC	Giảm từ 4TC xuống 2TC	Phù hợp với chương trình đào tạo của ngành
	Kế toán kinh tế 3TC	Giảm từ 3TC xuống 2TC	Phù hợp với chương trình đào tạo của ngành
	Các cặp tự chọn 1 trong 2	Tổng hợp chuyển thành cặp tự	Phù hợp với nội dung

	(Xã hội học đại cương và Tâm lý trong quản trị KD, Địa lý kinh tế Việt nam và Cơ sở văn hóa Việt Nam, Lịch sử các học thuyết kinh tế và Logic học đại cương) trong bộ phận kiến thức KHTN, KHXX&NV.	chọn 2 trong 6	kiến thức bổ trợ chung cho người học.
2	Kết cấu song ngành: Kế toán doanh nghiệp và kế toán tổng hợp.	Bổ nội dung song ngành, xây dựng chương trình giáo dục đại học thống nhất ngành Kế toán.	Phù hợp với quy định
3	Phần kiến thức chung của ngành	Bổ sung: Quản trị TCDN 3TC, Quản trị DN 3TC, Kinh tế lượng 3TC	Phù hợp với nội dung kiến thức chung của ngành Kinh tế
4	Phần kiến thức chuyên sâu của ngành	Giảm thời lượng học phần Kiểm toán báo cáo tài chính 3TC thành 2TC	Phù hợp với nội dung chương trình
5	Phần kiến thức chuyên sâu	Bỏ học phần Chuẩn mực kế toán và Kế toán ngân sách tài chính xã. Tăng thời lượng học phần Kế toán thuế và Kế toán TCNN2 từ 2TC thành 3TC	Phù hợp với nội dung đào tạo ngành Kế toán bậc Đại học.
6	Phần kiến thức bổ trợ tự do	Bổ sung học phần tự chọn: Kế toán môi trường, Kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ	Phù hợp với nội dung các học phần bổ trợ kiến thức chung cho người học.
II	CT2018	CT2019	
	<i>Phần khối kiến thức giáo dục đại cương</i>		
1	Những nguyên lý cơ bản củ chủ nghĩa Mác-Lênin1	Triết học Mác-Lênin*	
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin*	
3	Không có	Chủ nghĩa xã hội khoa học*	
4	Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam*	

	<i>Các học phần có chỉnh sửa</i>		
1	Kiểm toán căn bản	Bổ sung tài liệu nghiên cứu môn học	Phù hợp với CTĐT của ngành
2	Kiểm toán nội bộ	Thay đổi mô tả môn học Bổ sung tài liệu tham khảo môn học	Phù hợp với CTĐT của ngành
3	Kế toán tài chính 1	Thay đổi mô tả môn học Bổ sung tài liệu tham khảo môn học	Phù hợp với CTĐT của ngành
4	Kế toán tài chính 3	Thay đổi mô tả môn học	Phù hợp với CTĐT của ngành
5	Kiểm toán báo cáo tài chính	Thay đổi mô tả môn học	Phù hợp với CTĐT của ngành
6	Kế toán máy	Thay đổi mô tả môn học	Phù hợp với CTĐT của ngành
7	Kế toán thương mại dịch vụ	Thay đổi mô tả môn học	Phù hợp với CTĐT của ngành
8	Tài chính tiền tệ	Bổ sung tài liệu nghiên cứu môn học	Phù hợp với CTĐT của ngành
9	Tài chính công	Bổ sung tài liệu nghiên cứu môn học	Phù hợp với CTĐT của ngành
10	Kinh tế đầu tư	Thay đổi mô tả môn học Thay đổi điều kiện tiên quyết thành học phần “Kinh tế vi mô”	Phù hợp với CTĐT của ngành
11	Lịch sử kinh tế quốc dân	Thay đổi mô tả môn học Thay đổi điều kiện tiên quyết thành học phần “Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mac-Lenin” Bổ sung tài liệu nghiên cứu môn học	Phù hợp với CTĐT của ngành
12	Kinh tế vi mô	Thay đổi mô tả môn học Thay đổi điều kiện tiên quyết thành học phần “Những nguyên lý cơ bản của chủ	Phù hợp với CTĐT của ngành

		nghĩa Mac – Lenin 2” Bổ sung tài liệu nghiên cứu môn học	
13	Kinh tế vĩ mô	Bổ sung tài liệu nghiên cứu môn học	Phù hợp với CTĐT của ngành
14	Kinh tế quốc tế	Thay đổi mô tả môn học Thay đổi điều kiện tiên quyết thành học phần “Kinh tế vi mô”	Phù hợp với CTĐT của ngành
15	Kinh tế các ngành	Thay đổi điều kiện tiên quyết thành học phần “Kinh tế vi mô”	Phù hợp với CTĐT của ngành
16	Marketing căn bản	Thay đổi mô tả môn học Bổ sung tài liệu nghiên cứu môn học	Phù hợp với CTĐT của ngành
17	Quản trị doanh nghiệp 1	Thay đổi mô tả môn học Bổ sung tài liệu nghiên cứu môn học	Phù hợp với CTĐT của ngành
18	Khởi sự kinh doanh	Thay đổi mô tả môn học Bổ sung tài liệu nghiên cứu môn học	Phù hợp với CTĐT của ngành
19	Phương pháp nghiên cứu khoa học KT – QTKD	Thay đổi điều kiện tiên quyết thành học phần “Kinh tế lượng” và “Nguyên lý thống kê” Thay đổi mô tả học phần Bổ sung tài liệu nghiên cứu môn học	Phù hợp với CTĐT của ngành
20	Lý thuyết mô hình toán kinh tế	Thay đổi điều kiện tiên quyết thành học phần “Kinh tế vi mô” Thay đổi mô tả học phần Bổ sung tài liệu nghiên cứu môn học	Phù hợp với CTĐT của ngành
21	Nguyên lý thống kê	Thay đổi điều kiện tiên quyết thành học phần “Toán cao cấp”	Phù hợp với CTĐT của ngành

		Thay đổi mô tả học phần Bổ sung tài liệu nghiên cứu môn học	
22	Thống kê doanh nghiệp	Thay đổi điều kiện tiên quyết thành học phần “Nguyên lý thống kê” Thay đổi mô tả học phần Bổ sung tài liệu nghiên cứu môn học	Phù hợp với CTĐT của ngành
23	Kinh tế Lượng	Thay đổi điều kiện tiên quyết thành học phần “Kinh tế vi mô”; “Kinh tế vĩ mô” và “Xác suất thống kê toán” Thay đổi mô tả học phần Bổ sung tài liệu nghiên cứu môn học	Phù hợp với CTĐT của ngành
24	Nguyên lý kế toán	Thay đổi mô tả môn học Bổ sung tài liệu nghiên cứu môn học	Phù hợp với CTĐT của ngành
25	Kế toán quản trị 1	Thay đổi mô tả môn học Bổ sung tài liệu nghiên cứu môn học	Phù hợp với CTĐT của ngành
26	Kế toán quản trị 2	Thay đổi mô tả môn học Bổ sung tài liệu nghiên cứu môn học	Phù hợp với CTĐT của ngành
27	Tổ chức công tác kế toán	Thay đổi mô tả môn học Bổ sung tài liệu nghiên cứu môn học	Phù hợp với CTĐT của ngành
28	Phân tích hoạt động kinh doanh	Thay đổi mô tả môn học Bổ sung tài liệu nghiên cứu môn học	Phù hợp với CTĐT của ngành
29	Kế toán tài chính nhà nước 1	Thay đổi mô tả môn học Bổ sung tài liệu nghiên cứu môn học	Phù hợp với CTĐT của ngành
30	Kế toán thuế	Thay đổi mô tả môn học	Phù hợp với CTĐT của ngành

		Bổ sung tài liệu nghiên cứu môn học	ngành
31	Kế toán tài chính nhà nước 2	Thay đổi mô tả môn học Bổ sung tài liệu nghiên cứu môn học	Phù hợp với CTĐT của ngành
32	Kế toán môi trường	Thay đổi mô tả môn học Bổ sung tài liệu nghiên cứu môn học	Phù hợp với CTĐT của ngành
33	Lập và phân tích BCTC	Thay đổi mô tả môn học Bổ sung tài liệu nghiên cứu môn học	Phù hợp với CTĐT của ngành
34	Thực tập tốt nghiệp	Thay đổi điều kiện tiên quyết: Tích lũy được 70% tín chỉ các môn học do ngành Kế toán quản lý Rút ngắn thời gian thực tập tốt nghiệp từ 14 tuần xuống 8 tuần	Phù hợp với CTĐT của ngành